

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ:
HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MAI DỊCH, QUẬN CẦU GIẤY VÀ PHƯỜNG MỸ
ĐÌNH 2, QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TP. HÀ NỘI, NĂM 2025

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ:

HẢI ĐĂNG CITY

**ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MAI DỊCH, QUẬN CẦU GIẤY VÀ PHƯỜNG MỸ
ĐÌNH 2, QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC

HẢI ĐĂNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Xuân Tâm

TP. HÀ NỘI, NĂM 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH	5
CHƯƠNG 1	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở.....	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	9
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	14
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	15
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	15
1.4.1. Nhu cầu sử dụng điện.....	15
1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước.....	16
1.4.3. Nhu cầu sử dụng hoá chất trong hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải	19
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có)	20
1.5.1. Hiện trạng hoạt động của cơ sở	20
1.5.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của cơ sở	22
CHƯƠNG II	25
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH.....	25
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	25
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)	25
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường (nếu có)	25
CHƯƠNG III.....	27
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	27
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	27
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	27
3.1.2. Thu gom, thoát nước bể bơi	29
3.1.3. Thu gom, thoát nước thải	31
3.1.4. Xử lý nước thải	34
3.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	56
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	57
3.4. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	61
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	63
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	64
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)	69

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	70
CHƯƠNG IV	73
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	73
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	73
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có).....	74
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có).....	75
Chương V	76
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	76
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	76
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải.....	77
5.2.3. Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	79
5.2.4. Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, các lần kết quả quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giới hạn cho phép trong giấy phép môi trường ..	80
5.2.5. Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải	80
5.2.6. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải.....	80
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....	80
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	80
5.5. Kết quả thanh tra, kiểm tra về môi trường đối với cơ sở	82
CHƯƠNG VI.....	83
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	83
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	83
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	83
6.2. 1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	83
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	83
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án	83
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	83
CHƯƠNG VII	85
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	85

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Quy mô các hạng mục công trình thuộc cơ sở.....	10
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng điện của khu cao tầng giai đoạn tháng 5/2024 đến tháng 10/2024	15
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước của khu cao tầng giai đoạn năm 2024.....	16
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở theo định mức.....	17
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng hóa chất năm 2023-2024.....	19
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng thải số 1	73
Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng thải số 2	74
Bảng 4. 3. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt.....	75
Bảng 5. 1. Lưu lượng nước thải sau xử lý theo Nhật ký vận hành.....	77
Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023	78
Bảng 5. 3: Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024	78
Bảng 5. 4. Thống kê chất thải sinh hoạt năm 2023, 2024	80
Bảng 5. 5. Thống kê chất thải nguy hại năm 2023, 2024 của cơ sở.....	81
Bảng 6. 1. Chi phí quan trắc môi trường hàng năm	83

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí khu Hải Đăng city	7
Hình 1. 2. Quy trình vận hành của cơ sở	15
Hình 1. 3. Sơ đồ cân bằng nước của cơ sở	19
Hình 1. 4. Mặt bằng vị trí các hạng mục thuộc khu NO-CT1 trên TMB Hải Đăng city	21
Hình 1. 5. Mặt bằng bố trí các hạng mục thuộc khu NO-CT2 trên TMB Hải Đăng City	22
Hình 1. 6. Mặt bằng vị trí đầu nối thoát nước mưa và thoát nước thải tại cơ sở.....	24
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa	28
Hình 3. 2. Sơ đồ thoát nước bể bơi.....	29
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom nước thải hiện tại của cơ sở	31
Hình 3. 4. Mô phỏng bể tự hoại 3 ngăn.....	35
Hình 3. 5. Mô phỏng bể tách dầu mỡ	36
Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT 1.700 m ³ /ngày đêm	37
Hình 3. 7. Cơ chế khử Nito trong nước thải theo công nghệ sinh học ASBR	40
Hình 3. 8. Hình ảnh nhà điều hành và các bể xử lý trong HTXLNT 1.700 m ³ /ngày ...	55
Hình 3. 9. Hình ảnh trạm quan trắc tự động đã lắp đặt	56
Hình 3. 10. Công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt tại cơ sở	61
Hình 3. 11. Phòng thu gom CTNH tại khu đất NO-CT1 và NO-CT2.....	63

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng
- Địa chỉ văn phòng: Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Văn Thắng
- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
- Điện thoại: 02462767103;
- Mã số thuế: 0105747310;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0105747310 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 22/12/2011, thay đổi lần thứ 6 ngày 19/11/2024.
- Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương:
 - + Quyết định số 717/UBND-KH&ĐT ngày 31/01/2012 của UBND thành phố Hà Nội v/v chấp thuận đầu tư Dự án Hải Đăng City tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy.
 - + Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 8823/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

1.2. Tên cơ sở

Thông tin chung về cơ sở

- Tên cơ sở: **Hải Đăng City**
 - Địa điểm cơ sở: Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Tổng diện tích cơ sở là 66.906,1m². Ranh giới tiếp giáp khu đất cụ thể như sau:
- + Phía Bắc giáp ngõ 6 Lê Đức Thọ.
 - + Phía Đông giáp đường Lê Đức Thọ.
 - + Phía Nam giáp đường Hàm Nghi.
 - + Phía Tây giáp đường Nguyễn Cơ Thạch.



Hình 1. 1. Vị trí khu Hải Đăng city

Quy mô đề nghị cấp phép

- Quy mô dự án được phê duyệt: Diện tích khu đất 66.906,1m², trong đó 29.455m² khu đất NO-CT1, 14.651m² khu đất NO-CT2, 10.597,3m² đất cây xanh và 12.202,8m² đường giao thông nội bộ.

+ Khu đất NO-CT1: Khối nhà cao tầng CT1 với 02 tầng hầm, 2 tầng khối đế, tầng 3 đến tầng 30 là căn hộ chung cư (chưa kể tum thang và kỹ thuật), số căn hộ 896 căn, quy mô dân số 2.836 người; Khối nhà thấp tầng TT01, TT02, TT03, TT04 gồm 147 căn, cao 5 tầng/căn, quy mô dân số 588 người.

+ Khu đất NO-CT2: Bao gồm Nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở với 04 tầng hầm, 3 tầng đế, tầng 4-42 là căn hộ, số căn hộ 893 căn và Nhà ở thấp tầng với 01 tầng hầm, 4 tầng cao, số căn hộ 20 căn. Quy mô dân số khoảng 3.292 người.

Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- Văn bản phê duyệt dự án:

+ Quyết định số 717/UBND-KH&ĐT ngày 31/01/2012 của UBND thành phố Hà Nội v/v chấp thuận đầu tư Dự án Hải Đăng City tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy.

+ Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 8823/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng:

+ Giấy phép xây dựng số 36/GPXD-SXD ngày 02/7/2015 của Sở Xây dựng.

+ Giấy phép xây dựng số 72/GPXD-SXD ngày 17/12/2015 của Sở Xây dựng.

+ Giấy phép xây dựng số 33/GPXD ngày 12/4/2018 của Sở Xây dựng.

- Các loại giấy phép có liên quan đến môi trường:

+ Văn bản số 9611/SXD-HT ngày 16/10/2017 của Sở Xây dựng về phương án đấu nối thoát nước cho Dự án Hải Đăng City tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hải Đăng City.

+ Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp tầng tại ô đất NO-CT2 (thuộc dự án Hải Đăng City).

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 87/GP-UBND ngày 22/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội.

Quy mô của cơ sở theo quy định tại điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025:

Tổng vốn đầu tư dự án đầu tư: 5.650.000.000.000 đồng (Năm nghìn sáu trăm năm mươi tỷ đồng). Căn cứ theo quy định tại khoản 5, Điều 9 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, cơ sở thuộc dự án nhóm A.

Cơ sở thuộc nhóm dự án dân dụng với tổng diện tích xây dựng 66.906,1 m², do đó không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Không có.

Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ: Kinh doanh nhà ở dịch vụ (nhà liên kề, biệt thự, căn hộ chung cư).

Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở thuộc nhóm III.

Căn cứ khoản 1, điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

Căn cứ theo điểm c, khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép

môi trường của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. UBND thành phố Hà Nội đã ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Sở Tài nguyên và Môi trường) giải quyết và quyết định số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố Hà Nội tại Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/07/2024.

Căn cứ Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc mẫu báo cáo thuộc Phụ lục X của nghị định.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Dự án “Hải Đăng City” được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận đầu tư theo Văn bản số 717/UBND-KH&ĐT ngày 31/01/2012.

Ngày 21/12/2017, UBND thành phố Hà Nội chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo Quyết định số 882/QĐ-UBND cho Khu Hải Đăng City tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy với tổng diện tích xây dựng 66.906,1 m².

UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 về việc thu hồi 61.138,4 m² đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm; giao 62.632,2 m² đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm cho Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng để thực hiện dự án Hải Đăng City (giai đoạn 1) và Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Điều 2 Quyết định giao đất số 872/QĐ-UBND ngày 13/02/2015.

Cơ sở được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hải Đăng City và Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp tầng tại ô đất NO-CT2 (thuộc dự án Hải Đăng City).

Công ty TNHH đầu tư Địa ốc Hải Đăng được Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng số 36/GPXD-SXD ngày 02/7/2015; Giấy phép xây dựng số 72/GPXD-SXD ngày 17/12/2015 và Giấy phép xây dựng số 33/GPXD ngày 12/4/2018 cho các công trình thuộc dự án Hải Đăng City.

Hiện tại, cơ sở đã xây dựng theo đúng Quy mô xây dựng được phê duyệt tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy phép xây dựng của Sở Xây dựng cấp. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1. 1. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

Hạng mục	Quy mô xây dựng				Hiện trạng xây dựng
	Khối cao tầng CT1	Khối nhà thấp tầng (TT01, TT02, TT03, TT04)	Khối cao tầng (CT2A, CT2B)	Khối nhà thấp tầng (V1 đến V20)	
Diện tích đất (m²)			14.651		Đã xây dựng hoàn thiện theo Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 16/6/2015; Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 02/4/2018; Giấy phép xây dựng số 36/GPXD-SXD ngày 02/7/2015; Giấy phép xây dựng số 72/GPXD-SXD ngày 17/12/2015 và Giấy phép xây dựng số 33/GPXD ngày 12/4/2018
Diện tích xây dựng (m²)	3.000	12.520	4.600	2.721	
Tổng diện tích sàn xây dựng (không kể tầng hầm) (m²)	86.600	68.280	146.222	10.867	
Tầng cao (tầng)	30	5	4-42	4	
Tầng hầm (tầng)	2	-	4	1	
Tổng số căn hộ	896	147	893	20	
Dân số (người)	2.836	588	3.292		

Cơ sở Hải Đăng City bao gồm các hạng mục:

***) Ô đất NO-CT1 (Diện tích 29.455m²):** Gồm khối cao tầng CT1 cao 30 tầng và 04 khối nhà ở thấp tầng (TT01, TT02, TT03, TT04) cao 4-5 tầng.

Khối cao tầng 30 tầng (đã được cấp phép theo Giấy phép xây dựng số 36/GPXD-SXD ngày 02/7/2015; Giấy phép xây dựng số 72/GPXD-SXD ngày 17/12/2015)

Khu nhà được thiết kế gồm 2 đơn nguyên, cao 30 tầng và chiều cao tối đa là 107m (tính từ mặt đất tự nhiên đến đỉnh tum).

- Tầng hầm: Gồm 02 tầng, tổng diện tích sàn là 18.896m², mỗi tầng có diện tích sàn 9.448m², tầng hầm 1 cao 3,9m, tầng hầm 2 cao 3,3m. Tầng hầm được thiết kế là gara để xe ô tô, xe đạp, xe máy và kỹ thuật của tòa nhà.

- Tầng 1: Có diện tích 3.280m² gồm sảnh chung với 2 lối ra vào rõ rệt, lối vào chính diện với mật độ lớn gồm 1 lối ra vào dành cho giao thông chính ra vào khu dịch vụ. Lối ra vào các khối căn hộ được bố trí về phía sau. Ngoài ra bố trí 1 lối ra vào phụ cho khối dịch vụ của tòa nhà.

- Tầng 2: Có diện tích 3.280m² được bố trí chức năng là siêu thị, thương mại, không gian dành cho kỹ thuật và nhà trẻ khoảng 100 cháu.

- Tầng kỹ thuật: Không gian chuyển tiếp giữa khối đế với khối tháp của công trình. Các tuyến ống nước, điện... từ trên xuống sẽ được dẫn tập trung vào một số hộp kỹ thuật chính đặt sát các chân cột để dẫn xuống dưới.

- Khối tháp: Từ tầng 3 đến tầng 30 gồm 2 đơn nguyên: CT1A và CT1B được sử dụng làm căn hộ chung cư với 896 căn hộ. Diện tích sàn xây dựng 79.520m², diện tích 1 tầng là 1.420m².

- Tum thang và kỹ thuật: Diện tích sàn 520m².

Khối nhà thấp tầng:

Gồm 04 khu TT01, TT02, TT03 và TT04, tổng số căn là 147 căn. Trong đó 41 căn (có diện tích sàn >500 m²) đã được Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng số 36/GPXD-SXD ngày 02/7/2015; 106 căn (có diện tích sàn <500 m² và quy mô dưới 7 tầng được miễn phép xây dựng theo Văn bản số 7854/SXD-QLCP ngày 27/8/2015 của Sở Xây dựng) được thiết kế các chức năng chính như sau:

- Tầng 1: Chiều cao 2,7m. Không gian tầng 1 phục vụ để xe với 01 thang bộ, 01 thang máy, 1 vệ sinh, 1 phòng giúp việc và 1 kho.

- Tầng 2: Chiều cao 3,6m, có chức năng sinh hoạt chung. Không gian tầng 2 được bố trí tiền sảnh riêng, 1 phòng khách, 1 phòng vệ sinh, 1 cầu thang bộ, 1 thang máy, ngoài ra sự kết hợp giữa các phòng khách, phòng ăn và phòng bếp.

- Tầng 3,4: Chiều cao 3,3m, có chức năng phòng ngủ.

- Tầng 5: Chiều cao 3,3m. Không gian tầng 5 gồm 1 phòng ngủ, 1 phòng đa năng phục vụ cho sinh hoạt chung của gia đình, có 2 vệ sinh riêng phục vụ cho 2 phòng.

- Tầng tum: Chiều cao 3,6m. Là phần mái của công trình, không gian tầng mái được bố trí 1 phòng thờ, phòng kỹ thuật thang máy, sân thượng bên ngoài dùng làm sân phơi, kết hợp với chỗ để téc nước phục vụ cho sinh hoạt của ngôi nhà.

***) Ô đất NO-CT2 (diện tích 14.651m²):** Gồm công trình cao tầng hỗn hợp cao 42 tầng nổi và 04 tầng hầm và 20 lô nhà ở thấp tầng.

Nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở:

Công trình gồm 893 căn hộ.

Tầng hầm: Công trình có 04 tầng hầm. Chức năng: Đỗ xe, kỹ thuật. Tổng diện tích sàn tầng hầm khoảng 30.800m², trong đó diện tích đỗ xe khoảng 26.013m², tổng chiều sâu các tầng hầm khoảng 14,95m.

Các tầng trên:

- Tầng 1: Chức năng: Sảnh, dịch vụ thương mại, hành chính đơn vị ở (trạm y tế); Diện tích sàn khoảng 4.592m² (chưa bao gồm diện tích sàn phụ bố trí chức năng hành chính đơn vị ở, kho khoảng 559m²); Chiều cao 4,8m. Bố trí sảnh đón, khu thương mại dịch vụ, hành chính đơn vị ở, các diện tích dành cho giao thông, kỹ thuật, phụ trợ.

- Tầng lửng: Bố trí tại cột +3,750. Diện tích sàn khoảng 524m², cao 3m. Bố trí hành chính đơn vị ở (trạm y tế), các diện tích dành cho giao thông, kỹ thuật, phụ trợ.

- Tầng 2÷3: Chức năng sảnh, dịch vụ thương mại, rạp chiếu phim với 11 phòng chiếu có công suất phục vụ lượng khách khác nhau, hành chính đơn vị ở (diện tích khoảng 323m²); Diện tích sàn mỗi tầng khoảng 4.460m²; Chiều cao tầng 2: 4,2m. Chiều cao tầng 3: 9,35m.

- Tầng 4: Chức năng dịch vụ thương mại, bể bơi, sinh hoạt cộng đồng và lắp đặt thiết bị kỹ thuật phục vụ công trình; Diện tích sàn khoảng 4.600m²; Chiều cao: 8,95m. Khu hồ bơi có diện tích 1.097,62m². Trong đó diện tích bể 320m², chiều sâu trung bình 1,5m; Tổng thể tích bể 480m³.

- Tầng 5÷22: Chức năng: Căn hộ ở; Diện tích sàn mỗi tầng: 3.456m²; Chiều cao mỗi tầng: 3,3m; Mỗi tầng bố trí 26 căn hộ.

- Tầng 23: Chức năng: Căn hộ ở; Diện tích sàn 3.413m²; Chiều cao 3,3m; bố trí 25 căn hộ.

- Tầng 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36, 38: Chức năng căn hộ ở; Diện tích sàn mỗi tầng 3.456m²; Chiều cao mỗi tầng 3,3m. Mỗi tầng bố trí 26 căn hộ.

- Tầng 25, 27, 29, 31, 33, 35, 37, 39: Chức năng căn hộ ở; Diện tích sàn mỗi tầng 3.370m²; Chiều cao mỗi tầng 3,3m (tầng 39 cao 4,1m). Mỗi tầng bố trí 22 căn hộ.

- Tầng 40÷41: Chức năng căn hộ ở. Diện tích sàn tầng 40: 3.456m², diện tích sàn tầng 41: 2.531m². Chiều cao mỗi tầng 3,6m. Bố trí 16 căn hộ thông tầng.

- Tầng 42: Chức năng dịch vụ thương mại, lắp đặt thiết bị kỹ thuật phục vụ công trình. Diện tích sàn khoảng 1.335m², chiều cao tầng 8,45m.

Nhà ở thấp tầng: Gồm 20 lô nhà ở thấp tầng, với 5 mẫu nhà:

Mẫu nhà V1, V2, V3, V4, V6, V7, V8, V9, V11, V12, V13, V14, V16, V17, V18, V19 (gồm 16 lô).

Công trình gồm 1 tầng hầm, 4 tầng, 1 mái, bao gồm các không gian sống tiện nghi:

- Tầng hầm: Cốt cao độ -1,60m đến +1,20 với chức năng đỗ xe, kho, kỹ thuật và phụ trợ. Tầng hầm có chiều cao là 2,8m.

- Tầng 1: Cốt nền tầng 1 ±0,000 cao +1,25m so với cao độ vỉa hè, chức năng gồm sảnh đón, phòng khách, khu bếp, phòng ăn, vệ sinh, khu bếp ướn ngoài trời. Cửa đi và cửa sổ được thiết kế mở thoáng ra sân vườn nhằm thu hút ánh sáng và không khí tự nhiên. Tầng 1 có chiều cao là 4m.

- Tầng 2: Chức năng gồm phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, vệ sinh khép kín. Có ban công rộng mở tạo nét sinh động cho kiến trúc đồng thời tạo sự thông thoáng cho các phòng. Tầng 2 có chiều cao là 3,5m.

- Tầng 3: Chức năng gồm các phòng ngủ, vệ sinh khép kín. Có ban công rộng mở tạo nét sinh động cho kiến trúc đồng thời tạo sự thông thoáng cho các phòng. Tầng 3 có chiều cao là 3,5m.

- Tầng 4: Chức năng gồm phòng ngủ, vệ sinh khép kín, phòng thờ cúng, sân thượng. Tầng 4 có chiều cao là 3,5m.

- Tầng tum thang: Chức năng để bể nước mái và phụ trợ kỹ thuật có chiều cao 4,7m.

- Mái sử dụng hình thức mái dốc bê tông dán ngói.

- Chiều cao công trình: 20,9m so với cốt ±0,000 (cốt nền tầng 1).

Mẫu nhà V5 (gồm 01 lô): Diện tích các lô đất 301m², diện tích xây dựng 127m². Tổng diện tích sàn khoảng 488m². Tầng cao công trình 04 tầng. Tổng chiều cao công trình: từ cao độ hè (±0,000) đến cao độ đỉnh mái là 20,9m. Công trình có 01 tầng hầm có chiều cao 2,8m.

Mẫu nhà V10 (gồm 01 lô): Diện tích các lô đất 312m², diện tích xây dựng 135m². Tổng diện tích sàn khoảng 537m². Tầng cao công trình 04 tầng. Tổng chiều

cao công trình: từ cao độ hè ($\pm 0,000$) đến cao độ mái là 20,9m. Công trình có 01 tầng hầm có chiều cao 2,8m.

Mẫu nhà V15 (gồm 01 lô): Diện tích các lô đất 296m², diện tích xây dựng 125m². Tổng diện tích sàn khoảng 494m². Tầng cao công trình 04 tầng. Tổng chiều cao công trình: từ cao độ hè ($\pm 0,000$) đến cao độ đỉnh mái là 20,9m. Công trình có 01 tầng hầm có chiều cao là 2,8m.

Mẫu nhà V20 (gồm 01 lô): Diện tích các lô đất 243m². Diện tích xây dựng 110m². Tổng diện tích sàn khoảng 452m². Tầng cao công trình 04 tầng. Tổng chiều cao công trình: từ cao độ hè ($\pm 0,000$) đến cao độ đỉnh mái là 20,9m. Công trình có 01 tầng hầm có chiều cao là 2,8m.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở được xây dựng với mục đích giải quyết nhu cầu về nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội dự án hiện đại, khớp nối đồng bộ với hạ tầng khu vực lân cận.

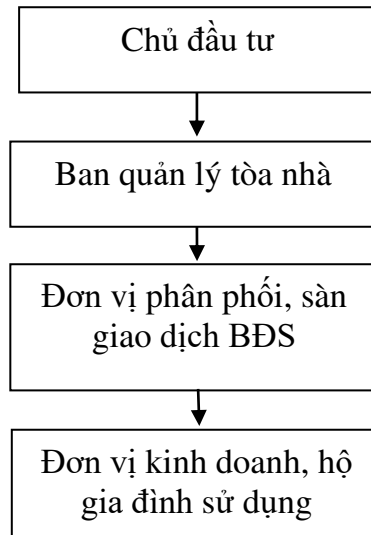
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở khi đi vào vận hành được Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng trang bị đầy đủ về cơ sở hạ tầng và thiết bị cần thiết cho hoạt động nhà ở chung cư cao tầng, nhà thấp tầng nên không có hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm tại đây.

Khi các hộ dân đến ở sẽ hoạt động tuân thủ theo nội quy của Ban quản lý cơ sở.

Khi các công ty đến thuê kinh doanh dịch vụ thương mại thì sẽ tự đầu tư các trang thiết bị cho phù hợp với không gian buôn bán của tổ chức đó và chịu trách nhiệm về việc xử lý nước thải, môi trường xung quanh khu vực cơ sở hoạt động theo hợp đồng giữa hai bên. Tuy nhiên, các công ty này có trách nhiệm giữ gìn tài sản riêng và chung, giữ gìn vệ sinh chung của toàn cơ sở. Hoạt động thương mại, dịch vụ tại đây chủ yếu là các cửa hàng buôn bán các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của dân cư sinh sống trong các căn hộ của chung cư cao tầng. Nguồn thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của nhân viên, rác thải sinh hoạt....

Tòa nhà chung cư, khu nhà ở thấp tầng đều có phòng kỹ thuật và có cán bộ nhân viên kỹ thuật trực 24h/24 chịu trách nhiệm quản lý và xử lý những tình huống bất ngờ xảy ra đảm bảo hoạt động bình thường của toàn bộ cơ sở.



Hình 1. 2. Quy trình vận hành của cơ sở

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Các sản phẩm của cơ sở bao gồm:

- + Tại lô NO-CT1: 02 khối cao tầng CT1 cao 30 tầng và 04 khối nhà ở thấp tầng (TT01, TT02, TT03, TT04) cao 4-5 tầng.
- + Tại lô NO-CT2: 01 công trình cao tầng hỗn hợp cao 42 tầng nổi và 04 tầng hầm và 20 lô nhà ở thấp tầng.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cấp điện cho cơ sở: Được lấy Công ty Điện lực Nam Từ Liêm cung cấp.
- Điện được sử dụng cho quá trình hoạt động của các khối cao tầng và thấp tầng thuộc cơ sở Hải Đăng City (lô đất NO-CT1 và NO-CT2). Tuy nhiên hiện tại các khối thấp tầng thuộc 2 lô đất đã bàn giao sử dụng cho người dân đến ở và kinh doanh. Chủ cơ sở không quản lý tình hình tiêu thụ điện của các khu này. Do đó thông tin về nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở được liệt kê theo số liệu tiêu thụ của các khu cao tầng thuộc khu đất NO-CT1 và NO-CT2.

Theo hoá đơn tiền nước năm 2024 thì các khu cao tầng có nhu cầu sử dụng điện như sau:

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng điện của khu cao tầng giai đoạn tháng 5/2024 đến tháng 10/2024

STT	Nhu cầu dùng điện	Đơn vị (kWh/tháng)	
		Khu cao tầng NO-CT1	Khu cao tầng NO-CT2
1	Tháng 1/2024	122.384	685.689
2	Tháng 2/2024		
3	Tháng 3/2024	79.072	422.078

4	Tháng 4/2024	88.471	532.707
5	Tháng 5/2024	91.521	578.843
6	Tháng 6/2024	102.445	647.224
7	Tháng 7/2024	101.979	665.976
8	Tháng 8/2024	99.972	667.233
9	Tháng 9/2024	80.659	584.182
10	Tháng 10/2024	80.854	532.564
11	Tháng 11/2024	62.962	447.343
12	Tháng 12/2024	60.591	390.893
Tổng		970.910	6.154.732

(Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp nước cho hoạt động của tòa nhà lấy từ hệ thống cấp nước sạch của thành phố Hà Nội do Công ty Cổ phần Viwaco quản lý.

- Nước được sử dụng cho các mục đích chính: Dùng cho quá trình sinh hoạt nhân viên, dùng cho hoạt động ăn uống, cung cấp cho bể tiêu cảnh và vệ sinh chung. Tuy nhiên hiện tại các khối thấp tầng thuộc 2 lô đất đã bàn giao sử dụng cho người dân đến ở và kinh doanh. Chủ cơ sở không quản lý tình hình tiêu thụ nước của các khu này. Do đó thông tin về nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở được liệt kê theo số liệu tiêu thụ của các khu cao tầng thuộc khu đất NO-CT1 và NO-CT2.

Theo Biên bản kiểm tra xác nhận khách hàng sử dụng nước của Công ty Cổ phần Viwaco và Công ty CP đầu tư địa ốc Hải Đăng về NO-CT1 và hoá đơn tiền nước của NO-CT2 năm 2024 thì cơ sở có nhu cầu sử dụng nước như sau:

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước của khu cao tầng giai đoạn năm 2024

STT	Nhu cầu dùng nước	Đơn vị (m ³ /tháng)		Đơn vị (m ³ /ngày đêm)		Tổng lượng nước sử dụng (m ³ /ngày đêm)
		Khu cao tầng NO-CT1	Khu cao tầng NO-CT2	Khu cao tầng NO-CT1	Khu cao tầng NO-CT2	
1	Tháng 1/2024	11.821	12.797	381,3	412,8	794,1
2	Tháng 2/2024	9.774	12.693	337,0	437,7	774,7
3	Tháng 3/2024	10.657	10.003	343,8	322,7	666,5
4	Tháng 4/2024	11.870	13.146	395,7	438,2	833,9
5	Tháng 5/2024	11.406	13.203	367,9	464,9	832,8
6	Tháng 6/2024	13.529	14.412	451,0	468,6	919,6

STT	Nhu cầu dùng nước	Đơn vị (m ³ /tháng)		Đơn vị (m ³ /ngày đêm)		Tổng lượng nước sử dụng (m ³ /ngày đêm)
		Khu cao tầng NO-CT1	Khu cao tầng NO-CT2	Khu cao tầng NO-CT1	Khu cao tầng NO-CT2	
7	Tháng 7/2024	11.377	14.057	367,0	465,5	832,5
8	Tháng 8/2024	12.168	14.430	392,5	466,8	859,3
9	Tháng 9/2024	12.158	14.470	405,3	470,6	875,9
10	Tháng 10/2024	12.150	14.118	391,9	473,9	865,8
11	Tháng 11/2024	12.325	14.691	410,8	489,7	900,5
12	Tháng 12/2024	11.982	14.002	386,5	451,7	838,2

(Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng)

- Đối với khối cao tầng, nhu cầu sử dụng nước trung bình nhỏ nhất của khối nhà cao tầng thuộc 2 NO-CT1 và NO-CT2 trong năm 2024 khoảng 666,5 m³/ngày đêm, trung bình lớn nhất của cơ sở khoảng 919,6 m³/ngày đêm.

- Đối với khối thấp tầng thuộc 2 khu NO-C1 và NO-CT2, tại mỗi căn được lắp đặt đồng hồ nước sạch và người dân tự quản lý nên báo cáo không có số liệu tổng hợp lượng nước sạch sử dụng của khối thấp tầng.

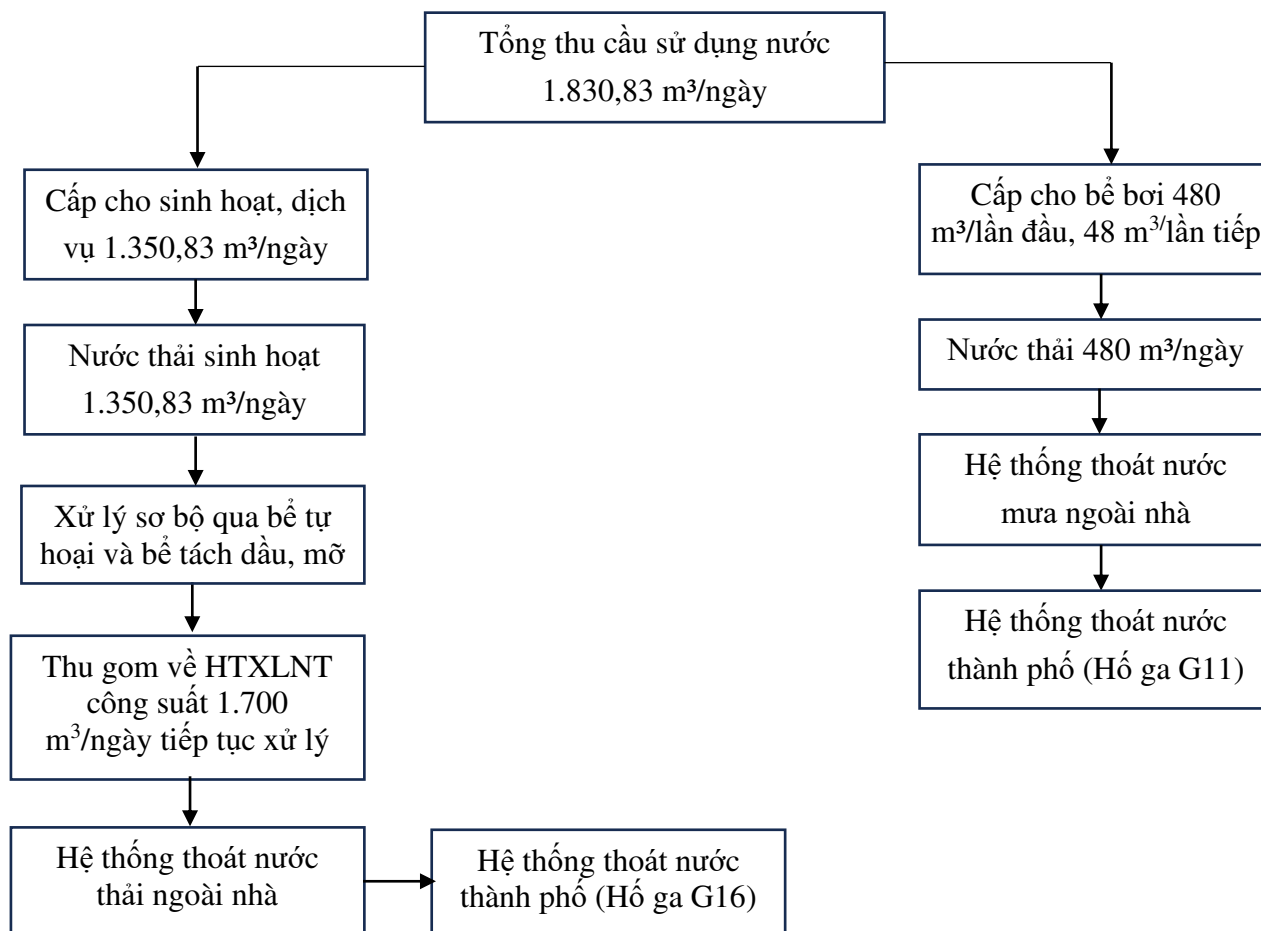
* Tính toán nhu cầu sử dụng nước của cơ sở theo định mức như sau:

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở theo định mức

STT	Hoạt động sử dụng nước	Tiêu chuẩn	Số lượng		Tổng		
			Lô NO-CT1	Lô NO-CT2	Lô NO-CT1	Lô NO-CT2	Tổng (NO-CT1+ NO-CT2)
I	Nước cấp cho sinh hoạt						
1	Nước sinh hoạt cho dân cư	200 l/người/ ngày	3.424 người	3.292 người	684,8		1.007,4
2	Nước sinh hoạt cho TTTM, dịch vụ	2 l/m ² sàn/ ngày	4.030 m ²	15.697 m ²	8,06	31,39	39,45
3	Nước sinh hoạt cho bảo vệ	25l người/ ngày	200 người	300 người	5,0	7,5	12,5

STT	Hoạt động sử dụng nước	Tiêu chuẩn	Số lượng		Tổng		
			Lô NO-CT1	Lô NO-CT2	Lô NO-CT1	Lô NO-CT2	Tổng (NO-CT1+ NO-CT2)
4	Nước sinh hoạt cho vệ sinh tầng hầm	1,45 l/m ² sàn/ ngày	0	48.198 m ²	0	69,88	69,88
5	Khách vãng lai	5 l/người/ ngày	500	500	2,5	2,5	5,0
6	Nhà trẻ	75 l/người/ ngày	100	0	7,5	0	7,5
Tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt (m³/ngày) 707,86							1.350,83
Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt lớn nhất (m³/ngày), k=1,2					1630		
II	Nước cấp cho bể bơi						
1	Nước cấp bể bơi lần đầu tiên				480 (m ³ /lần)		
2	Nước cấp bể bơi các lần tiếp theo (10% dung tích bể)				48 (m ³ /lần)		
Tổng nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt lớn nhất (m³/ngày)					2.110		

Sơ đồ cân bằng nước của cơ sở lớn nhất:



Hình 1. 3. Sơ đồ cân bằng nước của cơ sở

1.4.3. Nhu cầu sử dụng hoá chất trong hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải

Cơ sở sử dụng hoá chất khử trùng Javel và mật gi đường cho hoạt động xử lý nước thải. Căn cứ theo nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, nhu cầu sử dụng hoá chất của cơ sở như sau:

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng hóa chất năm 2023-2024

STT	Nhu cầu dùng nước	Hóa chất sử dụng			
		Javel (lít)		NaOH (kg)	
		2023	2024	2023	2024
1	Tháng 1	465	465	155	155
2	Tháng 2	420	435	140	145
3	Tháng 3	465	465	155	155
4	Tháng 4	450	450	150	150
5	Tháng 5	465	465	155	155
6	Tháng 6	450	450	150	150
7	Tháng 7	465	465	155	155

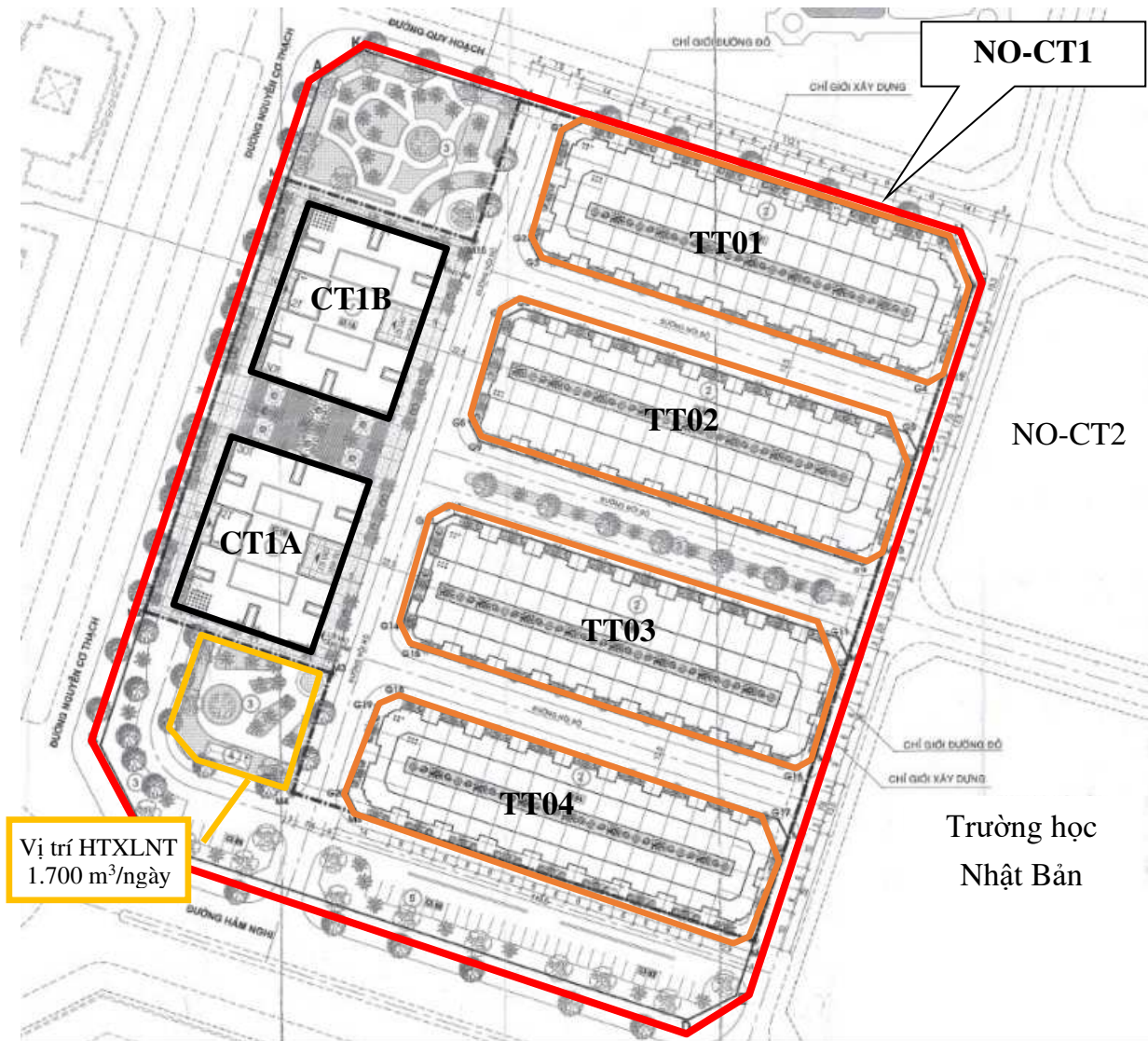
STT	Nhu cầu dùng nước	Hóa chất sử dụng			
		Javel (lít)		NaOH (kg)	
		2023	2024	2023	2024
8	Tháng 8	465	465	155	155
9	Tháng 9	450	450	150	150
10	Tháng 10	465	465	155	155
11	Tháng 11	450	450	150	150
12	Tháng 12	465	465	155	155
Tổng (theo năm)		5475	5490	1825	1830

(Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng)

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có)**1.5.1. Hiện trạng hoạt động của cơ sở**

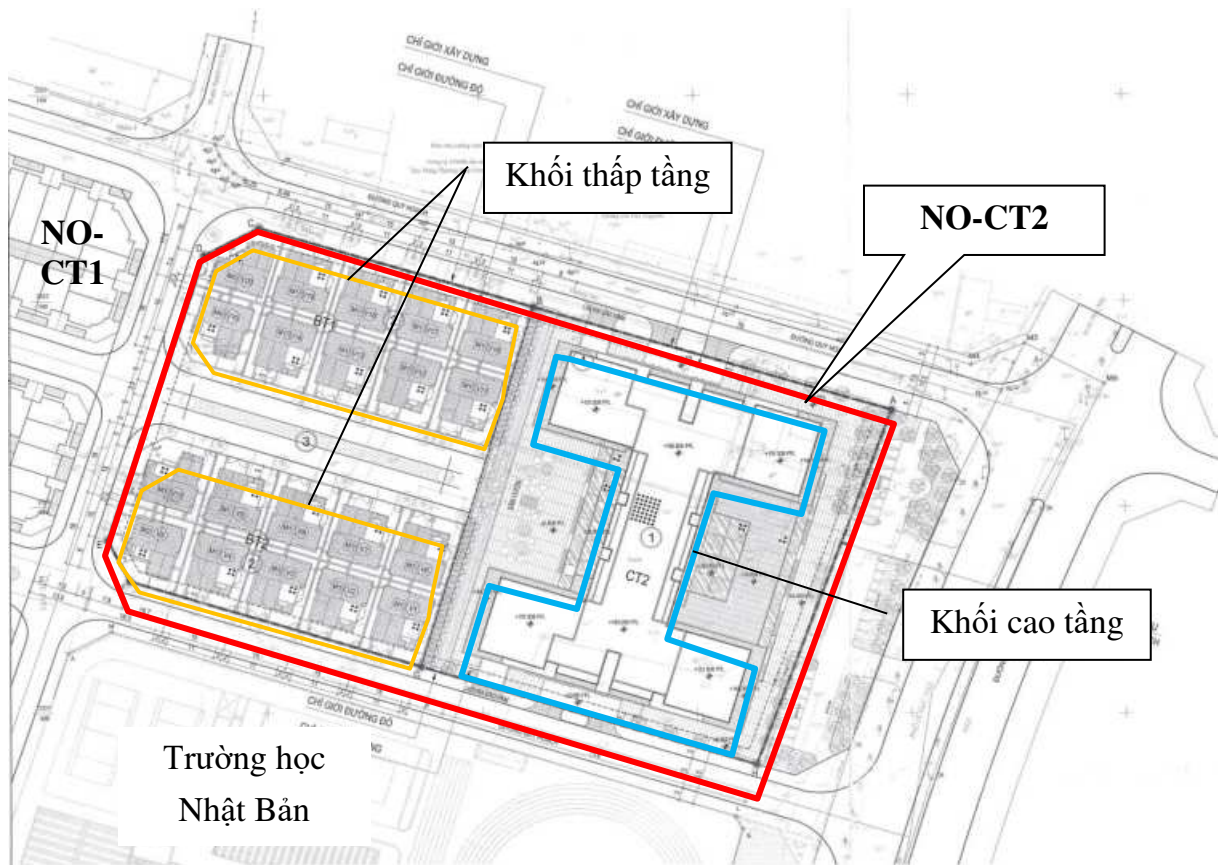
Cơ sở Hải Đăng city bao gồm:

+ Khu NO-CT1 bao gồm khối cao tầng (2 đơn nguyên CT1A và CT1B cao 30 tầng cao, 02 tầng hầm, tổng số 896 căn hộ) và 04 khối nhà ở thấp tầng (gồm khooid TT01, TT02, TT03, TT04, tổng số 147 căn hộ) đã hoàn thiện và đi vào hoạt động năm 2017. Trong đó khối cao tầng (CT1A và CT1B) đã bàn giao cho Ban quản trị tòa nhà CT1 – Hải Đăng city quản lý theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND phường Mỹ Đình 2 về việc công nhận Ban quản trị tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm; khối nhà ở thấp tầng đã bán và bàn giao cho người dân để kinh doanh và sinh sống. Tỷ lệ lấp đầy là 90%. Số lượng dân cư sinh sống hiện tại khoảng 3.000 người.



Hình 1. 4. Mặt bằng vị trí các hạng mục thuộc khu NO-CT1 trên TMB Hải Đăng city

+ Khu NO-CT2: Bao gồm Khối nhà ở cao tầng kết hợp hành chính với 38 tầng cao, 4 tầng hầm và 20 lô nhà ở thấp tầng với 4 tầng cao, 01 tầng hầm đã hoàn thiện và đi vào hoạt động từ tháng 9/2021. Trong đó nhà ở cao tầng kết hợp hành chính CT1 đã bàn giao cho Ban quản trị chung cư tòa nhà The Zei quản lý theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 20/05/2024 của UBND phường Mỹ Đình 2 về việc kiện toàn Ban quản trị nhà chung cư tòa nhà The Zei, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm; lô nhà ở thấp tầng đã bán và bàn giao cho người dân để kinh doanh và sinh sống. Tỷ lệ lấp đầy là 80%. Số lượng dân cư sinh sống hiện tại khoảng 2.500 người.



Hình 1. 5. Mặt bằng bố trí các hạng mục thuộc khu NO-CT2 trên TMB Hải Đăng City

1.5.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của cơ sở

Hiện trạng giao thông

Giáp phía Đông ô đất NO-CT2 là tuyến đường Lê Đức Thọ có mặt cắt ngang 40m. Tuyến đường nối ra đường Hồ Tùng Mậu tới khu Liên hiệp thể thao quốc gia và kết thúc tại đường Láng – Hòa Lạc. Giáp phía Tây là tuyến đường Nguyễn Cơ Thạch có mặt cắt ngang rộng 40m nối từ đường Hồ Tùng Mậu vào khu đô thị mới Mỹ Đình I.

Giáp phía Nam ô đất NO-CT2 là tuyến đường Hàm Nghi có mặt cắt ngang rộng 40m. Phía Bắc là đường kết cấu nhựa với mặt cắt ngang 3,5m-5m là lối vào khu cơ quan hiện có.

Hiện trạng thoát nước và xử lý nước thải của cơ sở

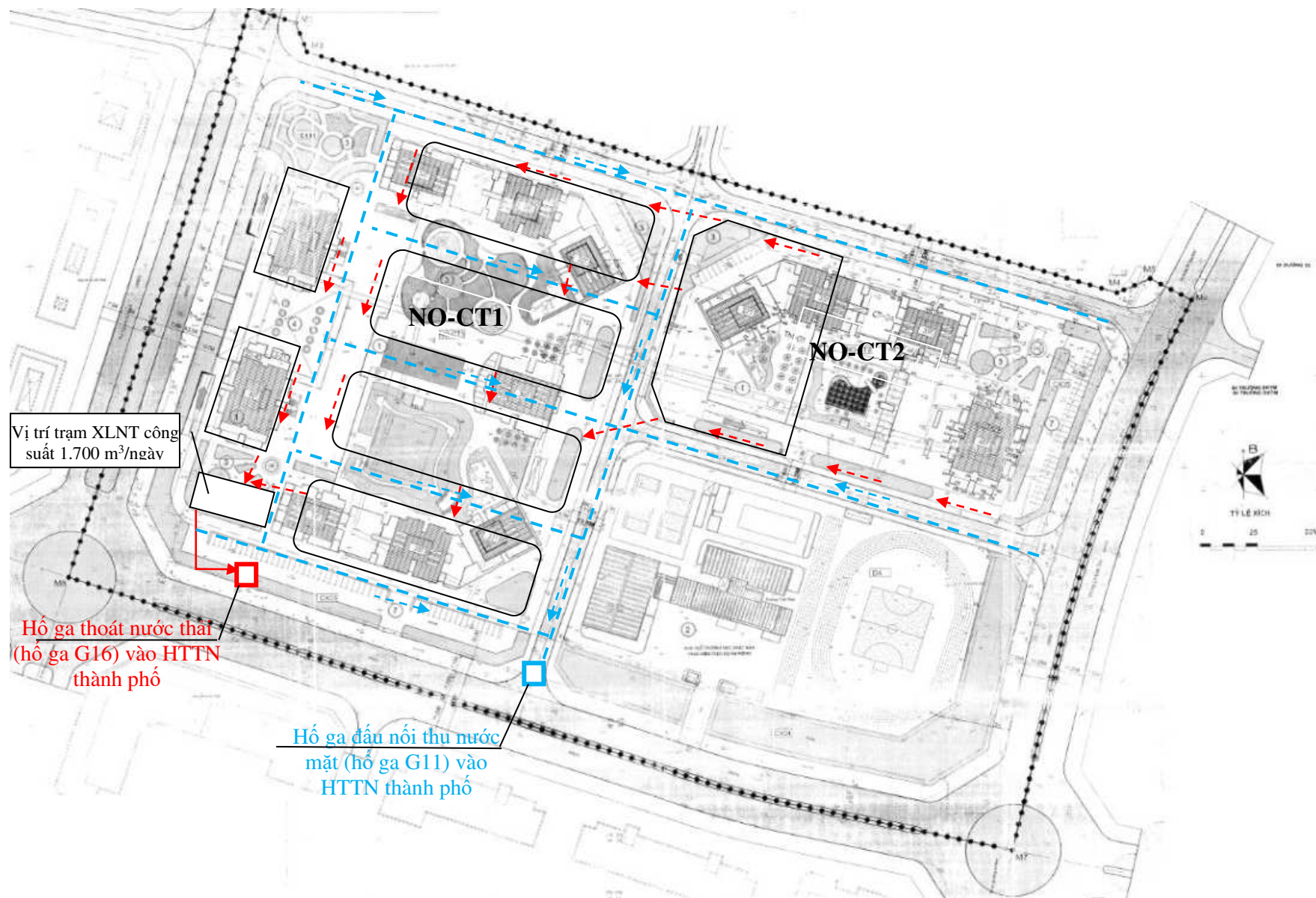
Hệ thống thoát nước của khu vực đã được xây dựng hoàn thiện. Hệ thống thoát nước mưa đặt dọc theo các vỉa hè các trục đường, đảm bảo thoát nước mưa từ mặt đường và vỉa hè công trình thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố.

+ Hệ thống thoát nước thải: là hệ thống thoát nước chung của thành phố tại tuyến cống D600 trên đường Hàm Nghi thuộc phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000):

Điểm xả 1 tại hố ga G16: X1=2327186; Y1=579713 (nước thải sinh hoạt);

Điểm xả 2 tại hố ga G11: X2=2326948; Y2=579494 (nước xả kiệt bể bơi).

+ Hệ thống thoát nước mưa: là hệ thống thoát nước chung của thành phố tại tuyến cống D1250 trên đường Hàm Nghi thuộc phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm. Tọa độ vị trí đầu nối thoát nước mưa tại hố ga G11 (theo hệ tọa độ VN2000): X2=2326948; Y2=579494.



Hình 1. 6. Mặt bằng vị trí đầu nối thoát nước mưa và thoát nước thải tại cơ sở

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Cơ sở Hải Đăng City phù hợp theo các quy hoạch phát triển như sau:

❖ *Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội*

Ngày 06/07/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1081/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và ngày 24/12/2018 ban hành Quyết định số 1823/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 xác định quan điểm, mục tiêu phát triển là “Xây dựng, phát triển Hà Nội giàu đẹp, văn minh, hiện đại, tiêu biểu cho cả nước, đảm bảo thực hiện chức năng là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học, công nghệ, giao thương và kinh tế lớn của cả nước”

❖ *Sự phù hợp với quy hoạch chung của UBND thành phố Hà Nội*

Căn cứ theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/07/2011 phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2030, theo định hướng phát triển “Xây dựng Thủ đô Hà Nội phát triển bền vững, có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát triển hài hòa giữa văn hóa, bảo tồn di sản, di tích lịch sử, với phát triển kinh tế, trong đó chú trọng kinh tế tri thức và bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh theo hướng liên kết vùng, quốc gia, quốc tế. Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố “Xanh - Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, đô thị phát triển năng động, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao trong nước, khu vực và quốc tế; có môi trường sống, làm việc tốt, sinh hoạt giải trí chất lượng cao và có cơ hội đầu tư thuận lợi”.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường (nếu có)

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và không có sự thay đổi nào.

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của hệ thống thoát nước dựa vào lưu lượng xả thải:

Cơ sở xây dựng 01 trạm XLNT công suất 1.700 m³/ngày và 01 bể bơi dung tích V=480 m³. Tổng lưu lượng xả nước thải của cơ sở lớn nhất hằng ngày là 2.180 m³/ngày.đêm (0,025 m³/s) và việc xả nước thải được thực hiện gián đoạn bằng bơm cưỡng bức, so với kích thước hệ thống thoát nước khu vực có kích thước BxH = 1,5x1,5 m có thể thấy rằng chế độ thủy văn của hệ thống thoát nước của khu vực bị ảnh hưởng nhẹ về lưu lượng, tốc độ dòng chảy.

Ngoài ra khu vực vị trí của dự án với địa hình bằng phẳng, độ dốc địa hình tự nhiên và có vị trí tiếp giáp hệ thống thoát nước thành phố, do đó mạng lưới dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận khá thuận lợi.

Tuyến hệ thống thoát nước chung của khu vực là tuyến cống chìm, đáp ứng khả năng thoát nước mưa, nước thải cho toàn bộ khu vực. Theo khảo sát thực tế thì khu vực của cơ sở những năm gần đây không có hiện tượng ngập úng, ứ đọng nước thải.

Cơ sở Hải Đăng city nằm trên địa phận phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Dự án xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nước từ hệ thống chảy vào hệ thống tiêu thoát nước trên đường .

Đối với nước thải của Tòa nhà khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành (mức B theo QCVN 14:2008/BTNMT, $k=1$ với đối tượng trụ sở cơ quan, văn phòng có quy mô diện tích sàn sử dụng $\geq 10.000m^2$) trước khi xả ra hệ thống tiếp nhận chung của khu vực thuộc địa phận phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Chế độ xả thải cũng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thay đổi chất lượng nguồn nước tiếp nhận. Nước thải được xả thải với khối lượng xả lớn nhất $2.180 m^3/ngày\ đêm$, phương thức xả bơm gián đoạn nên không ảnh hưởng nhiều đến chế độ thủy văn dòng chảy.

Việc xả nước thải vào nguồn nước có thể gây ra tác động góp phần làm gia tăng hàm lượng, tải lượng các chất ô nhiễm trong nguồn nước.

Do hệ thống thoát nước chung của khu vực là cống bê tông, chủ yếu tiếp nhận nước thải sinh hoạt và nước mưa nên hệ sinh thái thủy sinh trong hệ thống không đa dạng, không có cá tôm, do đó tác động của việc xả thải của Tòa nhà đến hệ sinh thái thủy sinh không đáng kể.

Tuy nhiên, Công ty cam kết xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép áp dụng trước khi xả ra môi trường.

Nguồn tiếp nhận của nước thải cơ sở là hệ thống thoát nước chung của khu vực nên việc xả nước thải của Tòa nhà không làm ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, xã hội của khu vực.

CHƯƠNG III

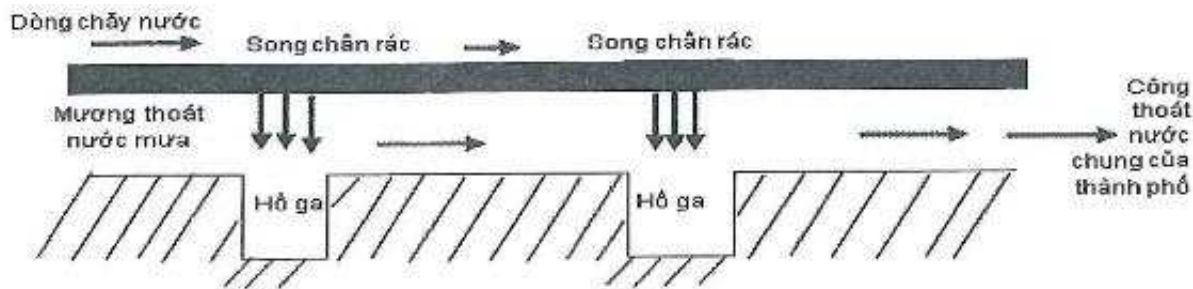
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của toà nhà bao gồm hệ thống thu gom thoát nước mưa mái nhà và thoát nước mưa chảy tràn sân đường nội bộ.

Nước mưa ngoài nhà thoát ra cống chung thành phố bằng hệ thống ống BTCT. Việc thu gom, tiêu thoát nước mưa ngoài nhà được khái quát trong sơ đồ sau:



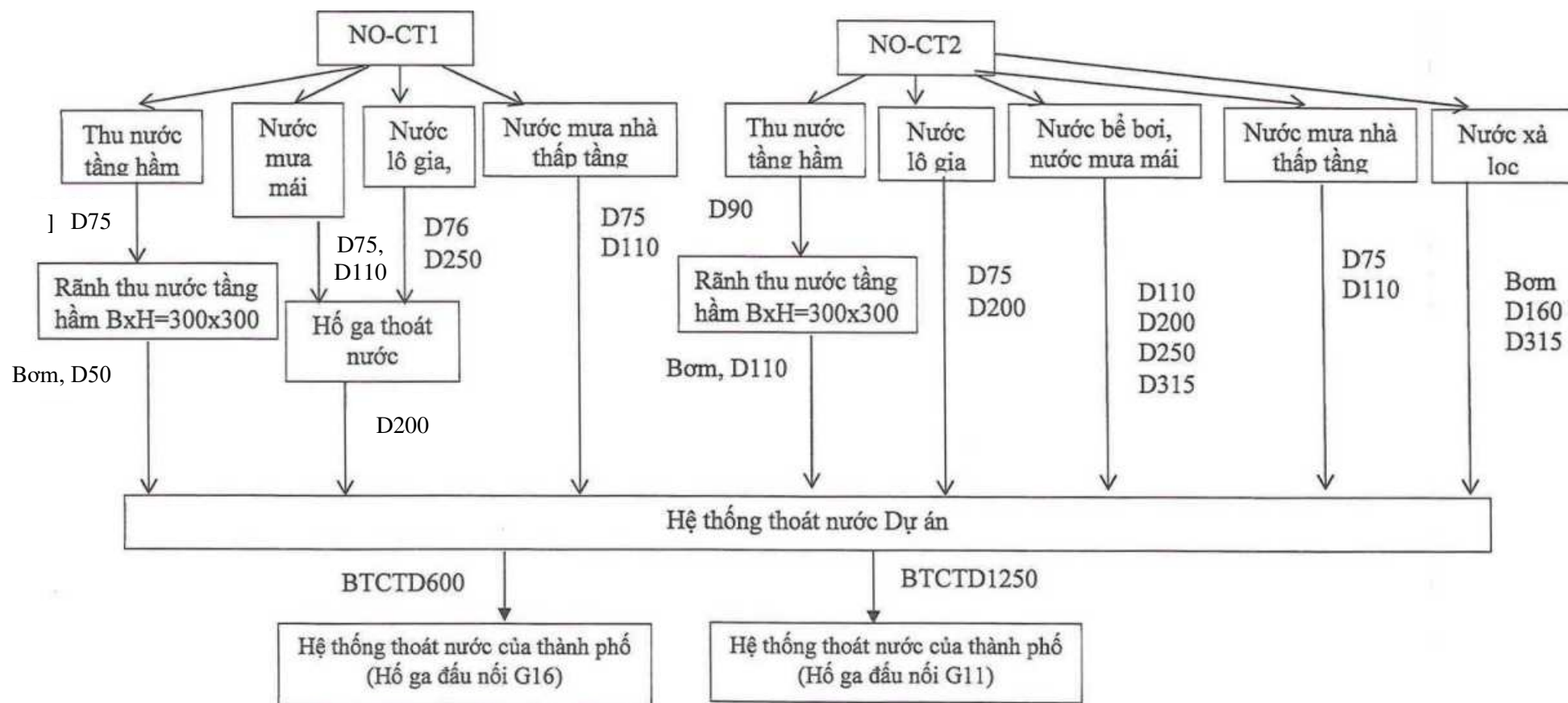
Hệ thống thoát nước ngoài nhà bao gồm 3 tuyến thoát nước kết hợp cùng các hố ga thoát nước (kích thước cao x dài x rộng là 1,5x0,7x0,7m) được bố trí với độ dốc từ $i=0,2\%$ tới $i=0,5\%$ để đảm bảo dòng nước thải có thể tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của thành phố.

- Nước mưa khu nhà thấp tầng: Nước mưa từ trên mái được thu vào phễu thu theo đường ống D75 dẫn từ trên mái nhà xuống vào đường ống D110 thu nước mưa quanh nhà chảy ra hệ thống thu gom nước mưa của dự án theo đường ống về hố ga đầu nối G11- cống BTCT-D1250.

- Nước mưa khu nhà cao tầng:

- + Khu đất NO-CT1: bao gồm nước mưa mái, nước mưa tầng hầm. Nước mưa mái được thu bằng phễu thu D110 dẫn theo trục đường ống thu gom nước mưa D75 ra rãnh thu nước mưa D200 chảy ra hệ thống thu gom nước mưa của dự án. Nước mưa khu tầng hầm được bố trí rãnh thu nước mưa sau đó được bơm ra ngoài bằng đường ống D50 ra hệ thống thu gom nước mưa của dự án. Toàn bộ nước mưa khu đất theo đường ống về hố ga đầu nối G16 - cống BTCT - D600.

- + Khu đất NO-CT2: bao gồm nước mưa mái, nước mưa tầng hầm, nước bể bơi. Nước mưa mái được thu bằng phễu thu D110 dẫn theo trục đường ống thu gom nước mưa D200→D250 của tòa nhà sau đó chảy vào cống B315 rồi được bơm ra hệ thống thu gom nước mưa của dự án D600. Nước mưa khu tầng hầm được bố trí rãnh thu nước mưa sau đó được bơm ra ngoài bằng đường ống D50 ra hệ thống thu gom nước mưa của dự án. Toàn bộ nước mưa khu đất theo đường ống về hố ga đầu nối G11 - cống BTCT -D1250.



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước bể bơi

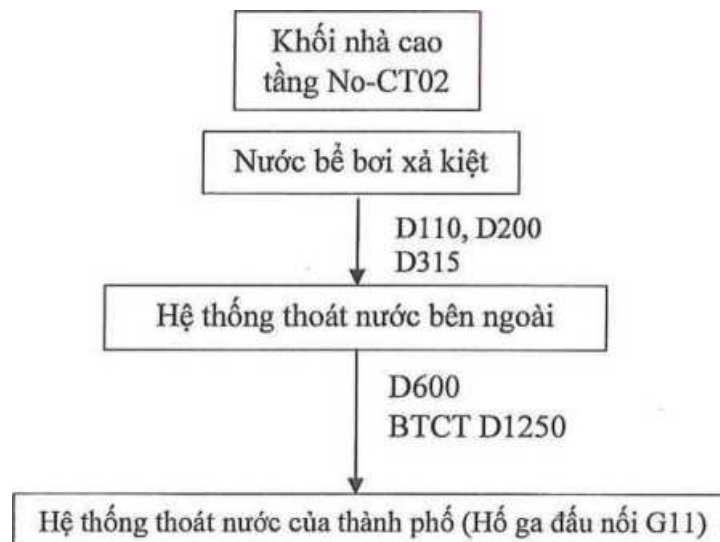
- Tại mỗi khối nhà cao tầng khu đất NO-CT02 có một bể bơi dung tích $V = 480 \text{ m}^3$ được đặt tại tầng 4, định kỳ 1 năm/lần hoặc khi gặp sự cố cơ sở sẽ tiến hành xả đáy toàn bộ nước bể bơi ra ngoài.

+ Hệ thống lọc nước bể bơi của Dự án được áp dụng công nghệ lọc và tuần hoàn hoạt động theo một vòng kín, nước bể bơi được bơm qua hệ thống xử lý, qua các công đoạn khử trùng lọc và đưa nước trở lại bể bơi. Toàn bộ nước tràn bể và nước trong bể được xử lý lọc và cấp lại bể toàn bộ, chỉ tháo xả ra môi trường khi xả kiệt đáy bể lần/năm.

+ Quá trình làm sạch diễn ra như sau: Phần nước tràn khỏi bể bơi sẽ được thu gom bằng các rãnh xả tràn quanh bể bơi về bể cân bằng, nước trong bể bơi được hút qua đường xả đáy bể bơi và từ bể cân bằng bằng bơm áp lực, sau khi qua hệ thống bình lọc nước bể bơi sẽ được làm sạch, điều chỉnh pH, bổ sung Clo khử trùng bằng hóa chất nước Javen và bơm trở lại bể bơi bằng các đường cấp nước sạch tuần hoàn. Lượng hóa chất được bơm bằng bơm định lượng hoạt động tự động theo các thiết bị đo tại bể đảm bảo pH đạt từ 7,2- 7,6, Clo dư đạt từ 0,3 - 1,5 mg/l.

+ Nước bể bơi định kỳ 1 năm/lần hoặc khi nào gặp sự cố sẽ được xả đáy toàn bộ thông qua hệ thống lọc.

Quy trình xả kiệt như sau: mở van hút đáy bể, đặt bình lọc ở vị trí xả kiệt, mở van hút của bơm tương ứng rồi bật bơm hút xả kiệt bể bơi.



Hình 3. 2. Sơ đồ thoát nước bể bơi

Nước thải bể bơi khi xả kiệt vào hộp thu đáy có đường kính ống hút DI 10, đường kính miệng hút D200, sử dụng 2 hộp thu đáy cho bể bơi. Sau đó nước tự chảy qua đường ống D200 để nhập vào đường ống D315 tự chảy vào đường ống D600 thu gom nước mưa quanh khu đất NO-CT2. Sau đó chảy vào cống BTCT-D1250 thu gom nước mưa của cơ sở đến hố ga thoát nước mưa hạ tầng ra hệ thống thoát nước mưa

bên ngoài dẫn về hố ga đầu nối G11 sau đó chảy ra ngoài hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Nước xả lọc:

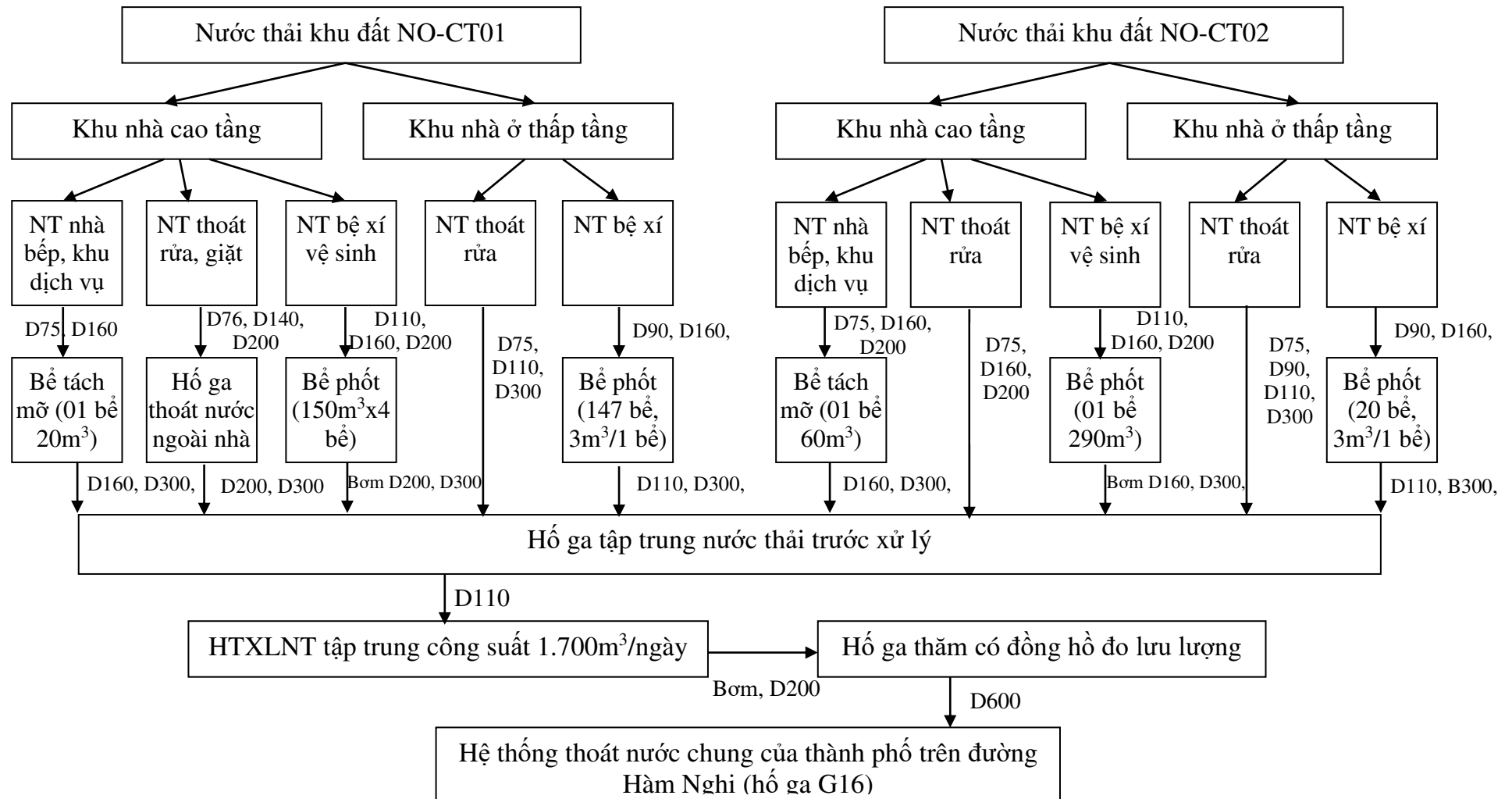
Ngoài ra trong quá trình lọc tuần hoàn nước bể bơi, phát sinh nước xả lọc. Do thành phần nước thải xả lọc cát, cặn và lượng ít nên được xả chung vào đường ống thoát nước mưa của dự án. Nước xả lọc được bơm qua đường ống DI60 chảy xuống ống D315 tự chảy vào đường ống D600 thu gom nước mưa quanh khu đất NO-CT2. Sau đó chảy vào cống BTCT-D1250 thu gom nước mưa của cơ sở đến hố ga thoát nước mưa hạ tầng ra hệ thống thoát nước mưa bên ngoài dẫn về hố ga đầu nối G11 sau đó chảy ra ngoài hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Tọa độ hố ga G11 (theo hệ tọa độ VN2000): X=2326948; Y=579494.

3.1.3. Thu gom, thoát nước thải

* Công trình thu gom nước thải

- Sơ đồ hệ thống thu gom:



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải hiện tại của cơ sở

Đối với khu đất NO-CT1:

- Với khu cao tầng

Nước thải vệ sinh:

+ Nước thải vệ sinh khu căn hộ từ tầng 3 đến tầng 30 tự chảy vào các đường ống thu gom riêng của từng căn hộ sau đó được nối vào trực đứng thoát nước D110 đặt trong hộp kỹ thuật dọc các tầng xuống tầng 3 nối vào đường ống thu gom nước thải D160, tiếp tự chảy vào đường ống D200 dẫn xuống tầng hầm 1 vào bể tự hoại (4 bể, $V=150m^3/1$ bể) đặt tại tầng hầm 1 mỗi tòa nhà. Có 4 bể tự hoại. Sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải theo đường ống D200 tự chảy ra ngoài đường ống D300 thu gom nước thải của toàn dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

+ Nước thải vệ sinh tầng 1,2 thương mại dịch vụ chảy vào đường ống D110 thu gom nước thải của tòa nhà chảy xuống tầng hầm 1 vào đường ống thu gom nước thải đặt tại tầng hầm 1 D160 tiếp tự chảy vào đường ống D200 dẫn xuống tầng hầm 1 vào bể tự hoại ($V=150m^3$) đặt tại tầng hầm 1 mỗi tòa nhà. Có 4 bể tự hoại. Sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải được bơm ra ngoài theo đường ống D200 chảy ra ngoài đường ống D300 thu gom nước thải của toàn dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

Nước thải rửa:

+ Nước thải rửa khu căn hộ từ tầng 4 trở lên: bao gồm nước thải từ các chậu rửa, phễu thu sàn của các khu nhà vệ sinh của các căn hộ. Nước thải thoát từ các chậu rửa và các phễu thu sàn từ các căn hộ chảy vào các đường ống thu gom riêng sau đó nối với đường ống đứng D75 đặt trong hộp kỹ thuật dọc từ các tầng xuống tầng 2, tại đây các ống đứng thoát nước thải D75 được chảy vào đường ống D160 sau đó nối vào đường ống D200 đường ống thu gom thoát rửa D200 sau đó chảy xuống trần tầng hầm 1 và tự chảy ra ngoài vào đường ống D300 thu gom nước thải toàn bộ dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

+ Nước thải rửa tầng 1,2,3 chảy vào các phễu thu vào ống D110 dẫn vào đường ống thu gom thoát rửa D200 sau đó chảy xuống trần tầng hầm 1 và tự chảy ra ngoài vào đường ống D300 thu gom nước thải toàn bộ dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

Nước thải khu bếp:

Nước thải thoát từ các chậu rửa khu bếp từ các căn hộ được thu gom tự chảy vào ống nhánh sau đó nối tự chảy vào đường ống đứng D75 đặt trong hộp kỹ thuật dọc từ các tầng xuống tầng hầm 1, tại đây các ống đứng thoát nước thải được tập trung tự chảy theo đường ống D160 dẫn về bể tách dầu mỡ đặt tại tầng hầm sau đó theo đường ống D160 tự chảy vào rãnh thu nước thải B300 chảy về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

- *Với khu thấp tầng*

+ Nước thải bệ xí được chảy theo đường ống D90 nối vào đường ống gom D160 vào bể phốt thể tích khoảng 3m^3 đặt ngầm ở mỗi căn hộ thấp tầng để xử lý sơ bộ sau đó tự chảy theo đường ống D110 ra ngoài nhà vào đường ống D300 của hệ thống thu gom nước thải chung của dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

+ Nước thải rửa được thu gom vào các đường ống D75 gom vào đường ống D110 sau bể phốt tự chảy ra ngoài nhà vào đường ống D300 của hệ thống thu gom nước thải chung của dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

(Tất cả các đường ống bên trong đều là ống nhựa PVC)

Đối với khu NO-CT2:

- *Với khu cao tầng*

Nước thải bệ xí vệ sinh:

+ Nước thải bệ xí khu căn hộ từ tầng 4 lên tầng 38 được thu gom tự chảy vào các đường ống D90 chảy vào trục đứng D110 đặt trong hộp kỹ thuật dọc các tầng xuống tầng 2 sau đó chảy xuống tầng hầm 1 vào đường ống thu gom nước thải đặt tại tầng hầm 1 D160 tự chảy vào bể tự hoại (01 bể $V=290\text{m}^3$) đặt tại tầng hầm 1 của khu nhà cao tầng. Sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải được bơm vào đường ống D160 ra ngoài đường ống D300 thu gom nước thải của toàn dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

+ Nước thải bệ xí tầng 1,2,3,4 thương mại dịch vụ tự chảy vào đường ống D110 thu gom nước thải của tòa nhà chảy xuống tầng hầm 1, chảy vào đường ống thu gom nước thải đặt tại tầng hầm 1 D160 tự chảy vào bể tự hoại (01 bể, $V=290\text{m}^3$) đặt tại tầng hầm 1 khu cao tầng. Sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải được bơm vào đường ống D160 ra ngoài đường ống D300 thu gom nước thải của toàn dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

Nước thải rửa:

+ Nước thải rửa khu căn hộ từ tầng 3 lên tầng 40: bao gồm nước thải từ các chậu rửa, phễu thu sàn của các khu nhà vệ sinh của các căn hộ. Nước thải thoát từ các chậu rửa và các phễu thu sàn từ các căn hộ được tự chảy theo ống nhánh nối chảy vào đường ống đứng D76 đặt trong hộp kỹ thuật dọc từ các tầng xuống tầng 2, tại đây các ống đứng thoát nước thải D76 được nối tự chảy vào đường ống D140 sau đó vào đường ống D200 gom nước thải rửa tầng 1,2 khu thương mại dịch vụ sau đó chảy xuống tầng hầm 1 và tự chảy ra ngoài vào đường ống D300 thu gom nước thải toàn bộ dự án về hố ga tập trung nước thải trước xử lý.

Nước thải khu bếp:

+ Nước thải thoát từ các chậu rửa khu bếp từ các căn hộ được tự chảy vào ống nhánh riêng của từng căn hộ sau đó được nối tự chảy vào đường ống đứng D75 đặt

trong hộp kỹ thuật dọc từ các tầng xuống trần tầng hầm 1, tại đây các ống đứng thoát nước thải được tập trung theo đường ống D160→D200 tự chảy về bể tách dầu mỡ ($V60m^3$) đặt tại tầng hầm sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống D160 vào rãnh thu nước thải B300 chảy về hố ga tập trung nước thải.

- *Với khu thấp tầng*

Nước thải bộ xí vệ sinh:

+ Nước thải bộ xí được chảy theo đường ống D90 chảy vào đường ống gom D160 vào bể phốt thể tích khoảng $3m^3$ đặt ngầm ở mỗi căn hộ thấp tầng để xử lý sơ bộ sau đó tự chảy theo đường ống D110 ra ngoài nhà vào đường ống D300 của hệ thống thu gom nước thải chung của dự án về hố ga tập trung nước thải.

+ Nước thải rửa được thu gom vào các đường ống D75 → D90 gom vào đường ống D110 sau bể phốt tự chảy ra ngoài nhà vào đường ống D300 của hệ thống thu gom nước thải chung của dự án.

- * Công trình thoát nước thải:

Nước thải sau xử lý từ hố ga tập trung nước thải trước xử lý tự chảy vào bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi được xử lý qua hệ thống XLNT, nước thải được tập trung tại hố ga sau xử lý sau đó được bơm qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải, sau đó tiếp tục chảy ra hố ga đầu nối G16 - cống BTCT - D600 vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy.

(Tất cả các đường ống bên trong đều là ống nhựa PVC)

- * Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải sau khi xử lý qua HTXL nước thải công suất $1.700 m^3/ngày$ đêm dẫn theo tuyến cống D600 bơm lên hố ga thoát nước và chảy về hố ga đầu nối G16 nằm trên hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc đường Hàm Nghi, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Vị trí nơi xả nước thải: Hố ga đầu nối G16 nằm trên hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc đường Hàm Nghi, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả thải và nguồn tiếp nhận:

+ Tọa độ vị trí xả thải hệ tọa độ VN2000: X: 2327186 Y: 579713

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc đường Hàm Nghi, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3.1.4 Xử lý nước thải

- * Công trình xử lý nước thải đã xây dựng, lắp đặt:

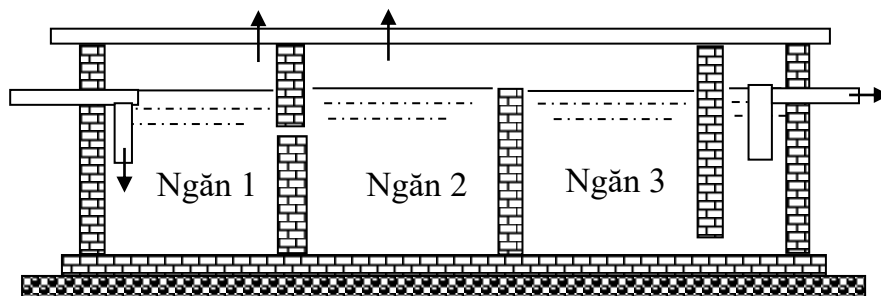
Các công trình xử lý nước thải đã thực hiện tại dự án gồm:

Bảng 3. 1. Các công trình XLNT đã thực hiện tại của dự án

STT	Công trình	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Vị trí
1	Bể tự hoại	04	150m ³ , kích thước 6x7,6x3,3	Đặt tại hầm 1 của tòa nhà cao tầng thuộc ô đất NO-CT1
		147	3m ³ , kích thước 2x1x1,5m	Đặt ngầm ngoài vườn mỗi căn biệt thự thuộc ô đất NO-CT1
		01	290m ³ , kích thước 12,5x5x4,64m	Đặt tại hầm 1 của tòa nhà cao tầng thuộc ô đất NO-CT2
		20	3m ³ , kích thước 2x1x1,5m	Đặt ngầm ngoài vườn mỗi căn biệt thự thuộc ô đất NO-CT2
2	Bể tách mỡ	01	20m ³	Đặt tại hầm 1 của tòa nhà cao tầng thuộc ô đất NO-CT1
		01	60m ³	Đặt tại hầm 1 của tòa nhà cao tầng thuộc ô đất NO-CT2
3	Hệ thống xử lý nước thải	01	1.700 m ³ /ngày đêm	Khu đất cây xanh ký hiệu CX2 thuộc lô đất NO-CT1

a. Bể tự hoại

- Chức năng: xử lý nước thải xí tiêu của dự án



Hình 3. 4. Mô phỏng bể tự hoại 3 ngăn

- Quy trình vận hành: Nước thải được thu gom vào ngăn lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang ngăn phân huỷ yếm khí. Ở ngăn phân huỷ yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH₄, CO₂,... khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn ra ngoài. Phần bùn được giữ lại trong các ngăn lắng, dưới tác dụng của vi khuẩn kỵ khí sẽ phân huỷ thành các chất khoáng, khí

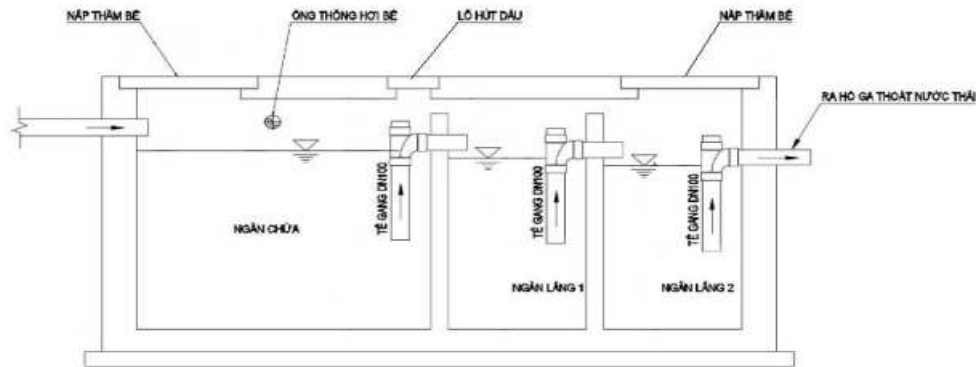
hoà tan. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc nạo vét, hút bùn trong các ngăn lắng và định kỳ (3-6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại.

Nước thải sau bể tự hoại tiếp tục được đưa về HTXLNT sinh hoạt.

- Hóa chất sử dụng: định kỳ 3 tháng bổ sung 200g men vi sinh Biophot /xí tiêu.

b. Bể tách mỡ

- Chức năng: xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp trước khi dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt



Hình 3. 5. Mô phỏng bể tách dầu mỡ

Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ: Nước thải từ nhà bếp của toà nhà chứa một lượng dầu, mỡ tương đối lớn sẽ được thu gom và đưa vào ngăn chứa của bể tách mỡ, tại đây cho phép giữ lại các chất bẩn như các loại thực phẩm, đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác...có trong nước thải. Chức năng này giúp cho bể tách mỡ làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác. Sau đó nước thải đi sang ngăn lắng thứ nhất, ở đây thời gian lưu dài đủ để mỡ, dầu nổi lên mặt nước. Còn phần nước trong sau khi mỡ và dầu đã tách ra lại tiếp tục chảy sang ngăn lắng thứ 2 sau đó chảy ra ngoài. Lớp dầu mỡ sẽ tích tụ dần dần và tạo lớp váng trên bề mặt nước, định kỳ thông qua nắp thăm bể sẽ thu gom loại bỏ lớp dầu mỡ và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

c. Hệ thống xử lý nước thải

- Dòng nước thải tiếp nhận:

+ Dòng thải 1: Dòng nước thải từ các khu bếp của tòa nhà, trung tâm thương mại, các căn hộ trong khu cao tầng và khu thấp tầng thuộc ô đất NO-CT1 (tiếp nhận nước thải từ năm 2018).

+ Dòng thải 2: Dòng nước thải từ các khu bếp của tòa nhà, trung tâm thương mại, các căn hộ trong khu cao tầng và khu thấp tầng thuộc ô đất NO-CT2 (tiếp nhận nước thải từ năm 2022).

- Số lượng: 01 hệ, đặt tại Khu cây xanh CX2, diện tích 850m².

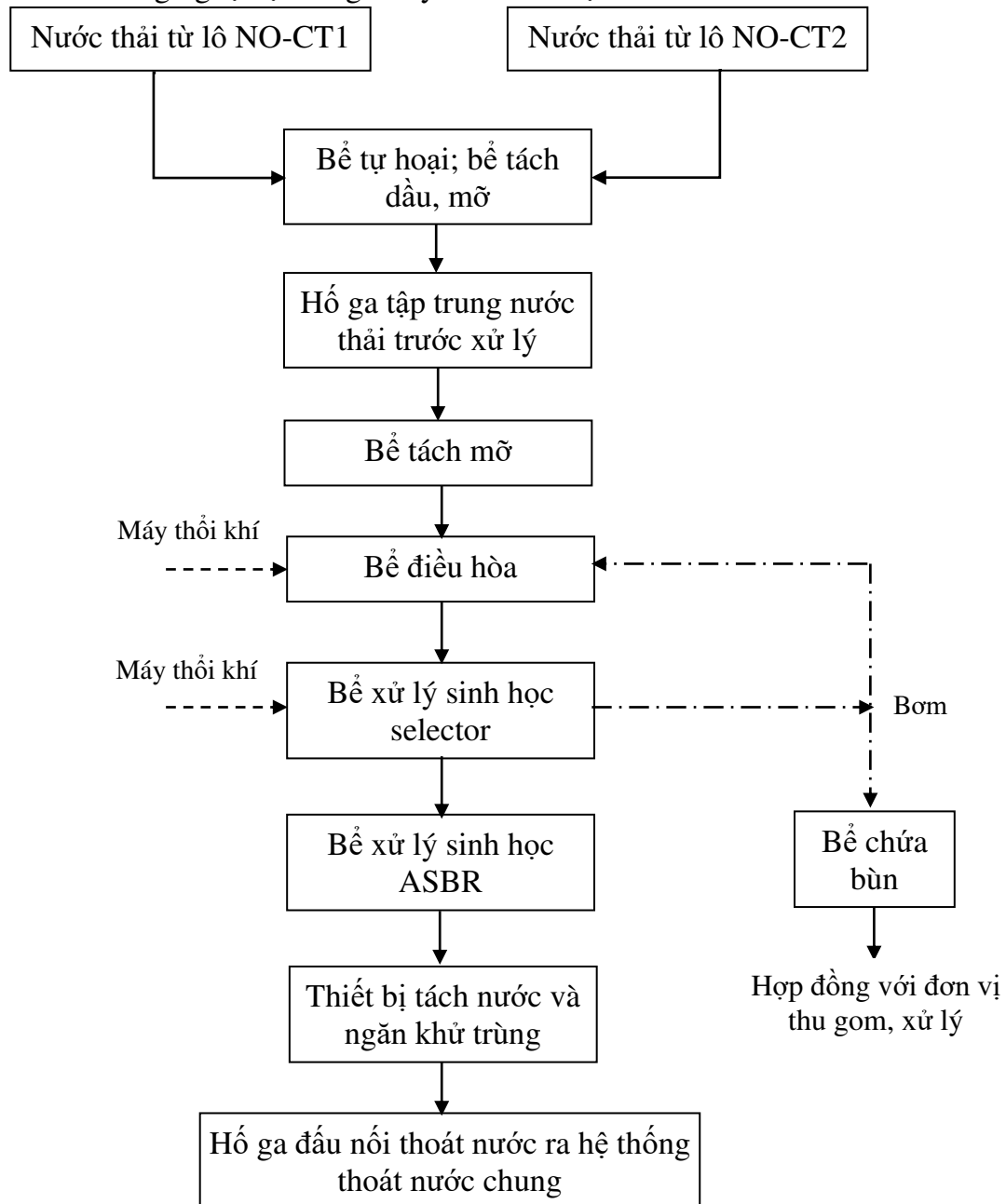
- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học dạng mẻ dòng liên tục ASBR.

- Công suất: 1.700 m³/ngày đêm

- Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số k=1 với đối tượng khu chung cư, khu dân cư có quy mô từ 50 căn hộ trở lên.

- Trạm XLNT xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành từ tháng 07/2018.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở:



Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT 1.700 m³/ngày đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải phát sinh từ các khu vực trong Dự án Hải Đăng City -> Bể tách mỡ, Bể điều hòa nước thải -> Cụm xử lý sinh học dạng mẻ dòng liên tục ASBR -> Bể khử trùng và chứa nước sau xử lý Nguồn tiếp nhận.

Bước 1: Thu gom vận chuyển nước thải:

Dòng nước thải từ khu vệ sinh được thu gom và đưa về các bể phốt để xử lý sơ bộ trước khi vào hệ thống XLNT tập trung;

Dòng nước thải khu vực nhà bếp: được đưa về bể tách mỡ để loại bỏ hết dầu mỡ và váng nổi trước khi vào bể điều hòa;

Các dòng nước thải khác như tắm giặt, rửa được thu gom và đưa về bể điều hòa nằm trong hệ thống XLNT tập trung.

Bước 2: Điều hòa ổn định lưu lượng, nồng độ & thành phần các chất ô nhiễm:

Bể điều hoà có tác dụng thu gom các dòng nước thải khác nhau để điều hòa lưu lượng, ổn định nồng độ & thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi sang bể xử lý sinh học. Trong bể điều hoà có lắp đặt hệ thống sục khí thô dạng ống khoan lỗ dưới đáy bể để đảo trộn các dòng nước thải với nhau.

Bước 3; Xử lý sinh học các chất ô nhiễm trong nước thải:

Sau khi từ điều hoà, nước thải được bơm vào các bể ASBR thông qua đường ống dẫn nước & phân phối. **Việc điền nước vào các bể ASBR này hoàn toàn tự động thông qua các van điều khiển và chương trình điều khiển trung tâm.**

Hai (02) bể ASBR hoạt động song song được thiết kế cho TXLNT Dự án Hải Đăng City. Các bể này là công đoạn chính trong quá trình xử lý chính để làm sạch các chất ô nhiễm có trong nước thải.

Công nghệ ASBR là công nghệ xử lý nước thải dạng mẻ tuần hoàn liên tục, theo đó các quá trình như oxy hóa cacbon, quá trình nitrat hóa, khử nitơ và khử Photpho bằng phương pháp sinh học được diễn ra đồng thời. Phương pháp này không cần thiết bị khuấy trộn, bể lắng thứ cấp.

Trong suốt quá trình xử lý, bùn hoạt tính sẽ liên tục được sinh ra. Bùn được bơm về bể chứa & lưu bùn và được thuê đơn vị có chức năng hút định kỳ đem xử lý theo quy định.

Quá trình phản ứng ở bể ASBR gồm các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Nước thải đầu vào sẽ trộn lẫn với bùn hồi lưu có tỷ lệ F/M cao ở ngăn SELECTOR. Sự kết hợp bể SELECTOR với các bể phản ứng khác nhau tạo nên ưu việt khác biệt giữa công nghệ ASBR và các bể hoạt động theo công nghệ SBR. Đặc điểm này giúp loại bỏ dây chuyền FILL và FILL-ANOXIC-MIX mà thay vào đó là dây chuyền FILL- AERATE và do đó vận hành hệ thống đơn giản hơn.

Hệ thống này đảm bảo quá trình xử lý sinh học sẽ chủ yếu là tạo ra các hạt bùn hoạt tính, và do đó làm tăng độ an toàn trong quá trình vận hành, giảm thiểu sự tập trung dòng thải. Be Selector hỗ trợ quá trình phát triển các vi sinh vật khử photpho và do đó photpho được khử theo phương pháp sinh học mà không cần thêm hoá chất.

Giai đoạn 2: Quá trình phản ứng xảy ra trong bể ASBR gần tương tự như quá trình SBR & Aeroten truyền thống, chỉ khác dòng vào ra là liên tục. Đây là phương pháp xử lý nước thải mà qua đó các quá trình như oxy hóa cacbon, quá trình nitrat hóa,

khử nitơ và khử Photpho bằng phương pháp sinh học được diễn ra đồng thời. Quá trình xử lý sẽ diễn ra liên tục do có 02 bể hoạt động song song và lệch pha nhau. Tổng thời gian phản ứng của 1 chu kỳ là 4 giờ.

Các chu kỳ của 02 bể ASBR Trạm XLNT như sau:

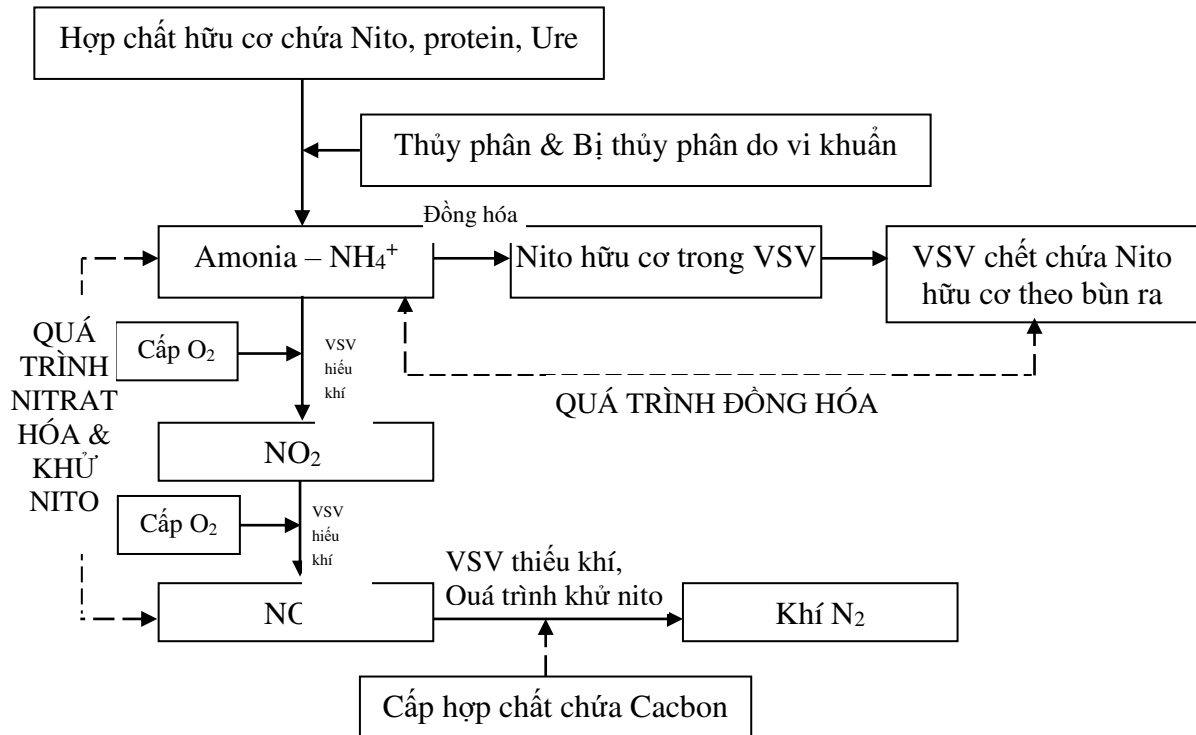
Giờ	Quá trình	
	BỂ ASBR 1	BỂ ASBR 2
Giờ thứ nhất (1)	Bơm nước vào và sục khí	Lắng
Giờ thứ hai (2)	Bơm nước vào và sục khí	Rút nước ra
Giờ thứ ba (3)	Lắng	Bơm nước vào và sục khí
Giờ thứ tư (4)	Rút nước ra	Bơm nước vào và sục khí

Nước thải sau khi xử lý ở các bể ASBR đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu và được hút ra bởi các thiết bị thu nước DECANTER, xả vào bể KHỬ TRÙNG bằng hóa chất NaClO. Tại đây, nước thải được đi qua các vách ngăn tạo dòng chảy kiểu zig zắc và được bơm hóa chất khử trùng NaClO có nồng độ đủ để phần lớn các vi khuẩn có hại bị tiêu diệt.

Nước sau khi khử trùng, đạt các tiêu chuẩn xả thải theo QCVN 14/2008-BTNMT mức B thì sẽ được bơm xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

Bùn hoạt tính sinh ra từ bể ASBR một phần được hồi lưu về ngăn SELECTOR trong bể ASBR, phần dư bơm thải vào bể LÀM ĐẶC BÙN để làm đặc trước khi xử lý

Xử lý bùn: Bùn tại Bể chứa và làm đặc bùn và định kỳ 6 tháng 1 lần được hút đi bởi xe hút bùn của Cty Môi trường đô thị đem đi xử lý hợp vệ sinh.

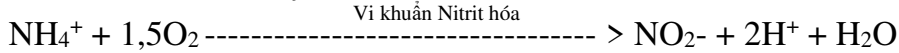


Cơ chế khử Nito trong nước thải theo công nghệ ASBR được mô tả như sau:

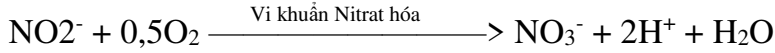
Hình 3. 7. Cơ chế khử Nito trong nước thải theo công nghệ sinh học ASBR

Theo hình vẽ thì quá trình khử Nito bằng phương pháp sinh học trải qua các bước như sau:

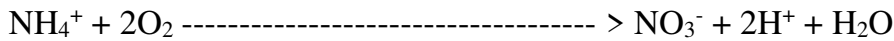
Bước 1: NH_4^+ bị ô xy hóa thành NO_2^- do các vi khuẩn **nitrit hóa** theo phản ứng:



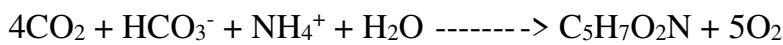
Bước 2: Oxy hóa NO_2^- thành NO_3^- do các vi khuẩn **nitrat hóa** theo phản ứng:



Tổng hợp quá trình chuyển hóa NH_4^+ thành NO_3^- như sau:



Khoảng 20-40% NH_4^+ bị đồng hóa thành vỏ tế bào. Phản ứng tổng hợp thành sinh khối được viết như sau:



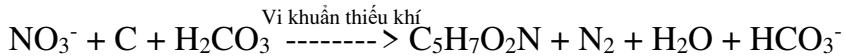
$\text{C}_5\text{H}_7\text{O}_2\text{N}$: là công thức biểu diễn tế bào vi sinh vật được hình thành.

Tổng hợp các quá trình trên bằng phản ứng sau:

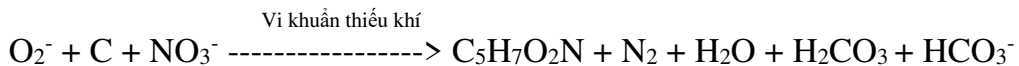
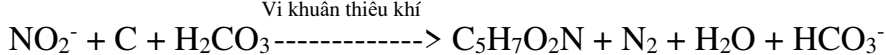


Quá trình sinh học khử NO_3^- thành khí N_2 diễn ra trong môi trường thiếu khí (anoxic) dưới tác dụng của các vi sinh vật thiếu khí. Quá trình khử NO_3^- thành khí N_2 có thể mô tả bằng các phản ứng sau:

Vi khuẩn thiếu khí



Vi khuẩn thiếu khí



Bảng 3. 2. Các hạng mục công nghệ của HTXLNT

TT	Hạng mục/Thiết bị	Mô tả
I	Bể điều hòa nước thải	
1	Hệ thống phân phối khí đáy bể	Số lượng: 01 hệ thống Nhiệm vụ : Cung cấp khí thô để đảo trộn nước thải trong bể điều hòa để ổn định lưu lượng , thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm
2	Bơm chìm nước thải	Số lượng: 2 cái, hoạt động luân phiên theo thời gian và mực nước Nhiệm vụ: vận chuyển nước thải bể điều hòa sang cụm bể sinh học
3	Phao đo mực nước	Nhiệm vụ: Điều khiển chế độ hoạt động của bơm nước thải
4	Van điều khiển cấp nước	Số lượng : 02 van, loại van chặn, có motor. Mục đích: Điều khiển quá trình cấp nước vào bể ASBR trong chu

TT	Hạng mục/Thiết bị	Mô tả
		kỳ nạp của bể . Chế độ : Hoàn toàn tự động theo chương trình cài đặt
II	Cụm bể xử lý sinh học	
1	Bể thiếu khí	Nước thải từ bể Điều hoà được bơm sang hệ thống các bể sinh học ASBR thông qua các van điều khiển, mục đích các van này là khống chế lưu lượng nước thải cho phù hợp với các chu kỳ hoạt động của từng bể. Đầu tiên, nước thải sẽ đi vào ngăn Selector của bể ASBR. Tại đây, nước thải sẽ được trộn đều và tiếp xúc lớn nhất với bùn hoạt tính trong pha nạp của bể ASBR. Tại ngăn Selector, lượng c (chất hữu cơ) hấp thụ lên bùn hoạt tính là lớn nhất, đảm bảo cho quá trình oxy hoá ở pha sục khí là tốt nhất. Số lượng: 02 bể. Làm bằng bê tông cốt thép Nhiệm vụ: Mỗi bể có 2 ngăn hoạt động nối tiếp để tạo sự khuấy trộn và nước thải + bùn hoạt tính tuần hoàn chạy theo tuần tự từ đầu bể đến cuối bể. Dưới đáy bể có thiết kế hệ thống phân phối khí, dạng thô để tạo sự xáo trộn dòng chảy, đảm bảo cho sự tiếp xúc của bùn hồi lưu và nước thải đầu vào là tốt nhất. 2 bể Selector có 2 đường ống dẫn khí khác nhau. Mỗi đường ống dẫn khí có 1 van tự động và 1 van tay. Van tự động sẽ đóng mở dựa theo chu động của bể ASBR tương ứng
2	Bể ASBR	Nước thải sau khi qua ngăn Selector sẽ tự chảy tràn vào bể ASBR. Tại đây xảy ra quá trình oxy hoá các chất ô nhiễm bởi các vi sinh vật - bùn hoạt tính, trong hoạt động sống của mình, vi sinh vật sẽ sử dụng các chất hữu cơ có trong nước thải làm thức ăn và để tổng hợp nên tế bào, kết quả là nước thải sẽ được làm sạch các chất ô nhiễm. số lượng: 02 bể, có cấu tạo bằng bê tông cốt thép Dưới đáy bể có thiết kế hệ thống phân phối khí, đầu phân phối dạng màng mỏng, hình trụ hoặc đĩa, bọt khí mịn, hiệu suất cao nhằm mục đích khuếch tán Oxy vào nước thải cho hoạt động sống của vi sinh vật. Mỗi bể ASBR sẽ có đường ống dẫn, cấp khí riêng biệt . Việc cấp khí được điều khiển thông qua 1 van tự động và 1 van tay. Van tự động sẽ đóng mở dựa theo chu kỳ hoạt động của bể ASBR tương ứng. Cuối bể là Decanter để hút nước sau xử lý ra trong chu kỳ lắng và hút nước của bể. Giữa bể có bố trí các bơm bùn hồi lưu về bể Selector và bơm bùn thải sang bể nén bùn.

TT	Hạng mục/Thiết bị	Mô tả
		Chu trình làm việc của 01 bể ASBR bao gồm các pha: Điền nước + sục khí (phản ứng), Pha lắng và Pha rút nước. Việc xen kẽ hoạt động của các pha giữa 2 bể ASBR khiến cho nước thải đầu vào ra là liên tục. Với những ưu điểm vượt trội như đã phân tích về công nghệ ASBR. Hệ thống có thể đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra trong sạch đảm bảo tiêu chuẩn xả thải
3	Hệ thống phân phối khí trong bể ASBR	Nhiệm vụ: Hệ thống phân phối khí bảo đảm cung cấp đủ oxy cho quá trình oxy hoá các chất ô nhiễm bởi hoạt động sống của các sinh vật có trong bùn hoạt tính. Ở đây, đề nghị sử dụng loại đầu phân phối khí Flexair - SSI/Mỹ hoặc EDMỹ loại màng, dạng đĩa hoặc ống trụ, loại bọt khí mịn để đảm bảo hiệu suất chuyển hoá 0 là cao nhất
4	Máy thổi khí	Máy thổi khí nhằm cung cấp Oxy cho quá trình Oxy hoá trong bể ASBR. Hệ thống máy thổi khí được đặt trong nhà thổi khí và được lắp các bộ giảm thanh đồng bộ chống ồn, chống rung Hệ thống gồm 03 máy thổi khí, 02 máy hoạt động luân phiên hoạt động luân phiên. Cơ chế điều khiển này đơn giản, không phải kiểm soát lưu lượng khí hoặc tắt/bật máy liên tục , và nhờ vậy kéo dài tuổi thọ của máy. Khi lưu lượng khí cần cấp cho hệ thống thấp hơn thiết kế thì chỉ cần 1 máy chạy là đủ
5	Bơm bùn tuần hoàn	Số lượng: 02 bơm/02 bể. Mục đích: Bơm bùn này sẽ tuần hoàn bùn hoạt tính về ngăn Selector trong pha nạp của bể ASBR, nhằm đảm bảo hấp thụ tốt nhất các chất ô nhiễm lên bùn hoạt tính, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình oxy hoá ở pha sục khí. Loại bơm sử dụng là loại bơm chìm, chuyên dùng để bơm bùn lỏng, bơm được cung cấp kèm bộ ghép nối tự động Autocoupling để thuận tiện cho việc bảo dưỡng. Mỗi bể có thiết bị đo mức để người vận hành kiểm soát mức nước trong bể, tránh tình trạng bể cạn nước. Lưu lượng bùn qua bơm được điều khiển thông qua các van . Bùn tuần hoàn được bơm thẳng về bể Selector. Các thông số của bơm được điều khiển tự động hoàn toàn : Tự động hoạt động ở chế độ luân phiên; Hiển thị tình trạng hoạt động của bơm; Có thể chuyển sang chế độ vận hành bằng tay phụ thuộc vào yêu cầu của người vận hành
6	Bơm bùn thải bể ASBR	Số lượng: 02 bơm/02bể. Hoạt động gián đoạn, trong chu kỳ lắng hay decant của bể ASBR. Mục đích: Thải bỏ bùn hoạt tính dư sinh ra trong quá trình xử lý sinh học ở bể ASBR. Loại bơm sử dụng là loại bơm chìm,

TT	Hạng mục/Thiết bị	Mô tả
		chuyên dùng để bơm bùn lỏng, bơm được cung cấp kèm bộ ghép nối tự động Autocoupling để thuận tiện cho việc bảo dưỡng. Các thông số của bơm được điều khiển tự động hoàn toàn: Tự động hoạt động ở chế độ luân phiên; Hiển thị tình trạng hoạt động của bơm; Có thể chuyển sang chế độ vận hành bằng tay phụ thuộc vào yêu cầu của người vận hành
7	Thiết bị tách nước	Sau khi nước thải được làm sạch bởi quá trình oxy hoá ở bể ASBR trong pha sục khí, sẽ đến giai đoạn lắng, diễn ra ngay trong bể: Bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy. Nước trong sau xử lý sẽ đi lên trên và được tách ra khỏi bể ASBR để tới công đoạn khử trùng bởi một thiết bị tách nước - Decanter. số lượng: 02 thiết bị (02 bể). Vật liệu: Inox INOX 304. Mục đích: Rút nước đã xử lý đồng thời ngăn chặn nổi đi vào dòng ra. Chế độ hoạt động: Tự động theo chương trình cài đặt
8	Van tự động điều khiển bằng mô tơ điện hoặc khí nén cho đường ống khí cho bể ASBR	Kiểu van bướm. Vật liệu thân van bằng nhôm, vật liệu cánh van bằng Inox304; Bộ tác động điện bằng motor 1 pha, 220VAC/50Hz; ứng dụng cho khí nén, nước sạch và nước thải; Chịu được môi trường nhiệt đới Việt Nam Van này được thiết kế để tự động đóng/mở đường ống dẫn khí từ dàn máy thổi khí tới từng bể ASBR theo chương trình cài đặt sẵn
III	Khử trùng nước thải	
1	Bể khử trùng	Nước sau xử lý ở bể ASBR, được tách ra bởi thiết bị tách nước - Decanter sẽ tự chảy vào bể khử trùng. Tại đây, nước thải được hoà trộn lẫn với dung dịch khử trùng để loại bỏ hoàn toàn các vi sinh vật có thể gây hại tới sức khỏe con người, đồng thời cũng loại bỏ phần chất ô nhiễm còn sót lại. Bể khử trùng có các vách hướng dòng chảy , làm tăng chiều dài di chuyển để đảm bảo sự tiếp xúc của nước và chất khử trùng là tốt nhất. Số lượng: 01 bể, cấu tạo bằng bê tông cốt thép. Bể được chia làm nhiều ngăn để tạo sự khuấy trộn thủy lực tốt nhất. Hệ thống này bao gồm các bồn chứa dung dịch khử trùng và hệ thống bơm định lượng. Dung dịch NaClO được đề nghị làm dung dịch khử trùng do sử dụng an toàn, ít ăn mòn, không gây nhiều mùi và tương đối rẻ so với việc sử dụng Cl ₂ , O ₃ hay đèn cực tím. NaClO dạng thương phẩm sẽ được vận chuyển đến và bơm vào các bồn pha bằng composite. Các bơm định lượng sẽ bơm cấp hoá chất cho quá trình khử trùng, hoạt động tự động hay bằng tay

TT	Hạng mục/Thiết bị	Mô tả
2	Bơm nước thải sau xử lý	Số lượng: 02 bơm. Hoạt động luân phiên. Mục đích: bơm nước sau xử lý vào hệ thống thoát nước của Thành phố. Loại bơm sử dụng là loại bơm chìm, chuyên dùng để bơm nước thải, bơm được cung cấp kèm bộ ghép nối tự động Autocoupling để thuận tiện cho việc bảo dưỡng. Các thông số của bơm được điều khiển tự động hoàn toàn: Tự động hoạt động ở chế độ luân phiên; Hiện thị tình trạng hoạt động của bơm; Có thể chuyển sang chế độ vận hành bằng tay phụ thuộc vào yêu cầu của người vận hành
3	Thiết bị đo mức ở bể khử trùng	Số lượng: 01 bộ Dạng phao
IV	Xử lý bùn	
1	Bể chứa, nén bùn	Bùn dư sinh ra từ quá trình xử lý sinh học sẽ được bơm tới bể nén bùn sơ bộ để làm đặc hàm lượng bùn ở nồng độ thích hợp trước khi bơm tới thiết bị làm khô bùn. Dưới tác dụng của trọng lực, bùn sẽ tách lớp và lắng xuống dưới, phần nước trong sẽ tự chảy bể bể Điều hòa. số lượng: 02 ngăn bể, cấu tạo bằng bê tông cốt thép một ngăn được cấp khí để ổn định bùn, ngăn thứ chứa bùn sau ổn định Bùn từ bể ASBR được bơm tự động về bể bùn đã được nêu trong hoạt động của bể ASBR. Nước trong từ bể nén bùn, sẽ được thu gom về bể tiếp nhận nước thải đầu vào (Bể điều hòa) để xử lý. Bùn sau ổn định được hút định kỳ 6 tháng một lần

*** Thông số cơ bản của HTXLNT**

Bảng 3. 3. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên bể	Chức năng	Vật liệu, kích thước thực (m)	Kích thước hiệu dụng (m)	Thể tích hiệu dụng (m ³)
1	Bể tách dầu mỡ	Tách dầu mỡ, rác, cát	BTCT; 1,4x13x5,6	1,4x12,6x5,4	95,3
2	Bể điều hòa	Điều hòa lưu lượng, nồng độ	BTCT; 7,2x13x5,6	7x12,6x5,4	476,23
3	Bể thiếu khí (2 bể)	Xử lý thiếu khí	BTCT; 4,5x9x9	4,1x8,6x8,8	245,3
4	Bể hiếu khí (2 bể)	Xử lý hiếu khí	BTCT; 10x9x9	9,6x8,6x8,8	574,5
5	Bể chứa bùn	Chứa bùn	BTCT; 2,7x9x10,8	2,7x8,6x5,4	125,4

6	Bể khử trùng	Khử trùng	BTCT; 7,2x4,5x1,3	7,2x4,5x1,3	42,12
7	Bể chứa nước sau xử lý	Bơm nước đầu ra	BTCT; 1,4x4,5x5	1,4x4,5x5	31,5

Bảng 3. 4. Danh mục các thiết bị lắp đặt

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
I	Bể điều hòa			
1	Máy thổi khí	Cấp khí cho bể điều hoà. Lưu lượng 6m ³ /h, H= 5,5mH ₂ O Công suất p = 1 kW Động cơ 380v/3phase/50Hz	cái	2
2	Bơm nước thải	Bơm chìm Vận chuyển nước thải bể điều hoà Công suất Q=70-90m ³ /h H=8-10mH ₂ O Công suất p = 3,7kW Động cơ 3pha/380V/50Hz	cái	2
3	Thiết bị đo nước	Dùng để đo mức nước thải để điều khiển bơm nước thải, 3 mức cao, trung bình, cạn Dạng phao lật, cáp dài ≥5m	Bộ	1
II	Cụm bể xử lý sinh học Selector			
1	Đệm vi sinh	D=(105-110±5%) mm H= (60-65 ± 5%) mm Bề mặt riêng 180-250 m ² /m ³	HT	1
III	Cụm bể xử lý sinh học hiếu khí			
1	Thiết bị tách nước Decanter	Công suất 130-150m ³ /h	cái	1
2	Bơm bùn dư Cụm bể xử lý	Bơm chìm Q= 20-30m ³ /h H=8-10mH ₂ O, p= 1,5kW Động cơ 3 pha/380V/50Hz	cái	2
3	Bơm hồi lưu bùn sinh học cụm bể xử lý sinh học	Bơm chìm Q= 70-90m ³ /h H=8-10mH ₂ O, P=3,7kW Động cơ 3 pha/380V/50Hz	cái	2
4	Máy thổi khí Cụm bể xử lý	Q= 8m ³ /h H = 5,5mH ₂ O, p= 3,7kW	cái	3

	sinh học	Động cơ 3 phasa/380V/50Hz		
5	Thiết bị đo DO	Điện áp 220-230,50Hz Tín hiệu ra: 0/4-20mA	Bộ	2
6	Máy nén khí cấp khí	Công suất 2HP	Cái	1
IV	Khu vực bể khử trùng và xả			
1	Bơm nước thải	Bơm chìm Q= 170-180m ³ /h H = 10-12 mH ₂ O, p= 7,5kW Động cơ 3 phasa/380V/50Hz	Cái	2
2	Lưu lượng kế	Lưu lượng: 0-200m ³ /h, đường kính DN200	Cái	1
3	Bơm định lượng hóa chất khử trùng	Q = 50 - 100lit/h, H= 3 bar, 3φ, 380V	Cái	2
4	Bồn chứa và pha chế hoá chất	V200lit, PVC	Cái	1
5	Động cơ khuấy trộn hoá chất	p = 0,4kW Tốc độ vòng quay: 100- 150v/p Động cơ 3 phasa/380V/50Hz	Bộ	1
V	Hệ thống hút và xử lý khí			
1	Tháp xử lý khí thải	Kích thước: D1500, H2000(mm)	HT	1
2	Quạt hút khí thải	p =2950v/ph Q= 3000-3500m ³ /h Vật liệu: Inox304	cái	1
3	Bơm vận chuyển hóa chất	Lưu lượng max: 5m ³ /hr Cột áp: 13-14m		

* Quy trình vận hành HTXLNT tập trung

i) Vận hành bằng tay hệ thống điện phòng kỹ thuật

Quy trình vận hành các động cơ như sau:

Máy thổi khí: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCCB1, MCCB2, MCCB3, MCCB4, MCCB5, qua công tắc tơ Q1, Q2, Q3, Q4, Q5 rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ MTK1, MTK2, MTK3, MTK4, MTK5 ngoài hiện trường.

+ Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa.

- + Gạt MCCB1, MCCB2, MCCB3, MCCB4, MCCB5 lên vị trí ON.
 - + Khởi động M1, M2, M3, M4, M5 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là MTK1, MTK2, MTK3, MTK4, MTK5 ở cánh tủ động lực sang vị trí H.
 - + Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, kiểm tra lại cột áp trong bể xử lý, đo dòng điện, điện áp giữa các pha rồi đưa ra biện pháp khắc phục.
 - + Khi động cơ đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.
 - + Dừng động cơ ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.
- Bơm nước sau xử lý: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB6 và MCB7 qua công tắc tơ Q6 và Q7 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M6 ngoài hiện trường.
- + Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa.
 - + Gạt MCCB tương ứng với bơm lên vị trí ON.
 - + Khởi động M6, M7 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là P401 và P402 cánh tủ động lực sang vị trí H.
 - + Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động lực bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.
 - + Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.
 - + Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.
- Máy nén khí: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB85, qua công tắc tơ Q8 tương ứng rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M8 ngoài hiện trường.
- + Kiểm tra MCB ở tủ động lực đã bật chưa.
 - + Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON.
 - + Khởi động M8 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là MNK cánh tủ động lực sang vị trí MAN.
 - + Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động lực bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.
 - + Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.
 - + Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

Bơm nước thải bể gom: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB9, MCB10, qua công tắc tơ Q9, Q10 tương ứng rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M9, M10 ngoài hiện trường.

- + Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa.
- + Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON.
- + Khởi động M9 và M10 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng ở cánh tủ động lực sang vị trí H.

- + Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động lực bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- + Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- + Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

Bơm nước thải bể điều hòa: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB11, MCB12, qua công tắc tơ Q8 tương ứng rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M11, M12 ngoài hiện trường.

- + Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa.
- + Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON.
- + Khởi động M11 và M12 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng ở cánh tủ động lực sang vị trí H.

- + Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động lực bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- + Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- + Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

Bơm bùn tuần hoàn; bơm bùn thải bỏ của bể xử lý sinh học ASBR-1 và ASBR-2: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB13, MCB14, MCB15, MCB16, qua công tắc tơ Q13, Q14, Q15, Q16 tương ứng rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M13, M14, M15, M16 ngoài hiện trường.

- + Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa.
- + Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON.

+ Khởi động M13, M14, M15, M16 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là MNK cánh tủ động lực sang vị trí H.

+ Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động lực bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

+ Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

+ Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

Bơm định lượng hóa chất khử trùng: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB17, MCB18, qua công tắc tơ Q17, Q18 tương ứng rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M17, M18 ngoài hiện trường.

+ Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa.

+ Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON.

+ Khởi động M17, M18 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là MNK cánh tủ động lực sang vị trí H.

+ Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động lực bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

+ Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

+ Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

Quạt hút: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB21, qua công tắc tơ Q21 tương ứng rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M21 ngoài hiện trường.

+ Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa.

+ Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON.

+ Khởi động M21 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là QH501 cánh tủ động lực sang vị trí H.

+ Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động lực bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

+ Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

+ Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

Bơm hóa chất: Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB22, MCB23, MCB24, MCB25, qua công tắc tơ Q22, Q23, Q24, Q25 tương ứng rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M22, M23, M24, M25 ngoài hiện trường.

+ Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa.

+ Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON.

+ Khởi động M21 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là P501, P502, P503, P504 cánh tủ động lực sang vị trí H.

+ Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động lực bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

+ Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

+ Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

Vận hành các van:

+ Nguồn điện 24 VDC được lấy từ tủ điều khiển cấp điện qua các aptomat VDK1, VDK2, VDK3, VDK4, VDK5, VDK6.

+ Riêng 2 van VDK7, VDK8 được cấp điện 220 VAC lấy từ tủ điều khiển qua aptomat tương ứng.

+ Kiểm tra aptomat cấp nguồn tủ điều khiển đã bật chưa.

+ Gạt các aptomat VDK1 – VDK8 lên vị trí ON.

+ Chuyển công tắc chuyển mạch của VDK1, VDK2, VDK3, VDK4, VDK5, VDK6, VDK7, VDK8 ở cánh tủ điều khiển sang vị trí H.

+ Khi van mở, đèn màu xanh sẽ sáng.

+ Khi van đóng, đèn màu đỏ sẽ sáng.

Bảng 3. 5. Danh mục máy móc, thiết bị của trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động đã lắp đặt

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị chính				
1	Cảm biến pH tích hợp nhiệt độ	Cảm biến pH tích hợp nhiệt độ Model: PHEHT - Nguyên lý đo: Điện cực thủy tinh - Dải đo: 0-14pH	Aqualabo / Pháp	Bộ	1

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
		- Độ chính xác: +/-0.1pH - Độ phân giải: 0.01pH - Vật liệu: PVC - Cấp bảo vệ: IP68			
2	Cảm biến TSS	Cảm biến TSS Model: NTU Sensor - Đầu đo nhúng chìm hoàn toàn với công nghệ quang học không sử dụng hóa chất. - Nguyên lý đo: Tán xạ ánh sáng - Dải đo: 0 - 4500 mg/L. - Độ chính xác: <5% - Công nghệ làm sạch: khí nén - Vật liệu: PVC - Cấp bảo vệ: IP68	Aqualabo / Pháp	Bộ	1
3	Cảm biến COD	Cảm biến đo COD Model: StacSense - Đầu đo nhúng chìm hoàn toàn với công nghệ quang học không sử dụng hóa chất. - Nguồn phát: UV LED - Công nghệ đo: Quang học bước sóng 254nm và độ đục ở bước sóng 530nm để bù độ đục - Dải đo COD: 0 - 1300mg/L - Độ chính xác: 3% - Công nghệ làm sạch: khí nén - Vật liệu: 316 - Cấp bảo vệ: IP68"	Aqualabo / Pháp	Bộ	1
4	Cảm biến đo Amonia	Model: AMM1000A - Nguyên lý đo: chọn lọc ion (ISE) - Điện cực có thể tháo rời và thay thế dễ dàng	Realtech / Canada	Bộ	1

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
		- Dải đo: 0.014-2000mg/L - Độ chính xác: 4% - Độ phân giải: 0.01mg/L - Chuẩn IP68 ngâm nước trực tiếp			
5	Thiết bị đo lưu lượng	Model: RIF600W - Đường kính ống đo tùy chọn: DN50- DN700 - Độ chính xác: <1% - Ngõ ra: 4-20mA & Modbus RS485 - Cấp bảo vệ sensor: IP68 - Nguồn cấp: 220V"	Riels / Ý	Bộ	1
6	Thiết bị kết nối, truyền và nhận dữ liệu	"Model: iOlogs+ / iOtrans+ - Đáp ứng hoàn toàn Thông tư 10/2021/TT-BTNMT - Có chứng chỉ ISO/IEC 27001:2022 về Hệ thống quản lý an toàn thông tin - Kết nối trực tiếp với các cảm biến đo: pH tích hợp nhiệt độ, TSS, COD - Chức năng hiệu chuẩn đầu đo: Hiệu chuẩn 1 điểm hoặc 3 điểm - Lưu và hiển thị trạng thái thiết bị (Đang đo, Lỗi, Hiệu chuẩn) - Lưu dữ liệu dạng txt, cấu trúc file theo thông tư 10/2021/TT-BTNMT có thể lưu tối thiểu 60 ngày - 02 đầu vào tương tự 4-20mA cách ly điện (AI1, AI2) (Khả năng mở rộng theo yêu cầu) - 02 đầu vào số cách ly điện 10-30VDC (DI1-DI2) (Khả năng	Việt Nam	Bộ	1

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
		mở rộng theo yêu cầu) - 02 đầu ra số cách ly điện 10-30VDC (DO1-DO2) - 01 cổng RJ45 Ethernet 10Base-T/100Base-TX cho kết nối LAN hoặc Modbus TCP/TP - 02 cổng Modbus RTU (RS485) cách ly điện cho kết nối Master/Slave - 02 cổng SDI-12 cho phép kết nối trực tiếp đến các cảm biến đo - 01 khe cắm thẻ Sim 3G/4G - 01 khe cắm USB - Màn hình cảm ứng 7" - Cấp bảo vệ: IP65 - Nguồn điện: 24VDC"			
7	Máy lấy mẫu nước thải tự động	Model: iOman+ - Đáp ứng hoàn toàn Thông tư 10/2021/TT-BTNMT - Màn hình hiển thị LCD 4.3inch - Số lượng chai lấy mẫu: 24 chai/1.5L (có khay đựng, có nắp chai) - Nhiệt độ khoang chứa mẫu: 2-4°C - Nhiệt độ buồng mẫu có thể điều chỉnh: -28 độ C ÷ 30 độ C - Bộ chuyển mẫu: Xoay 0-359 độ - Chiều dài ống hút mẫu: 10m (tùy thuộc vào chiều dài ống lấy mẫu) - Có cổng kết nối với Dataloger	Việt Nam	Bộ	1

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
		(trao đổi tín hiệu liên tục với dataloger) - Vật liệu thân máy: Inox 201 / Inox 304 chống ăn mòn"			
II Thiết bị, vật tư phụ trợ					
8	Hệ thống camera giám sát	- 02 camera quay ngang - dọc, có khả năng xem ban đêm - 01 Đầu ghi hình camera - 01 Ổ cứng chuyên dụng	Hikvision / Trung Quốc	HT	1
9	Bộ lưu điện (UPS)	- Công suất: 2000VA - Đáp ứng công suất bảo đảm hệ thống duy trì hoạt động tối thiểu 30 phút trong trường hợp mất nguồn điện VAC	Wahbou / Trung Quốc	Bộ	1
10	Hệ thống báo cháy, báo khói	Bao gồm: + Đầu sensor cảm biến nhiệt + Đầu senser khói + Các bình chữa cháy khí CO2 và bình bột + Nút ấn báo cháy khẩn cấp + Chuông, đèn báo cháy tích hợp	Horing / Đài Loan	HT	1
11	Bơm chìm hút mẫu nước thải	- Công suất: 300W - Bơm hút nước thải từ vị trí kênh hở đo lưu lượng nước thải đầu ra về bồn chứa mẫu nước thải	Wilo / Hàn Quốc	Cái	2
12	Dung dịch chuẩn	- Có chứng nhận liên kết chuẩn đáp ứng hoàn toàn Thông tư 10/2021/TT-BTNMT bao gồm: + 01 chai 500ml pH4, 01 chai 500ml pH7 + 01 chai 500ml TSS; 01 chai 500ml COD; 01 chai 500ml Ammonia"	Việt Nam	Gói	1

Cơ sở đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.
Ngày 27/3/2025, Công ty đã gửi Văn bản số 135/2024/CV-ĐOHD về Sở Nông nghiệp

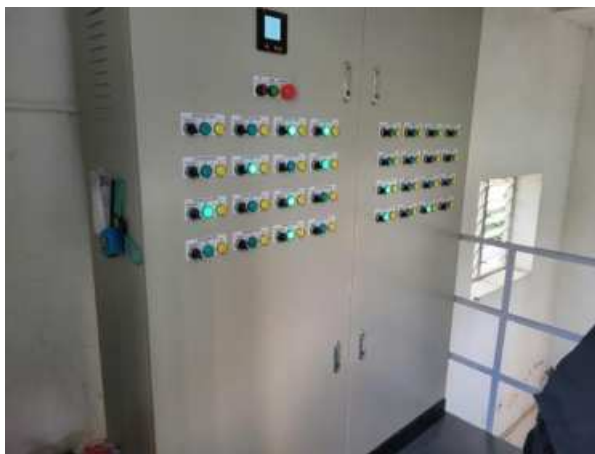
và Môi trường Hà Nội, Trung tâm công nghệ thông tin và chuyển số nông nghiệp môi trường Hà Nội xin kết nối dữ liệu Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.



Tháp xử lý mùi



Máy thổi khí



Tủ điều khiển



Bể khử trùng



Cụm bể ASBR

*Hình 3. 8. Hình ảnh nhà điều hành và các bể xử lý trong HTXLNT 1.700 m³/ngày
* Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục*

Năm 2021, cơ sở đã tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động cho trạm XLNT. Trong quá trình vận hành, hệ thống quan trắc đã bị hỏng hóc cần sửa chữa thay thế. Hiện nay, cơ sở đã hoàn thành việc lắp đặt thay thế hệ thống quan trắc

nước thải tự động, liên tục mới. Ngày 27/3/2025, Công ty đã gửi Văn bản số 135/2024/CV-ĐOHĐ về Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, Trung tâm công nghệ thông tin và chuyển số nông nghiệp môi trường Hà Nội xin kết nối dữ liệu Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.



Hình 3. 9. Hình ảnh trạm quan trắc tự động đã lắp đặt

3.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

** Giảm thiểu khí thải, mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải cụ thể như sau:*

Lượng mùi, khí thải sinh mùi phát chủ yếu từ bể điều hòa, bể xử lý sinh học ASB. Trong các cụm bể thu gom, tách rác, chứa bùn dư phát sinh ít hơn do sự phân hủy yếm khí các chất hữu cơ sinh khí sunfua và metal.

Hệ thống xử lý mùi của hệ thống XLNT áp dụng phương pháp hấp phụ khí bằng than hoạt tính. Mùi và khí thải được thu gom bằng các chụp hút theo hệ thống đường ống phân phối vào trong tháp hấp phụ và đi lớp than hoạt tính. Khí sau xử lý theo ống thoát khí ra ngoài môi trường.

Quy trình xử lý mùi, khí thải phát sinh từ Hệ thống XLNT cụ thể như sau:

Mùi, khí thải phát sinh từ Hệ thống XLNT → Đường ống uPVC → Quạt hút → Tháp hấp phụ → Ống thoát khí.

Thông số kỹ thuật của tháp:

- Kích thước $\Phi 1500\text{mm}$, chiều cao $H=2000\text{mm}$
- Đường ống thu khí uPVC D110, ống thoát khí uPVC D110
- Vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính
- Khối lượng than hoạt tính: 20kg/tháp, mỗi tháp gồm 2 lớp than dày 10cm/1 lớp (tần suất thay 3 tháng/lần, than hoạt tính được thu gom cùng CTSH để hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý).
- Công suất quạt hút: 3000-3500 m³/giờ, công suất $p=2950\text{ rpm}$.

** Biện pháp giảm thiểu khí mùi từ máy phát điện dự phòng*

Tại khối cao tầng thuộc khu NO-CT1, sử dụng 02 máy phát điện với công suất 750kW đặt ở ngoài nhà.

Tại khối cao tầng thuộc khu NO-CT2, sử dụng 04 máy phát điện, trong đó có 03 máy phát điện công suất 2.000kW và 01 máy phát điện công suất 1500kW và được đặt tại hầm B1 của khối nhà.

Nhiên liệu sử dụng dầu DO để đảm bảo tính liên tục cấp điện cho các phụ tải ưu tiên. Máy được bao bọc nguồn ồn bằng vỏ cách âm cho máy phát điện, được lắp đặt ống giảm âm thanh cho các ống thải khí. Hệ thống xử lý khí thải của máy phát điện dự phòng được đồng bộ trong máy. Khí thải phát sinh từ máy phát điện được phát tán qua 02 ống khói thải có chiều cao phù hợp để giảm thiểu tác động của khí thải tới sức khỏe của cán bộ, công nhân viên. Thực tế, máy phát điện được sử dụng trong trường hợp mất điện mạng lưới, do đó, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện mang tính chất gián đoạn.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Công trình thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại ô đất NO-CT1:

+ Tại khối cao tầng, mỗi tầng bố trí 01 phòng rác diện tích 3,5m² và 01 phòng rác tập trung diện tích 22m² đặt tại tầng 1 để thu gom rác đi xử lý. Bố trí 02 thùng rác (dung tích 100 lít) có nắp đậy và bánh xe tại từng phòng chứa rác.

+ Tại khối thấp tầng, người dân tự quản lý chất thải phát sinh và cuối ngày mang rác ra ngoài cho đơn vị xử lý môi trường địa phương đi thu gom xử lý.

- Tại ô đất NO-CT2:

+ Tại khối cao tầng, mỗi tầng bố trí 01 phòng rác diện tích 3,3m² và 01 phòng rác tập trung diện tích 20m² đặt tại tầng hầm B1 để thu gom rác đi xử lý. Bố trí 02 thùng rác (dung tích 100 lít) có nắp đậy và bánh xe tại từng phòng chứa rác.

+ Tại khối thấp tầng, người dân tự quản lý chất thải phát sinh và cuối ngày mang rác ra ngoài cho đơn vị xử lý môi trường địa phương đi thu gom xử lý.

Phương thức thu gom:

+ Đối với khối cao tầng: rác thải phát sinh từ các tầng của tòa nhà sẽ được thu gom tập trung về phòng rác tập trung bố trí tại mỗi tòa nhà, cuối mỗi ngày để xe rác thu gom vận chuyển đi luôn. Tại các phòng rác của từng tầng, bố trí 02 thùng rác (01 thùng chứa rác vô cơ và 01 thùng chứa rác hữu cơ) để người dân tự phân loại rác tại nguồn.

+ Đối với khối thấp tầng: Dân cư chủ động phân loại rác tại nguồn và tập trung tạm vào thùng rác dung tích 150 lít đặt dọc tuyến đường nội bộ để cuối ngày xe thu gom rác đi thu gom, xử lý.

Trong quá trình vận chuyển sẽ sử dụng thùng chứa có nắp đậy, và che chắn kỹ để không làm rơi vãi rác thải, và không làm phát sinh mùi ra khu vực dự án.

Công trình xử lý: Cơ sở đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số HĐKL/07220290 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý.

- *Chủng loại, khối lượng chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở:*

+ *Chủng loại:* Thành phần chính là các loại chất hữu cơ dễ bị phân hủy, giấy vụn, bao bì, bùn từ bể tự hoại, bùn từ hệ thống xử lý nước thải...

+ *Khối lượng:*

Đối với chất thải sinh hoạt phát sinh: Căn cứ biên bản bàn giao chất thải sinh hoạt tại cơ sở năm 2024, khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 2.409 tấn/năm.

Đối với bùn thải bể tự hoại và từ hệ thống xử lý nước thải tập trung

- *Đối với bùn từ bể tự hoại:* Thành phần của bùn thải này chủ yếu là nước (chiếm tới ~85%, do thiết bị vệ sinh cần nước để hút lôi cuốn các cặn bẩn khác) ngoài ra là các chất thải khác (có hàm lượng nhỏ hơn 15%) bao gồm các loại cặn được phân hủy từ phân và giấy vệ sinh, ...

Thể tích phần bùn:

$$W_b = (a.N.T_2.C) : 1.000$$

(Nguồn: Giáo trình đánh giá tác động môi trường – Trần Đông Phong, Nguyễn Quỳnh Hương)

Trong đó:

+ *a:* Tiêu chuẩn cặn lắng cho một người trong 01 ngày đêm ($a = 0,4 - 0,5$ lít/ngày đêm). Chọn $a = 0,4$ lít/ngày đêm;

+ *N:* Số dân cư sinh sống tại dự án là 6.716 người.

+ *T₂:* Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại (thời gian giữa 2 lần hút cặn) ($T_2=6-12$ tháng). Chọn $T_2 = 6$ tháng = 180 ngày.

+ *C:* Hệ số tính đến 20% cặn được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn khi hút cặn giúp cho quá trình lên men cặn tươi tiếp theo được nhanh chóng và dễ dàng hơn, $C = 1,2$;

Suy ra, thể tích phần bùn: $W_b = (0,4 \times 6.716 \times 180 \times 1,2) : 1.000 = 580,3 \text{ (m}^3\text{)}$ Với giả thiết, trọng lượng bùn tươi là 1,05 kg/lít.

Khối lượng bùn từ bể phốt ước tính khoảng 609,3 tấn/năm.

- *Đối với bùn từ HTXLNT:* Bùn thải từ quá trình hoạt động của trạm xử lý nước thải sẽ sinh ra một lượng bùn đáng kể. Ước tính lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải như sau:

Lượng bùn thải được tính theo công thức:

$$M_{\text{bùn}} = Q \times ((C_{\text{SSvào}} - C_{\text{SSra}}) + K_{\text{BOD}} \times (C_{\text{BODvào}} - C_{\text{BODra}})) / 1000 \text{ (kg)}$$

Trong đó: Q – Lưu lượng nước thải ($\text{m}^3/\text{ngày}$) = $1.700\text{m}^3/\text{ngày}$

C_{SS} – Nồng độ SS (mg/l), C_{SSvào} = 500mg/l, C_{SSra} = 30mg/l

C_{BOD} – Nồng độ BOD (mg/l), C_{BODvào} = 400mg/l, C_{BODra} = 50mg/l

k_{BOD} – Hệ số chuyển BOD thành bùn (0,3)

Thay vào công thức, ta có:

$$M_{\text{bùn}} = 1.700 \times ((500 - 30) + 0,3 \times (400 - 50))/1000 = 977,5 \text{ kg/ngày}$$

Lượng bùn này được ép khô bằng máy ép bùn. Bùn khô sau khi ép độ ẩm chỉ còn từ 25-30%, khối lượng bùn khô sau khi ép chỉ còn từ khoảng 60%. Như vậy, khối lượng bùn khô sau khi ép của trạm xử lý nước thải là 586,5 kg/ngày tương đương 214,1 tấn/năm.

Bùn này sẽ được công ty ký hợp đồng thu gom vận chuyển với đơn vị có chức năng theo quy định thu gom chất thải rắn thông thường. Năm 2024, Ban quản trị tòa nhà CT1 – Hải Đăng hợp đồng với Công ty TNHH MTV vệ sinh môi trường Đồng Đa theo Hợp đồng dịch vụ hút chất thải sinh hoạt số 0607/2024/HĐDV/BQT-PMC-VSMTĐĐ để thu gom, hút bùn thải từ bể phốt và từ trạm XLNT tập trung đi xử lý. Đối với bùn từ bể tự hoại tại khu đất NO-CT2 (tên thương mại The Zei) được Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng ký Hợp đồng số 35/2023/HĐKT/HAIDANG-MTX với Công ty TNHH Dịch vụ vệ sinh môi trường xanh Hà Nội thu hút để xử lý.



Phòng rác tập trung tầng 1 khu cao tầng của ô đất NO-CT1



Phương án thu gom rác tại các khu nhà ở thấp tầng



Phòng rác tập trung tại khối cao tầng của khu đất NO-CT2



Phòng rác bố trí từng tầng của khối cao tầng khu đất NO-CT2

Hình 3. 10. Công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt tại cơ sở

3.4. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chức năng: Lưu giữ CTNH phát sinh
- Thông số kỹ thuật:
 - + Tại khối cao tầng của ô đất NO-CT1: Diện tích kho CTNH là 3,5m², bố trí tại tầng hầm B1 của tòa nhà.
 - + Tại khối cao tầng của ô đất NO-CT2: Diện tích kho CTNH là 12m², bố trí tại tầng hầm B1 của tòa nhà.
- Kết cấu kho: Khu lưu giữ chất thải nguy hại có nền đổ bê tông, không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt và biển báo theo quy định. Các loại chất thải nguy hại được lưu giữ tạm thời trong thùng nhựa có nắp đậy, dán biển cảnh báo và đặt tương ứng tại khu vực có ghi tên, mã CTNH và biển cảnh báo cho từng loại chất thải đặt trong khu lưu giữ này.
- + Tường bao quanh xây bằng gạch, có mái tôn che kín, gắn biển tên và biển cảnh báo;
- + Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.
- + Có thiết bị bình cứu hỏa, nội quy, tiêu lệnh PCCC, theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa.
- + Có vật liệu hấp thụ như cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.
- Lưu giữ:

CTNH tại khối cao tầng của 2 lô NO-CT1 và NO-CT2 được thu gom vào thùng chứa bằng nhựa 100 lít có nắp đậy đặt tại phòng lưu chứa chất thải nguy hại của từng khối. Hàng ngày, đội vệ sinh môi trường của Tòa nhà sẽ đi thu gom, phân loại và tập kết về kho lưu giữ tạm thời CTNH.

Việc quản lý chất thải nguy hại thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy trình quản lý chất thải nguy hại như sau: Nguồn phát sinh → Danh mục Khối lượng → Biện pháp quản lý (Thu gom, phân loại, lưu giữ, dán nhãn, ghi mã số chất thải nguy hại, kho lưu giữ, biển cảnh báo) → Đơn vị vận chuyển, xử lý.

- Công tác quản lý chất thải nguy hại từ dự án sẽ do tổ VSMT trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc Công ty về nhiệm vụ của mình.

Cơ sở đã ký hợp đồng số 30210230/2021/HĐ-TT/XL ngày 30/6/2021 với Công

ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành thu gom chất thải nguy hại phát sinh.

Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:

- Trong quá trình hoạt động, dự án phát sinh một số loại CTNH giẻ lau dính CTNH, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng bằng nhựa thải... Căn cứ vào chứng từ thu gom CTNH hàng năm tại cơ sở, khối lượng chất thải ước tính trung bình phát sinh theo bảng sau:

Bảng 3. 6. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)			
			NO-CT1	NO-CT2	Tổng	Cơ sở đăng ký
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5	10	15	20
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	13	20	33	40
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	9	15	24	30
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	88	100	188	200
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	65	80	145	180
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	32	60	92	120
Tổng cộng			212	285	497	590



Hình 3. 11. Phòng thu gom CTNH tại khu đất NO-CT1 và NO-CT2

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giảm thiểu tiếng ồn từ máy phát điện:

Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng kín có xây tường cách âm bao quanh và hệ thống tiêu âm tại tầng hầm của tòa nhà. Máy phát điện được kiểm định về tiếng ồn và khí thải đảm bảo đạt yêu cầu theo TCVN hiện hành.

Máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng trong trường hợp bị ngắt điện lưới, không thường xuyên vì vậy tác động do máy phát điện dự phòng không đáng kể.

- Giảm thiểu tiếng ồn từ nhà điều hành HTXLNT:

Nhà điều hành của HTXLNT được bố trí trong phòng kín nằm trong tầng hầm, không có hoạt động làm việc và sinh hoạt của người dân nên mức độ ảnh hưởng ít.

- Giảm thiểu tiếng ồn từ phương tiện giao thông:

Tiếng ồn gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án như xe ô tô, xe gắn máy, tiếng ồn từ trạm xử lý nước thải.

Để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh ban quản lý tòa nhà quy định khung giờ được phép bấm còi, kiểm soát phương tiện ra vào dự án tránh tình trạng ảnh hưởng tới các hộ dân đang sinh sống ở khu vực.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Sự cố cháy nổ:

Công trình được thiết kế một hệ thống Phòng cháy chữa cháy (PCCC) để đảm bảo an toàn và đáp ứng các yêu cầu về PCCC theo các tiêu chuẩn, quy định, quy phạm hiện hành (TCVN 2622-1995; TCVN 3254-1998; TCVN 5760-1993 và các tài liệu liên quan). Đồng thời phát hiện nhanh chóng và thông báo chính xác về vị trí của đám cháy có thể xảy ra giúp lực lượng bảo vệ và nhân viên Ban Quản lý Tòa nhà kịp thời xử lý.

Hệ thống cấp nước chữa cháy cho công trình là hệ thống sự kết hợp giữa hệ thống họng nước chữa cháy vách tường và hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.

b. Sự cố ngập lụt tầng hầm

Để phòng chống rủi ro ngập lụt tầng hầm, chủ đầu tư đã thực hiện các biện pháp sau:

Thường xuyên duy tu, kiểm tra hệ thống cấp thoát nước trong và ngoài công trình, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho đúng thiết kế.

Các tiêu chuẩn kỹ thuật cho hệ thống thoát nước của công trình như sau:

- + Hệ thống thoát nước phải đảm bảo hoạt động không bị tắc nghẽn; gây ứ đọng cho công trình và khu vực.

- + Nước thải và các chất thải khác phải được thông thoát đảm bảo không rò rỉ ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước và các bề mặt xung quanh.

- + Đảm bảo độ dốc tối thiểu của đường ống thoát nước theo tiêu chuẩn quy định.

- + Đảm bảo hệ thống thoát hơi tốt cho ống đứng và thiết bị.

c. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín an toàn nhất.

d. Đối với sự cố trạm xử lý nước thải

- Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn;

- Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Định kỳ 3 tháng/lần lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của trạm xử lý nước thải;

- Trong trường hợp lưu lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống: Nước thải được lưu chứa tạm thời tại các bể xử lý sơ bộ và bể điều hòa sau

đó thuê đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý, tránh tình trạng quá tải và không để nước thải chưa đạt quy chuẩn xả ra ngoài môi trường.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố cần phải dừng toàn bộ hệ thống quá 24h, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý, không để nước thải không đạt chuẩn thải ra hệ thống tiếp nhận.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra một số sự cố. Tuy nhiên, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã có các phương án để xử lý như sau:

+ Sự cố quá nhiệt của các động cơ bơm: Khi xảy ra quá nhiệt của bất cứ động cơ của bơm nào thì tủ điện lập tức ngắt bơm đó ra khỏi chu trình làm việc. Các bơm khác nếu không bị quá nhiệt vẫn hoạt động bình thường. Nguyên nhân có thể do: Quá tải bơm, rò rỉ nhiệt tác động, nguồn điện quá thấp hoặc quá cao, Giá trị role nhiệt đang đặt ở mức nhỏ hơn dòng định mức của động cơ. Cần tham khảo tài liệu để đặt lại giá trị cho phù hợp.

Cách khắc phục sự cố này như sau: Xem cánh bơm có bị kẹt hay không, có bùn, rác thải làm kẹt cánh hay không (kiểm tra áp suất nước đầu ra của đường ống). Điều chỉnh giá trị của role nhiệt bằng 1,2 đến 1,5 lần giá trị định mức của động cơ điện.

** Sự cố đối với trạm xử lý nước thải*

Bảng 3. 7. Bảng thống kê nguyên nhân và cách khắc phục sự cố trạm XLNT

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
<i>Sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải</i>		
1. Sự cố rò rỉ nước thải từ hệ thống thu gom	- Do ngoại lực làm nứt, vỡ đường ống hay do đường ống có độ bền không cao. - Do khớp nối giữa các ống không gắn kết.	- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống ống thu gom, nhất là các mối nối giữa các ống. - Sử dụng ống có độ bền cao. - Khi gặp sự cố, cán bộ kỹ thuật tiến hành sửa chữa kịp thời.
2. Sự cố tắc hệ thống ống thu gom	- Do rác, chất thải rắn rơi vào ống gây tắc ống. - Do ống kỹ thuật thiết kế kích thước chưa đủ lớn để đảm bảo lượng nước được lưu thông kịp thời.	- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống ống thu gom. - Sử dụng ống có kích thước thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn. - Khi gặp sự cố, cán bộ kỹ thuật tiến hành lấy vật cản, khơi thông dòng chảy.

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Sự cố đối với bể xử lý nước thải		
1. Sự cố rò rỉ nước thải từ hệ thống ra ngoài môi trường	- Do ngoại lực làm nứt, vỡ thành bể của HTXL. - Do đoạn ống dẫn nước thải từ các bể với nhau bị nứt, gãy.	- Xây dựng thành bể, cấu tạo bể có độ bền và chịu lực cao. - Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng bể hệ thống xử lý nước thải định kỳ (3 tháng/1 lần). - Sử dụng ống dẫn nước thải có độ bền cao. - Khi gặp sự cố, cán bộ kỹ thuật tiến hành sửa chữa kịp thời. Trong trường hợp chưa kịp khắc phục được ngay, sẽ có thông báo đến tất cả bộ phận liên quan để tạm dừng các hoạt động có phát sinh nước thải nhằm đảm bảo không cho nước thải chảy ra môi trường.
2. Sự cố vỡ hay tắc đường ống dẫn nước trong các bể xử lý.	- Do bị rác, chất thải mắc kẹt trong các ống dẫn làm giảm khả năng lưu thông giữa các bể xử lý.	- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước thải của các bể xử lý. - Theo dõi chế độ vận hành máy bơm, lưu lượng nước tại các bể, thiết bị báo động để phát hiện sự cố kịp thời. - Tiến hành thay thế, sửa chữa kịp thời các đoạn ống bị hỏng.
4. Sự cố thiết bị xử lý gặp sự cố	- Do máy bơm nước thải, bơm bùn thải gặp sự cố. - Do máy khuấy và hệ thống cấp khí gặp sự cố. - Do máy bơm dung dịch khử trùng gặp sự cố.	- Lắp đặt các thiết bị dự phòng. - Kiểm tra, bảo dưỡng định kì hoạt động xử lý nước thải, tần suất 1 ngày/lần. - Thay thế thiết bị hỏng. - Tiến hành xử lý lại nước thải tại các bể gặp sự cố.

*** Sự cố đối với công nghệ xử lý nước và biện pháp khắc phục**

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1. Quá trình xử lý sinh học tại ngăn thiếu khí và hiếu khí		

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
a. Hệ vi sinh vật bị chết	- Thiếu chất dinh dưỡng - Môi trường nhiệt độ quá cao hay quá thấp - Nước thải bị nhiễm các hoá chất độc tố gây chết vi sinh vật.	- Nuôi cấy lại hệ vi sinh vật
b. Giảm hiệu quả khử nitrat hóa	- Nồng độ oxi hòa tan trong dòng hồi lưu tới vùng thiếu khí là quá cao - Nồng độ nitrat trong dòng hồi lưu tới vùng thiếu khí là quá cao hoặc tăng lên - Đảo trộn trong dòng bể kém	- Giảm sục khí sao cho nồng độ oxi hòa tan trong dòng hồi lưu nhỏ - Tăng cường đảo trộn bằng cách tăng máy khuấy chìm hoạt động
c. Bùn có màu nâu sẫm hoặc màu đen	- Thời gian lưu chất rắn trong bể hiếu khí là quá dài - Mức oxi hòa tan thấp	- Kiểm tra hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng, và tăng xả thải bùn - Kiểm tra nồng độ oxi hòa tan và nếu thấy thấp thì cần tăng cường sục khí Kiểm tra hiệu chỉnh van cấp khí vào bể
d. Tích tụ váng bọt màu nâu trên bề mặt bể thiếu	- Bọt váng có chứa vi sinh vật dạng sợi phát triển trong quá trình xử lý - Mức oxi hòa tan trong bể thiếu khí thấp do tải lượng COD lớn có trong dòng tuần hoàn từ bể hiếu khí - Tuổi bùn quá ngắn dẫn tới nồng độ hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng thấp	- Thay đổi các hình thức sục khí sao cho có thể liên tục tách bọt ra khỏi bể thiếu khí - Xịt phá vỡ bọt bằng đầu phun nước - Tăng mức oxi hòa tan - Tăng tuổi bùn Phân tích dòng vào xem có bất cứ sự thay đổi trong các thành phần đầu vào hay không
e. Váng hoặc bọt trắng trên bề mặt bể hiếu khí	- MLSS quá thấp	- Giảm bùn thải để tăng MLSS, có nghĩa là sẽ giảm F/M

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
2. Quá trình lắng		
- Nồng độ chất rắn ở dòng thải xả ra cao	Tỷ lệ tuần hoàn chu trình lắng là quá thấp Xuất hiện các dòng nhỏ do dòng chảy bị chia cắt Tải lượng chất rắn trong bể lắng quá cao Nồng độ hỗn hợp lỏng và rắn lơ lửng quá cao Bông keo bị phá vỡ	Bổ sung dd clo vào bùn hoạt tính Kiểm tra dòng chảy đến bể lắng và giảm dòng nếu có thể Tăng tỷ lệ tuần hoàn Giảm hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng trong bể hiếu khí Giảm sức khí
- Bùn nổi lên bề mặt bể lắng	Tuổi bùn quá non Xuất hiện hiện tượng khử nito trong bể lắng do thời gian lưu bị kéo dài	Tăng tuổi bùn (thời gian lưu bùn) Giảm cường độ khuấy trộn và chảy nổi trong các kênh dẫn truyền Tăng tỷ lệ tuần hoàn
- Bùn tuần hoàn quá đặc gây tắc ống	Bùn tích tụ trong bể lắng quá nhiều	Ngăn chặn quá trình khử nito bằng cách giảm tuổi bùn hoặc tỷ lệ sức khí

Trường hợp hệ thống xử lý xảy ra sự cố, cần phải dừng làm việc và sửa chữa ngay không để nước thải chưa được xử lý xả ra môi trường.

Trong trường hợp sự cố thiết bị, sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Trong trường hợp sự cố hệ thống, toàn bộ nước thải được thu gom trong bể điều hòa và các bể chứa nước. Sau đó, tiến hành khắc phục sự cố và bơm nước thải tuần hoàn trở lại hệ thống để xử lý.

Khi xảy ra sự cố lưu lượng nước thải lớn bất thường, hoặc có mùi hôi nồng nặc tức là hệ thống đã bị quá tải. Trong trường hợp này, cán bộ vận hành sẽ có trách nhiệm kiểm tra ngay để tìm hiểu nguyên nhân và liên hệ với đơn vị cung cấp xử lý để xem xét áp dụng một số biện pháp như:

+ Tăng lưu lượng lưu thông nước (trong trường hợp nguyên nhân làm tăng lưu lượng nước là nước sạch bị rò rỉ vào hệ thống thoát nước).

+ Tăng lưu lượng khí thổi vào bể xử lý

+ Tăng lượng bùn tuần hoàn

+ Bổ sung thêm chế phẩm vi sinh.

** Sự cố về các thiết bị phụ trợ (bơm thải, máy khuấy, bơm hóa chất ,...)*

Trong một số trường hợp xảy ra sự cố hư hỏng thiết bị làm ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ hệ thống:

Hư hỏng bơm nước thải: Không điều tiết được lưu lượng nước thải bơm qua các bể. Không kiểm soát được thời gian nước thải lưu trong bể.

Hư bơm định lượng: Không bơm được hóa chất

Hư hỏng hệ cấp khí: Không cấp đủ lượng khí cần thiết cho hệ sinh học, vi sinh yếu, hoạt động không hiệu quả.

Hư hỏng máy thổi khí: Không cấp khí cho bể sinh học, vi sinh yếu hoặc chết, phải nuôi cấy lại.

** Yêu cầu đối với cán bộ vận hành, giám sát an toàn, môi trường:*

- Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra.
- Tiến hành giải quyết các sự cố theo thứ tự ưu tiên: Bảo đảm an toàn về người, tài sản và công việc.
- Nếu sự cố không tự khắc phục được, phải hợp tác với các đơn vị chức năng.
- Lập hồ sơ ghi chép sự cố.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Không có.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3. 8. Các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt ĐTM

TT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM	Theo thực tế vận hành	Nội dung thay đổi	Giải trình sự thay đổi
I	Công trình xử lý nước thải				
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700m ³ /ngày	+ Công suất: 1.700 m³/ngày đêm, gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên công suất 850m³/ngày + Công nghệ xử lý sinh học AO + Vị trí xây dựng: diện tích 850m² tại khu cây xanh CX2	+ HTXLNT công suất 1.700 m³/ngày đêm xây dựng vào tháng 10/2017 và đưa vào vận hành từ tháng 7/2018. + Công nghệ sinh học dạng mẻ dòng liên tục ASBR + Vị trí xây dựng: diện tích 850m² tại khu cây xanh CX2	Thay đổi công suất xử lý từ công nghệ xử lý sinh học AO sang công nghệ sinh học dạng mẻ dòng liên tục ASBR	+ Theo ĐTM được phê duyệt vào năm 2015: Nước thải → Ngăn tách mỡ & bể điều hòa → Cụm bể xử lý sinh học AO → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng & Ngăn chứa nước → Nguồn tiếp nhận. Đây Là công nghệ xử lý nước thải liên động, liên tục. Dòng chảy nước thải sẽ liên tục được đưa vào cụm bể xử lý sau đó thoát ra ngoài. Chế độ vận hành đơn giản, có chế độ tự động và thủ công khi gặp sự cố về thiết bị. + Theo công nghệ HTXL đã xây dựng: Nước thải sau xử lý sơ bộ (nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại & nước thải nhà bếp qua bể tách mỡ) → Bể điều hòa → Bể xử lý sinh học Selector → Bể xử lý sinh học ASBR → Thiết bị tách nước và ngăn khử trùng → Nguồn tiếp nhận. Nước thải được xử lý sơ bộ trước khi thu gom vào HTXLNT tập trung để xử lý. Trong đó nước thải từ nhà vệ sinh thu gom và xử lý qua bể tự hoại và nước thải nhà bếp thu gom và xử lý qua bể tách dầu mỡ, sau đó dẫn về bể điều

TT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM	Theo thực tế vận hành	Nội dung thay đổi	Giải trình sự thay đổi
					hòa của HTXLNT. Bản chất của công nghệ XLNT của hệ thống là Là công nghệ xử lý nước thải theo mẻ (Với 5 chu trình: Nạp nước, sục khí, lắng, thoát nước, nghỉ). Sau khi hết chu trình này mới tiếp tục xử lý 1 mẻ nước thải mới. Công nghệ xử lý nước thải theo mẻ phù hợp với tính chất phát sinh nước thải tại dự án theo giai đoạn đầu tư của lô NO-CT1 và lô NO-CT2. Ngoài ra chế độ vận hành phức tạp, đòi hỏi độ chính xác cao bởi lập trình tự động PLC hoặc nhân viên vận hành có trình độ chuyên môn cao. Chi phí đầu tư thiết bị của HTXLNT theo công nghệ này thấp hơn so với thiết bị của HTXLNT theo công nghệ sinh học AO; đòi hỏi tính chuyên môn cao khi vận hành hệ thống
II	Công trình xử lý Chất thải rắn và CTNH				
1	Hệ thống thu gom rác	* Tại lô NO-01: Bố trí đường ống thu gom từ các tầng xuống và gom vào các xe dung tích 0,8-1m³ - Đối với khu thấp tầng, người dân tự quản lý chất thải phát sinh	* Tại lô NO-01: - Đối với khu cao tầng bố trí mỗi tầng 1 kho chứa rác diện tích 3,5m²; 01 phòng rác tập trung tại tầng hầm 1 diện tích 22m² và 01	* Tại lô NO-01: - Thay đổi phương thức thu gom rác thải từ đường ống xuống tầng 1 để thu gom	Phù hợp với khuôn viên bố trí các hạng mục công trình xây dựng theo từng khối nhà cao tầng.

TT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM	Theo thực tế vận hành	Nội dung thay đổi	Giải trình sự thay đổi
			kho CTNH diện tích 3,5m ² tại tầng hầm B1. - Đối với khu thấp tầng, người dân tự quản lý chất thải phát sinh.	sang phương thức bố trí phòng rác từng tầng và phòng rác tập trung tại tầng hầm 1.	
2		* Tại lô NO-02: - Đối với khu cao tầng bố trí mỗi tầng 1 kho chứa rác diện tích 8m ² và 01 phòng rác tập trung tại tầng hầm 1 diện tích 50m ² , trong đó ngăn ra kho chứa CTNH 10m ² , còn lại là chứa rác sinh hoạt khoảng 40m ² . - Đối với khu thấp tầng, người dân tự quản lý chất thải phát sinh	* Tại lô NO-02: - Đối với khu cao tầng bố trí mỗi tầng 1 kho chứa rác diện tích 3,3m ² , 01 phòng rác tập trung tại tầng hầm 1 diện tích 20m ² và 01 kho CTNH 12m ² . - Đối với khu thấp tầng, người dân tự quản lý chất thải phát sinh	* Tại lô NO-02, điều chỉnh diện tích của các kho chứa rác từng tầng, kho rác tập trung và kho CTNH.	Phù hợp với khuôn viên bố trí các hạng mục công trình xây dựng theo từng khối nhà cao tầng.

* Cơ sở pháp lý thực hiện: Tại thời điểm cơ sở đang thực hiện hoạt động thi công xây dựng và có phương án thay đổi điều chỉnh công nghệ xử lý của HTXLNT, cơ sở thuộc trường hợp thay đổi công nghệ xử lý và không tác động xấu đến môi trường phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan phê duyệt ĐTM. Tuy nhiên do thiếu kiến thức về các thủ tục môi trường nên chưa kịp thời gửi Văn bản báo cáo UBND thành phố & Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội về sự thay đổi này.

Do đó cơ sở báo cáo trong báo cáo đề xuất cấp GPMT này để được xem xét, chấp thuận đối với nội dung điều chỉnh của công trình xử lý nước thải này.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 1: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của khu cao tầng và khu thấp tầng thuộc lô NO-CT01.
- + Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của khu cao tầng và khu thấp tầng thuộc lô NO-CT02.
- + Nguồn số 3: Nước thải từ hoạt động xả kiệt nước bể bơi thuộc khu cao tầng của lô NO-CT02.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 2.180 m³/ngày đêm
- Dòng nước thải: 02 dòng
- + Dòng thải số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt sau khi được xử lý bởi hệ thống XLNT tập trung công suất 1.700m³/ngày đêm đạt quy chuẩn cho phép theo cột B, QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, hệ số K=1 dẫn thoát ra hố ra đầu nổi thoát nước thải G16. Lưu lượng xả thải tối đa 1.700m³/ngày.
- + Dòng thải số 02: Nước thải từ hoạt động xả kiệt nước bể bơi dẫn thoát về hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà và đầu nổi ra hố ga G11. Lưu lượng xả thải tối đa (khi tiến hành xả đáy) 480m³/ngày.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:
- + Nước thải dòng thải số 01 trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B, k=1,0 (áp dụng cho đối tượng khu chung cư, khu dân cư từ 50 căn hộ trở lên).

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng thải số 1

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	50
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
4	TSS	mg/l	100
5	NH ₄ ⁺	mg/l	10
6	S ²⁻	mg/l	4

7	NO ₃ ⁻	mg/l	50
8	PO ₄ ³⁻	mg/l	10
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Coliform	MPN/100ml	5.000

+ Nước thải dòng thải số 02 trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cột B, $k_f=1,1$ (đối với lưu lượng nguồn thải $50 < F \leq 500$).

Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng thải số 2

STT	Thông số	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B, $K_f=1,1$)
1	Màu	Pt/Co	150
2	Clo dư	mg/l	2

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

* *Nước thải sinh hoạt:*

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung trên đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

+ Vị trí xả nước thải: Hồ ga G16 thuộc hệ thống thoát nước chung trên đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (*theo hệ tọa độ VN 2000*, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X = 2327186; Y = 579713.

+ Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức

+ Chế độ xả thải: Gián đoạn (không theo chu kỳ).

- **Nước thải bể bơi (nguồn không thường xuyên):**

+ Vị trí xả nước thải: Hồ ga G11 thuộc hệ thống thoát nước chung trên đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải bể bơi (*theo hệ tọa độ VN 2000*, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X = 2326948; Y = 579494.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải bể bơi sau xử lý xả kiệt chảy theo hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà đấu nối vào hồ ga G11 thuộc hệ thống thoát nước chung trên đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Chế độ xả nước thải: gián đoạn (chu kỳ 1 -2 lần/ năm).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có)

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

4.2.2. Lưu lượng xả khí thải, dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng thải: Từ ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Vị trí xả thải: Tọa độ X=2327006; Y=579454 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° 00' múi chiều 3).

+ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.500 m³/giờ.

+ Phương thức xả khí thải: Liên tục 24/24h.

4.2.3. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Khí thải phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các Quy chuẩn QCTĐNH 01:2014/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội (Kv = 0,5 quận Cầu Giấy và quận Nam Từ Liêm thuộc phần vùng loại 1), Kp = 1,0 (lưu lượng nguồn thải <20.000 m³/h) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Bảng 4. 3. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo	Quy chuẩn áp dụng
1	Amoni và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	25	QCTĐNH 01:2014/BTNMT (Kv = 0,5, Kp = 1)
2	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	3,75	
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15	QCVN 20:2009/BTNMT

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có)

Không có.

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

5.1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện

Cơ sở Hải Đăng city được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 với quy mô diện tích 66.906,1m², gồm 2 khu: NO-CT1 và NO-CT2.

Ngày 30/10/2017, Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép xả thải số 344/GP-UBND cho giai đoạn 1 của cơ sở (ô đất NO-CT1) với lưu lượng xả thải lớn nhất 1.100m³/ngày.

Ngày 02/4/2018, UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị và nhà ở thấp tầng tại ô đất NO-CT2 (thuộc dự án Hải Đăng city)” theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND do công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp tầng tại ô đất NO-CT2 điều chỉnh quy mô đầu tư thành: khu nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở có diện tích đất là 7.700m². Khu nhà ở thấp tầng có diện tích đất 6.951m². Tổng dân số 3292 người.

Ngày 22/5/2020, Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép xả thải số 156/GP-UBND cho giai đoạn 2 của cơ sở (ô đất NO-CT2) với lưu lượng xả thải lớn nhất 23m³/ngày.

Ngày 22/3/2021, Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép xả thải số 87/GP-UBND cho cơ sở (bao gồm cả ô đất NO-CT1 và NO-CT2) với lưu lượng xả thải là 2.110m³/ngày, trong đó 1.630m³/ngày đối với nước thải sinh hoạt và 480m³/ngày đối với nước xả kiệt bể bơi.

Trong quá trình hoạt động cơ sở đã nghiêm túc thực hiện đầu tư xây dựng và vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải bao gồm: công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra ngoài môi trường; các kho lưu giữ chất thải sinh hoạt, CTNH.

Ban Quản trị tòa nhà CT1- Hải Đăng city và Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng đã ký hợp đồng thu gom chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý các chất thải phát sinh tại khu đất NO-CT1 và NO-CT2. Các hợp đồng thu gom chất thải được đính kèm trong phần phụ lục của báo cáo.

Kể từ khi vận hành tới nay, cơ sở luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý, xử lý nước thải. Đơn vị đã thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải tần suất 3 tháng/lần, nước bể bơi tần suất 3

tháng/lần và môi trường không khí với tần suất 6 tháng/lần. Kết quả quan trắc luôn nằm trong GHCP theo quy định về chất lượng nước thải sinh hoạt tại QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1; QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B và QCVN 05:2023/BTNMT.

5.1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

- Hàng năm vào ngày 15/01 Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Ngày 28/12/2024, Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng gửi Văn bản số 568/2024/CV-ĐOHĐ đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc gia hạn thời gian hoàn thành hệ thống quan trắc nước thải tự động cho trạm xử lý nước thải Dự án Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội đến ngày 30/4/2025.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

5.2.1. Tổng hợp về tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt xả ra ngoài môi trường trong 02 năm gần nhất

Căn cứ Nhật ký vận hành HTXLNT công suất 1.700 m³/ngày được ghi chép năm 2023 và năm 2024, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sau xử lý theo đồng hồ đo lưu lượng cụ thể như sau:

Bảng 5. 1. Lưu lượng nước thải sau xử lý theo Nhật ký vận hành

STT	Lượng nước thải phát sinh (m ³ /tháng)	Thời gian	
		2023	2024
1	Tháng 1	26362	26238
2	Tháng 2	23636	25041
3	Tháng 3	26326	26231
4	Tháng 4	25315	25550
5	Tháng 5	26158	26268
6	Tháng 6	25649	28544
7	Tháng 7	26261	29503
8	Tháng 8	26269	26414
9	Tháng 9	25597	25589
10	Tháng 10	25952	26556
11	Tháng 11	25638	25212
12	Tháng 12	26326	26329
Tổng (theo năm)		309.489	318.067
Lượng nước thải trung bình		847,9	869,0

STT	Lượng nước thải phát sinh (m³/tháng)	Thời gian	
		2023	2024
(m3/ngày)			

(Nguồn: Nhật ký vận hành trạm XLNT 1700 m³/ngày)

5.2.2. Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả năm 2023				QCVN 14:2008/ BTNMT, CỘT B
			Tháng 3	Tháng 6	Tháng 9	Tháng 12	
1	pH	-	7,38	7,34	7,3	7,29	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	39	42	47	35,2	100
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	425	419	428	430	1.000
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	47,2	49,2	48,2	48,9	50
5	Nitrat (tính theo N)	mg/l	21,71	8,85	12,8	9,26	50
6	Photphat (tính theo P)	mg/l	5,28	5,46	5,27	3,89	10
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,22	0,19	0,3	0,26	4
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,55	9,63	8,92	5,62	10
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	2,4	2,7	2,6	3,3	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,77	0,7	0,75	0,71	10
11	Coliform	MPN/ 100ml	3.500	3.600	3.400	3.300	5.000

Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng

Bảng 5. 3: Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả năm 2024				QCVN 14:2008/ BTNMT, CỘT B
			Tháng 3	Tháng 6	Tháng 9	Tháng 11	
1	pH	-	7,35	7,33	6,34	6,14	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45,1	24,5	17,1	80,2	100
3	Tổng chất rắn	mg/l	418	414	546	758	1.000

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả năm 2024				QCVN 14:2008/ BTNMT, CỘT B
			Tháng 3	Tháng 6	Tháng 9	Tháng 11	
	hòa tan (TDS)						
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,3	41,7	36,8	32,6	50
5	Nitrat (tính theo N)	mg/l	7,22	0,38	0,35	0,957	50
6	Photphat (tính theo P)	mg/l	6,41	3,55	4,94	9,02	10
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,2	0,46	0,111	1,39	4
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	8,5	9,9	6,75	4,93	10
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	3,9	3,2	2,1	2,4	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,73	0,73	<0,025	0,919	10
11	Coliform	MPN/ 100ml	3.700	4.300	3.400	4.300	5.000

Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau xử lý, tại điểm xả cuối cùng của cơ sở trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố thuộc đường Hàm Nghi, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong mẫu nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Kết luận: Theo kết quả quan trắc định kỳ giai đoạn 2023-2024 cho thấy chất lượng nước thải sau xử lý nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

5.2.3. Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục. Ngày 27/3/2025, Công ty đã gửi Văn bản số 135/2024/CV-ĐOHĐ về Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, Trung tâm công nghệ thông tin và chuyển số nông nghiệp môi trường Hà Nội xin kết nối dữ liệu Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Tình trạng hoạt động: Tốt và đang chờ địa chỉ IP kết nối dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5.2.4. Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, các lần kết quả quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giới hạn cho phép trong giấy phép môi trường

Trong 2 năm gần nhất 2023, 2024 cơ sở không xảy ra sự cố môi trường nào. Công ty đã đầu tư lắp đặt và vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn trước khi ra ngoài môi trường.

5.2.5. Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải

- Ngày 20/8/2022 đơn vị ký Hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường, thiết bị và xây dựng Công nghiệp TK cung cấp vật tư, sửa chữa hệ thống tủ điều khiển trạm XLNT.

- Ngày 20/4/2022 Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng ký hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư phát triển AIT để thay thế, lắp đặt van điều khiển cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

5.2.6. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải

- Qua kết quả phân tích nước thải sau xử lý của HTXLNT tập trung thuộc Hải Đăng city cho thấy hệ thống xử lý nước thải đang vận hành tốt, tất cả các chỉ tiêu nước thải sau xử lý đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

+ Tại điểm xả nước thải trước khi vào hệ thống thoát nước chung của thành phố, nước thải không có chỉ tiêu nào vượt quy chuẩn và không có các vấn đề bất thường.

- Căn cứ Nhật ký vận hành HTXLNT tập trung cho thấy, lưu lượng nước xả thải năm 2023, năm 2024 không vượt so với lưu lượng xả thải được cấp phép.

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Không có.

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Bảng 5. 4. Thống kê chất thải sinh hoạt năm 2023, 2024

STT	Khu vực phát sinh	Đơn vị	Khối lượng phát sinh	Đơn vị tiếp nhận
I	Năm 2023			
1	NO-CT1	Tấn/năm	374,4	

STT	Khu vực phát sinh	Đơn vị	Khối lượng phát sinh	Đơn vị tiếp nhận
2	NO-CT2	Tấn/năm	89,856	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn theo Hợp đồng số HDKL/07220290 ngày 10/01/2022
II	Năm 2024			
1	NO-CT1	Tấn/năm	374,4	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn theo Hợp đồng số HDKL/07240400 ngày 30/12/2023
2	NO-CT2	Tấn/năm	89,856	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn

Bảng 5. 5. Thống kê chất thải nguy hại năm 2023, 2024 của cơ sở

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng		Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
			Năm 2023	Năm 2024		
I	Khu đất NO-CT1					
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	18 02 01	2	3	TĐ	Công ty TNHH Môi trường Ngôi sao xanh
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	28	60	Phá dỡ - Hóa rắn	
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	8	5	Tẩy rửa	
4	Hộp mực máy in thải	08 02 04	2	2	TĐ	
5	Dầu thải	17 02 03	20	12	PT-TC-TĐ	
6	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	5	4	Súc rửa	
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	15	50	Phá dỡ -TC	
II	Khu đất NO-CT2					
1	Giẻ lau, găng	18 02 01	-	2	TĐ	Công ty

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng		Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
			Năm 2023	Năm 2024		
	tay dính dầu mỡ					TNHH Môi trường Ngôi sao xanh
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	15	7	Phá dỡ - Hóa rắn	
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	7	4	Tẩy rửa	
4	Hộp mực máy in thải	08 02 04	-	3	TĐ	
5	Dầu thải	17 02 03	-	8	PT-TC-TĐ	
6	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	-	4	Súc rửa	
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5	20	Phá dỡ -TC	

5.5. Kết quả thanh tra, kiểm tra về môi trường đối với cơ sở

Trong thời gian 2 năm gần nhất 2023, 2024 cơ sở luôn hoàn thành chấp hành tốt theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và không có đợt thanh tra, kiểm tra về môi trường của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở Hải Đăng City đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 87/GP-UBND ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, vì vậy cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Quan trắc nước thải

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải tại bể chứa nước sau xử lý.
- Thông số quan trắc: BOD₅ (20°C), Tổng chất rắn hoà tan, Sulfua (tính theo H₂S), Nitrat (NO₃) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.
- Tần suất: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B, K=1 (quy mô trên 50 căn hộ).

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Vị trí quan trắc: Tại bể chứa nước sau xử lý.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.
- Tần suất: liên tục.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Không đề xuất.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc môi trường của dự án hàng năm như sau:

Bảng 6.1. Chi phí quan trắc môi trường hàng năm

T	Nội Dung	Đơn giá	Số lượng mẫu	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền

T	Nội Dung	Đơn giá	Số lượng mẫu	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền
	Tổng chất rắn hòa tan	29 6.455	1	4	1.185 .820
	Sunfua (tính theo H ₂ S)	51 4.959	1	4	2.059 .836
	Nitrat (tính theo N)	25 6.564	1	4	1.026 .256
	Dầu mỡ động, thực vật	61 2.543	1	4	2.450 .172
	Tổng các chất hoạt động bề mặt	79 5.130	1	4	3.180 .520
	Phosphat (tính theo P)	29 4.975	1	4	1.179 .900
	Tổng Coliforms	79 1.406	1	4	3.165 .624
	Tổng chi phí				14.24 8.128

Ghi chú: Đơn giá phân tích căn cứ theo Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quan trắc, phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đơn giá quan trắc thay đổi theo thực tế tại thời điểm quan trắc.

* *Kinh phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải hàng năm:* Khoảng 300.000.000/năm.

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chủ cơ sở chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Chủ cơ sở cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- Cam kết xử lý nước thải đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và áp dụng đến hết 31/12/2031 theo điều 3. Điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 48 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Cam kết áp dụng các biện pháp giảm thiểu độ rung đảm bảo QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

- Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh cơ sở trong quá trình hoạt động.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các quy định khác

- Dừng ngay hoạt động xả nước thải để xử lý, đồng thời có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan có chức năng ở địa phương để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC 1.

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Giấy ủy quyền số 461/2024/UQ-ĐOHD ngày 19/11/2024 của Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Hải Đăng;
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên mã 0105747310;
3. Văn bản số 458/2024/QĐ-ĐOHD ngày 18/11/2024 của Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng về việc thay đổi tên Công ty và mẫu con dấu.
4. Quyết định số 717/UBND-KH&ĐT ngày 31/01/2012 của UBND thành phố Hà Nội v/v chấp thuận đầu tư Dự án Hải Đăng City tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy;
5. Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 8823/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội;
6. Biên bản bàn giao mốc giới dự án Hải Đăng City
7. Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND thành phố Hà Nội v/v thu hồi 61.138,4 m² đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm; giao 62.632,2 m² đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm cho Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng để thực hiện dự án Hải Đăng City.
8. Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội v/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hải Đăng city.
9. Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội v/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp tầng tại ô đất NO-CT2 (thuộc dự án Hải Đăng City)”.
10. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 87/GP-UBND ngày 22/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội.
11. Giấy phép xây dựng số 36/GPXD-SXD ngày 02/7/2015 của Sở Xây dựng Hà Nội.
12. Giấy phép xây dựng số 72/GPXD-SXD ngày 17/12/2015 của Sở Xây dựng Hà Nội.
13. Giấy phép xây dựng số 33/GPXD ngày 12/4/2018 của Sở Xây dựng Hà Nội.
14. Văn bản số 9611/SXD-HT ngày 16/10/2017 của Sở Xây dựng v/v phương án đấu nối thoát nước đầu nối thoát nước cho dự án Hải Đăng City tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

15. Quyết định số 59/QĐ-SXD ngày 25/01/2019 của Sở Xây dựng v/v tiếp nhận đưa vào quản lý duy trì hạng mục thoát nước dự án Hải Đăng city (giai đoạn 1).

16. Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND phường Mỹ Đình 2 về việc công nhận Ban quản trị tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm.

17. Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 20/05/2024 của UBND phường Mỹ Đình 2 về việc kiện toàn Ban quản trị nhà chung cư tòa nhà The Zei, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm.

18. Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại số 0101/2024/CTNH/BQT-NSX-PMC cho khu NO-CT1 giữa Ban quản trị tòa nhà CT1 – Hải Đăng city; Công ty TNHH Môi trường ngôi sao xanh và Công ty Cổ phần quản lý và khai thác tòa nhà VNPT & Chứng từ chất thải nguy hại năm 2023, 2024.

19. Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 30240646/2024/HD-NSX/XL cho Tòa nhà chung cư The Zei (NO-CT2) giữa Ban quản trị tòa nhà chung cư The Zei và Công ty TNHH Môi trường ngôi sao xanh & Chứng từ thu gom chất thải nguy hại năm 2023, 2024 kèm theo.

20. Hóa đơn tiền nước của tòa CT2 – The Zei năm 2024 & Biên bản kiểm tra xác nhận khách hàng sử dụng nước của Công ty Cổ phần Viwaco năm 2024 cho tòa CT1.

21. Phiếu kết quả quan trắc nước thải Quý I, II, III, IV/2023; Quý I, II, III, IV/2024.

22. Biên bản số 16/VH/HDMON/NTHT biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng cho Hạng mục: Thiết kế, thi công, chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý nước thải.

23. Thuyết minh công nghệ và quy trình vận hành trạm XLNT dự án Hải Đăng city.

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng;
- Xét tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Hôm nay, ngày 19/11/2024, tại trụ sở Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng, chúng tôi gồm:

1. BÊN ỦY QUYỀN

Họ tên: Ông Nguyễn Văn Thắng.

Số CCCD: 001059009419 ngày cấp: 27/08/2022 nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng.

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

Họ tên: Ông Đặng Xuân Tâm.

CCCD số: 036078004960 ngày cấp: 13/01/2022 nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Chức vụ: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng.

(Quyết định bổ nhiệm số /2024/QĐ-ĐOHD do CT HĐTV ký ngày 19/11/2024)

NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

I. Phạm vi ủy quyền:

Bằng văn bản này, ông Nguyễn Văn Thắng – Chủ tịch HĐTV, người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Đặng Xuân Tâm – Tổng Giám đốc làm đại diện Công ty thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

1. Xây dựng, đề xuất, tổ chức thực hiện: Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, phương án đầu tư và tổ chức bộ máy Công ty. Được đại diện Công ty ký: Các văn bản, hồ sơ, tài liệu, các Hợp đồng mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm... trong tổ chức, quản lý Công ty; Văn bản, tài liệu làm việc với cơ quan nhà nước, giao dịch với các đối tác; Các văn bản, hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán... phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

2. Thương thảo, đàm phán, ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng, tổ chức thực hiện, thanh lý hợp đồng, các văn bản, thỏa thuận... trong lĩnh vực đầu tư, tư vấn, thiết kế, thi công

xây lắp, cung cấp thiết bị... phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Việc ký kết các thỏa thuận, hợp đồng và phụ lục hợp đồng sẽ có văn bản ủy quyền theo từng vụ việc cụ thể.

3. Ký kết, tổ chức thực hiện và thanh lý các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng và các văn bản liên quan (nếu có) thuộc các giao dịch về mua bán, chuyển nhượng các sản phẩm bất động sản của “Dự án Hải Đăng City” (bao gồm: Nhà liền kề, Biệt thự, Căn hộ chung cư) đã được phê duyệt chủ trương về giá bán. Đối với các trường hợp ngoại giao, điều chỉnh giá bán việc ký kết phải được sự phê duyệt trước bằng văn bản.

4. Ký các phiếu thu, chi phục vụ hoạt động của Công ty trong phạm vi quản lý của mình (đối với các phiếu chi trên 10 triệu đồng phải được sự phê duyệt trước bằng văn bản).

5. Được sử dụng con dấu của Công ty trên Hợp đồng, các văn bản giao dịch, tài liệu, chứng từ... thuộc phạm vi ủy quyền nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

II. Trách nhiệm của Người nhận ủy quyền:

1. Trong mọi trường hợp thực hiện công việc theo ủy quyền nêu tại Mục I, Bên nhận ủy quyền được xem là người đại diện của Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng

2. Trong quá trình thực hiện công việc, Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm:

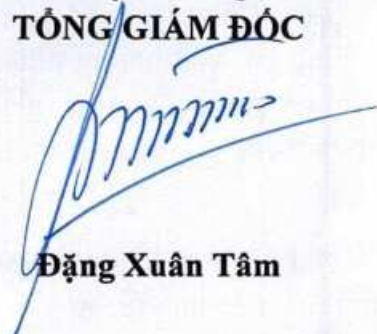
- Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật;
- Không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện công việc theo nội dung ủy quyền;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch HĐQT về quyết định của mình trong việc thực hiện nội dung ủy quyền nói trên.

III. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày 19/11/2024 cho đến khi Người nhận ủy quyền thực hiện xong công việc được ủy quyền hoặc có văn bản khác thay thế, tùy thuộc điều kiện nào đến trước.

Giấy ủy quyền này được lập thành 03 bản, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản và 01 bản lưu tại Công ty./.

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
TỔNG GIÁM ĐỐC**


Đặng Xuân Tâm

**BÊN ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



Nguyễn Văn Thắng

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0105747310

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 12 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 19 tháng 11 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI DANG REAL ESTATE INVESTMENT
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAI DANG REI CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam*

Điện thoại: 02462767103

Fax:

Email: dohd@hdmon.com.vn

Website: hdmon.com.vn

3. Vốn điều lệ : 980.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín trăm tám mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HDMON	Việt Nam	Ngõ 29 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	940.700.000.000	95,990	0100515690	
2	PHẠM THỊ HIỆP	Việt Nam	Căn hộ E, số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	19.650.000.000	2,005	001161026367	

3	NGUYỄN VĂN THẮNG	Việt Nam	Căn hộ E, số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	19.650.000.000	2,005	001059009419	
---	------------------	----------	--	----------------	-------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 16/07/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001059009419

Ngày cấp: 27/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ E, số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ E, số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



THÔNG BÁO
Về việc thay đổi tên Công ty và mẫu con dấu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0105747310 đăng ký lần đầu ngày 22/12/2011, thay đổi lần thứ 6 ngày 19/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp,

Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hải Đăng trân trọng cảm ơn sự hợp tác và tin tưởng của Quý Khách hàng, Đối tác trong thời gian qua. Được sự chấp thuận của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội, nay Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hải Đăng thông báo về việc thay đổi tên Công ty và mẫu con dấu tới Quý Khách hàng và Đối tác như sau:

1. Thay đổi tên Công ty:

NỘI DUNG	CÔNG TY CŨ	CÔNG TY MỚI
Tên Công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hải Đăng	Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng
Tên viết tắt	HAI DANG REI CO., JSC	HAI DANG REI CO., LTD
Mã số thuế	0105747310	0105747310
Điện thoại	0247.300.6963	0247.300.6963
Địa chỉ	Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Kể từ ngày 19/11/2024 Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hải Đăng chính thức sử dụng tên Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Hải Đăng. Kính đề nghị Quý Khách hàng và Đối tác khi thực hiện giao dịch, phát hành hóa đơn cho Công ty Chúng tôi cần sử dụng theo các thông tin đã sửa đổi.

2. Thay đổi mẫu con dấu:

MẪU CON DẤU CŨ	MẪU CON DẤU MỚI
	

Mẫu con dấu mới có hiệu lực kể từ ngày 19/11/2024.

Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hải Đăng thông báo để Quý Khách hàng và Đối tác được biết, giao dịch.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- HDTV;
- Công ty CP TĐ HDMon;
- Các phòng/ban Công ty ĐOHĐ;
- Các Đơn vị tư vấn, Nhà thầu;
- Đối tác, Khách hàng;
- Lưu: VT;


TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Xuân Tâm

Số: 447/UBND-KH&ĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 4 năm 2012

V/v Chấp thuận đầu tư Dự án Hải
Đăng City tại xã Mỹ Đình, huyện
Từ Liêm và phường Mai Dịch,
quận Cầu Giấy.

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng.

- Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003; Luật số 38/2009/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

- Căn cứ Luật Nhà ở năm 2005; Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản; Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

- Căn cứ Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 20/8/2010 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 21/6/2010 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Quy định tạm thời về quản lý, đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án khu đô thị mới, khu nhà ở trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/8/2006;

- Căn cứ Thông báo số 127-TB/TU ngày 06/5/2009 của Thành ủy Hà Nội về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy về chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu nhà ở tại khu trại lúa giống Phú Mỹ thuộc địa bàn quận Cầu Giấy và huyện Từ Liêm;

- Căn cứ Văn bản số 5242/UB-XĐĐT ngày 29/11/2005 của UBND Thành phố về việc giao Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Quảng Ninh (nay là Công ty Cổ phần đầu tư Văn Phú – Invest) nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tại khu đất trại lúa giống Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm;

- Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-UB ngày 22/3/2006 của UBND Thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu nhà ở tại trại lúa giống Phú Mỹ tỷ lệ 1/500 trên địa bàn quận Cầu Giấy và huyện Từ Liêm;

- Căn cứ Văn bản số 4434/UBND-KH&ĐT ngày 20/5/2009 của UBND Thành phố về việc chấp thuận gia hạn thời gian cho Liên danh: Công ty Cổ phần đầu tư Văn

Phú – Invest và Công ty TNHH xây dựng công trình Hải Đăng (nay là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hải Đăng) hoàn chỉnh việc lập và triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại khu trại lúa giống Phú Mỹ – quận Cầu Giấy và huyện Từ Liêm;

- Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 24/02/2010 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở Phú Mỹ tỷ lệ 1/500 tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy;

- Căn cứ Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 của UBND Thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở Phú Mỹ tỷ lệ 1/500 tại ô quy hoạch ký hiệu NO-CT1 và NO-CT2 thuộc xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy;

- Sau khi xem xét đề nghị của Liên danh: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hải Đăng – Công ty Cổ phần đầu tư Văn Phú – Invest tại các Văn bản số 69/2011/CV-LD ngày 30/8/2011 và Văn bản số 73/2011/CV-LD ngày 13/9/2011 về việc đề nghị chấp thuận hồ sơ đầu tư Dự án Hải Đăng City tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy;

- Trên cơ sở Báo cáo số 58 /BC-KH&ĐT ngày 19 /01 /2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận đầu tư Dự án Hải Đăng City tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy với các nội dung:

1. *Tên Dự án:* Dự án Hải Đăng City tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy.

2. *Chủ đầu tư:* Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng (Công ty Cổ phần được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hải Đăng và Công ty Cổ phần đầu tư Văn Phú – Invest; Các cổ đông sáng lập có trách nhiệm thực hiện việc góp đủ vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng theo đúng quy định của pháp luật) làm chủ đầu tư lập và triển khai Dự án.

3. *Hình thức đầu tư:* Xây dựng mới công trình đảm bảo phù hợp theo quy hoạch.

4. *Mục tiêu đầu tư xây dựng:* Khai thác sử dụng quỹ đất hiệu quả; góp phần xây dựng hoàn chỉnh khu vực theo quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo phù hợp với cảnh quan và khớp nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật khu vực lân cận.

5. *Địa điểm xây dựng:* Tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy.

6. *Quy mô Dự án (dự kiến):* Diện tích đất xây dựng công trình nhà ở cao tầng khoảng 44.106m²; Diện tích đất cây xanh, hạ tầng kỹ thuật khoảng 13.962m²; Diện tích đất đường giao thông khoảng 12.418m². Xây dựng công trình đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được UBND Thành phố phê duyệt và điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định: số 927/QĐ-UBND ngày 24/02/2010, số 2763/QĐ-UBND ngày 17/6/2011; được Sở Quy hoạch Kiến trúc xác nhận điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, phương án kiến trúc sơ bộ công trình và các chỉ tiêu về diện tích hành chính, dịch vụ tại Văn bản số 2550/QHKT-P1 ngày 28/7/2011 và Văn bản số

5272/QHKT-P1 ngày 09/12/2011. Giải pháp công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

7. *Diện tích sử dụng đất*: Diện tích đất nghiên cứu khoảng 70.486m².

8. *Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở (dự kiến)*: 2127 căn hộ chung cư đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được UBND Thành phố phê duyệt và điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định: số 927/QĐ-UBND ngày 24/02/2010, số 2763/QĐ-UBND ngày 17/6/2011; được Sở Quy hoạch Kiến trúc xác nhận điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, phương án kiến trúc sơ bộ công trình và các chỉ tiêu về diện tích hành chính, dịch vụ tại Văn bản số 2550/QHKT-P1 ngày 28/7/2011 và Văn bản số 5272/QHKT-P1 ngày 09/12/2011.

9. *Phương án tiêu thụ sản phẩm*: Nhà đầu tư chỉ được quyền thực hiện và khai thác sản phẩm của Dự án sau khi hoàn tất đầy đủ các thủ tục và nghĩa vụ theo quy định của: Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành khác có liên quan đến Dự án. Nghiêm cấm việc huy động vốn để triển khai Dự án không đúng quy định của pháp luật dưới mọi hình thức.

10. *Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân*: Bố trí tại Dự án đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được UBND Thành phố phê duyệt và điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định: số 927/QĐ-UBND ngày 24/02/2010, số 2763/QĐ-UBND ngày 17/6/2011; được Sở Quy hoạch Kiến trúc xác nhận điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, phương án kiến trúc sơ bộ công trình và các chỉ tiêu về diện tích hành chính, dịch vụ tại Văn bản số 2550/QHKT-P1 ngày 28/7/2011 và Văn bản số 5272/QHKT-P1 ngày 09/12/2011.

11. *Việc xây dựng và phương án bàn giao các công trình hạ tầng kỹ thuật*:

- Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và được kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực theo các nội dung được các cơ quan chuyên ngành thỏa thuận theo quy định.

- Việc bàn giao các công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ được thực hiện đối với công trình đảm bảo yêu cầu về chất lượng, phải được nghiệm thu theo quy định trước khi chuyển giao. Thủ tục chuyển giao công trình được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, Chủ đầu tư có trách nhiệm giao đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng công trình cho bên nhận chuyển giao. Công ty có trách nhiệm bảo hành công trình và bên nhận chuyển giao có trách nhiệm thực hiện bảo trì công trình theo quy định. Bên nhận chuyển giao có trách nhiệm quản lý khai thác công trình theo đúng công năng, có trách nhiệm bảo trì công trình theo các quy định của pháp luật về xây dựng. Các công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện chuyển giao: Hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện, chiếu sáng; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước (Thoát nước mưa, thoát nước bẩn); vườn hoa, cây xanh.

12. *Các công trình hạ tầng xã hội*: Bố trí xây dựng khu sinh hoạt cộng đồng, nhà trẻ, khu vui chơi trẻ em ngoài trời (trạm y tế có diện tích tối thiểu 500m², nhà văn hóa, câu lạc bộ với quy mô khoảng 450m²)... đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được UBND Thành phố phê duyệt và điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định: số

927/QĐ-UBND ngày 24/02/2010, số 2763/QĐ-UBND ngày 17/6/2011; được Sở Quy hoạch Kiến trúc xác nhận điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, phương án kiến trúc sơ bộ công trình và các chỉ tiêu về diện tích hành chính, dịch vụ tại Văn bản số 2550/QHKT-P1 ngày 28/7/2011 và Văn bản số 5272/QHKT-P1 ngày 09/12/2011.

13. *Tổng mức đầu tư của Dự án (dự kiến)*: khoảng 8.352.123 triệu đồng.

Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng vốn tự có của Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng, vốn vay ngân hàng và vốn huy động khác. Nguồn vốn đầu tư được thực hiện trên nguyên tắc do Chủ đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của cơ cấu nguồn vốn đầu tư; Đồng thời phải tuyệt đối tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành (Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản, Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở, Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản, Quyết định 37/2010/QĐ-UBND ngày 20/8/2010 của UBND Thành phố Quy định một số nội dung về quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội); Trường hợp có vi phạm sẽ áp dụng các chế tài xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

14. *Thời gian và tiến độ thực hiện*:

- Thời gian bắt đầu: Quý I/2012.
- Thời gian hoàn thành: Quý I/2016.

15. *Cơ chế của Dự án*:

- Hình thức sử dụng đất: Đối với diện tích đất để xây dựng nhà ở chung cư: Hình thức sử dụng đất là giao đất ở lâu dài, có thu tiền sử dụng đất, việc xác định đơn giá tiền sử dụng đất được thực hiện theo nguyên tắc sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường tại thời điểm giao đất; Đối với diện tích đất để xây dựng văn phòng, dịch vụ thương mại: Được lựa chọn 1 trong 2 hình thức sử dụng đất là giao đất không quá 50 năm và thu tiền sử dụng đất một lần hoặc thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm với thời hạn thuê đất không quá 50 năm; Đối với diện tích sân dành để đáp ứng phục vụ công tác hành chính đại diện: UBND xã, Đảng ủy, công an, sân vườn, cây xanh, đường giao thông, một số công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, sau khi xây dựng xong bàn giao lại cho địa phương và cơ quan chuyên ngành của Thành phố quản lý để sử dụng chung: Hình thức sử dụng đất là giao đất, không thu tiền sử dụng đất; Đối với diện tích đất xây dựng bãi đỗ xe, có mục đích kinh doanh, hình thức sử dụng đất là giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đất, thời hạn giao đất hoặc thuê đất không quá 50 năm; Các hình thức sử dụng đất đối với chức năng quy hoạch khác thực hiện theo quy định.

- Theo nguyên tắc giá đất để tính thu tiền sử dụng đất do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường tại thời điểm giao đất (có tính đến và tham khảo kết quả giá đấu giá, đấu thầu dự án khu vực); báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định.

- Không thuộc đối tượng phải điều tiết quỹ đất 20% trong phạm vi Dự án để phát triển quỹ nhà phục vụ nhu cầu tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp

và các mục đích khác theo yêu cầu của Thành phố (theo quy định tại Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 21/6/2010 của UBND Thành phố).

16. *Trách nhiệm chủ yếu của Chủ đầu tư:*

- Sau khi UBND Thành phố Hà Nội có văn bản chấp thuận, Chủ đầu tư phải hoàn chỉnh hồ sơ dự án phù hợp với nội dung được chấp thuận và thực hiện thẩm định, phê duyệt theo quy định. Lưu ý hoàn thiện hồ sơ dự án theo đề nghị của các Sở, Ngành tại các văn bản tham gia ý kiến nêu trên và của các cơ quan chức năng có liên quan; Tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế cơ sở Dự án theo quy định hiện hành;

- Triển khai thực hiện Dự án đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được UBND Thành phố phê duyệt và điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định: số 927/QĐ-UBND ngày 24/02/2010, số 2763/QĐ-UBND ngày 17/6/2011; được Sở Quy hoạch Kiến trúc xác nhận điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, phương án kiến trúc sơ bộ công trình và các chỉ tiêu về diện tích hành chính, dịch vụ tại Văn bản số 2550/QHKT-P1 ngày 28/7/2011 và Văn bản số 5272/QHKT-P1 ngày 09/12/2011; Lưu ý thực hiện ý kiến của Sở Quy hoạch Kiến trúc tại các Văn bản: số 2550/QHKT-P1 ngày 28/7/2011, số 3218/QHKT-P1 ngày 16/9/2011 và của Sở Xây dựng tại Văn bản số 7190/SXD-QLDA ngày 06/10/2011;

- Xây dựng kế hoạch huy động vốn phù hợp với tiến độ dự án theo quy định hiện hành của Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản; Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Báo cáo tài chính, số liệu nguồn vốn chủ sở hữu cung cấp và thực hiện việc huy động vốn tự có đúng quy định của Pháp luật để đảm bảo đủ vốn cam kết thực hiện cho Dự án phù hợp với quy định hiện hành; Các cổ đông sáng lập có trách nhiệm thực hiện việc góp đủ vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng theo đúng quy định của pháp luật;

- Xây dựng quy trình bảo trì công trình và thực hiện việc bảo hành, bảo trì theo đúng quy định của Luật Nhà ở, Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và các quy định hiện hành về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Tập trung triển khai hoàn thành Dự án đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và tuân thủ đúng các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng; Việc triển khai Dự án phải đảm bảo chỉnh trang đô thị, khớp nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật các dự án lân cận và phù hợp với quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

- Chủ động liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất (lưu ý thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ), đăng ký, bổ sung kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của Thành phố Hà Nội theo quy định và triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của: Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 259/TTg-KTN ngày 22/02/2011, 979/TTg-KTN ngày 23/6/2011, Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2384/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 30/6/2011 và UBND Thành phố Hà Nội tại Văn bản số 3794/UBND-TNMT ngày 19/5/2011;



- Chủ động liên hệ với UBND quận Cầu Giấy, UBND huyện Từ Liêm và các chủ đầu tư Dự án lân cận để trao đổi, thống nhất các nội dung liên quan đảm bảo không nổi đồng bộ hạ tầng xung quanh khu đất;

- Phối hợp với Công ty TNHH NN MTV đầu tư và phát triển nông nghiệp Hà Nội báo cáo UBND Thành phố xin ý kiến Bộ Tài chính về việc chuyển đổi công năng sử dụng khu đất có diện tích khoảng 5,6ha trong phạm vi Dự án theo quy định hiện hành;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện ký hợp đồng mua bán nhà đối với các đối tượng mua nhà theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng mua nhà phải đính kèm quy chế quản lý vận hành do Chủ đầu tư lập; Quản lý chặt chẽ việc đầu tư, khai thác và vận hành sau đầu tư đối với phần diện tích xây dựng quỹ nhà ở của Dự án theo đúng quy định của pháp luật;

- Triển khai công tác, giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố; Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm hồ sơ dự án đầu tư trình phê duyệt;

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất; Không được chuyển đơn vị khác thực hiện Dự án khi chưa được UBND Thành phố chấp thuận;

- Thực hiện các nội dung công việc khác của Dự án theo quy định của pháp luật;

17. Trách nhiệm của các Sở, Ngành và chính quyền địa phương:

- *Sở Quy hoạch Kiến trúc:* Kiểm tra, giải quyết các vấn đề liên quan đến Dự án theo thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố Hà Nội;

- *Sở Xây dựng:* Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn Chủ đầu tư lập phương án tổ chức quản lý vận hành trước khi công trình đưa vào sử dụng; Các nội dung liên quan đến giao dịch mua, bán về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- *Sở Tài nguyên và Môi trường:* Chủ động hướng dẫn Chủ đầu tư hoàn tất các thủ tục đất đai theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003 (Hướng dẫn các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng, đăng ký nhu cầu sử dụng đất, ghi kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định về quản lý đất đai) và triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của: Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 259/TTg-KTN ngày 22/02/2011, 979/TTg-KTN ngày 23/6/2011, Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2384/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 30/6/2011 và UBND Thành phố Hà Nội tại Văn bản số 3794/UBND-TNMT ngày 19/5/2011;

- *Sở Tài chính:* Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định tiền sử dụng đất mà chủ đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ với ngân sách theo quy định;

- *Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội:* Hướng dẫn nhà đầu tư triển khai Dự án đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô.

- Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy và Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm:

+ Phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo khớp nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu vực;

+ Tổ chức giám sát việc tổ chức đầu tư xây dựng và triển khai thi công công trình theo đúng nội dung đã được UBND Thành phố chấp thuận (trong đó lưu ý giám sát tuyệt đối không để Nhà đầu tư xây dựng các công trình bên trên khi chưa hoàn thành thủ tục theo quy định).

18. Chủ đầu tư căn cứ vào nội dung văn bản này, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Dự án và triển khai thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật và theo nội dung được UBND Thành phố chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Các Sở: QHKT, XD, TN&MT, TC;
- Viện QHXD HN;
- Cục thuế Hà Nội;
- UBND quận Cầu Giấy;
- UBND huyện Từ Liêm;
- VPUB: CVP, PVP Nguyễn Văn Thịnh, Quyền số: SCT/BS
- Lưu: VT, SKHĐT

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngày: 18-10-2019

Nguyễn Văn Khôi



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Phương



Số: 8823 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 717/UBND-KH&ĐT ngày 31/1/2012, Văn bản số 3500/UBND-QHXDGT ngày 19/5/2014 và Văn bản số 3079/UBND-ĐT ngày 26/5/2016 của UBND Thành phố về việc triển khai Dự án Hải Đăng City;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 912-TB/UB ngày 12/10/2017;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng tại Văn bản ngày 22/3/2017 và Văn bản giải trình bổ sung số 410/ĐOHĐ-CV ngày 31/5/2017 về việc đề nghị điều chỉnh Dự án Hải Đăng City;

Xét ý kiến của: Sở Quy hoạch – Kiến trúc tại Văn bản số 2580/QHKT-PI ngày 03/5/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3420/STNMT-CCQLĐĐ ngày 05/5/2017, Sở Xây dựng tại Văn bản số 3898/SXD-PTĐT ngày 12/5/2017 và Văn bản số 4869/SXD-PTĐT ngày 08/6/2017, Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1500/SGTVT-KHTC ngày 28/4/2017, Sở Công thương tại Văn bản số 2060/SCT-KHTCTH ngày 04/5/2017, Sở Tài chính tại Văn bản số 2535/STC-TCĐT ngày 26/4/2017, UBND quận Nam Từ Liêm tại Văn bản số 941/UBND-QLĐT ngày 05/5/2017; Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 965/BC-KH&ĐT ngày 30/6/2017 và Báo cáo số 1812/BC-KH&ĐT ngày 07/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận điều chỉnh Dự án Hải Đăng City tại Phường Mỹ Đình 2 quận Nam Từ Liêm và phường Mai Dịch quận Cầu Giấy như sau:

Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0105747310 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/12/2011, thay đổi lần 3 ngày 05/10/2015.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, ngõ 29 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thắng. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Sinh ngày: 16/07/1959. Giấy chứng thực cá nhân số 011624750 do Công an Hà Nội cấp ngày 22/06/2006. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Nhà E, số 9, ngõ 29 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điều 1. Điều chỉnh các nội dung Dự án Hải Đăng City tại Phường Mỹ Đình 2 quận Nam Từ Liêm và phường Mai Dịch quận Cầu Giấy như sau:

1. Điều chỉnh các nội dung liên quan đến ô đất NO-CT2 của Dự án:

TT	Nội dung	Đã chấp thuận tại VB 3079/UBND-ĐT ngày 26/5/2016		Nay xin điều chỉnh	
1	Chức năng sử dụng đất	Nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở	Đất ở thấp tầng	Nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở	Đất ở thấp tầng
2	Diện tích đất	7.700m ²	6.951m ²	7.700m ²	6.951m ²
3	Diện tích xây dựng	4.600m ²	2.730m ²	4.600m ²	2.721m ²
4	Tổng diện tích sàn xây dựng (không kể tầng hầm)	132.341m ²	10.919m ²	146.222m ²	10.867m ²
5	Tầng cao (tầng)	5-38	4	4-42	4
6	Tầng hầm (tầng)	3	1	4	1
7	Tổng số căn hộ	713	20	893	20
8	Dân số	2.932 người		3.292 người	

2. Điều chỉnh tiến độ hoàn thành Dự án: Quý II/2021.

Điều 2. Những nội dung khác không ghi trong quyết định này, Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện theo các quyết định, chỉ đạo của UBND Thành phố đã phê duyệt.

Điều 3. Giao trách nhiệm các đơn vị:

1. Trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ tài liệu về năng lực tài chính và có trách nhiệm bố trí đủ nguồn vốn chủ sở hữu và huy động các nguồn vốn hợp pháp theo đúng quy định để thực hiện đầu tư hoàn thành đảm bảo tiến độ được duyệt.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính để được xác định các nghĩa vụ tài chính điều chỉnh bổ sung đối với dự án Hải Đăng City theo quy định hiện hành.

- Liên hệ Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện thủ tục rà soát, kiểm tra đảm bảo phù hợp Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2017 và những năm tiếp theo; thực hiện thủ tục về cấp phép xây dựng theo quy định hiện hành.

- Trong thiết kế và thi công công trình phải sử dụng hệ thống chiếu sáng bằng đèn led và các vật liệu, thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; tăng tối đa diện tích cây xanh để hướng tới công trình kiến trúc xanh.

- Tập trung triển khai xây dựng công trình đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, quy hoạch được duyệt và tuân thủ đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; đảm bảo khớp nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Tuân thủ các quy định về việc huy động vốn đầu tư xây dựng nhà ở và bất động sản hình thành trong tương lai theo Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản.

- Lập phương án quản lý, sử dụng và khai thác vận hành công trình tuân thủ quy định của Nhà nước và Thành phố về quản lý nhà chung cư, trong đó cần xác định rõ diện tích sở hữu chung, sở hữu riêng theo quy định tại các Điều 100, 101 Luật Nhà ở năm 2014 để làm cơ sở tính phân kinh phí bảo trì, tránh xảy ra tranh chấp khiếu kiện; bố trí đảm bảo đủ diện tích sử dụng để xe, dịch vụ, phục vụ công cộng,... của công trình. Xây dựng quy trình bảo trì công trình và thực hiện việc bảo hành theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở.

- Liên hệ UBND cấp quận trên địa bàn để thống nhất phương án bàn giao, sử dụng và thanh quyết toán đối với diện tích sử dụng hành chính đơn vị ở theo quy định.

- Thực hiện công tác, giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Chủ động liên hệ với các Sở, ngành Thành phố để được hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo theo quy định.

2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:

- Sở Xây dựng: Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các quy định của pháp luật về cấp phép xây dựng, xây dựng nhà ở, kinh doanh bất động sản, Kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn lập phương án tổ chức quản lý, vận hành sau đầu tư và các nội dung liên quan đến giao dịch mua, bán nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về quản lý, sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính về đất (bổ sung nếu có) và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố Hà Nội: Hướng dẫn, giám sát, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính bổ sung đối với Dự án theo quy định.

- UBND quận Nam Từ Liêm, quận Cầu Giấy: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước của chính quyền địa phương theo quy định; Theo dõi, giám sát Chủ đầu tư xây dựng các công trình đảm bảo tiến độ, quy hoạch, kiến trúc và sự đồng bộ của Dự án; chủ động thống nhất phương án bàn giao, sử dụng và thanh quyết toán đối với diện tích sử dụng hành chính đơn vị ở theo quy định.

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm kiểm tra, giải quyết các vấn đề có liên quan theo thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước và UBND Thành phố về quản lý đầu tư, quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng đất, quy hoạch kiến trúc và nhà ở và quản lý chuyên ngành theo quy định.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Quy hoạch-Kiến trúc, Giao thông vận tải, Công thương; Cục trưởng Cục thuế Hà Nội; Người đại diện trước pháp luật của Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để báo cáo);
- PCT UBND TP Nguyễn Thế Hùng;
- VP UBND TP: Phó CVP Ph.V.Chiến;
- Các phòng: KT, ĐT, T
- Lưu: VT, ĐTĐất.

3679-17

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 18252-1 Quyền

Ngày: 13-12-2018



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Hùng

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Trung

BIÊN BẢN BÀN GIAO MỐC GIỚI

Dự án: Hải Đăng City (giai đoạn 1)

Đơn vị bàn giao mốc giới: Sở Tài nguyên và Môi trường

Đơn vị nhận mốc giới: Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng

Địa điểm: Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO MỐC GIỚI TRÊN THỰC ĐỊA

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 61.138,4 m² đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm; giao 62.632,2 m² đất tại UBND phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và UBND phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm cho Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng để thực hiện dự án Hải Đăng City (giai đoạn 1);

Ngày 10/3/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường có phê duyệt cấm mốc giới tại 02 bản vẽ: Bản đồ Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan QH-05A, tỷ lệ 1/500 do Công ty AEDAS và Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và Phát triển kiến trúc I.D.E.A lập tháng 01/2011 và Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500 do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng NHS lập tháng 12/2012, được Sở Quy hoạch Kiến trúc xác nhận phù hợp quy hoạch chi tiết được ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 12 tháng 02 năm 2015.

Hôm nay, ngày 09 tháng 4 năm 2015, tại thực địa:

1) BÊN GIAO ĐẤT: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- + Ông: Nguyễn Văn Lợi Phó trưởng Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn Thám
- + Ông: Phạm Xuân Hòa Chuyên viên Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn Thám
- + Ông: Lê Phúc Lâm Cán bộ Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn Thám

2) BÊN NHẬN ĐẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG

- + Ông: Đặng Xuân Tâm Tổng Giám đốc

3) CÁC BÊN CHỨNG KIẾN BÀN GIAO

- + Ông(Bà): Nguyễn Hoàng Long Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Nam Từ Liêm
- + Ông(Bà): Bùi Hoàng Giang Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Cầu Giấy
- + Ông(Bà): Nguyễn Văn Tuấn Đại diện UBND phường Mỹ Đình 2
- + Ông(Bà): Đỗ Thúy Hằng Đại diện UBND phường Mai Dịch

4) BÊN THỰC HIỆN CẤM MỐC: VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI HÀ NỘI

- + Ông: Vũ Văn Lân Phó Giám đốc
- + Ông: Trương Đức Tuyền Trưởng phòng Kỹ thuật và xử lý dữ liệu

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành bàn giao các mốc ranh giới khu đất (đã được xác định trên thực địa) cho Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng để thực hiện dự án Hải Đăng City (giai đoạn 1).

Tổng diện tích khu đất là: **62.632,2 m²** giới hạn bởi các mốc 1, 39, 40, M3, 41 đến 53, 81, 82, 83, 56 đến 61, 38, M4, M5, 62, 25 về 21, 318, 319, G, H, H1, K, L, M, A, B, 72, 73, 75, 76, 317, 320, 5 về 1. Trong đó:

a/ Đối với diện tích đất để xây dựng nhà ở thấp tầng, gồm:

- 14.870,9 m² giới hạn bởi các mốc: từ G1 đến G4, M12, GA, HA, 55, 80, 79, 54, M13, G1 (TT-01B), từ G5 đến G10, M10, M11, G5 (TT-02), từ G11 đến G16, M8, M9, G11 (TT-03), từ G17 đến G20, M5A, M6A, M7, G17 (TT-04) để xây dựng 141 căn nhà ở thấp tầng (cao 06 tầng).

- 489,7 m² giới hạn bởi các mốc: 53, 54, 79, 80, 55, 56, 83, 82, 81, 53 (TT-01A) chưa hoàn thành dứt điểm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng có trách nhiệm báo cáo ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm để giải quyết, nhận bàn giao mặt bằng và quản lý, chống lấn chiếm, tổ chức thực hiện dự án theo tiến độ.

Hình thức sử dụng đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất, với thời hạn sử dụng đất 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 13/2/2015 (ngày ký quyết định số 872/QĐ-UBND của UBND thành phố); người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng ổn định lâu dài.

b/ Đối với diện tích đất 6.519,9 m² xây dựng 04 tòa nhà ở chung cư cao tầng (cao 30, 39, 45 tầng, không bao gồm tầng hầm), giới hạn bởi các mốc: từ 84 đến 143, 84 (CT-1A), từ 205 đến 264, 205 (CT-1B), từ 144 đến 200, 144 (CT-2A), từ 265 đến 316, 265 (CT-2B): Hình thức sử dụng đất: giao đất có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 13/2/2015 (ngày ký quyết định số 872/QĐ-UBND của UBND thành phố); người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng ổn định lâu dài.

c/ Đối với diện tích đất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, bao gồm:

- 3.323,7 m² giới hạn bởi các mốc: từ 165 đến 197, từ 204 về 201, 165 (TM-01) để xây dựng trung tâm thương mại (cao 02, 03 tầng, không bao gồm tầng hầm);

- 13.755,7 m² giới hạn bởi các mốc: (KA, M14, 77, 78, 3, 2, 1, KA tới ranh giới xây dựng công trình CT-1A, CT-1B) và (từ 64 đến 69, 64 đến ranh giới xây dựng công trình CT-2A, CT-2B và TM-01) để trồng cây xanh và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho dự án (phía dưới xây dựng tầng hầm);

- 2.552 m² giới hạn bởi các mốc: 73, 75, 74, M5A, M6A, 73 (CX-03A), 64, 63, 62, 25, 24, 23, 70, 69, 64 (CX-05) để trồng cây xanh kết hợp bãi đỗ xe.

Hình thức sử dụng đất: thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm; thời hạn sử dụng đất 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 13/2/2015 (ngày ký quyết định số 872/QĐ-UBND của UBND thành phố);

d/ Đối với diện tích đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ khu vực, bao gồm:

- 2.212,9 m² giới hạn bởi các mốc: 76, 77, 78, 4, 5, 317, 76 (CX-02A), 71, 22, 21, 318, 319, G, H, H1, K, L, 71 (CX-04A) để trồng cây xanh;

- 18.907,4 m² giới hạn bởi các mốc: 5, 317, 320, 5 (GT-02) là phần diện tích đất còn lại nằm trong ranh giới giai đoạn 1 của dự án (GT-01) để làm đường theo quy hoạch.

Hình thức sử dụng đất: Giao đất không thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất: hết Quý IV/2020; Sau khi xây dựng xong công trình, Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng có trách nhiệm bàn giao cho UBND quận Nam Từ Liêm quản lý.

(Có sơ đồ phác họa và tọa độ mốc giới kèm theo)

Biên bản được các bên thống nhất thông qua và cùng nhau ký. Mỗi bên tham gia bàn giao lưu 01 bản để theo dõi và thực hiện.

BÊN GIAO MỐC GIỚI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

gtr
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHUNG
Số chứng thực: 18.243 Quyển số: 12

Ngày: 13-12-2018

Nguyễn Minh Mười



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Phương

CÁC BÊN CHỨNG KIẾN BÀN GIAO

BÊN NHẬN MỐC GIỚI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐIÀ ỐC HẢI ĐĂNG



GIÁM ĐỐC
Dặng Xuân Tâm

ĐẠI DIỆN PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
QUẬN NAM TỪ LIÊM

Nguyễn Huy Long

ĐẠI DIỆN PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
QUẬN CẦU GIẤY

Bùi Hoàng Giang

ĐẠI DIỆN UBND PHƯỜNG MỸ ĐÌNH 2

Nguyễn Văn Tiến

ĐẠI DIỆN UBND PHƯỜNG MAI DỊCH

Đỗ Thủy Hằng

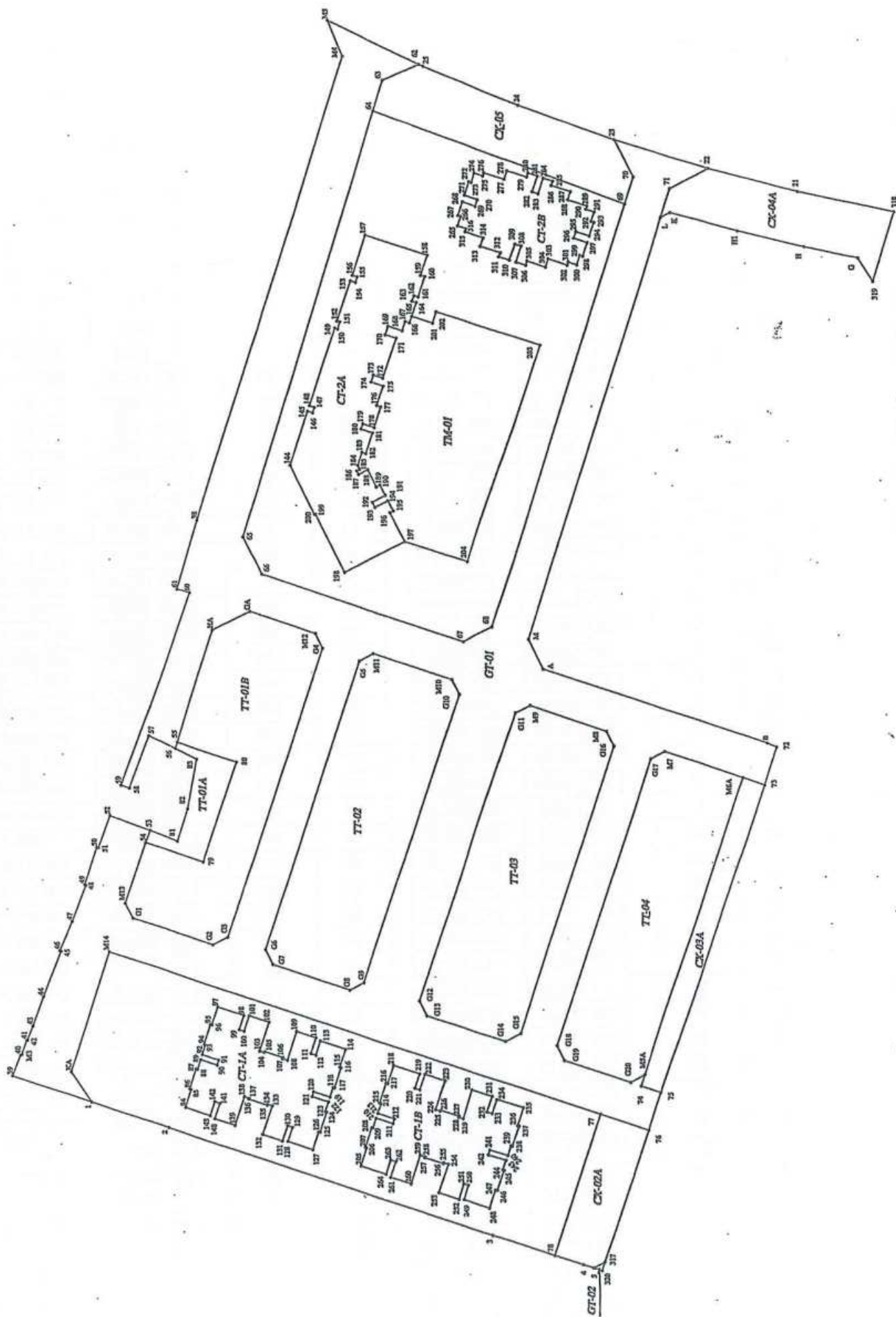
BÊN THỰC HIỆN CẢM MỐC GIỚI
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HÀ NỘI

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Lãnh

SƠ ĐỒ PHÁC HẠ MỐC



Handwritten signature or mark.

Bảng thống kê tọa độ mốc giới

Số thứ tự	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
1	1	2 327 169.25	579 505.40
2	2	2 327 142.81	579 496.81
3	3	2 327 030.72	579 460.40
4	4	2 326 999.64	579 450.31
5	5	2 326 996.06	579 449.14
6	21	2 326 928.05	579 817.89
7	22	2 326 959.33	579 825.70
8	23	2 326 991.37	579 835.40
9	24	2 327 024.80	579 847.39
10	25	2 327 056.80	579 860.86
11	38	2 327 133.44	579 704.27
12	39	2 327 196.14	579 514.13
13	40	2 327 193.42	579 521.21
14	41	2 327 191.32	579 526.27
15	42	2 327 191.14	579 526.20
16	43	2 327 189.31	579 531.11
17	44	2 327 185.73	579 541.12
18	45	2 327 179.92	579 556.67
19	46	2 327 180.35	579 556.82
20	47	2 327 176.21	579 566.92
21	48	2 327 171.54	579 579.40
22	49	2 327 171.96	579 579.53
23	50	2 327 167.69	579 592.37
24	51	2 327 167.15	579 592.23
25	52	2 327 163.14	579 603.31
26	53	2 327 149.80	579 598.32
27	54	2 327 151.16	579 594.11
28	55	2 327 140.13	579 628.38
29	56	2 327 140.84	579 626.19
30	57	2 327 150.30	579 630.52
31	58	2 327 156.63	579 612.70
32	59	2 327 159.42	579 613.72
33	60	2 327 136.01	579 679.43
34	61	2 327 140.63	579 680.65
35	62	2 327 058.18	579 861.53
36	63	2 327 070.37	579 856.04
37	64	2 327 073.62	579 845.26
38	65	2 327 117.76	579 698.60
39	66	2 327 111.15	579 685.87
40	67	2 327 041.94	579 662.86
41	68	2 327 032.01	579 667.99
42	69	2 326 987.66	579 813.37
43	70	2 326 984.83	579 822.64
44	71	2 326 971.90	579 818.74
45	72	2 326 933.64	579 626.99
46	73	2 326 937.92	579 614.09
47	74	2 326 979.84	579 511.12
48	75	2 326 972.89	579 508.86
49	76	2 326 977.15	579 496.05
50	77	2 326 993.88	579 501.48

Số thứ tự	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
51	78	2 327 009.47	579 453.50
52	79	2 327 130.63	579 587.44
53	80	2 327 119.51	579 621.68
54	81	2 327 139.96	579 594.65
55	82	2 327 136.24	579 605.66
56	83	2 327 133.02	579 622.61
57	84	2 327 136.53	579 503.63
58	85	2 327 134.55	579 509.73
59	86	2 327 135.02	579 509.88
60	87	2 327 132.80	579 516.73
61	88	2 327 132.33	579 516.57
62	89	2 327 131.25	579 519.89
63	90	2 327 125.54	579 518.04
64	91	2 327 125.01	579 519.67
65	92	2 327 130.72	579 521.53
66	93	2 327 129.64	579 524.85
67	94	2 327 130.11	579 525.00
68	95	2 327 127.88	579 531.85
69	96	2 327 127.42	579 531.70
70	97	2 327 125.44	579 537.79
71	98	2 327 116.67	579 534.94
72	99	2 327 118.24	579 530.09
73	100	2 327 116.55	579 529.54
74	101	2 327 114.82	579 534.86
75	102	2 327 108.05	579 532.66
76	103	2 327 111.23	579 522.88
77	104	2 327 109.62	579 522.36
78	105	2 327 109.52	579 522.68
79	106	2 327 103.24	579 520.64
80	107	2 327 103.34	579 520.32
81	108	2 327 101.74	579 519.80
82	109	2 327 098.56	579 529.58
83	110	2 327 091.79	579 527.38
84	111	2 327 093.52	579 522.06
85	112	2 327 091.82	579 521.51
86	113	2 327 090.25	579 526.36
87	114	2 327 081.48	579 523.51
88	115	2 327 083.46	579 517.41
89	116	2 327 082.99	579 517.26
90	117	2 327 085.22	579 510.42
91	118	2 327 085.68	579 510.57
92	119	2 327 086.76	579 507.25
93	120	2 327 092.47	579 509.10
94	121	2 327 093.00	579 507.47
95	122	2 327 087.29	579 505.61
96	123	2 327 088.37	579 502.29
97	124	2 327 087.91	579 502.14
98	125	2 327 090.13	579 495.29
99	126	2 327 090.60	579 495.45
100	127	2 327 092.58	579 489.35

Bảng thống kê tọa độ mốc giới

Số thứ tự	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
101	128	2 327 101.35	579 492.20
102	129	2 327 099.77	579 497.05
103	130	2 327 101.46	579 497.60
104	131	2 327 103.19	579 492.28
105	132	2 327 109.96	579 494.48
106	133	2 327 106.78	579 504.26
107	134	2 327 108.39	579 504.78
108	135	2 327 108.50	579 504.46
109	136	2 327 114.77	579 506.50
110	137	2 327 114.67	579 506.82
111	138	2 327 116.28	579 507.34
112	139	2 327 119.45	579 497.57
113	140	2 327 126.22	579 499.76
114	141	2 327 124.50	579 505.08
115	142	2 327 126.19	579 505.63
116	143	2 327 127.77	579 500.78
117	144	2 327 101.82	579 723.33
118	145	2 327 095.77	579 741.98
119	146	2 327 094.04	579 741.42
120	147	2 327 093.42	579 743.32
121	148	2 327 095.14	579 743.88
122	149	2 327 086.44	579 770.70
123	150	2 327 085.49	579 770.39
124	151	2 327 084.69	579 772.87
125	152	2 327 085.64	579 773.18
126	153	2 327 081.16	579 786.97
127	154	2 327 079.44	579 786.41
128	155	2 327 078.82	579 788.31
129	156	2 327 080.55	579 788.87
130	157	2 327 076.07	579 802.66
131	158	2 327 054.77	579 795.75
132	159	2 327 056.99	579 788.90
133	160	2 327 055.56	579 788.44
134	161	2 327 057.81	579 781.50
135	162	2 327 059.24	579 781.96
136	163	2 327 059.86	579 780.06
137	164	2 327 058.43	579 779.59
138	165	2 327 059.96	579 774.87
139	166	2 327 060.68	579 772.65
140	167	2 327 062.11	579 773.11
141	168	2 327 063.15	579 769.90
142	169	2 327 067.86	579 771.43
143	170	2 327 068.79	579 768.55
144	171	2 327 065.04	579 767.33
145	172	2 327 069.51	579 753.54
146	173	2 327 072.79	579 754.61
147	174	2 327 073.59	579 752.13
148	175	2 327 069.36	579 750.76
149	176	2 327 071.52	579 744.10
150	177	2 327 070.10	579 743.64

Số thứ tự	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
151	178	2 327 072.41	579 736.50
152	179	2 327 076.50	579 737.83
153	180	2 327 077.12	579 735.93
154	181	2 327 073.03	579 734.60
155	182	2 327 075.34	579 727.47
156	183	2 327 076.77	579 727.93
157	184	2 327 078.24	579 723.39
158	185	2 327 077.56	579 722.05
159	186	2 327 078.61	579 721.51
160	187	2 327 077.97	579 720.26
161	188	2 327 074.60	579 721.99
162	189	2 327 071.55	579 716.02
163	190	2 327 070.30	579 716.66
164	191	2 327 068.49	579 713.09
165	192	2 327 072.98	579 710.80
166	193	2 327 072.07	579 709.02
167	194	2 327 067.58	579 711.31
168	195	2 327 065.76	579 707.75
169	196	2 327 066.92	579 707.16
170	197	2 327 061.85	579 697.24
171	198	2 327 082.62	579 686.61
172	199	2 327 092.81	579 706.58
173	200	2 327 093.17	579 706.39
174	201	2 327 052.83	579 772.55
175	202	2 327 051.59	579 776.38
176	203	2 327 016.40	579 764.96
177	204	2 327 040.61	579 690.34
178	205	2 327 075.80	579 483.90
179	206	2 327 073.82	579 489.99
180	207	2 327 074.28	579 490.15
181	208	2 327 072.06	579 496.99
182	209	2 327 071.59	579 496.84
183	210	2 327 070.51	579 500.16
184	211	2 327 064.81	579 498.31
185	212	2 327 064.28	579 499.94
186	213	2 327 069.98	579 501.80
187	214	2 327 068.90	579 505.12
188	215	2 327 069.37	579 505.27
189	216	2 327 067.15	579 512.12
190	217	2 327 066.68	579 511.96
191	218	2 327 064.70	579 518.06
192	219	2 327 055.93	579 515.21
193	220	2 327 057.51	579 510.36
194	221	2 327 055.81	579 509.81
195	222	2 327 054.09	579 515.13
196	223	2 327 047.31	579 512.93
197	224	2 327 050.49	579 503.15
198	225	2 327 048.88	579 502.63
199	226	2 327 048.78	579 502.95
200	227	2 327 042.50	579 500.91

Bảng thống kê tọa độ mốc giới

Số thứ tự	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
201	228	2 327 042.61	579 500.59
202	229	2 327 041.00	579 500.07
203	230	2 327 037.82	579 509.84
204	231	2 327 031.05	579 507.64
205	232	2 327 032.78	579 502.33
206	233	2 327 031.09	579 501.78
207	234	2 327 029.51	579 506.63
208	235	2 327 020.74	579 503.78
209	236	2 327 022.72	579 497.68
210	237	2 327 022.26	579 497.53
211	238	2 327 024.48	579 490.68
212	239	2 327 024.95	579 490.84
213	240	2 327 026.02	579 487.52
214	241	2 327 031.73	579 489.37
215	242	2 327 032.26	579 487.73
216	243	2 327 026.56	579 485.88
217	244	2 327 027.63	579 482.56
218	245	2 327 027.17	579 482.41
219	246	2 327 029.39	579 475.56
220	247	2 327 029.86	579 475.71
221	248	2 327 031.84	579 469.62
222	249	2 327 040.61	579 472.47
223	250	2 327 039.03	579 477.32
224	251	2 327 040.73	579 477.87
225	252	2 327 042.45	579 472.55
226	253	2 327 049.22	579 474.75
227	254	2 327 046.05	579 484.53
228	255	2 327 047.65	579 485.05
229	256	2 327 047.76	579 484.73
230	257	2 327 054.04	579 486.76
231	258	2 327 053.93	579 487.09
232	259	2 327 055.54	579 487.61
233	260	2 327 058.72	579 477.83
234	261	2 327 065.49	579 480.03
235	262	2 327 063.76	579 485.35
236	263	2 327 065.45	579 485.90
237	264	2 327 067.03	579 481.05
238	265	2 327 044.81	579 805.87
239	266	2 327 043.76	579 809.11
240	267	2 327 044.71	579 809.42
241	268	2 327 043.20	579 814.08
242	269	2 327 038.53	579 812.56
243	270	2 327 037.79	579 814.85
244	271	2 327 042.46	579 816.36
245	272	2 327 040.95	579 821.02
246	273	2 327 040.00	579 820.71
247	274	2 327 038.95	579 823.95
248	275	2 327 036.00	579 822.99
249	276	2 327 035.66	579 824.04
250	277	2 327 029.10	579 821.91

Số thứ tự	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
251	278	2 327 028.17	579 824.76
252	279	2 327 021.61	579 822.63
253	280	2 327 021.14	579 824.06
254	281	2 327 017.82	579 822.98
255	282	2 327 019.57	579 817.56
256	283	2 327 017.48	579 816.88
257	284	2 327 015.72	579 822.30
258	285	2 327 012.39	579 821.22
259	286	2 327 012.86	579 819.79
260	287	2 327 006.29	579 817.66
261	288	2 327 007.22	579 814.81
262	289	2 327 000.66	579 812.68
263	290	2 327 001.00	579 811.63
264	291	2 326 998.05	579 810.68
265	292	2 326 999.10	579 807.44
266	293	2 326 998.15	579 807.13
267	294	2 326 999.66	579 802.47
268	295	2 327 004.32	579 803.98
269	296	2 327 005.06	579 801.70
270	297	2 327 000.40	579 800.19
271	298	2 327 001.91	579 795.53
272	299	2 327 002.86	579 795.84
273	300	2 327 003.91	579 792.60
274	301	2 327 006.86	579 793.56
275	302	2 327 007.20	579 792.51
276	303	2 327 013.76	579 794.64
277	304	2 327 014.69	579 791.79
278	305	2 327 021.25	579 793.92
279	306	2 327 021.71	579 792.49
280	307	2 327 025.04	579 793.57
281	308	2 327 023.28	579 798.99
282	309	2 327 025.38	579 799.67
283	310	2 327 027.14	579 794.25
284	311	2 327 030.46	579 795.33
285	312	2 327 030.00	579 796.76
286	313	2 327 036.57	579 798.89
287	314	2 327 035.64	579 801.74
288	315	2 327 042.20	579 803.87
289	316	2 327 041.86	579 804.92
290	317	2 326 992.07	579 451.15
291	318	2 326 895.59	579 810.92
292	319	2 326 902.48	579 787.08
293	A	2 327 014.57	579 653.57
294	B	2 326 937.07	579 628.40
295	G1	2 327 155.32	579 568.12
296	G2	2 327 127.25	579 559.01
297	G3	2 327 122.21	579 561.58
298	G4	2 327 090.09	579 660.47
299	G5	2 327 077.27	579 656.22
300	G6	2 327 109.38	579 557.41

Bảng thống kê tọa độ mốc giới

[illegible][illegible]

Số: 872 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi 61.138,4m² đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm; giao 62.632,2m² đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm cho Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng để thực hiện dự án Hải Đăng City (giai đoạn 1).

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố về việc Ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố do Luật đất đai 2013 và các Nghị định của Chính phủ giao cho về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 923/TTr-STNMT-KHTH ngày 12 tháng 02 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Thu hồi 61.138,4m² (sáu mươi một nghìn một trăm ba mươi tám phẩy bốn mét vuông) đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy (489,3m²) và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm (60.649,1m²), bao gồm:

+ 489,3m² đất nông nghiệp tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy do Hợp tác xã Kinh doanh tổng hợp và Dịch vụ nông nghiệp Mai Dịch đang quản lý;

+ 57.141,2m² đất tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm do Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội đang quản lý theo Quyết định số 2130/QĐ-UB ngày 24/10/1991 của UBND Thành phố;

+ 3.507,9m² đất nông nghiệp và đất nương đường tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm do UBND phường Mỹ Đình 2 đang quản lý.

2. Giao 62.632,2m² (sáu mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi hai phẩy hai mét vuông) đất tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm (gồm diện tích đất thu hồi tại khoản 1 Điều này và 1.493,8m² đất đất nông nghiệp của các hộ gia đình và đất công ích do UBND phường Mai Dịch và phường Mỹ Đình 2 quản lý, đã được UBND quận Cầu



Giấy và UBND quận Nam Từ Liêm quyết định thu hồi) cho Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng để thực hiện dự án Hải Đăng City (giai đoạn 1), theo dự án đầu tư được UBND Thành phố chấp thuận và chấp thuận điều chỉnh tại các văn bản số 717/UBND-KH&ĐT ngày 31/1/2012 và số 3500/UBND-QHXDGT ngày 19/5/2014; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 05/1/2014;

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thực hiện dự án giới hạn bởi các mốc: 1, 39, 40, M3, từ 41 đến 53, 81, 82, 83, từ 56 đến 61, 38, M4, M5, 62, từ 25 về 21, 318, 319, G, H, H1, K, L, M, A, B, 72, 73, 75, 76, 317, 320, từ 5 về 1 xác định tại Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan QH-05A, tỷ lệ 1/500 do Công ty AEDAS và Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển kiến trúc I.D.E.A lập tháng 01/2011 và Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500 do Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng NHS lập tháng 12/2012, được Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác nhận phù hợp quy hoạch chi tiết được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 12 tháng 02 năm 2015;

Điều 2. Cơ chế sử dụng đất của dự án

2.1- Đối với diện tích đất để xây dựng nhà ở thấp tầng:

- 14.870,9m² giới hạn bởi các mốc: từ G1 đến G4, M12, GA, HA, 55, 80, 79, 54, M13, G1 (TT-01B), từ G5 đến G10, M10, M11, G5 (TT-02), từ G11 đến G16, M8, M9, G11 (TT-03), từ G17 đến G20, M5A, M6A, M7, G17 (TT-04) để xây dựng 141 căn nhà ở thấp tầng (cao 06 tầng).

- 489,7m² giới hạn bởi các mốc: 53, 54, 79, 80, 55, 56, 83, 82, 81, 53 (TT-01A) chưa hoàn thành dứt điểm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm để giải quyết, nhận bàn giao mặt bằng và quản lý, chống lấn chiếm, tổ chức thực hiện dự án theo tiến độ.

Hình thức sử dụng đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất, với thời hạn sử dụng đất 50 (năm mươi) năm kể từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định này; người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng ổn định lâu dài;

2.2- Đối với diện tích đất 6.519,9m² xây dựng 04 tòa nhà ở chung cư cao tầng (cao 30, 39, 45 tầng, không bao gồm tầng hầm), giới hạn bởi các mốc: từ 84 đến 143, 84 (CT-1A), từ 205 đến 264, 205 (CT-1B), từ 144 đến 200, 144 (CT-2A), từ 265 đến 316, 265 (CT-2B): Hình thức sử dụng đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất, với thời hạn sử dụng đất 50 (năm mươi) năm kể từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định này; người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng ổn định lâu dài;

2.3- Đối với diện tích đất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, bao gồm:

- 3.323,7m² giới hạn bởi các mốc: từ 165 đến 197, từ 204 về 201, 165 (TM-01) để xây dựng trung tâm thương mại (cao 02, 03 tầng, không bao gồm tầng hầm);

- 13.755,7m² giới hạn bởi các mốc: (KA, M14, 77, 78, 3, 2, 1, KA tới ranh giới xây dựng công trình CT-1A, CT-1B) và (từ 64 đến 69, 64 đến ranh giới xây dựng công trình CT-2A, CT-2B và TM-01) để trồng cây xanh và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho dự án (phía dưới xây dựng tầng hầm);

- 2.552 m² giới hạn bởi các mốc: 73, 75, 74, M5A, M6A, 73 (CX-03A), 64, 63, 62, 25, 24, 23, 70, 69, 64 (CX-05) để trồng cây xanh kết hợp bãi đỗ xe.

Hình thức sử dụng đất: thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm; thời hạn sử dụng đất là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày ký Quyết định này;

2.4- Đối với diện tích đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực, bao gồm:

- 2.212,9m² giới hạn bởi các mốc: 76, 77, 78, 4, 5, 317, 76 (CX-02A), 71, 22, 21, 318, 319, G, H, H1, K, L, 71 (CX-04A) để trồng cây xanh;

- 18.907,4m² giới hạn bởi các mốc: 5, 317, 320, 5 (GT-02) và phần diện tích đất còn lại nằm trong ranh giới giai đoạn 1 của dự án (GT-01) để làm đường theo quy hoạch.

Hình thức sử dụng đất: Giao đất không thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng: hết Quý IV/2020; Sau khi xây dựng xong công trình, Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng có trách nhiệm bàn giao cho UBND quận Nam Từ Liêm quản lý.

Điều 3. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng có trách nhiệm

1. Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để bàn giao đất trên bản đồ và ngoài thực địa; xác định đơn giá thu tiền sử dụng đất, giá tiền cho thuê đất và ký hợp đồng thuê đất theo quy định;

2. Liên hệ với Cục Thuế Hà Nội để nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và truy thu tiền các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan (nếu có) theo quy định;

3. Sau khi thực hiện xong khoản 1, 2 Điều này, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để cấp Trích lục bản đồ khu đất và hướng dẫn thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; hướng dẫn lập, thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án theo quy định;

4. Liên hệ với Sở Xây dựng để được hướng dẫn cấp Giấy phép xây dựng và thực hiện xây dựng theo quy định;

5. Liên hệ với UBND: quận Cầu Giấy, quận Nam Từ Liêm và Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho người mua nhà ở theo quy định;

6. Sử dụng đúng mục đích, nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này; thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

7. Khẩn trương phối hợp với UBND quận Nam Từ Liêm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 4.273,9m² còn lại (giai



đoạn 2) của dự án, hoàn thiện hồ sơ sử dụng đất trong quý III/2015, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND Thành phố quyết định.

Điều 3. Trách nhiệm của các ngành, các cấp

1. Các Sở, Ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Cục Thuế Hà Nội, UBND: quận Cầu Giấy và quận Nam Từ Liêm hướng dẫn Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 2 Quyết định này theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước và quản lý chuyên ngành;

2. UBND: quận Cầu Giấy và quận Nam Từ Liêm, phường Mai Dịch và phường Mỹ Đình 2 thường xuyên kiểm tra việc sử dụng đất, xây dựng công trình và bảo vệ môi trường của Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng, kịp thời phát hiện, xử lý những vi phạm theo thẩm quyền;

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa, Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì Công ty được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà Công ty vẫn chưa đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này thì UBND Thành phố thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Trưởng ban Chỉ đạo giải phóng mặt bằng Thành phố; Chủ tịch UBND: quận Cầu Giấy và quận Nam Từ Liêm, phường Mai Dịch và phường Mỹ Đình 2; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Đ/c CT UBND TP. Hà Nội;
- PCT TT trực Vũ Hồng Khanh;
- VPUB: PCVP Phạm Chí Công;
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ngày: 04-03-2017

HS 3164.KHTH/2015 - B. Kế hoạch và Đầu tư



PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thúy Quỳnh

Số: 2749 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án: “Hải Đăng City”

Địa điểm: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 26/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 18/7/2011 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính Phủ;

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “Hải Đăng city” họp ngày 23/3/2015 tại Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “Hải Đăng city” đã được chỉnh sửa, bổ sung;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 2978 /TTr-STNMT-CCMT ngày 03 /6. /2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “Hải Đăng city” (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Diện tích đất: 66.906,1m², trong đó 29.455m² khu đất NO-CT1, 14.651m² khu đất NO-CT2, 10.597,3m² đất cây xanh và 12.202,8m² đường giao thông nội bộ.

- Khu đất NO-CT1: khối nhà cao tầng CT1 với 02 tầng hầm, 2 tầng khối đế, tầng 3 đến tầng 30 là căn hộ chung cư (chưa kể tum thang và kỹ thuật), số căn hộ là 896 căn, quy mô dân số 2.836 người; Khối nhà thấp tầng TT01, TT02, TT03, TT04 gồm 147 căn, cao 5 tầng/căn, quy mô dân số 588 người.

- Khu đất NO-CT2: khối nhà cao tầng CT2 với 02 tầng hầm, 2 đơn nguyên CT2A và CT2B. Đơn nguyên CT2A gồm 3 tầng khối đế và tầng 4 là khối thương mại, tầng 5 đến tầng 39 là khối tháp chung cư gồm 449 căn hộ với quy mô dân số là 1.796 người. Đơn nguyên CT2B gồm tầng 1, 2 là khối thương mại, tầng 3 đến tầng 45 là khối tháp chung cư gồm 284 căn hộ với quy mô dân số là 1.136 người;

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Quá trình thi công xây dựng và vận hành công trình phải thực hiện đúng quy định về đảm bảo trật tự an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 và các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố.

2.2. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) về độ rung.

2.3. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh.

2.4. Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

2.5. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.6. Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

2.7. Lập hồ sơ xin cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Chủ dự án phải thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

3.2. Chủ dự án phải thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải gửi đến Chi cục Bảo vệ Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND quận Nam Từ Liêm, UBND quận Cầu Giấy để kiểm tra và giám sát.

3.3. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ Môi trường.

3.4. Chủ dự án phải đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Chủ dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng Dự án; Trước khi dự án đi vào hoạt động, Chủ dự án phải có báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, cho phép các công trình xử lý môi trường đi vào vận hành chính thức.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và kiểm tra việc đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án; kiểm tra, xác nhận các nội dung thay đổi về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, chương trình giám sát môi trường và các nội dung khác trong quá trình thi công và hoạt động của dự án.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND quận Nam Từ Liêm; Chủ tịch UBND quận Cầu Giấy; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng; Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành Dự án và các nhà thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình của Dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Phó Chủ tịch T. Trục Vũ Hồng Khanh;
- Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội;
- VPUB: PCVP Phạm Chí Công;
- TH, TNMT (b, thach);
- Lưu: VT

MHS 7551.CCMT

1965 - 15

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... 5533... Quyển số... SCT/BSKT, CHỦ TỊCH

18-04-2017

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Phương

Vũ Hồng Khanh

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Phương

Vũ Hồng Khanh

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Phương

Vũ Hồng Khanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1574 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp
tầng tại ô đất NO-CT2 (thuộc dự án Hải Đăng City)”
Địa điểm: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp tầng tại ô đất NO-CT2 (thuộc dự án Hải Đăng City)” họp ngày 21/12/2017;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp tầng tại ô đất NO-CT2 (thuộc dự án Hải Đăng City)” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 216/CV-ĐOHĐ ngày 09/3/2018 của Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 2228/TTr-STNMT-KTTV&BĐKH ngày 23 tháng 03 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Công trình nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp tầng tại ô đất NO-CT2 (thuộc dự án Hải Đăng City)” tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng với các nội dung chủ yếu sau đây:



[Handwritten signature]

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án khoảng 14.651 m², quy mô dân số khoảng 3.292 người với chức năng công trình: nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở và nhà ở thấp tầng, cụ thể:

- Nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở: diện tích đất khoảng 7.700m²; Diện tích xây dựng khoảng 4.600 m²; Tổng diện tích sàn xây dựng (không kể tầng hầm) khoảng 146.222 m²; Mật độ xây dựng khối đế: 59,7%; Mật độ xây dựng khối tháp: 44,9%; Tầng cao: 4-42 tầng; Số tầng hầm: 04; Tổng số căn hộ khoảng 893 căn hộ.

- Đất ở thấp tầng: diện tích đất khoảng 6.951 m²; Diện tích xây dựng khoảng 2.721 m²; Tổng diện tích sàn xây dựng (không kể tầng hầm) khoảng 10.867 m²; Mật độ xây dựng: 39,15%; Tầng cao: 04 tầng; Số tầng hầm: 01; Tổng số căn hộ khoảng 20 căn hộ.

Chi tiết được nêu trong hồ sơ, báo cáo của dự án.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

a) Quá trình thi công xây dựng phải thực hiện đúng quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội và các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh.

b) Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

c) Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt và các loại chất thải khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

d) Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư

36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

đ) Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành của Dự án đều phải được thu gom và xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường. Nước thải thi công phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường.

3. Các điều kiện kèm theo:

a) Chủ dự án phải thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

b) Chủ dự án phải thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được lưu giữ tại đơn vị; gửi 01 bộ đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND quận Nam Từ Liêm để kiểm tra và giám sát.

c) Chủ dự án phải chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

d) Chủ dự án phải đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án quy định tại Khoản 2, Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận trang phụ bìa theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015; thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Chủ dự án; kiểm tra, giám sát các nội dung thay đổi về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, chương trình giám sát môi trường và các nội dung khác trong quá trình thực hiện Dự án.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND quận Nam Từ Liêm; Chủ tịch UBND phường Mỹ Đình 2; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng và các đơn vị thi công, đơn vị tiếp nhận quản lý vận hành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBNDTP (để b/c);
- Phó chủ tịch Nguyễn Thế Hùng;
- VPUB: PCVP Phạm Văn Chiến;
các phòng: TH, ĐT, TKBT;
- Lưu: VT, ĐT_{Tr}.

CVD: 701-14

MSHS:74731.KTTV

Ngày: 17-04-2018



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thành Trung

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Hùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 4.7.6.2-... Quyển số: SCT/BS

Số: 87 /GP-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng ngày 25/02/2021 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 1475/TTr-STNMT-TNN ngày 08/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng, địa chỉ trụ sở chính tại số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội được xả nước thải từ Dự án Hải Đăng City tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung tại đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí xả nước thải:

- Tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000):

+ Điểm xả 1: $X_1 = 2\ 327\ 186$; $Y_1 = 579\ 713$ (nước thải sinh hoạt).

+ Điểm xả 2: $X_2 = 2\ 326\ 948$; $Y_2 = 579\ 494$ (nước xả kiệt bể bơi).

3. Phương thức xả nước thải:

- Điểm xả 1: Bơm.
- Điểm xả 2: tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải:

- + Điểm xả 1: Gián đoạn.
- + Điểm xả 2: Gián đoạn (01 năm/lần).

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- + Điểm xả 1: 1630 m³/ngày đêm (nước thải sinh hoạt).
- + Điểm xả 2: 480 m³/ngày đêm (nước xả kiệt bể bơi).

6. Chất lượng nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT tại cột B, với K = 1.

- Đối với nước xả kiệt bể bơi: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội-QCTĐHN 02:2014/BTNMT tại cột B với Cmax = C với các thông số: pH, Màu, TSS, Clo dư và Coliform.

7. Thời hạn của Giấy phép là: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng:

1. Tuân thủ các nội dung theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải:

a) Vị trí quan trắc:

- Đối với nước thải sinh hoạt: 01 (một) vị trí sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi bơm lên hố ga G16 thoát nước ngoài nhà và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước xả kiệt bể bơi: 01 (một) vị trí tại hố ga G11 thuộc hệ thống thoát nước ngoài nhà và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b) Thông số quan trắc: theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

c) Tần suất quan trắc:

- Lưu lượng nước thải: hàng ngày.

- Chất lượng nước thải:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: 03 (ba) tháng/lần.

+ Đối với nước xả kiệt bể bơi: Trước khi xả.

3. Thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số

điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường trước ngày 31/12/2021.

4. Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Điều 10 Thông tư 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước, trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012:

a) Thực hiện thu gom, xử lý nước thải theo đúng cam kết nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép; tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải, bảo đảm xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định trong suốt quá trình xả nước thải; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Tài nguyên và Môi trường các cấp theo quy định; nếu có sự cố bất thường liên quan đến việc xả nước thải, phải báo cáo ngay tới Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để kịp thời xử lý.

Điều 3. Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND quận Nam Từ Liêm; Chủ tịch UBND quận Cầu Giấy; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND Thành phố; (Để báo cáo)
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUB: PCVP V.T.Anh, P.ĐTN;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Lưu: VT, HS, ĐTN.

(7163/2021-Bình)

472 (11)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 02876-04

Quyền số:

Ngày: 02-04-2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Nguyễn Trọng Đông

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng.**
 - Địa chỉ: Số 9, ngõ 29, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.
2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: **Hải Đăng City (giai đoạn 1).**
 - Tổng số công trình: 42 công trình.
 - a. Công trình số 1: **Móng và tầng hầm (từ cos $\pm 0,00$ m trở xuống) của Khối nhà ở cao tầng CT1.**
 - Theo thiết kế có ký hiệu: KT-04 đến KT-06 tại bản vẽ xin phép xây dựng.
 - Do: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiên Tân.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng: Trên lô đất ký hiệu CT1.
 - + Diện tích sàn tầng hầm 1 : 9.448 m^2 . Diện tích sàn tầng hầm 2: 9.448 m^2 .
 - + Tổng diện tích sàn 02 tầng hầm: 18.896 m^2 .
 - + Chiều sâu 02 tầng hầm: 7,2 m (từ cos ± 0.00 m đến cos - 7,2 m).
 - + Cos ± 0.00 m hơn cos vỉa hè: 0,9 m.
 - + Số tầng: 02 tầng hầm.
 - b. Công trình số 2 đến số 9: **Gồm 08 Nhà ở thấp tầng trên ô đất TT-01B (Mẫu nhà ở số 1A).**
 - Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01 đến KT-07 tại bản vẽ xin phép xây dựng.
 - Do: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng NHS lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần IDT Việt Nam.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Diện tích sàn xây dựng tầng 1: 104 m^2
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 582 m^2
 - + Chiều cao tầng 1: 2,7 m. Tổng chiều cao công trình tính từ cos ± 0.00 m đến mái: 19,5 m. Cos nền xây dựng tầng 1 (Cos $\pm 0,00$ m) cao hơn cos vỉa hè: 0,15 m.
 - + Số tầng: 05 tầng + 01 tầng tum.
 - c. Công trình số 10 đến số 39: **Gồm 15 Nhà ở thấp tầng trên ô đất TT-02 và 15 Nhà ở thấp tầng trên ô đất TT-03 (Mẫu nhà ở số 1B).**
 - Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01 đến KT-07 tại bản vẽ xin phép xây dựng.
 - Do: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng NHS lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần IDT Việt Nam.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Diện tích sàn xây dựng tầng 1: 100 m^2
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng : 546 m^2
 - + Chiều cao tầng 1: 2,7 m. Tổng chiều cao công trình tính từ cos ± 0.00 m đến mái: 19,5 m. Cos nền xây dựng tầng 1 (Cos $\pm 0,00$ m) cao hơn cos vỉa hè: 0,30 m.
 - + Số tầng: 05 tầng + 01 tầng tum.
 - d. Công trình số 40: **01 Nhà ở thấp tầng trên ô đất TT-01 (Mẫu nhà ở số 5).**



- Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01 đến KT-07; MD-01 đến MD-03 tại bản vẽ xin phép xây dựng.

- Do: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng NHS lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần IDT Việt Nam.

- Gồm các nội dung sau:

+ Diện tích sàn xây dựng tầng 1: 98 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng : 534 m²

+ Chiều cao tầng 1: 2,7 m . Tổng chiều cao công trình tính từ cos ± 0.00 m đến mái: 19,5 m. Cos nền xây dựng tầng 1 (Cos $\pm 0,00$ m) cao hơn cos vỉa hè: 0,15 m.

+ Số tầng: 05 tầng + 01 tầng tum.

e. Công trình số 41 đến số 42: **Gồm 01 Nhà ở thấp tầng trên ô đất TT-02 và 01 Nhà ở thấp tầng trên ô đất TT-03 (Mẫu nhà ở số 8).**

- Do: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng NHS lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần IDT Việt Nam.

- Gồm các nội dung sau:

+ Diện tích sàn xây dựng tầng 1: 94 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng : 528 m²

+ Chiều cao tầng 1: 2,7 m. Tổng chiều cao công trình tính từ cos ± 0.00 m đến mái: 19,5 m. Cos nền xây dựng tầng 1 (Cos $\pm 0,00$ m) cao hơn cos vỉa hè: 0,30 m.

+ Số tầng: 05 tầng + 01 tầng tum.

- Chỉ giới xây dựng, Mật độ xây dựng; Hệ số sử dụng đất; Màu sắc công trình: Được xác định theo bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng dự án do Sở Quy hoạch-Kiến trúc chấp thuận kèm theo văn bản số 289/QHKT-P8 ngày 31/01/2013 và văn bản số 1110/QHKT-P8 ngày 22/4/2013.

- Vị trí xây dựng dự án: Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND Thành phố Hà Nội; Trích lục bản đồ số 162/ TĐ-15 ngày 14/5/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Chưa có công trình nào khởi công.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên nếu công trình chưa khởi công thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn giấy phép.

6. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung tại trang bên của Giấy phép xây dựng này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT-HS. (Trường)

UBND PHƯƠNG HANG BỐT
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 30 -07- 2015

Số chứng thực: 3898 - Quyền số 4

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hương Lan



Trần Việt Trung

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho chính quyền sở tại và cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công phù hợp hồ sơ thiết kế xin phép xây dựng được duyệt kèm theo giấy phép xây dựng, được đơn vị tư vấn đủ năng lực thẩm tra, xác nhận đảm bảo an toàn phù hợp với các quy định hiện hành trước khi khởi công xây dựng công trình. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của Sở Xây dựng.
6. Lập hồ sơ hiện trạng các công trình lân cận, liên kề, có xác nhận của chủ sở hữu, chủ sử dụng các công trình lân cận, liên kề trước khi khởi công xây dựng công trình để làm cơ sở giải quyết khiếu kiện nếu việc thi công xây dựng công trình làm hư hỏng công trình lân cận, liên kề.
7. Thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu tại văn bản số: 282/HĐXD-KSTK ngày 28/7/2014 và 766/HĐXD-KSTK ngày 23/12/2014 của Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng-Bộ Xây dựng; Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND Thành phố Hà Nội; văn bản số 289/QHKT-P8 ngày 31/01/2013 và số 1110/QHKT-P8 ngày 22/4/2013 của Sở Quy hoạch Kiến trúc; Giấy chứng nhận thẩm duyệt số: 2341/TDPCCC-P6 ngày 11/9/2014 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH-Bộ Công an; Trích lục bản đồ số 162/TĐ-15 ngày 14/5/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường.
8. Xây dựng công trình trong ranh giới đất được giao, đúng theo hồ sơ thiết kế xin phép đã được Sở Xây dựng đóng dấu xác nhận. Phải có giải pháp thi công phù hợp đặc biệt là tầng hầm để đảm bảo an toàn cho công trình, không ảnh hưởng đến các công trình liên kề và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.
9. Thực hiện đúng Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Liên hệ với cơ quan chức năng để ký hợp đồng thu dọn, vận chuyển đất thải, phế thải xây dựng đến nơi quy định. Không được xả dung dịch cọc khoan nhồi, bùn đất xuống hệ thống thoát nước của Thành phố.
10. Thực hiện đúng các quy định về phòng cháy chữa cháy của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH-Bộ Công an trong quá trình thi công và khai thác sử dụng.
11. Chịu sự quản lý trực tiếp và kiểm tra, kiểm soát của Chính quyền địa phương, lực lượng Thanh tra xây dựng; nếu có vi phạm trật tự xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
12. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra, đơn vị thi công hoàn toàn chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng và an toàn trong quá trình thi công công trình và đưa vào khai thác sau này theo quy định của pháp luật.
13. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về đất đai và quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Số: 72 /GPXD-SXD

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

- Cấp cho: Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Hải Đăng.
 - Địa chỉ: Số 9, ngõ 29, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Được phép xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án: Phần thân (từ cos ± 0.00 m trở lên) của Khối nhà cao tầng CT1 (bao gồm CT-1A và CT-1B) thuộc dự án Hải Đăng City (giai đoạn 2).
 - Theo thiết kế có ký hiệu: KT-04 đến KT-18 tại bản vẽ xin phép xây dựng.
 - Do: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư xây dựng.
 - Giai đoạn 2 gồm các nội dung sau:
 - Vị trí xây dựng: Trên lô đất ký hiệu NO-CT1 thuộc phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
 - Chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, mặt đồ xây dựng, hệ số sử dụng đất, màu sắc công trình: Được xác định theo bản vẽ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết dự án do Sở Quy hoạch-Kiến trúc chấp thuận; kèm theo văn bản số 289/QHKT-P& ngày 31/01/2013 và phù hợp với Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND Thành phố Hà Nội.
 - Diện tích xây dựng sàn tầng 1: 3.000 m².
 - Tổng diện tích sàn xây dựng: 86.600 m² (không bao gồm diện tích tầng hầm).
 - Chiều cao tầng 1: 5,1 m tính từ cos ± 0.00 m.
 - Chiều cao công trình: 106,1 m (tính từ cos ± 0.00 m đến đỉnh mái. Cos ± 0.00 m cao hơn cos vỉa hè: 0,9 m).
 - Số tầng: 2 và 30 tầng.
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND Thành phố Hà Nội; Trích lục bản đồ số 462/TĐ-15 ngày 14/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Ghi nhận các công trình đã khởi công: Chủ đầu tư đã khởi công xây dựng giai đoạn 1 phần ngầm Khối nhà cao tầng CT1 và công trình nhà ở thấp tầng theo Giấy phép xây dựng số 36/GPXD-SXD do Sở Xây dựng cấp ngày 02/7/2015.
- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên nếu công trình chưa khởi công thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn giấy phép.

6. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung tại trang sau của Giấy phép xây dựng

này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT-HS. (Trưởng)

Số chứng thực: 6603... Quyền số 5... SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hương Lan



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Việt Trung

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho chính quyền sở tại và cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng 2014.
5. Hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công phù hợp hồ sơ thiết kế xin phép xây dựng được duyệt kèm theo giấy phép xây dựng, được đơn vị tư vấn đủ năng lực thẩm tra, xác nhận đảm bảo an toàn phù hợp với các quy định hiện hành trước khi khởi công xây dựng công trình. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của Sở Xây dựng.
6. Lập hồ sơ hiện trạng các công trình lân cận, liền kề, có xác nhận của chủ sở hữu, chủ sử dụng các công trình lân cận, liền kề trước khi khởi công xây dựng công trình để làm cơ sở giải quyết khiếu kiện nếu việc thi công xây dựng công trình làm hư hỏng công trình lân cận, liền kề.
7. Thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu tại văn bản số: 766/HĐXD-KSTK ngày 23/12/2014 của Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng-Bộ Xây dựng; Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND Thành phố Hà Nội; văn bản số 289/QHKT-P8 ngày 31/01/2013 của Sở Quy hoạch Kiến trúc; Giấy chứng nhận thẩm duyệt số: 2341/TDPCCC-P6 ngày 11/9/2014 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH-Bộ Công an; Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND Thành phố về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Trích lục bản đồ số 426/TĐ-15 ngày 14/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường.
8. Xây dựng công trình trong ranh giới đất được giao, đúng theo hồ sơ thiết kế xin phép đã được Sở Xây dựng đóng dấu xác nhận. Phải có giải pháp thi công phù hợp đặc biệt là tầng hầm để đảm bảo an toàn cho công trình, không ảnh hưởng đến các công trình liền kề và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.
9. Thực hiện đúng Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Liên hệ với cơ quan chức năng để ký hợp đồng thu dọn, vận chuyển đất thải, phế thải xây dựng đến nơi quy định. Không được xả dung dịch cộc khoan nhồi, bùn đất xuống hệ thống thoát nước của Thành phố.
10. Chịu sự quản lý trực tiếp và kiểm tra, kiểm soát của Chính quyền địa phương, lực lượng Thanh tra xây dựng; nếu có vi phạm trật tự xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
11. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra, đơn vị thi công hoàn toàn chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng và an toàn trong quá trình thi công công trình và đưa vào khai thác sau này theo quy định của pháp luật.
12. Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Trích lục bản đồ số 426/TĐ-15 ngày 14/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường.
13. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về đất đai và quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 33 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hải Đăng.
 - Địa chỉ: Số 9, Ngõ 29, đường Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.
2. Được phép xây dựng công trình Khôi nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị ở tại ô đất NO-CT2 thuộc dự án Hải Đăng City.
 - Tổng số công trình thuộc dự án: 01 công trình.
 - Theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng đóng dấu thẩm định kèm theo văn bản số 128/HĐXD-QLKT ngày 05/3/2018.
 - Do: Công ty TNHH Liên minh Thiết kế quốc tế FINKO lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam-CTCP(VNCC).
 - Cơ quan thẩm định: Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng: ô đất NO-CT2 thuộc dự án Hải Đăng City tại phường Mỹ Đình 2, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
 - + Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, hệ số sử dụng đất: Được xác định theo Giấy phép quy hoạch số 57/GPQH ngày 05/01/2017 và bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh tỷ lệ 1/500 do Sở Quy hoạch-Kiến trúc chấp thuận kèm văn bản số 1351/QHKT-TMB-PAKT(P1) ngày 13/3/2017.
 - + Mật độ xây dựng khối đế: 59,7 %.
 - + Mật độ xây dựng khối tháp: 44,9 %.
 - + Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng sử dụng của công trình, hài hòa với cảnh quan khu vực xung quanh.
 - + Cốt nền xây dựng: Cốt ± 0.000 (cốt vỉa hè) tương đương cốt cao độ +6.8 mét cao độ quốc gia.
 - + Cốt nền tầng 1 cao hơn cốt ± 0.000 : 0,75m
 - + Chiều sâu công trình: 14,95 m (từ cốt ± 0.000 đến cốt -14,95 m).
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 4.600 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 146.222 m² (phần nổi) + 30.800 m² (phần ngầm).
 - + Chiều cao công trình: 160 m (tính từ cốt ± 0.000 đến đỉnh mái).
 - + Số tầng: 4 ÷ 42 tầng + 04 tầng hầm.



3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 v/v điều chỉnh một số nội dung tại Điều 2 Quyết định giao đất số 872/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND TP Hà Nội.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên nếu công trình chưa khởi công thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn giấy phép. Chủ đầu tư chỉ khởi công xây dựng công trình khi đã đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng và thực hiện thông báo khởi công theo Điều 5 Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội được ban hành kèm theo Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại trang sau của giấy phép xây dựng này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- Lưu: VT, HS (Trưởng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... Quyền số:.....

Ngày: 17-04-2018



Nguyễn Chí Dũng



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Trung

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng và giấy phép xây dựng này.
3. Thông báo và xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền cơ sở, cơ quan quản lý trật tự xây dựng để quản lý theo quy định, treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
4. Thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
5. Lập, thẩm định, thẩm tra và phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và biện pháp thi công theo quy định, phù hợp với bản vẽ được cấp phép xây dựng và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình lân cận, liền kề. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của Sở Xây dựng (trong thời gian chờ phải tạm dừng thi công xây dựng công trình).
6. Thực hiện đúng các quy định tại Quyết định 29/QĐ-UBND ngày 9/10/2015 của UBND Thành phố về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội và các quy định của pháp luật có liên quan; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND Thành phố về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.
7. Thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu tại văn bản 128/HĐXD-QLKT ngày 05/3/2018 của Cục quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng; Giấy phép quy hoạch số 57/GPQH ngày 05/01/2017 và văn bản số 1351/QHKT-TMB-PAKT(P1) ngày 13/3/2017 của Sở Quy hoạch Kiến trúc; Giấy chứng nhận thẩm duyệt pccc số 694/TD-PCCC-P6 ngày 08/2/2018 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH; Quyết định 1574/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về báo cáo đánh giá tác động môi trường và các văn bản khác có liên quan của dự án.
8. Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát và đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn và chất lượng công trình trong quá trình thi công và khi đưa vào khai thác sử dụng sau này, không làm ảnh hưởng đến các công trình xung quanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.
9. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ đầu tư tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về đất đai tại Điều 2 Quyết định 1753/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND Thành phố Hà Nội. Chủ đầu tư chỉ được đưa dự án vào kinh doanh khi đảm bảo đủ các điều kiện quy định tại Luật Kinh doanh Bất động sản 2014.

Số: **9611** /SXD-HT

Hà Nội, ngày **16** tháng **10** năm **2017**

V/v: Phương án đấu nối thoát nước đầu nối
thoát nước cho Dự án Hải Đăng City tại
phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường
Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Kính gửi: Công ty cổ phần địa ốc Hải Đăng

Sở Xây dựng nhận được văn bản số 806/2017/CV-ĐOHĐ ngày 27/9/2017 của Công ty cổ phần địa ốc Hải Đăng về việc đấu nối thoát nước cho Dự án Hải Đăng City tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội (hồ sơ gửi kèm theo).

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; Sau khi nghiên cứu, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận việc đấu nối hệ thống thoát nước Dự án Hải Đăng City tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội vào hệ thống thoát nước của Thành phố (tuyến cống hộp BxH = 2x(3,5x3) dọc vỉa hè phố Hàm Nghi; Điểm đấu nối thoát nước mưa tại vị trí G11- cống BTCT D1250; cống thoát nước thải sinh hoạt tại vị trí G16 - cống BTCT D600;

2. Đề nghị Công ty cổ phần địa ốc Hải Đăng trước khi triển khai thực hiện việc đấu nối phải thông báo trước cho các đơn vị thuộc Sở Xây dựng để kiểm tra, giám sát đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công tác đấu nối. Việc đào đường, đào hè phải liên hệ với các cơ quan quản lý hệ đường để được hướng dẫn thực hiện theo quy định; hoàn thiện hạng mục thoát nước, tiến hành bàn giao để quản lý duy trì theo phân cấp đảm bảo yêu cầu thoát nước chung trong khu vực.

3. Giao Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phối hợp Đơn vị quản lý, duy trì hệ thống thoát nước trên địa bàn kiểm tra, giám sát Chủ đầu tư và đơn vị thi công đấu nối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công tác đấu nối theo quy định.

Sở Xây dựng có ý kiến trên để đơn vị biết, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở; (để báo cáo)
- Ban duy tu các CT HTKT đô thị;
- Cty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội;
- Lưu: VT, HT (QA, 06b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7.8.2.....1.0
Ngày: 17-10-2017

SCT/NS
SỞ XÂY DỰNG
HÀ NỘI

Đông Phước An

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Trung





QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiếp nhận đưa vào quản lý duy trì hạng mục thoát nước
Dự án: Hải đăng City (giai đoạn 1), tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm.

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

- Căn cứ quyết định số 34/2016/QĐ - UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ văn bản số 17/GĐ-GĐ2 ngày 30/01/2018 của Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng – Bộ Xây dựng về thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình;

- Căn cứ Biên bản kiểm tra, kiểm đếm hiện trường phục vụ công tác bàn giao hạng mục thoát nước lập ngày 23/11/2018 giữa đại diện Công ty cổ phần Địa ốc Hải Đăng (chủ đầu tư), Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội;

Xét đề nghị của Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị tại văn bản số 163/BDT-TN ngày 15/01/2019 về việc bàn giao hạng mục thoát nước thuộc Dự án Hải đăng City (giai đoạn 1) tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Hạ tầng kỹ thuật - Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội tiếp nhận, đưa vào duy tu, duy trì hạng mục thoát nước Dự án Hải đăng City (giai đoạn 1) tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội bao gồm hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải (Chi tiết khối lượng tại phụ lục kèm theo).

Thời gian thực hiện công tác duy trì: Kể từ ngày ký biên bản bàn giao giữa các bên có liên quan; cho đến khi đủ điều kiện đấu thầu công tác duy trì và bàn giao cho đơn vị trúng thầu theo quy định.

Điều 2. Công ty cổ phần Địa ốc Hải Đăng có trách nhiệm:

1. Bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội để thực hiện quản lý hồ sơ theo quy định.

2. Thực hiện bảo hành các hạng mục công trình theo quy định kể từ ngày ký bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 3. Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội chịu trách nhiệm trước Sở Xây dựng về thủ tục tiếp nhận bàn giao, quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan; Giao Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội thực hiện công tác vận hành, duy trì theo đúng quy định.

Điều 4. Các ông (Bà) Trưởng phòng nghiệp vụ Sở Xây dựng, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa ốc Hải Đăng, Giám đốc Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 4; 
- Đ/c Giám đốc Sở XD (để b/cáo);
- Đ/c Hoàng Cao Thắng - PGĐ SXD;
- Sở Tài chính (để ph/hợp);
- Lưu : VT, P.HT (Dùng 10b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Cao Thắng

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 59 /QĐ-SXD ngày 25/01/2019 của
Sở Xây dựng Hà Nội)

Chi tiết khối lượng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải và công hợp thuộc Dự
án Hải đăng City (giai đoạn 1) tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm.

1. Khối lượng chính hệ thống thoát nước

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Hệ thống thoát nước mưa		
1	Cống D400	m	232,07
2	Cống D600	m	631,87
3	Cống D800	m	2,50
4	Cống D1000	m	98,70
5	Cống D1250	m	98,35
	Ga thu	Cái	48
	Ga thăm	Cái	22
II	Hệ thống thoát nước thải		
1	Cống D300	m	884,57
2	Cống D400	m	318,83
	Ga thăm (nắp BT đặt chìm)	cái	94
	Ga thăm (Nắp ga gang đặt nổi)	cái	10

2. Khối lượng chính hệ thống công hợp

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Cống hợp thoát nước BxH = 2x(3,50 x 3,00) m		
1	Tuyến cống Đoạn 1 (giáp đường Lê Đức Thọ)	m	202,08
2	Tuyến cống Đoạn 2 (giáp đường Hàm Nghi)	m	170,95
II	Ga thăm	m	2,50
1	Tuyến cống Đoạn 1 (giáp đường Lê Đức Thọ)	cái	06
2	Tuyến cống Đoạn 2 (giáp đường Hàm Nghi)	cái	06
III	Ga đầu nối các hống cống ngang D400 thoát nước dọc đường Lê Đức Thọ	cái	06
IV	Ga đầu nối cống D400 trường học Nhật Bản với tuyến cống hợp Đoạn 1 (giáp đường Lê Đức Thọ)	cái	02

 Hatang

Số: 27/QĐ-UBND

Mỹ Đình 2, ngày 10 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận Ban quản trị tòa nhà CT1 - Hải Đăng City,
phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ ĐÌNH 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi bổ sung một số quy định của Thông tư số 10/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; Hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản, việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản và một số quy định của quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31/10/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư;

Căn cứ Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND quận Nam Từ Liêm về việc ủy quyền thực hiện quyết định công nhận Ban quản trị nhà chung cư trên địa bàn quận Nam Từ Liêm;

Theo đề nghị của Ban quản trị tòa nhà CT1 - Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Ban quản trị tòa nhà CT1 - Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm gồm 09 ông (bà) có tên sau:

- | | |
|---|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Trần Phương (Căn hộ B18-05, B18-07) | - Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Hữu Thọ (Căn hộ A25-15) | - Phó ban |
| 3. Ông Nguyễn Bá Tâm (Đại diện chủ đầu tư) | - Phó ban |
| 4. Ông Hoàng Hùng Cường (Căn hộ B12A-11) | - Thành viên |

- | | |
|--|--------------|
| 5. Ông Nguyễn Trọng Hà (Căn hộ A21-15) | - Thành viên |
| 6. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải (Căn hộ A16-04) | - Thành viên |
| 7. Ông Ngô Thanh Hải (Căn hộ A22-02) | - Thành viên |
| 8. Bà Lê Thị Khánh Hòa (Căn hộ B26-09) | - Thành viên |
| 9. Ông Nguyễn Văn Trung (Căn hộ A16-15) | - Thành viên |

Điều 2. Ban quản trị tòa nhà CT1 - Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm hoạt động theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016; Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 và Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31/10/2019 của Bộ Xây dựng, theo mô hình Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần.

Nhiệm kỳ hoạt động của Ban quản trị tòa nhà CT1 - Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm là 03 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND phường, các bộ phận chuyên môn UBND phường Mỹ Đình 2 và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND quận Nam Từ Liêm; Đề
- Phòng Nội vụ quận; báo
- Phòng Quản lý đô thị quận; cáo
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐC.



CHỦ TỊCH

Hứa Đức Minh



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG MỸ ĐÌNH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123 /QĐ-UBND

Mỹ Đình 2, ngày 20 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Ban quản trị nhà chung cư tòa nhà The Zei,
phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ ĐÌNH 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi bổ sung một số quy định của Thông tư số 10/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; Hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản, việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản và một số quy định của quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31/10/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư;

Căn cứ Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND quận Nam Từ Liêm về việc ủy quyền thực hiện quyết định công nhận Ban quản trị nhà chung cư trên địa bàn quận Nam Từ Liêm;

Xét đề nghị Biên bản họp hội nghị nhà chung cư bất thường tòa nhà The Zei ngày 12/5/2024, Biên bản hội nghị bầu Trưởng ban, Phó ban tòa nhà The Zei ngày 12/5/2024, Biên bản kiểm phiếu kiện toàn Ban quản trị tòa nhà The Zei ngày 12/5/2024, Biên bản kiểm phiếu bầu Trưởng, Phó ban quản trị tòa nhà The Zei ngày 12/5/2024:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kien toàn Ban quản trị nhà chung cư tòa nhà The Zei, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm gồm 07 ông (bà) có tên sau:

- | | |
|---|--------------|
| 1. Ông Vũ Duy Khanh (Căn hộ A12A.06) | - Trưởng ban |
| 2. Ông Trang Công Tùng (Đại diện CĐT) | - Phó ban |
| 3. Ông Nguyễn Huy Hoàng (Căn hộ A22.01) | - Phó ban |
| 4. Ông Trần Trọng Minh (Căn hộ B14.11) | - Thành viên |
| 5. Bà Nguyễn Thị Ngọc (Căn hộ A7.06) | - Thành viên |
| 6. Ông Nguyễn Hữu Lợi (Căn hộ A20.11) | - Thành viên |
| 7. Bà Nguyễn Thị Chung Thủy (Căn B9.12) | - Thành viên |

Điều 2. Ban quản trị nhà chung cư tòa nhà The Zei, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm hoạt động theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016; Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 và Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31/10/2019 của Bộ Xây dựng, theo mô hình Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần.

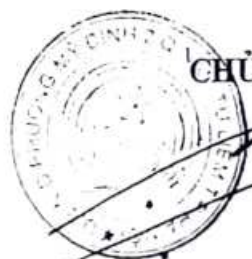
Nhiệm kỳ hoạt động của Ban quản trị nhà chung cư tòa nhà The Zei, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm là 03 năm kể từ ngày 30/03/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của UBND phường Mỹ Đình 2.

Văn phòng UBND phường, bộ phận Địa chính Xây dựng – Môi trường và Đô thị, các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- | | |
|------------------------------|-----|
| - UBND quận Nam Từ Liêm; | Để |
| - Phòng Nội vụ quận; | báo |
| - Phòng Quản lý đô thị quận; | cáo |
| - Như Điều 3; | |
| - Lưu: VT, ĐC. | |

**CHỦ TỊCH**
Hứa Đức Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

_____o0o_____

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: HDKL/07250017

CHO

TOÀ NHÀ CT1 - HẢI ĐĂNG CITY

GIỮA

BAN QUẢN TRỊ TÒA NHÀ CT1- HẢI ĐĂNG CITY

VÀ

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

- CHI NHÁNH CẦU DIỄN

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÒA NHÀ VNPT

Hà Nội, tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: HDKL/07250017

Công trình : Chung Cư CT1 – Hải Đăng City

Hạng mục : Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.

Địa điểm : Ngõ 4 Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố ban hành giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 520/QĐ-QLDA ngày 25/12/2023 của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Nam Từ Liêm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Duy trì VSMT theo phân cấp trên địa bàn quận Nam Từ Liêm giai đoạn 2024-2025;
- Nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.

XÉT RẰNG:

1. Bên A là Ban Quản trị tòa nhà CT1 - Hải Đăng có nhu cầu được cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại tòa nhà;
2. Bên B là đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và có đầy đủ các giấy phép, chứng chỉ mà pháp luật yêu cầu để cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; có đội ngũ nhân sự đủ năng lực, kinh nghiệm

và các máy móc, thiết bị thích hợp đảm bảo việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Bên C là Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT hiện đang là đơn vị quản lý vận hành tại tòa nhà CT1 – Hải Đăng City. Bên A ủy quyền cho Bên C sẽ hỗ trợ Bên A trong công tác giám sát tiến độ của Bên B trong quá trình thực hiện công việc.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2024, tại Hà Nội, Chúng tôi gồm:

BÊN A : **BAN QUẢN TRỊ TÒA NHÀ CT1- HẢI ĐĂNG CITY**

Đại diện : Ông Nguyễn Trần Phương Chức vụ: Trưởng Ban quản trị

(Theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND phường Mỹ Đình 2 về việc công nhận Ban Quản trị tòa nhà CT1 – Hải Đăng City)

Địa chỉ : Tòa nhà CT1- Hải Đăng City, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0825869372

Mã số thuế : 0109145846

Email : bqt.hdmon@gmail.com

Tài khoản số : 061704066888999

Tại : NHTMCP quốc tế Việt Nam (VIB) – Chi nhánh Ba Đình – PGD Nguyễn Cơ Thạch

Email nhận hóa : bqt.hdmon@gmail.com

đơn điện tử : ha.nguyentrong273@gmail.com

VÀ

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI – CHI NHÁNH CẦU DIỄN**

Đại diện : Ông Lê Quân Chức vụ: Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 1129/UQ-MTĐT ngày 29/12/2023 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội)

Mã số thuế : 0100105535-003

Địa chỉ : Số 60B, Đường Nhuệ Giang, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 093.189.5599

Tài khoản số : 6868191919

Tại : Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

VÀ

BÊN C : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÒA NHÀ VNPT**

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ-PMC ngày 01/01/2024 của Tổng Giám đốc)

Địa chỉ : Toà nhà VNPT số 57 phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024 3773 8686

Mã số thuế : 0103984997

Tài khoản số : 112002968493 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
(VietinBank) - Chi nhánh Đống Đa

Email nhận hóa : hdmon@pmcweb.vn

đơn điện tử

Các bên thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) với các điều kiện và điều khoản nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 1.1. Bên A đồng ý thuê Bên B, Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt cho Bên A, Bên C theo đúng quy định của thành phố.
- 1.2. Loại hình kinh doanh: Tòa nhà chung cư.
- 1.3. Địa điểm thu gom: Tòa nhà CT1- Hải Đăng City, ngõ 4 Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- 1.4. Tần suất thu gom: Hàng ngày.
- 1.5. Phương tiện thu gom: Xe ép rác chuyên dùng ngành vệ sinh đô thị; xe ép rác.
- 1.6. Các ngày nghỉ, ngày lễ thực hiện thu gom bình thường như quy định tại Điều này; riêng ngày Tết Nguyên Đán không thu gom ngày mùng 1 Âm lịch.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

- 2.1. Hợp đồng có giá trị từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.
- 2.2. Trước khi hết hạn Hợp đồng 30 (ba mươi) ngày, nếu Các Bên không có thống nhất bằng văn bản về việc thanh lý Hợp đồng thì Hợp đồng được tự động gia hạn liên tục, mỗi lần gia hạn 01 (một) năm.

ĐIỀU 3: LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1. **Loại hợp đồng:** Hợp đồng điều chỉnh giá. Giá trị Hợp đồng có thể thay đổi khi UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định mới.
- 3.2. **Khối lượng bình quân/ tháng:** 150m³/tháng
- 3.3. **Đơn giá:** 189.090,909 VNĐ/m³ (chưa bao gồm thuế VAT- Thuế VAT sẽ được tính theo quy định của pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn). Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố Hà Nội.

3.4. **Giá trị hợp đồng** (chưa bao gồm thuế VAT):

TT	Tên dịch vụ công việc	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Khối lượng			Thành tiền (VNĐ)
				m ³ /tháng	Số tháng	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5)x(6)	(8) = (4)x(5)x(6)
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	m ³	189.090,909	150	12	1.800	340.363.636
Tổng cộng:							340.363.636
<i>Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng./.</i>							

3.5. **Phương thức thanh toán:** Tiền mặt, hoặc chuyển khoản, ủy nhiệm chi qua ngân hàng không chờ chấp thuận (Bên C chịu mọi chi phí trong quá trình thanh toán cho Bên B).

a. Thời gian thanh toán: Thanh toán hàng tháng (Giá trị thanh toán chưa bao gồm thuế GTGT- Thuế GTGT sẽ được tính theo quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn) tương đương với 28.363.636 đồng/tháng.

(Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng./.).

b. Hồ sơ thanh toán:

+ Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành có chữ ký xác nhận của Các Bên.

+ Hoá đơn tài chính xuất cho Bên C.

+ Biên bản đánh giá dịch vụ.

c. Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ do Bên B cung cấp, Bên C có trách nhiệm thanh toán cho Bên B.

d. Các Bên hiểu và thừa nhận rằng, Bên C chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B khi và chỉ khi đã nhận được phê duyệt thanh toán tương ứng của Bên A và số dư trong Tài Khoản Quản Lý và Vận Hành (như được định nghĩa tại Hợp Đồng Quản Lý) là khả dụng cho việc thanh toán. Theo đó, Bên C không chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất, thiệt hại mà Bên B và/hoặc Bên A phải gánh chịu do việc chậm phê duyệt thanh toán của Bên A và/hoặc số dư Tài Khoản Quản Lý và Vận Hành không khả dụng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI BÊN

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- a. Bổ sung hợp đồng khi có khối lượng phát sinh ngoài khối lượng ký kết. Cam kết thực hiện phân loại rác theo đúng quy định, không để chất thải không đúng chủng loại (chất thải y tế nguy hại, chất thải công nghiệp nguy hại) lẫn với rác thải sinh hoạt. Nếu Bên A vi phạm sẽ phải chi trả những chi phí phát sinh liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- b. Hoàn trả cho Bên B 02 (hai) bản biên bản nghiệm thu khối lượng do Bên B đã phát hành gửi Bên A.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên C:

- a. Theo uỷ quyền của Bên A, Bên C thực hiện các công việc liên quan đến việc quản lý, giám sát tiến độ thực hiện công việc của Bên B, tạo điều kiện để Bên B thực hiện công việc.
- b. Theo uỷ quyền của Bên A, Bên C tạo điều kiện và hướng dẫn các nhân sự được chỉ định của Bên B ra vào các địa điểm thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.
- c. Trường hợp Bên A, Bên C không có bể chứa rác hoặc phương tiện thu chứa rác, Bên B sẽ cho Bên A, Bên C thuê. Nếu Bên A, Bên C làm hư hỏng, mất mát phải bồi thường cho bên B theo giá trị thực tế.
- d. Thanh toán đủ kinh phí thực hiện hợp đồng cho Bên B theo đúng thời gian thoả thuận.

4.3. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- a. Bên B có trách nhiệm cung cấp thông tin, danh sách nhân sự, phương tiện vận chuyển cho Bên A, Bên C liên hệ.
- b. Không nộp bất kỳ khoản phí dịch vụ nào khi công nhân, các xe chở rác của Bên B ra vào điểm tập kết của Bên A, Bên C thực hiện nhiệm vụ dịch vụ.
- c. Thu gom, vận chuyển rác thải đúng địa điểm và thời gian quy định tại Điều 1 và đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành về vệ sinh đô thị.
- d. Đảm bảo thu gom sạch sẽ rác thải, không để tồn đọng chất thải trong khu vực toà nhà; đồng thời đảm bảo dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi, nước rác (nếu có) ngay sau khi thu gom.
- e. Bên B phải kịp thời báo cho Bên A, Bên C để Bên A, Bên C xử lý khi phát hiện chất thải được giao nhận không đúng chủng loại; có chất cấm, chất cháy nổ, hoá chất độc hại, hàng hoá bất hợp pháp lẫn trong rác thải sinh hoạt của Bên A và Bên B có quyền từ chối thu gom, vận chuyển các loại chất thải này.
- f. Chịu trách nhiệm xuất hóa đơn, chứng từ tài chính đầy đủ, kịp thời cho Bên C.
- g. Phối hợp với Bên A, Bên C giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.
- h. Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển rác thải sinh hoạt về bãi xử lý.
- i. Thực hiện đúng nội quy, quy định của toà nhà và hướng dẫn của Bên A, Bên C trong khi thực hiện công việc tại toà nhà.

- j. Chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A, Bên C hoặc/và bên thứ ba trong trường hợp người hoặc tài sản của Bên B gây ra thiệt hại cho Bên A, Bên C hoặc/và bên thứ ba khi thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- k. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc vận chuyển, xử lý chất thải (hoặc liên kết với đơn vị có đầy đủ năng lực pháp lý để thực hiện xử lý chất thải) theo đúng các quy định hiện hành sau khi đưa chất thải ra khỏi toà nhà.
- l. Lập báo cáo thống kê khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển hàng tháng và gửi cho Bên A, Bên C trước ngày 05 để đối chiếu.
- m. Cung cấp thuốc, dung dịch khử mùi (không gây hại tới sức khoẻ con người, động vật, thực vật xung quanh) cho Bên A xịt khử mùi sau khi thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt.

ĐIỀU 5: TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

5.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- a. Trường hợp một trong các bên vi phạm hợp đồng, sau 02 lần thông báo vẫn không có khắc phục, Bên B sẽ đơn phương tạm ngừng thực hiện hợp đồng. Hoặc ngược lại Bên A, Bên C có quyền tạm ngưng hợp đồng đã ký kết với bên B.
- b. Bên C chậm trả tiền 1 tháng mà không có lý do chính đáng Bên B sẽ ngừng cung ứng dịch vụ.
- c. Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hoả hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.

5.2. Chấm dứt hợp đồng:

- a. Một bên có quyền chấm dứt hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nội dung trong hợp đồng là điều kiện để chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
- b. Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước 30 (ba mươi) ngày mà không chịu bất kỳ trách nhiệm nào.
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- d. Hợp đồng hết hiệu lực thi hành từ thời điểm bị chấm dứt.

ĐIỀU 6: PHẠT VI PHẠM, BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

6.1. Phạt vi phạm:

- a. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Các Bên không thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng; Các hành vi vi phạm hợp đồng nghiêm trọng khác dẫn đến bên bị thiệt hại không đạt được mục đích khi tham gia Hợp đồng này. Bên vi phạm có trách nhiệm nộp phạt một khoản phạt vi phạm cho bên bị vi phạm. Giá trị khoản phạt vi phạm được tính bằng 8% giá trị hợp đồng của tháng xảy ra vi phạm (trừ điểm b khoản 1 Điều này).

- b. Trường hợp Bên C chậm thanh toán mà không thông báo trước hoặc không có lý do chính đáng sẽ bị phạt với mức phạt hợp đồng bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán cho khoản tiền chậm thanh toán tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán đầy đủ tuy nhiên không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

6.2. Bồi thường thiệt hại

- a. Nếu bất kỳ bên nào trong Hợp đồng này không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định Hợp đồng này và/hoặc quy định pháp luật dẫn đến việc gây ra thiệt hại cho bên còn lại, Bên vi phạm có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho bên bị thiệt hại.
- b. Ngoài nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, Bên vi phạm có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp có thể để khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm nhằm tránh và hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra với Bên bị vi phạm. Mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ này sẽ do Bên vi phạm chịu trách nhiệm.
- c. Bên bị thiệt hại từ hành vi vi phạm của bên kia có quyền trực tiếp khấu trừ số tiền bồi thường thiệt hại từ các khoản thanh toán hoặc đặt cọc phải thanh toán cho bên vi phạm để bồi thường cho bất kỳ thiệt hại hoặc mất mát phát sinh do hành vi vi phạm thỏa thuận của bên vi phạm trong hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHỐNG HỐI LỘ

- 7.1. Bên B/nhân viên của Bên B cam kết không thực hiện hay hứa thực hiện chi tiền, quà hay bất kỳ vật có giá trị nào trực tiếp hay gián tiếp cho nhân viên của Bên A, Bên C theo hình thức tặng/chiết khấu/hoa hồng riêng cho cá nhân/nhóm cá nhân và/hoặc thông đồng với nhân viên của Bên A, Bên C làm cho nhân viên của Bên A, Bên C không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hay sai trái theo phạm vi công việc, chức năng chuyên môn mà Bên A, Bên C đã phân công. Đồng thời Bên B/nhân viên của Bên B cam kết sẽ thông báo ngay lập tức cho người có thẩm quyền của Bên A, Bên C mọi hành vi/biểu hiện của nhân viên của Bên A, Bên C liên quan đến việc đòi hỏi, yêu cầu chi tiền hay bất kỳ vật có giá trị nào trực tiếp hay gián tiếp đối với Bên B/nhân viên của Bên B trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng này.
- 7.2. Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi hối lộ và tùy vào quyết định của Bên A, Bên C, Bên B phải bồi thường cho Bên A, Bên C số tiền bằng 08% (tám phần trăm) tổng giá trị hợp đồng của tháng đó/lần vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng ngay lập tức đồng thời Bên B phải hoàn trả cho Bên A, Bên C các khoản tiền mà Bên C đã thanh toán hoặc tạm ứng.

ĐIỀU 8: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh hợp đồng:

- a. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có sự điều chỉnh về khối lượng và đơn giá và/hoặc bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào, Các Bên sẽ cùng thống nhất, thỏa thuận bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
- b. Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%).
- c. Thay đổi thời gian, địa điểm tập kết rác. Các bên phải báo trước cho nhau một ngày, cùng nhau bàn bạc thỏa thuận ký lại hợp đồng hoặc ghi thêm phụ lục hợp đồng. Năm ngày sau thời gian này phải được giải quyết xong hợp đồng đã điều chỉnh. Việc cung ứng dịch vụ vẫn được thực hiện trong thời gian điều chỉnh hợp đồng.
- 8.2. Các bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh Các Bên cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác các bên cùng có lợi. Nếu không thỏa thuận được các bên thống nhất chọn Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành làm nơi giải quyết. Phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng và có giá trị thực hiện bắt buộc đối với Các Bên. Mọi chi phí liên quan đến tố tụng do bên thua kiện chịu.
- 8.3. Bất kể Bên nào vi phạm gây thiệt hại vật chất phải bồi thường cho bên kia và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hết thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có yêu cầu, các bên sẽ cùng bàn bạc thảo luận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục gia hạn hợp đồng. Sau khi các bên hoàn tất nghĩa vụ trong hợp đồng này và các bên không có thỏa thuận khác hoặc vướng mắc thì mặc nhiên hợp đồng được hoàn thành và tự động thanh lý.
- 8.4. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và đều có giá trị như nhau về mặt pháp lý để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TRƯỞNG BAN QUẢN TRỊ



NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG

Phó BQT: Nguyễn Hữu Thọ

Tổ Tài chính: Nguyễn Trọng Hà

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



LÊ QUÂN

ĐẠI DIỆN BÊN C
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG HUY

GĐBQLTN: Hà Thị Hạnh Vân

KTCQ: Nguyễn Thu Hằng

PC: Nguyễn Thảo Bích Diệp

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
HÚT CHẤT THẢI SINH HOẠT**
Số: 0607/2024/HĐDV/BQT-PMC-VSMTĐĐ

**CHO
TÒA NHÀ CT1 – HẢI ĐĂNG CITY**

GIỮA

BAN QUẢN TRỊ TÒA NHÀ CT1 – HẢI ĐĂNG CITY

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÒA NHÀ VNPT

VÀ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐỒNG ĐÀ

Hà Nội, tháng 07 năm 2024



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
HÚT CHẤT THẢI SINH HOẠT
Số: 06/07/2024/HĐDV/BQT-PMC-VSMTĐĐ

Công trình: Toà nhà CT1 – Hải Đăng City
Hạng Mục: Hút chất thải sinh hoạt
Địa điểm: Ngõ 4 Hàm Nghi, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; nghị định số 19/2015/NĐ-CP có liên quan;
- Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 07 năm 2024 tại Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, ngõ 4 Hàm Nghi, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội chúng tôi gồm:

BÊN A : BAN QUẢN TRỊ TÒA NHÀ CT1 – HẢI ĐĂNG CITY

(Theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND phường Mỹ Đình 2 về việc công nhận Ban Quản trị tòa nhà CT1 – Hải Đăng City)

Đại diện bởi : Ông **NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG**

Chức vụ : Trưởng Ban quản trị

Mã số thuế : 0109145846

Email : bqt.hdmon@gmail.com

Điện thoại : 0825869372

Địa chỉ : Tòa nhà CT1 - Hải Đăng City, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Số tài khoản : 061704066888999 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) – Chi nhánh Ba Đình – PGD Nguyễn Cơ Thạch

Email nhận
hóa đơn điện : bqt.hdmon@gmail.com
từ ha.nguyentrong273@gmail.com

(Sau đây được gọi là "Bên A")

BÊN B : CÔNG TY CP QUẢN LÝ & KHAI THÁC TÒA NHÀ VNPT

Đại diện bởi : Ông NGUYỄN QUANG HUY

Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

(Theo giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ-PMC ký ngày 01/01/2024 của Tổng Giám đốc)

Địa chỉ : Tòa nhà VNPT, Số 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 0243.773.8686 Fax: 0243.773.7777

Email : hdmon@pmcweb.vn

Mã số thuế : 0103984997

Tài khoản số : 112002968493 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Đống Đa

Email nhận

hóa đơn điện : hdmon@pmcweb.vn

từ

(Sau đây được gọi là "Bên B")

BÊN C : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐÔNG ĐA

Địa chỉ : G1 - Tổ 12 Phường Phú Diễn - Quận Bắc Liêm - TP Hà Nội.

Đại diện bởi : Ông VŨ GIANG NAM

Chức vụ : Giám đốc

Mã số thuế : 0102346776

Tài khoản số : 3100210009095 tại Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Từ Liêm - Hà Nội

(Sau đây được gọi là "Bên C")

Sau khi kiểm tra, khảo sát, các Bên tiến hành ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A và Bên B thuê khoán bên C thực hiện những công việc sau:

- 1.1. Bên C cho xe chuyên dụng vào bơm hút phân bùn bể tự hoại tại tòa nhà CT1 - Hải Đăng City.
- 1.2. Địa chỉ: Toà nhà CT1 - Hải Đăng City, Ngõ 4 đường Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

1.3. Phương tiện thi công: Xe bơm hút chuyên dụng đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật, cùng các dụng cụ vật tư khác phục vụ thi công.

1.4. Thời gian thi công: Tháng 07/2024.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Giá trị hợp đồng: (Hợp đồng đơn giá cố định, khối lượng khoán gọn)

Đơn giá: **145.000 VNĐ/m³** (Chưa bao gồm thuế VAT).

Khối lượng tạm tính: **250 m³**.

Giá trị hợp đồng tạm tính: **250 (m³) x 145.000 = 36.250.000 VNĐ**

Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng./.

Giá trị trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (VAT).

Thuế Giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn.

2.2. Phương thức thanh toán

2.2.1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.2.2. Thời điểm thanh toán:

- i. Các bên sẽ lập biên bản giao nhận, lập chứng từ xử lý phân bùn bể phốt và tổng hợp khối lượng giao nhận của từng chuyến. Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận, biên bản quyết toán giá trị thực hiện phải do đại diện có thẩm quyền ký, đóng dấu mới có giá trị.
- ii. Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ 100% - giá trị hợp đồng cho Bên C trong vòng 10 (mười) ngày làm việc ngay sau khi Bên A nhận được hồ sơ của Bên C đủ điều kiện thanh toán theo quy định của hợp đồng.

Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) do Bên C phát hành theo pháp luật tại thời điểm thực hiện cho Bên A.

+ Biên bản giao nhận phân bùn bể phốt cho từng chuyến.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

+ Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành.

+ Công văn đề nghị thanh toán do Bên C phát hành.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A và Bên B:

3.1.1. Bố trí địa điểm, tạo điều kiện thuận lợi để Bên C thực hiện công việc theo hợp đồng.

3.1.2. Cung cấp điện, nước cho Bên C trong quá trình bơm hút bể phốt tại công trình.

- 3.1.3. Cử cán bộ giám sát, xác nhận khối lượng công việc của Bên C thực hiện theo từng chuyên và kịp thời phối hợp với Bên C giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công việc.
- 3.1.4. Nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc khi bên C hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng giao khoán hai bên đã ký.
- 3.1.5. Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 của hợp đồng.
- 3.1.6. Đảm bảo thực hiện đúng các điều khoản như nội dung hợp đồng đã ký.
- 3.2. Trách nhiệm của Bên C:**
- 3.2.1. Đảm bảo thực hiện đúng các điều khoản như nội dung hợp đồng đã ký.
- 3.2.2. Chịu trách nhiệm với Bên A, Bên B và pháp luật về mọi sự cố và thiệt hại do Bên C gây ra trong quá trình thực hiện công việc.
- 3.2.3. Chịu trách nhiệm bố trí nhân công; chuẩn bị đầy đủ các vật tư, thiết bị, máy thi công phục vụ hoàn thành công việc nạo hút bể phốt và và hoàn trả mặt bằng sau thi công.
- 3.2.4. Thông báo & đăng ký danh sách nhân công, thời gian thi công, dụng cụ máy móc mang đến thi công tại tòa nhà CT1 - Hải Đăng City, ngõ 4 Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho Bên B tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước khi đến thực hiện công việc tại toà nhà.
- 3.2.5. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công tại CT1 - Hải Đăng City.
- 3.2.6. Phải mua bảo hiểm tai nạn lao động cho toàn bộ công nhân của mình làm việc tại công trường và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho tất cả các công nhân của mình. Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người và tài sản bên thứ ba tại tòa nhà CT1 - Hải Đăng City trong mọi thời điểm thi công.
- 3.2.7. Thực hiện hợp đồng theo đúng địa điểm và thời gian quy định. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về các vấn đề về pháp lý liên quan đến việc bơm hút phân bùn bể phốt và vận chuyển.
- 3.2.8. Đảm bảo quá trình bơm hút phân bùn bể phốt theo đúng các Quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.
- 3.2.9. Tuân thủ mọi nội quy của tòa nhà CT1 - Hải Đăng City.
- 3.2.10. Phải thu dọn vệ sinh công trường tại các khu vực liên quan sau khi hoàn thành công việc.

ĐIỀU 4: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

4.1. Bồi thường thiệt hại

Trong trường hợp một bên không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ nội dung của Hợp đồng này dẫn đến thiệt hại cho Bên còn lại, thì bên gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế xảy ra trong thời hạn theo yêu cầu của Bên bị thiệt hại.

4.2. Phạt vi phạm Hợp đồng

Trường hợp một bên không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ nội dung của Hợp đồng thì Bên bị vi phạm có quyền phạt Bên vi phạm tương ứng 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 5: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Sự kiện bất khả kháng: là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, bao gồm nhưng không giới hạn: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

5.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để hai bên còn lại chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra;
- Thông báo ngay cho hai bên còn lại về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 (bảy) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU 6: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

6.1. Luật điều chỉnh: Hợp đồng được điều chỉnh và diễn giải theo pháp luật Việt Nam

6.2. Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề phát sinh, các Bên cùng nhau bàn bạc, thương lượng giải quyết trên cơ sở thiện chí, hợp tác, đảm bảo các Bên cùng có lợi. Trường hợp các tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, các Bên thống nhất đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Các chi phí liên quan đến tố tụng sẽ do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 7: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và tự thanh lý sau khi các bên đã hoàn thành mọi trách nhiệm được quy định trong hợp đồng và không còn vướng mắc, tranh chấp liên quan tới hợp đồng.
2. Mọi sự thay đổi, điều chỉnh các điều khoản hợp đồng chỉ có giá trị pháp lý khi được các bên thỏa thuận bằng văn bản và được sự nhất trí của các bên.
3. Các bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã quy định trong hợp đồng,

4. Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản, Bên A giữ 02 (ba) bản và Bên B giữ 02 (hai) bản và Bên C giữ 02 (hai) có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TRƯỞNG BAN QUẢN TRỊ



NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG

Phó BQT: Nguyễn Hữu Thọ

**ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN QUANG HUY

GD TN: Hà Thị Hạnh Vân

ĐẠI DIỆN BÊN C
GIÁM ĐỐC



VŨ GIANG NAM

Tổ Tài chính: Nguyễn Trọng Hà

KTCQ: Nguyễn Thu Hằng

P. TPPC: Nguyễn Thảo Bích Diệp



Đã được chấp thuận và đồng ý (đã được chấp thuận và đồng ý)

ĐẠI BIỂU BAN

ĐẠI BIỂU BAN

ĐẠI BIỂU BAN



ĐẠI BIỂU BAN

ĐẠI BIỂU BAN

ĐẠI BIỂU BAN

Đã được chấp thuận và đồng ý (đã được chấp thuận và đồng ý)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI NGUY HẠI
Số: 30250050/2025/CTNH/BQT-NSX-PMC

CHO

TÒA NHÀ CT1 – HẢI ĐĂNG CITY

GIỮA

BAN QUẢN TRỊ TÒA NHÀ CT1- HẢI ĐĂNG CITY

VÀ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÒA NHÀ VNPT

Năm 2025

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI NGUY HẠI
Số: 30250050 /2025/CTNH/BQT-NSX-PMC

Công trình : Chung cư CT1 – Hải Đăng City

Hạng mục : Cung cấp Dịch vụ Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại.

Địa điểm : Ngõ 4 Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại số 176/GPMT-BTNMT;
- Nhu cầu vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại của các bên.

XÉT RÀNG:

1. Bên A là Ban Quản trị tòa nhà CT1- Hải Đăng có nhu cầu được cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại tại toà nhà;
2. Bên B là đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và có đầy đủ các giấy phép, chứng chỉ mà pháp luật yêu cầu để cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại; có đội ngũ nhân sự đủ năng lực, kinh nghiệm và các máy móc, thiết bị thích hợp đảm bảo việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại.
3. Bên C là Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT hiện đang là đơn vị quản lý vận hành tại tòa nhà Bên A ủy quyền cho Bên C sẽ hỗ trợ Bên A trong công tác giám sát tiến độ của Bên B trong quá trình thực hiện công việc.

Hôm nay ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A : **BAN QUẢN TRỊ TÒA NHÀ CT1- HẢI ĐĂNG CITY**

Đại diện : **Ông NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG**

Chức vụ : **Trưởng Ban quản trị**

(Theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND phường Mỹ

Đình 2 về việc công nhận ban Quản trị tòa nhà CT1 – Hải Đăng City)

Địa chỉ : Tòa nhà CT1- Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0825869372

Mã số thuế : 0109145846

Email : bqt.hdmon@gmail.com

Tài khoản số : 061704066888999

Tại : NHTMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) – Chi nhánh Ba Đình – PGD Nguyễn Cơ Thạch

Email nhận : bqt.hdmon@gmail.com

hóa đơn điện tử : ha.nguyentrong273@gmail.com

BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

Địa chỉ : Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

SĐT : 0222 3717286

Mã số thuế : 2300970940

Đại diện : Ông Vũ Văn Cường

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Tài khoản : 113002866088

Tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội.

BÊN C : CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TOÀ NHÀ VNPT

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ-PMC ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Tổng Giám đốc)

Địa chỉ : Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 024 3773 8686

Fax : 024 3773 7777

Mã số thuế : 010 3984997

Tài khoản : 112002968493

Tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) - CN Đồng Đa

Email nhận : hdmon@pmcweb.vn
hóa đơn điện tử

Các bên cùng nhau thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý lựa chọn và Bên B đồng ý thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại từ kho chứa rác thải nguy hại của Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, ngõ 4 Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội đến khu xử lý và lưu giữ rác thải nguy hại, tuân thủ đúng các quy định về xử lý rác thải và bảo vệ môi trường Việt Nam.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN:

- 2.1. Địa điểm giao nhận: tại kho chứa rác thải của Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, ngõ 4 Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- 2.2. Thời gian giao nhận: Sau khi bên A, Bên C báo trước cho bên B 02 (hai) ngày.
- 2.3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển rác thải theo đúng quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam. Xe bên B vào thu gom, vận chuyển cần phải tuân thủ theo quy định của bên A, Bên C.
- 2.4. Bên B trách nhiệm bốc xếp rác thải vào phương tiện vận chuyển của mình tại kho chứa của bên A, Bên C.
- 2.5. Địa điểm xử lý: Công ty TNHH môi trường Ngôi Sao Xanh (Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh).

ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 3.1 Các bên giao nhận, xác định số lượng chất thải tại kho của Bên A (thể hiện bằng biên bản giao nhận và chứng từ CTNH).
- 3.2 Bên A có trách nhiệm về việc lưu giữ các loại chất thải nêu trên theo đúng quy định. Khi có nhu cầu thu gom, xử lý, Bên A thông báo trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ cho Bên B bằng fax hoặc điện thoại hoặc email để Bên B đến nhận CTNH.
- 3.3 Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong quá trình thu gom CTNH (phân loại chất thải riêng biệt, đóng gói chất thải vào bao bì phù hợp, hỗ trợ để phương tiện của Bên B tiếp cận kho chứa chất CTNH).
- 3.4 Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước.
- 3.5 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm với mọi sự cố xảy ra sau khi chất thải được Bên B vận chuyển khỏi khu vực kho của Bên A.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN

4.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- a. Phân loại các chất thải ngay từ nguồn thải không được lẫn lộn với nhau và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng.
- b. Các chất thải khi giao phải bảo quản trong thùng chứa CTNH của Bên B (nếu có) và tập trung tại một điểm duy nhất có dán tên, mã số CTNH.
- c. Thông báo cho Bên B trước trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom.
- d. Xác định số lượng, khối lượng thu gom, vận chuyển, xử lý bằng các chứng từ giao nhận CTNH.
- e. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện dịch vụ trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- f. Được phép kiểm tra quá trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý CTNH do Bên B thực hiện và yêu cầu Bên B cung cấp thông tin liên quan đến quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.
- g. Được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại.
- h. Có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành, giấy tờ pháp lý cung cấp cho việc cung cấp dịch vụ không hợp lệ.
- i. Thực hiện ủy quyền cho Bên C thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.

4.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- a. Cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định pháp luật cho Bên A. Đảm bảo có đủ điều kiện pháp lý về năng lực quản lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- b. Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới thì Bên B phải thông báo ngay cho Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.
- c. Tuân thủ những quy định, nội quy toà nhà của Bên A như quy định về môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách của Bên A trong suốt quá trình làm việc tại toà nhà của Bên A.
- d. Bảo đảm vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng CTNH đúng như hợp đồng đã ký kết giữa các bên.
- e. Bên B có quyền từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên A giao CTNH không đúng theo danh mục trong Hợp đồng.
- f. Chịu mọi trách nhiệm pháp lý đối với toàn bộ quá trình thu gom, vận chuyển xử lý chất thải cho Bên A, Bên C kể từ lúc bắt đầu công đoạn thu gom, tiếp nhận chất thải từ kho của Bên A, Bên C cho đến hết quy trình vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải.
- g. Đảm bảo xử lý chất thải đúng nơi quy định và quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi

trường và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- h. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh môi trường tại khu vực làm việc trong toà nhà của Bên A, Bên C. Không để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường; trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ, phát tán CTNH, Bên B chịu trách nhiệm và chi phí xử lý.
- i. Bên B phải đảm bảo tất cả phương tiện vận chuyển của Bên B phải nằm trong giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại của Bên B.
- j. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao lại cho bên A trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi CTNH được xử lý theo quy định. Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng này dẫn đến Bên A bị cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý, xử phạt thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm thay Bên A, Bên C.
- k. Xuất hóa đơn GTGT đúng theo quy định của pháp luật hiện hành cho Bên C.

4.3 Quyền và nghĩa vụ của Bên C:

- a. Theo ủy quyền Bên A thực hiện thanh toán cho Bên B.
- b. Phối hợp với Bên A thực hiện giám sát tiến độ công việc của Bên B.
- c. Bên A, Bên C được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại của bên C mà bên B tiến hành xử lý.
- d. Bên A, Bên C Có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành, giấy tờ pháp lý cung cấp cho việc cung cấp dịch vụ không hợp lệ.

ĐIỀU 5: NGUỒN RÁC THẢI CẦN XỬ LÝ VÀ THỂ THỨC THANH TOÁN.

- 1. Danh mục rác thải cần xử lý:

T T	LOẠI RÁC THẢI	MÃ CTNH	TRẠNG THÁI	KHỐI LƯỢNG (kg/năm)	ĐƠN VỊ
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn	≤600	Kg
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn		Kg
3	Hộp mực máy in	08 02 04	Rắn		Kg
4	Dầu máy tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng		Kg
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	Rắn		Kg
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn		Kg
7	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	Rắn		Kg

Trường hợp chủ nguồn thải có phát sinh rác thải mới các bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

- 2. Vận chuyển và xử lý toàn bộ số lượng rác thải nguy hại phát sinh tại **Tòa nhà CT1 - Hải Đăng City, ngõ 4 Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.**
 - a) Khối lượng rác thải trong một lần vận chuyển không quá 300 Kg.
 - b) Tần suất và thời gian vận chuyển: 02 lần/năm.
 - c) Tổng giá trị hợp đồng: **16.364.000 VNĐ** (Bằng chữ: Mười sáu triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng chẵn./.)

Giá trị trên chưa bao gồm thuế GTGT- Thuế GTGT sẽ được điều chỉnh và áp dụng theo quy định hiện hành được ban hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm xuất hóa đơn. Tổng thành tiền sẽ được điều chỉnh tương ứng với sự thay đổi của thuế suất GTGT áp dụng.

3. Sau mỗi lần vận chuyển Bên B sẽ lập biên bản giao nhận có sự xác nhận của các bên để làm cơ sở viết chứng từ xử lý.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

- 6.1. Theo ủy quyền của Bên A, Bên C thanh toán cho Bên B sau mỗi lần vận chuyển, bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, chậm nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A, Bên C nhận được bộ chứng từ hợp lệ gồm:
- a) Công văn đề nghị thanh toán (01 bản gốc) của Bên B.
 - b) Hóa đơn GTGT (01 bản gốc) xuất cho bên C.
 - c) Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của các bên.
 - d) Báo cáo hoàn thành công việc thu gom có hình ảnh tại hiện trường bàn giao chất thải nguy hại;
 - e) Chứng từ chất thải nguy hại (Theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT).
- 6.2. Các Bên hiểu và thừa nhận rằng, Bên C chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B khi và chỉ khi đã nhận được phê duyệt thanh toán tương ứng của Bên A và số dư trong Tài Khoản Quản Lý và Vận Hành (như được định nghĩa tại Hợp Đồng Quản Lý) là khả dụng cho việc thanh toán. Theo đó, Bên C không chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất, thiệt hại mà Bên B và/hoặc Bên A phải gánh chịu do việc chậm phê duyệt thanh toán của Bên A và/hoặc số dư Tài Khoản Quản Lý và Vận Hành không khả dụng.

ĐIỀU 7: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 7.1. Phạt vi phạm: các Bên sẽ bị phạt vi phạm tương ứng 8% tổng giá trị Hợp đồng nếu vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp đồng này.
- 7.2. Bồi thường thiệt hại: Trường hợp do lỗi của Bên B dẫn đến gây thiệt hại cho Bên A, Bên C thì Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A. Mức bồi thường sẽ căn cứ vào thiệt hại thực tế và do các Bên thỏa thuận.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 8.1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được các bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- 8.2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHỐNG HỐI LỘ

- 9.1. Bên B đã và sẽ không, trực tiếp hoặc gián tiếp, hứa hẹn hoặc đề nghị, tự thực hiện hoặc cung cấp bất kỳ vật gì có giá trị hoặc các quyền lợi cho bất kỳ nhân viên hay người quản lý của khách hàng với bất kỳ lý do gì nhằm để đổi lấy việc Bên B có được và duy trì hợp đồng.

- 9.2. Bên B sẽ thông báo ngay lập tức cho A, Bên C khi có bất kỳ bộ nhân viên hoặc người quản lý của A, Bên C, hoặc những người khác nhân danh hoặc người đại diện cho A, Bên C gợi ý hoặc đề nghị với Bên B về các khoản chi trả hoặc bất kỳ vật gì có giá trị hoặc các quyền lợi với bất kỳ lý do gì nhằm để đòi lấy việc Bên B có được và duy trì hợp đồng.

ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- 10.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- (a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - (b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- 10.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Công Ty Cổ Phần Quản lý và khai thác toà nhà VNPT sẽ không còn là một Bên trong Hợp đồng này kể từ thời điểm hợp đồng dịch vụ quản lý vận hành giữa Công Ty Cổ Phần Quản lý và khai thác toà nhà VNPT và Ban Quản Trị bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì (“Thời Điểm Chấm Dứt và Chuyển Giao”). Vào Thời Điểm Chấm Dứt và Chuyển Giao, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác toà nhà VNPT theo Hợp đồng sẽ tự động chuyển giao, mà không cần xác nhận lại của các Bên, cho Ban Quản Trị hoặc một bên nhận chuyển giao khác do Ban Quản Trị chỉ định (nếu có).

Theo đó:

- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác toà nhà VNPT không còn bất kỳ trách nhiệm và nghĩa vụ nào liên quan tới việc phát sinh từ Hợp đồng này kể từ Thời Điểm Chấm Dứt và Chuyển Giao (bao gồm cả các trách nhiệm và nghĩa vụ đã phát sinh trước Thời Điểm Chấm Dứt và Chuyển Giao).
- Mọi dẫn chiếu đến Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác toà nhà VNPT trong Hợp đồng sẽ được đọc và diễn giải là dẫn chiếu đến Ban Quản Trị hoặc bên nhận chuyển giao do Ban Quản Trị chỉ định (nếu có), mà không cần phải điều chỉnh lại Hợp đồng.
- Trong trường hợp Ban Quản Trị không gửi cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác toà nhà VNPT và Dịch vụ Xử lý chất thải nguy hại Công Ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh văn bản chỉ định bên nhận chuyển giao trước hoặc vào Thời Điểm Chấm Dứt và Chuyển Giao, thì các Bên hiểu và thừa nhận rằng Ban

Quản Trị là bên nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công Ty Cổ Phần Quản lý và khai thác toà nhà VNPT theo Hợp đồng này như quy định ở trên.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày: 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.
- 12.2. Hợp đồng sẽ tự động thanh lý khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này mà không còn bất kỳ vướng mắc nào.
- 12.3. Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.
- 12.4. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với Bên A, Bên B, Bên C không có giá trị đối với bất kỳ một bên nào khác.
- 12.5. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý để làm căn cứ thực hiện.



NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG
Phó BQT: Nguyễn Hữu Thọ
Tổ Tài chính: Nguyễn Trọng Hà



VŨ VĂN CƯỜNG



NGUYỄN QUANG HUY
GDTN: Hà Thị Hạnh Vân
KTCQ: Nguyễn Thu Hằng
PC: Đặng Thùy Dương

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bắc Ninh

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 11968 /2023/176/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh

Số GPMT/Mã số QLCTNH: 176/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3.774.998

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3.774.998

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số GPMT/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Ban quản trị Tòa nhà CTI-Hải Đăng City

QLVH: Công ty Cổ phần quản lý và Khai thác Tòa nhà VNPT

GPMT/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà VNPT, Số 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Tòa nhà CTI- Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	28	Phá dỡ - Hóa rắn
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	x			18 02 01	2	TĐ
3	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	15	Phá dỡ - Tái chế
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	8	Tẩy rửa
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	5	Súc rửa
6	Dầu máy thải		x		17 02 03	20	PT - Tái chế - TĐ
7	Hộp mực máy in thải	x			08 02 04	2	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4, Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C - 67394

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hải Quân Ký: Ngày: 30/11/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 12 năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG SẢN XUẤT
PHẠM HẢI SƠN

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ Bắc Ninh		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 6877 /2024/176/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh		Số GPMT/Mã số QLCTNH: 176/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sải, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3.774.998					
Địa chỉ cơ sở: Thôn Đồng Sải, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3.774.998					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Số GPMT/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Ban quản trị Tòa nhà CTI-Hải Đăng City QLVH: Công ty Cổ phần quản lý và Khai thác Tòa nhà VNPT		GPMT/ Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà VNPT, Số 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở: Tòa nhà CTI- Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội		ĐT:					
4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	60	Phá dỡ - Hóa rắn
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	x			18 02 01	3	TĐ
3	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	50	TĐ/ Phá dỡ - Tái chế
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	5	Tẩy rửa
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	4	TR/ Súc rửa
6	Dầu máy thải		x		17 02 03	12	PT - Tái chế - TĐ
7	Hộp mực máy in thải	x			08 02 04	2	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiếu/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4, Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C - 23260							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:..... Nguyễn Hải Quân,.... .Ký:..... Ngày: 18/05/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Quang Huy				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bắc Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  TRƯỞNG PHÒNG SẢN XUẤT Phạm Hải Sơn			
@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4□ Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

o0o

HỢP

ĐỒNG DỊCH VỤ

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 30240646/2024/HD-NSX/XL

Cho

TÒA NHÀ CHUNG CƯ THE ZEI

Số 8 Lê Đức Thọ phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

GIỮA

BAN QUẢN TRỊ TÒA NHÀ CHUNG CƯ THE ZEI

Và

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

Hà Nội, tháng năm 2024

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 30240646/2024/HD-NSX/XL

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 năm 2005
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên Môi trường.
- Căn cứ chức năng và năng lực của Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh
- Căn cứ nhu cầu vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại của hai bên.

Hôm nay ngày tháng năm 2024 tại, chúng tôi gồm:

BÊN A: BAN QUẢN TRỊ TÒA NHÀ CHUNG CƯ The Zei

Đại diện : Ông Vũ Duy Khanh

Chức vụ : Trưởng Ban Quản trị

Địa chỉ : Phòng làm việc Ban quản trị, Hầm B1, Tòa nhà chung cư The Zei

Điện thoại : 0975117073

Fax :

BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

Địa chỉ: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222 3717 103

Tài khoản số: 113002866088 - Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hoàn Kiếm

Mã số thuế: 2300970940

Đại diện: Ông VŨ VĂN CƯỜNG

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai Bên cùng thống nhất ký Hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: BÊN A THUÊ BÊN B THỰC HIỆN NHỮNG CÔNG VIỆC SAU.

Vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại từ kho chứa rác thải nguy hại của Tòa nhà Chung cư The Zei, Số 8 Lê Đức Thọ phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội đến khu xử lý và lưu giữ rác thải nguy hại, tuân thủ đúng các quy định về xử lý rác thải và bảo vệ môi trường Việt Nam.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN.

1. Địa điểm giao nhận chất thải tại kho chứa chất thải của Bên A tại: Tòa nhà Chung cư The Zei, Số 8 Lê Đức Thọ phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

2. Thời gian giao nhận: Sau khi Bên A báo trước cho Bên B 02 ngày.

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp nguy hại đủ tiêu

chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển phế thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam. Xe Bên B vào thu gom vận chuyển cần phải tuân thủ theo quy định của Bên A.

4. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp chất thải vào phương tiện vận chuyển tại kho chứa chất thải công nghiệp nguy hại của Bên A.

5. Địa điểm xử lý chất thải công nghiệp nguy hại: Công ty TNHH môi trường Ngôi Sao Xanh (thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh)

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ.

1. Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng được áp dụng như sau:

TT	Danh mục	Mã CTNH	Đơn vị
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	18 02 01	Kg
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg
4	Dầu máy tổng hợp thải	17 02 03	Kg
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải (vỏ thùng dầu)	18 01 03	Kg
6	Bao bì cứng bằng kim loại thải (vỏ thùng phuy chứa dầu mỡ)	18 01 02	Kg
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Kg

Ghi chú:

- Giá trị hợp đồng trọn gói: **19,636,363 VNĐ (Bằng chữ: Mười chín triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng - Đơn giá đã bao gồm VAT)** cho 02 lần vận chuyển trong 12 tháng (vận chuyển 06 tháng 1 lần).

Đơn giá trên áp dụng với khối lượng vận chuyển dưới 600kg/2 lần vận chuyển xử lý.

2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.

4. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp Bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

1. Theo quy định hiện hành, thuế VAT đối với phí vận chuyển và xử lý chất thải là 8% Trường hợp quy định này có thay đổi, thuế VAT sẽ do Bên A chịu.

2. Bên A thanh toán cho Bên B thành 02 đợt:

- Đợt 1: Sau khi bên B thực hiện vận chuyển xử lý chất thải cho Bên A tháng 12/2024.

- Đợt 2: Sau khi Bên B vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên A tháng 06/2025.

3. Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên B, chậm nhất mười lăm (15) ngày: kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc).
- Hóa đơn GTGT (bản gốc).
- Biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải (bản gốc).

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN.

1. Trách nhiệm của Bên A:

- Đảm bảo thành phần chất thải nguy hại đúng như đã thông báo với Bên B. Cần phân loại chất thải theo phương pháp xử lý, dán nhãn mác chất thải theo đúng quy định. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

- Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ Bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

- Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những chất thải không bàn giao cho bên B xử lý.

2. Trách nhiệm của Bên B:

- Đảm bảo vận chuyển, xử lý chất thải theo các quy định của Pháp luật và Hợp đồng về bảo vệ môi trường hiện hành, và chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra.

- Bố trí nhân công bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

- Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

- Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

- Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ cho Bên A đúng thời hạn.

ĐIỀU 6: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

1. Phạt vi phạm: các Bên sẽ bị phạt vi phạm tương đương 8% giá trị phần nghĩa vụ trong Hợp đồng bị vi phạm nếu vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp đồng này.
2. Bồi thường thiệt hại: Trường hợp do lỗi của Bên B dẫn đến gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A. Mức bồi thường sẽ do các Bên thỏa thuận.

3. ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
2. Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề cần giải quyết các bên kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên.
2. Trường hợp có vấn đề tranh chấp, không tự giải quyết được thì hai bên sẽ khiếu nại tới cơ quan chức năng để giải quyết.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này có thời hạn từ ngày ký và được lập thành 06 bản tiếng Việt, mỗi Bên giữ 03 bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý để làm căn cứ thực hiện.
2. Mọi sửa đổi bổ sung vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.
3. Khi Hợp đồng được gia hạn thêm, toàn bộ các nội dung trong Hợp đồng được giữ nguyên trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
4. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với Bên A và Bên B, không có giá trị đối với bất kỳ một Bên thứ ba nào khác.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



**TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CƯỜNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN XỬ LÝ PHÂN BÚN BỂ PHỐT
Số: 35/2023/HĐKT/HAIDANG-MTX

- Căn cứ vào Luật Dân sự số 91/2015/QH13 khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ vào Luật Thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ vào năng lực và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2023. Tại trụ sở bên A

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG

Người đại diện : Ông **Đặng Xuân Tâm** - Chức vụ: Giám đốc
(Giấy ủy quyền số: 578A/2023/UQ-DOHĐ của Phó chủ tịch HĐQT ký ngày 15/11/2023)
Địa chỉ : Số 9, Ngõ 29, Phố Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Mã số thuế : 0105747310
Số tài khoản : 0097074070011773
Tại ngân hàng : Ngân hàng HD Bank – Chi nhánh Hà Nội

BÊN B : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG XANH HÀ NỘI

Người đại diện : Bà **Nguyễn Thị Chất** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số 5, Ngõ 264 phố Định Công, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.
Mã số thuế : 0108676160
Tài khoản : 0451000483265
Tại ngân hàng : Tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thành Công, Hà Nội

Sau khi bàn bạc hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng bơm hút, vận chuyển và xử lý chất thải phân bùn bể phốt với các nội dung sau:

ĐIỀU I - NỘI DUNG

Bên A thuê bên B và bên B đồng ý thực hiện việc bơm hút, vận chuyển và xử lý chất thải phân bùn bể phốt từ bể chứa phân bùn bể phốt của bên A tại địa điểm: Số 8 Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

ĐIỀU II – THỜI GIAN, ĐƠN GIÁ , KHỐI LƯỢNG VÀ THỂ THỨC THANH TOÁN

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày 20 tháng 11 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023

2. Đơn giá: (Đã bao gồm VAT)

Nội Dung	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá đã bao gồm VAT ($\text{đ}/\text{m}^3$)	Ghi chú
Bơm hút, vận chuyển và xử lý phân bùn bể phốt.	m^3	<i>Nghiệm thu thực tế</i>	173.000	<i>Sử dụng xe vận chuyển 10m3/chuyến</i>
Thuế suất VAT được áp dụng theo quy định nhà nước hiện hành.				

3. Hai bên thống nhất khối lượng nghiệm thu được tính theo thể tích m^3 thực tế của từng xe có xác nhận của hai bên A - B làm cơ sở thanh quyết toán.

4. Thể thức thanh toán: Dựa trên số lượng thực tế được hai bên thống nhất theo từng lần thực hiện, bên A sẽ thanh toán cho bên B.

5. Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

Bên A có trách nhiệm thanh toán bằng chuyển khoản cho bên B chậm nhất là sau 15 ngày kể từ khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán từ Bên B, hồ sơ thanh toán gồm có:

- Đề nghị thanh toán;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc có xác nhận của các Bên;
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh/quyết toán;
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Hoá đơn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

6. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu đơn giá thực hiện các công việc trên thay đổi, hai bên sẽ cùng thống nhất bằng phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU III – TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA MỖI BÊN

1. Trách nhiệm của bên A

- Bên A đảm bảo thành phần chất thải phân bùn bể phốt đúng như đã được thông báo với bên B.

- Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều II của hợp đồng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện của bên B ra vào bơm hút và vận chuyển chất thải trong phạm vi của bên A được thuận tiện, dễ dàng.

- Cử cán bộ xác nhận khối lượng bơm hút, vận chuyển làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

2. Trách nhiệm của bên B

- Bơm hút, vận chuyển và xử lý chất thải phân bùn bể phốt đúng địa điểm và thời gian quy định.

- Gửi cho Bên A kế hoạch bơm hút, vận chuyển và xử lý chất thải chậm nhất 03 ngày trước khi thực hiện.

- Đảm bảo việc thi công đúng theo kế hoạch được hai Bên thống nhất trước khi thực hiện.

- Thông tin đầy đủ cho bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

- Chịu trách nhiệm bố trí phương tiện chuyên dùng hàng ngày để đảm bảo thực hiện công việc theo yêu cầu của bên A (trừ các ngày nghỉ theo quy định: Lễ, Tết).

- Chịu trách nhiệm quản lý lao động của mình đối với các rủi ro như tai nạn, thương tích, thiệt hại về người hay tài sản trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình tiếp nhận và vận chuyển chuyển đến nơi quy định của luật bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nhà nước.

- Có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ nếu bị dây bẩn, mặt bể sau khi bơm hút xong.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan nhà nước nếu có sai phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng làm ảnh hưởng, hư hại tài sản, trang thiết bị của Tòa nhà, nếu xác định được nguyên nhân do Bên B gây ra, Bên B sẽ bị phạt 5% giá trị hợp đồng và Bằng chi phí của mình khắc phục các thiệt hại (Nếu có).

- Cung cấp hóa đơn cho bên A theo quy định.

ĐIỀU IV - HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hiệu lực của hợp đồng có giá trị từ ngày 15/11/2023 đến khi bên B thực hiện xong công việc.

ĐIỀU V - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

- Trong trường hợp không thể giải quyết được bằng thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU VI - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có đề nghị điều chỉnh thì phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng bàn bạc giải quyết.

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hết thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có yêu cầu, hai bên sẽ cùng bàn bạc thảo luận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục gia hạn hợp đồng. Sau khi hai bên hoàn tất nghĩa vụ trong hợp đồng này và hai bên không có thỏa thuận khác thì hai Bên sẽ lập biên bản thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 05 (năm) bản, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Xuân Tâm

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Chắt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
TRUNG CHUYỂN VỆ SINH THEO YÊU CẦU
Số: 129/2024/HĐDV/THEZEI-GLOBAL

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 07 năm 2024, tại Trụ sở bên A, Chúng tôi gồm:

BÊN A : BAN QUẢN TRỊ TOÀ NHÀ THE ZEI

Đại diện : Ông **Vũ Duy Khanh** - Chức vụ: **Trưởng BQT**

Địa chỉ : Tòa nhà The Zei, số 8 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội.

Điện thoại : 0975117073 Email:

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG XANH GLOBAL

- Đại diện là : Ông **Trần Văn Chung** - Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ : Số 11, Ngõ 136/129 đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại : 0363253063

- Mã số thuế : 0110230285

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ vệ sinh theo yêu cầu như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

Bên A đồng ý thuê, bên B đồng ý thực hiện cung cấp dịch vụ theo yêu cầu như sau: Trung chuyển rác thải bằng xe tải nhỏ từ Hầm B1 lên điểm tập kết theo yêu cầu của bên A, địa chỉ Số 8 Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trách nhiệm của Bên A

- Phối hợp tạo điều kiện, bố trí địa điểm tập kết thuận lợi cho Bên B đưa nhân lực, phương tiện vào thực hiện nhiệm vụ.
- Cam kết không để chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại và rác thải y tế lẫn với rác thải sinh hoạt.
- Hỗ trợ cung cấp cho Bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện Dịch Vụ, nếu có.
- Tạo điều kiện để Bên B (các nhân viên, người lao động của Bên B) cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng.
- Thanh toán đủ và đúng kinh phí thực hiện hợp đồng cho bên B theo đúng khối lượng, thời gian và đơn giá đã thỏa thuận.

2. Trách nhiệm của Bên B

- Cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng.
- Tuân thủ các quy định, nội quy tại địa điểm thực hiện Dịch vụ.
- Giữ gìn và dọn dẹp vệ sinh trong khu vực thực hiện Dịch vụ của Bên B, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dịch vụ.
- Có quyền từ chối thu và vận chuyển chất thải không phải là rác thải sinh hoạt như: Rác thải y tế, chất thải công nghiệp nguy hại, ...
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và theo quy định hiện hành của pháp luật.
- Cung cấp dịch vụ cho Bên A đúng phương thức, quy trình, đúng thời gian, địa điểm và đảm bảo chất lượng của Dịch Vụ theo yêu cầu của Bên A.
- Kiến nghị, yêu cầu bên A phối hợp và cùng nhau giải quyết khi có công việc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Bắt đầu: Ngày 01 tháng 08 năm 2024
- Đến hết: Ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá khoán gọn: 23.220.000 đồng/tháng (Đơn giá đã bao gồm thuế VAT 8%) Thuế suất VAT sẽ được áp dụng theo quy định của Nhà nước ở từng thời điểm.

Tổng giá trị hợp đồng: 23.220.000 x 05 tháng = 116.100.000 đồng/05 tháng.

(Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu, một trăm nghìn đồng.)

2. Quy định về thanh toán:

a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng Việt Nam đồng.

Thông tin chuyển khoản như sau:

- Số tài khoản: **1251.000.2535.516**
- Mở tại: NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đông Đô
- Chủ tài khoản: **Công ty Cổ phần dịch vụ môi trường xanh GLOBAL**

b. Thời gian thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán
 - Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc được cả hai Bên xác nhận;
 - Hóa đơn Giá trị gia tăng.
- + Xuất hóa đơn và thanh toán theo tháng/lần.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và không nằm trong tầm kiểm soát của các bên: sự cố bãi xử lý rác của thành phố, động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng, tuy nhiên bên ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng để cùng nhau trao đổi và tìm cách khắc phục.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự điều chỉnh về khối lượng hoặc thay đổi đơn giá, hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

2. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên chủ động gặp nhau cùng bàn bạc giải quyết. Nếu không thoả thuận được hai bên thống nhất chọn Toà án kinh tế thành phố Hà Nội làm nơi giải quyết, bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Sau khi các bên hoàn thành các điều khoản trong Hợp đồng này mà không còn vướng mắc thì hợp đồng sẽ được tự động thanh lý. Mọi giao hạn hợp đồng cần được lập thành Phụ lục trước khi kết thúc hợp đồng 30 (ba mươi) ngày.

4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 05 (năm) bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Vũ Đức Khánh

Nguyễn Minh
Phạm Văn
Trần Văn Chung

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Chung

TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Bắc Ninh		Số: <u>18443</u> /2023/249/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành		Số GPMT/Mã số QLCTNH: 249/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Ngọc Khâm, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam		ĐT: 0222.3.774.998					
Địa chỉ cơ sở: Ngọc Khâm, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam		ĐT: 0222.3.774.998					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Số GPMT/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty CP đầu tư địa ốc Hải Đăng		GPMT/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng: Số 9 ngõ 29 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở: Tòa nhà The Zee – Số 8 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội		ĐT:					
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	15	Phá dỡ - HR
2	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	5	PT-TC-TĐ-XLNT
3	Bao bì nhựa cứng thải	x			18 01 03	7	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:							
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4, Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-40706							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hải Quân Ký: <u>Quân</u> Ngày: 10/06/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Bắc Ninh, ngày 10 tháng 06 năm 2023 (Ký và ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  <u>TỔNG GIÁM ĐỐC</u> <u>Đặng Xuân Tâm</u>				Bắc Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2023 (Ký và ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  <u>TRỢ LÝ TỔNG GIÁM ĐỐC</u> <u>GIÁP THI HIỆN</u>			
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bắc Ninh

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 366.99 /249/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành

Số GPMT/Mã số QLCTNH: 249/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3.774.998

Địa chỉ cơ sở: thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3.774.998

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số GPMT/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty CP đầu tư địa ốc Hải Đăng

GPMT/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: Số 9 ngõ 29 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Tòa nhà The Zee - Số 8 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

ĐT:

4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	15	Phá dỡ - HR
2	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	20	Phá dỡ - Tái chế
3	Bao bì nhựa cứng thải	x			18 01 03	8	Tẩy rửa
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	5	Súc rửa
5	Dầu máy thải		x		17 02 03	10	PT - TC-TĐ
6	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	x			18 02 01	2	TĐ
7	Hộp mực máy in thải	x			08 02 04	1	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4, Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-67394

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hải Quân Ký: Quân Ngày: 30/11/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Xuân Tâm

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



TRỢ LÝ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁP THỊ HIỀN

a. Liên số: 10- 20 - 30- 40

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ Bắc Ninh		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 11916 /249/GPMT-BTNMT		Số GPMT/Mã số QLCTNH: 249/GPMT-BTNMT			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành				Số GPMT/Mã số QLCTNH: 249/GPMT-BTNMT			
Địa chỉ văn phòng: khu phố Ngọc Khâm, phường Gia Đông, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh				ĐT: 0222.3.774.998			
Địa chỉ cơ sở: khu phố Ngọc Khâm, phường Gia Đông, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh				ĐT: 0222.3.774.998			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:				Số GPMT/Mã số QLCTNH:			
Địa chỉ văn phòng:				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở:				ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty CP đầu tư địa ốc Hải Đăng				GPMT/ Mã số QLCTNH:			
Địa chỉ văn phòng: Số 9 ngõ 29 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở: Tòa nhà The Zee – Số 8 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội				ĐT:			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	17	Phá dỡ - HR
2	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	10	Phá dỡ - Tái chế
3	Bao bì nhựa cứng thải	x			18 01 03	6	Tẩy rửa
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	4	Súc rửa
5	Dầu máy thải		x		17 02 03	12	PT - TC-TĐ
6	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	x			18 02 01	2	TĐ
7	Hộp mực máy in thải	x			08 02 04	5	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4, Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-23260							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ..Nguyễn Hải Quân....Ký:.....Ngày: ...18/05/2024...							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bắc Ninh, ngày 18 tháng 05 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bắc Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
							
a) Liên số: 1a- 2a - 3a- 4a Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu DT Trung Hòa Nhân Chính,
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(TIỀN NƯỚC)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 01 năm 2024

Mã số khách hàng

000179251

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: 1K24TTY
Số: 00013685



Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng
Số 9 Ngõ 29, phố Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước	277
Thời gian sử dụng	02/12/2023 - 01/01/2024
Ngày hóa đơn	04/01/2024
Ngày ghi - Số đọc	01/01/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
70.310	57.513	12.797	SH1 89 SH2 54 SX 270 SH1 2.681 SH2 1.608 SX 8.095	8.500 9.900 16.000 7.500 8.800 15.000	756.500 534.600 4.320.000 20.107.500 14.150.400 121.425.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG: 161.294.000

Trong đó: - Tiền nước 161.294.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 16.129.400
- Tiền thuế VAT (5%) 8.064.700

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 185.488.100



Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 04/01/2024

Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: D60FA74B

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng
Số 9 Ngõ 29, phố Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước	290
Thời gian sử dụng	02/01/2024 - 01/02/2024
Ngày hóa đơn	03/02/2024
Ngày ghi - Số đọc	01/02/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
83.003	70.310	12.693	SH1 2.900 SH2 1.740 SX 8.053	8.500 9.900 16.000	24.650.000 17.226.000 128.848.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG: 170.724.000

Trong đó: - Tiền nước 170.724.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 17.072.400
- Tiền thuế VAT (5%) 8.536.200

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 196.332.600



Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 03/02/2024

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu triệu ba trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 9E87FFDF

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng
Số 9 Ngõ 29, phố Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước	298
Thời gian sử dụng	02/02/2024 - 01/03/2024
Ngày hóa đơn	04/03/2024
Ngày ghi - Số đọc	01/03/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
93.006	83.003	10.003	SH1 2.980 SH2 1.788 SX 5.235	8.500 9.900 16.000	25.330.000 17.701.200 83.760.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG: 126.791.200

Trong đó: - Tiền nước 126.791.200
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 12.679.120
- Tiền thuế VAT (5%) 6.339.560

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 145.809.880



Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 04/03/2024

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm linh chín nghìn tám trăm tám mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 3458E3B8

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng
Số 9 Ngõ 29, phố Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước	298
Thời gian sử dụng	02/03/2024 - 01/04/2024
Ngày hóa đơn	03/04/2024
Ngày ghi - Số đọc	01/04/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
106.152	93.006	13.146	SH1 3.010 SH2 1.806 SX 8.330	8.500 9.900 16.000	25.585.000 17.879.400 133.280.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG: 176.744.400

Trong đó: - Tiền nước 176.744.400
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 17.674.440
- Tiền thuế VAT (5%) 8.837.220

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 203.256.060



Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 03/04/2024

Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh ba triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 6C45DEDB

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()

Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Hải Đăng
Số 9 Ngõ 29, phố Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước

298

Thời gian sử dụng

02/04/2024 - 01/05/2024

Ngày hóa đơn

03/05/2024

Ngày ghi - Số đọc

01/05/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
119.355	106.152	13.203	SH1 3.010	8.500	25.585.000
			SH2 1.806	9.900	17.879.400
			SX 8.387	16.000	134.192.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG: 177.656.400

Trong đó: - Tiền nước 177.656.400

- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 17.765.640

- Tiền thuế VAT (5%) 8.882.820

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 204.304.860



Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Ký ngày: 03/05/2024

Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh bốn triệu ba trăm linh bốn nghìn tám trăm sáu mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 720F6390

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Hải Đăng
Ô đất NO-CT2, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, HN

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước	308
Thời gian sử dụng	02/05/2024 - 01/06/2024
Ngày hóa đơn	08/06/2024
Ngày ghi - Số đọc	01/06/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
133.767	119.355	14.412	SH1 3.080	8.500	26.180.000
			SH2 1.848	9.900	18.295.200
			SX 9.484	16.000	151.744.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG: 196.219.200

Trong đó: - Tiền nước 196.219.200

- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 19.621.920

- Tiền thuế VAT (5%) 9.810.960

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 225.652.080



Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 08/06/2024

Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 354ED579

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Hải Đăng

Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước

311

Thời gian sử dụng

02/06/2024 - 01/07/2024

Ngày hóa đơn

05/07/2024

Ngày ghi - Số đọc

01/07/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
147.824	133.767	14.057	SH1 3.110 SH2 1.866 SX 9.081	8.500 9.900 16.000	26.435.000 18.473.400 145.296.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG:

190.204.400

Trong đó: - Tiền nước

190.204.400

- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)

19.020.440

- Tiền thuế VAT (5%)

9.510.220

TIỀN ĐỒNG HỒ

0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC

0

TỔNG CỘNG

218.735.060



Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Ký ngày: 05/07/2024

Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: BAF6AA66

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Hải Đăng

Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước

311

Thời gian sử dụng

02/07/2024 - 01/08/2024

Ngày hóa đơn

05/08/2024

Ngày ghi - Số đọc

01/08/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
162.254	147.824	14.430	SH1	3.110	8.500	26.435.000
			SH2	1.866	9.900	18.473.400
			SX	9.454	16.000	151.264.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG:

196.172.400

Trong đó: - Tiền nước

196.172.400

- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)

19.617.240

- Tiền thuế VAT (5%)

9.808.620

TIỀN ĐỒNG HỒ

0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC

0

TỔNG CỘNG

225.598.260



Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Ký ngày: 05/08/2024

Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: F5A2DB82

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Hải Đăng

Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước

322

Thời gian sử dụng

02/08/2024 - 01/09/2024

Ngày hóa đơn

06/09/2024

Ngày ghi - Số đọc

01/09/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
176.724	162.254	14.470	SH1 3.220	8.500	27.370.000
			SH2 1.932	9.900	19.126.800
			SX 9.318	16.000	149.088.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG:

195.584.800

Trong đó: - Tiền nước

195.584.800

- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)

19.558.480

- Tiền thuế VAT (5%)

9.779.240

TIỀN ĐỒNG HỒ

0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC

0

TỔNG CỘNG

224.922.520



Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Ký ngày: 06/09/2024

Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn triệu chín trăm hai mươi hai nghìn năm trăm hai mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 16FEFE99

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Hải Đăng
Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước	327
Thời gian sử dụng	02/09/2024 - 01/10/2024
Ngày hóa đơn	03/10/2024
Ngày ghi - Số đọc	01/10/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
190.842	176.724	14.118	SH1 3.270 SH2 1.962 SX 8.886	8.500 9.900 16.000	27.795.000 19.423.800 142.176.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG: 189.394.800

Trong đó: - Tiền nước 189.394.800
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 18.939.480
- Tiền thuế VAT (5%) 9.469.740

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 217.804.020



Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 03/10/2024

Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười bảy triệu tám trăm linh bốn nghìn không trăm hai mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: B546EFE8

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



Tên, địa chỉ khách hàng

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Hải Đăng
Số 9, ngõ 29, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105747310

Số hộ sử dụng nước	333
Thời gian sử dụng	02/10/2024 - 01/11/2024
Ngày hóa đơn	04/11/2024
Ngày ghi - Số đọc	01/11/2024 - N4002

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
205.533	190.842	14.691	SH1 3.330 SH2 1.998 SX 9.363	8.500 9.900 16.000	28.305.000 19.780.200 149.808.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG: 197.893.200

Trong đó: - Tiền nước 197.893.200
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 19.789.320
- Tiền thuế VAT (5%) 9.894.660

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 227.577.180



Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 04/11/2024

Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm tám mươi đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 4CE650CF

Các khoản giảm trừ khác:

+ ()



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 8 tháng 12 năm 2023

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư HD Mon

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện:

Chức vụ:

Đại diện: Đặng Tuyết Trang

Chức vụ: Nhân Viên

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đúng tên HD: Chy CP nhà ở xã hội Đặng Mã KH: 000 160 106

Địa chỉ: Chung cư HD Mon - Nguyễn Cơ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ: 100

Loại: Siemen

Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 778093

(Bằng chữ: Bảy bảy tám không chín ba)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên đồng hồ ngày hôm nay: 778093.

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Như Tuấn

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đặng Tuyết Trang



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 8 tháng 1 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung Cư HD Môn

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện: Đặng Tuyết Trang

Chức vụ: NV

Đại diện:

Chức vụ:

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HD: Chy CP địa ốc Hải Đăng Mã KH: 000160106

Địa chỉ: Chung Cư HD Môn - Nguyễn Cơ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ: 100

Loại: Siemen

Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 789914 (Bằng chữ: bảy tám chín chín một bốn)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên Đồng Hồ ngày hôm nay: 789914

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Anh Tuấn

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đặng Tuyết Trang



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 4 tháng 2 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung Cư H.P.Mor

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện: Đặng Tuyết Trang

Chức vụ: NV

Đại diện:

Chức vụ:

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đúng tên HĐ: Chị địa ốc Hải Đăng Mã KH: 000 160 106

Địa chỉ: Chung cư H.P.Mor - Nguyễn Chí Thanh

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ: 100

Loại: Siemen

Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 799688

(Bằng chữ: Bảy chín chín sáu tám tám)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước trước thể hiện trên đồng hồ ngày hôm nay: 799688 /

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Anh Tuấn

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đặng Tuyết Trang



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 8 tháng 3 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung Cư HD Môn

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện: Đặng Tuyết Trang

Chức vụ: NV

Đại diện:

Chức vụ:

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ: Cy CP hạ ô' Hai Đặng Mã KH: 000 160 106

Địa chỉ: Chung cư HD Môn Nguyễn Cơ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ 100

Loại: Siemen Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 810345

(Bảng chữ: Tam một không ba bốn năm)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên đồng hồ ngày hôm nay: 810345.

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Nh Quân

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đặng Tuyết Trang



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 8 tháng 4 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư H/D Môn

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện: Đặng Tuyết Trang

Chức vụ: NV

Đại diện:

Chức vụ:

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ: Chy CP địa ốc 'Hải Đăng' Mã KH: 000 16026

Địa chỉ: Chung cư H/D Môn - Nguyễn Cơ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện: C

Đồng hồ Cỡ: đ 100 Loại: Siemen Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 8222.15 (Bảng chữ: tam hai hai hai một năm)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thi' hiện trên Đồng Hồ ngay hôm nay: 8222.15.

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Nguyễn

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đặng Tuyết Trang



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 8 tháng 5 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư HD Mon

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện: Đặng Tuyết Trang

Chức vụ: N.V

Đại diện:

Chức vụ:

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ: Gy CP nhà ở 'Hải Đăng' Mã KH: 020160106

Địa chỉ: Chung cư HD Mon - Nguyễn Cơ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ: 100

Loại: Siemens

Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 8336.21 (Bằng chữ: Tám ba ba sáu hai một)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên Đồng Hồ ngày hôm nay: 8336.21.

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Anh Tuấn

Phạm Anh Tuấn

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đặng Tuyết Trang

Đặng Tuyết Trang



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 6 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư HD Môn

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện: Chức vụ:

Đại diện: Đường Phú Văn Chức vụ: Nhân viên

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ: Cty CP địa ốc Hải Tây Mã KH: 000160106

Địa chỉ: Chung cư HD Môn - Nguyễn Cồ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ: 100 Loại: Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 847150 (Bảng chữ: Chăm bém bảy một năm không)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên đồng hồ ngày hôm nay là 847150

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Thị Trâm

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đường Phú Văn



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi _____ giờ _____ phút, ngày 10 tháng 7 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư HP Mon

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện:

Chức vụ:

Đại diện:

Đường Thu Vân

Chức vụ:

NV

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ: Chy CP địa ốc Hải Đăng Mã KH: 000160106

Địa chỉ: Chung cư HP Mon Ngõ Cổ Chách

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ:

100

Loại:

Simen

Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 858527

(Bằng chữ:

Tám năm tám năm hai bảy)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên đồng hồ ngày hôm nay
(10/7/2024) là 858527

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Đ. R. Vũ

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đường Thu Vân



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút , ngày 10 tháng 8 năm 20.....

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư HD Mon

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện: Chức vụ:

Đại diện: Dương Phú Văn Chức vụ: Nhân viên

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ: Cty CP Địa ốc Hải Hưng Mã KH: 000-160-106

Địa chỉ: Chung cư HD Mon - Nguyễn Cồ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ: 100 Loại: Simon Số Serial:

Chỉ số hiện tại: (Bảng chữ:

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên đồng hồ ngày hôm nay
< 10/8/2024 > là: tám bảy không sáu chín năm
870695

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Anh Tuấn

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Dương Phú Văn



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 9 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho:

Chung cư HD Môn

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện:

Chức vụ:

Đại diện:

Đường Thu Vân

Chức vụ:

Nhân viên

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ:

Chị CP địa ốc Hải Long

Mã KH:

000160106

Địa chỉ:

Chung cư HD Môn - Nguyễn Cồ Phách

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ

Cỡ: 100

Loại:

Simen

Số Serial:

Chỉ số hiện tại:

882 853

(Bảng chữ:

Tám

tám

hai

trăm

năm

ba)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên đồng hồ ngày hôm nay
(10/9/2024) là: 882 853

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Thị Lan

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đường Thu Vân



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi _____ giờ _____ phút, ngày 10 tháng 10 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư TD Nhon

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện: _____ Chức vụ: _____

Đại diện: Dương Thu Vân Chức vụ: Nhân viên

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đúng tên HĐ:

Cty CP địa ốc Hải Hưng

Mã KH: 000160106

Địa chỉ:

Chung cư TD Nhon - Nguyễn Cơ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ:

100

Loại:

Simen

Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 895003

(Bảng chữ:

tám chín năm không không ba)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên đồng hồ ngày hôm nay 10/10/24 là: 895003 (tám chín năm không không ba)

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm Anh Tuấn

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Dương Thu Vân



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút , ngày 10 tháng 11 năm 20 24

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư HD Môn

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện:

Chức vụ:

Đại diện:

Đường Phú Văn

Chức vụ:

Nhân viên

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ: Chy CP Địa ốc Hải Đăng Mã KH:

Địa chỉ: Chung cư HD Môn Nguyễn Cơ Thạch

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ: 100

Loại: Simen Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 907328 (Bảng chữ: Chín không bảy ba hai tám)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước trước thế, hiện tiến đồng hồ ngày, 10/11/24
là 907328 (Chín không bảy ba hai tám
895005
12328

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thị Ngọc

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đường Phú Văn

Đường Phú Văn



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 12 năm 2024

tại hiện trường cấp nước cho: Chung cư HP Nhon

Chúng tôi gồm có:

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1 Nhà 17T7 Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (024) 62 511 520, 62 511 521

Fax: (024) 6251 1524

Đại diện:

Chức vụ:

Đại diện: Đông Phú Văn

Chức vụ: Nhân viên

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

Tên KH đứng tên HĐ: Cty CP Địa ốc Hải Đăng Mã KH:

Địa chỉ: Chung cư HP Nhon Ngõ Cổ Phách

Điện thoại:

Người đại diện:

Đồng hồ Cỡ: 100 Loại: Simen Số Serial:

Chỉ số hiện tại: 919310 (Bảng chữ: Chín một chín ba một không)

Lập biên bản như sau:

Chỉ số nước được thể hiện trên đồng hồ, ngày 10/12/24
là 919310 (Chín một chín ba một không)
902328
12002

Biên bản đã được đọc lại. Mọi Người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ Họ tên)

Phạm NST
Đông Phú Văn

BÊN CUNG CẤP NƯỚC

Người lập biên bản (Ký, ghi rõ Họ tên)

Đông Phú Văn
Đông Phú Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
 TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Số 2 đường Đức Diên, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

HATICO VIỆT NAM

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu: 0781-20/03/2023



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường
 Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 7, đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
 Địa điểm quan trắc: Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
 Vị trí lấy mẫu: + NTSH: Nước thải sinh hoạt sau xử lý
 Mã hóa mẫu: 10032023-014
 Tên mẫu/ Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt Số lượng mẫu: 01
 Ngày lấy mẫu: 10/03/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 17/03/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,38	5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	39	100
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SOP.QT.TDS	425	1000
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	47,2	50
5.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	21,71	50
6.	Photphat (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	5,28	10
7.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,22	4,0
8.	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995	9,55	10
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	2,4	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2009	0,77	10
11.	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	3.500	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Duyên

- (-) Không quy định
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Số 2 đường Đức Diên, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu: 2322-16/06/2023



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường
Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 7, đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
Địa điểm quan trắc: Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu: + NTSH: Nước thải sinh hoạt sau xử lý, tọa độ KĐ: 105,76638, VĐ: 21,03488
Mã hóa mẫu: 07062023-022
Tên mẫu/ Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu: 07/06/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 16/06/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
				NTSH	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,34	5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	42	100
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SOP.QT.TDS	419	1000
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	49,2	50
5.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ -E:2017	8,85	50
6.	Photphat (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	5,46	10
7.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,19	4,0
8.	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995	9,63	10
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	2,7	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2009	0,7	10
11.	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	3.600	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Duyên

- (-) Không quy định
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Số 2 đường Đức Diển, phường Phúc Diển, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 3969-21/09/2023



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường
Địa chỉ : Số nhà 17, ngõ 7, đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : + NTSH: Nước thải sinh hoạt sau xử lý, tọa độ KĐ: 105,76643, VĐ: 21,03469
Mã hóa mẫu : 08092023-015
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 08/09/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 21/09/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	47	100
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SOP.QT.TDS	428	1000
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	48,2	50
5.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	12,8	50
6.	Photphat (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	5,27	10
7.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,3	4,0
8.	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995	8,92	10
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	2,6	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2009	0,75	10
11.	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	3400	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2023



ThS. Đỗ Thị Duyên

- (-) Không quy định
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Số 2 đường Đức Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

HATICO VIỆT NAM

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 589I-13/12/2023



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường
Địa chỉ : Số nhà 17, ngõ 7, đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : + NTSH: Nước thải sinh hoạt sau xử lý, tọa độ KĐ: 105,76643, VĐ: 21,03469
Mã hóa mẫu : 02122023-018
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 02/12/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 13/12/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,29	5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	35,2	100
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SOP.QT.TDS	430	1000
4.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	48,9	50
5.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	9,26	50
6.	Photphat (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,89	10
7.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,26	4,0
8.	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995	5,62	10
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2023	3,3	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2009	0,71	10
11.	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3300	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2023



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu: 1619-11/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường
Địa chỉ : Số nhà 17, ngõ 7, đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : + NTSH: Nước thải sinh hoạt sau xử lý, tọa độ KĐ: 105,76643, VĐ: 21,03469
Mã hóa mẫu : 29032024-022
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 29/03/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 11/04/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,35	5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	45,1	100
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SOP.QT.TDS	418	1000
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	49,3	50
5.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	7,22	50
6.	Photphat (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	6,41	10
7.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,2	4,0
8.	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995	8,5	10
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2023	3,9	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2009	0,73	10
11.	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3700	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2024

GIÁM ĐỐC
CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT
HATICO
VIỆT NAM
ThS. Đỗ Thị Duyên

- (-) Không quy định
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



REPORT OF THE

Committee on the
State of the
Union
for the year
1911

The Committee on the
State of the
Union
for the year
1911
has the honor to
present to the
House of
Representatives
the following
report.

The Committee on the
State of the
Union
for the year
1911
has the honor to
present to the
House of
Representatives
the following
report.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 02979/2024/PKQ/24.647



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐỊA KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ : Số nhà 17, ngõ 7, đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.
Địa điểm quan trắc : Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - NT.030624-007- Nước thải sinh hoạt sau xử lý, VĐ=21,03469, KĐ=105,76643 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 03/06/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 17/06/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,33	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	414	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,2	20
4	BOD ₅ (20°C) ^(h)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	41,7	50
5	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	24,5	100
6	Sunfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,46	4
7	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	9,9	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,38	50
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,73	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,55	10
11	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	4.300	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải

- (-) Không quy định
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
- Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM


Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC


Hoàng Thị Kim Anh


ThS. Đỗ Thị Duyên

-
- | | |
|--|--|
| 1. (-) Không quy định | 2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas |
| 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vmcerts | 4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội |
| 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ | 6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm |
| 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về. | 8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm. |



Số TN: 0444.03.2024-PK-CEMA

Địa chỉ: số 36 ngõ 155 Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Hotline: 0988.196.737 ĐT: (024) 66843738



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty CP tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường
Địa chỉ: Số 36 - Ngõ 155 - Phường Xuân Đình - Quận Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Địa điểm mẫu: Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt
Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu: NT.21.190924 (NT1)
Ngày gửi/lấy mẫu: 19/09/2024
Thời gian phân tích: 19/09/2024 - 15/10/2024

TT	Các chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT1	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,34	5-9
2	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	36,8	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	17,1	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	PB 7.2/06.02	546	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	0,111	4,0
6	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,75	10
7	Nitrat (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,35	50
8	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	2,1	20
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,025	10
10	Phosphat (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,94	10
11	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3.400	5.000

*** Ghi chú:**

- Thông tin mẫu:

NT1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- 1) Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm trên.
- 2) Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của công ty
- 3) Các chỉ tiêu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- 4) Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận bởi Vilas
- 5) Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận bởi Vimecerts
- 6) (-) Không quy định
- 7) Thời gian lưu mẫu 5 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA & QC

Đoàn Thị Trà My



GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Lan Anh

-
- 1) Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm trên.
2) Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của công ty
3) Các chỉ tiêu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- 4) Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận bởi Vilas
5) Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận bởi Vimecerts
6) (-) Không quy định
7) Thời gian lưu mẫu 5 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



Số TN: 0391.000291-KQ-CEMA

Địa chỉ: số 36 ngõ 155 Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Hotline: 0986.196.737 -ĐT: (024) 6684.3738

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường
Địa chỉ: Số 36 - Ngõ 155 - Phường Xuân Đình - Quận Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Địa điểm mẫu: Tòa nhà CT1 – Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt
Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu: NT.10.041124 (NT1)
Ngày gửi/lấy mẫu: 04/11/2024
Thời gian phân tích: 04/11/2024 - 14/11/2024

TT	Các chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT1	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,14	5-9
2	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	32,6	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	80,2	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	PB 7.2/06.02	758	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	1,39	4,0
6	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,93	10
7	Nitrat (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,957	50
8	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	2,4	20
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,919	10
10	Phosphat (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	9,02	10
11	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	4.300	5.000

* Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

NT1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

1) Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm trên.

2) Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của công ty

3) Các chỉ tiêu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4) Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận bởi Vilas

5) Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận bởi Vimcerts

6)(-) Không quy định

7) Thời gian lưu mẫu 5 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA & QC



Đoàn Thị Trà My

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Lan Anh

- 1) Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm trên.
- 2) Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của công ty
- 3) Các chỉ tiêu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- 4) Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận bởi Vilas
- 5) Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận bởi Vincerts
- 6) (-) Không quy định
- 7) Thời gian lưu mẫu 5 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ: 16.../VH/HDMON/NTHT
**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Dự án : Hải Đăng City (Giai đoạn 1)

Hạng mục : Thiết kế, thi công, chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý nước thải

Địa điểm : P. Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm và P. Mai Dịch, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội

1. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu hoàn thành hạng mục Thiết kế, thi công, chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý nước thải thuộc dự án Hải Đăng City (Giai đoạn 1) để đưa vào sử dụng.

2. Thành phần tham gia:

2.1. Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG

Ông: Trần Đăng Lâm	Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Ông: Nguyễn Sỹ Hoàn	Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Ông: Đỗ Quang Huy	Chức vụ: Phó BQLDA
Ông:	Chức vụ:

2.2. Tư vấn QLDA: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Ông: Bùi Huy Thông	Chức vụ: Phó Giám Đốc Công ty
Ông: Ngô Văn Bắc	Chức vụ: Giám Đốc Ban TVQLDA
Ông: Hoàng Duy Khánh	Chức vụ: PGĐ Ban TVQLDA
Ông:	Chức vụ:

2.3. Tư vấn giám sát: CÔNG TY CỔ PHẦN TEXO TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ

Ông: Trịnh Thắng Lợi	Chức vụ: Phó TGD
Ông: Vũ Minh Hải	Chức vụ: Trưởng đoàn Giám sát
Ông: Phạm Quang Động	Chức vụ: Phó đoàn Giám sát
Ông: Hoàng Văn Linh	Chức vụ: CB TVGS

2.4. Đơn vị thiết kế, thi công: CÔNG TY CP THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

Ông: Dương Hoàng Nam	Chức vụ: Phó GD
Ông: Vũ Minh Đức	Chức vụ: Chỉ huy trưởng
Ông: Cao Văn Trường	Chức vụ: CBKT



3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : 8h 30' ngày 10... tháng 1... năm 2018

Kết thúc : 11h 30' ngày 10... tháng 1... năm 2018

Tại : Dự án Hải Đăng City

4. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng đã thực hiện:

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của đơn vị thi công;
- Hợp đồng kinh tế số: 348/2016/HĐKT giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hải Đăng và Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Việt Hàn ký ngày 29/09/2016 về thực hiện gói thầu “Thiết kế, thi công, chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý nước thải” và các phụ lục hợp đồng kèm theo;
- Hồ sơ thiết kế BVTC Hạng mục Thiết kế, thi công, chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý nước thải đã được thẩm tra, phê duyệt và các thay đổi thiết kế đã được Chủ đầu Tư và các Bên liên quan chấp thuận;
- Biện pháp thi công được Chủ đầu tư phê duyệt;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015-Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và thông tư số 26/2016/TT/BXD;
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:
 - TCVN 4055:2012: Công trình xây dựng - Tổ chức thi công;
 - TCVN 5308:1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn xây dựng;
 - TCVN 5637:1991: Quản lý chất lượng xây lắp công trình;
 - QCVN 14: 2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
 - TCVN 9206 :2012 Trang thiết bị điện trong công trình – Quy chuẩn XDVN – T2;Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng;
- Biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng;
- Biên bản nghiệm thu các công việc xây dựng của đơn vị thi công được nghiệm thu
- Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng, hạng mục thi công xây dựng
- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động không tải
- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử liên động không tải
- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử liên động có tải
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Tư vấn QLDA, TVGS và các văn bản pháp lý khác có liên quan đến hạng mục được nghiệm thu;
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng, nguồn gốc xuất xứ vật liệu, thiết bị, biên bản lấy mẫu thí nghiệm, danh mục tính năng kỹ thuật của các đối tượng nghiệm thu;
- Kết quả thử nghiệm nước thải sau xử lý;

7310
CÔNG TY
HÀN
ĐI
ĐĂNG
TP.

- Những điều kiện chuẩn bị để bàn giao đưa hạng mục công trình vào sử dụng.

b. Tiến độ xây dựng đơn vị thi công lập được chủ đầu tư phê duyệt:

+ Ngày bắt đầu : 03/09/2017

+ Ngày hoàn thành : 20/01/2018

c. Tiến độ thực tế thực hiện thi công:

+ Ngày bắt đầu : 03/09/2017

+ Ngày hoàn thành : 10/01/2018

d. Đánh giá về tiến độ:

.....

.....

.....

c. Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

Tuân thủ theo đúng biện pháp kỹ thuật thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

d. Chất lượng bộ phận công trình, giai đoạn thi công:

.....

.....

.....

e. Các ý kiến khác(nếu có):

.....

.....

.....

f. Ý kiến của giám sát thi công:

.....

.....

.....

5. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành gói thầu : Thiết kế, thi công, chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý nước thải thuộc dự án Hải Đăng City (Giai đoạn 1)

C.T.C.
IC
MÔI

6. Các bên tham gia nghiệm thu:

CHỦ ĐẦU TƯ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đăng Lâm

TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Huy Thông

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Hằng Lợi

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ, THI CÔNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đường Hoàng Nam



THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ VÀ QUY TRÌNH VẬN HÀNH

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI DỰ ÁN HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM: P. MỸ ĐÌNH 2, QUẬN NAM TỪ LIÊM & P MAI DỊCH, Q CẦU
GIẤY HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

Nhận 29.9.2019.

KÝ HIỆU & THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

SBR	Sequencing Batch Reactor – Xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học theo mẻ
Airlift	“Bơm vận chuyển nước, bùn bằng khí”
BOD	Biological Oxygen Demand - Nhu cầu oxy sinh học
BOD₅	Nhu cầu oxy sinh học sau 05 ngày
Bơm vận chuyển bằng khí (airlift)	Là công nghệ mới, sử dụng khí từ máy thổi khí cấp cho bể Aeroten để vận chuyển bùn/nước bằng dòng khí theo nguyên tắc injector.
Bùn dư	Là lượng bùn cần phải thải bỏ sau quá trình xử lý
Bùn hoạt tính	Là bùn trong bể aeroten mà trong đó chứa phần lớn là các vi sinh vật
CH	Hydrocacbon hay dầu mỡ
Chỉ danh ô nhiễm	Nhằm chỉ các thông số ô nhiễm có trong nước thải bao gồm nồng độ các chỉ tiêu như BOD, COD, SS, kim loại nặng, ...
COD	Chemical Oxygen Demand - Nhu cầu oxy hoá học
DCS	Distributed Control System - Hệ thống điều khiển phân tán
ĐV	Đơn vị
ĐVN	Đồng Việt Nam
Extended Aeration	Thông khí kéo dài - một phương pháp của công nghệ xử lý nước thải bằng bùn hoạt tính sử dụng bể Aeroten.
F/M	Food/Microorganism ratio - Tỷ lệ lượng thức ăn (hay chất thải) trên một đơn vị vi sinh vật trong bể Aeroten.
Giá trị giả định	Là các chỉ danh thông số đầu vào để làm cơ sở tính toán, thiết kế
HDPE	Đường ống vật liệu HDPE (High Density Polyetylen)
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
ISO	International Standard Organisation - Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế
MCRT	Mean Cell Residence Time - Thời gian lưu trung bình của tế bào tính trên thể tích bể Aeroten.
MLSS	Mixed Liquor Inexpended Solids - Nồng độ vi sinh vật (Hay bùn hoạt tính)
MTK	Máy thổi khí
N	Nitơ - hay hàm lượng nitơ có trong nước thải để cho vi sinh vật hấp thụ

m³	Mét khối tiêu chuẩn
NT	Nước thải
P	Phốt pho - hay hàm lượng phốt pho có trong nước thải để cho vi sinh vật hấp thụ
SL	Số lượng
SS	Inoxpended Solids - Chất rắn lửng
Sự cố nước thải vào	Là sự cố khi có các chỉ danh đầu vào cao hơn giá trị già định hoặc / và lưu lượng nước thải thay đổi đột ngột hoặc hết nước thải vào.
SVI	Tỷ số thể tích bùn - Một thông số dùng để xác định khả năng lắng của bùn hoạt tính
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TT	Thứ tự
TXLNT	Trạm xử lý nước thải
USD	Đồng Đô la Mỹ
Nhà thầu	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN
VSV	Vi sinh vật
XLNT	Xử lý nước thải
Xử lý sinh học	Là quá trình xử lý nước thải bằng các chủng VSV.

A. THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ

1. CÁC THÔNG SỐ ĐẦU VÀO VÀ YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG ĐẦU RA

1.1. Lưu lượng & thành phần nước thải

Lưu lượng nước thải thực tế của Dự án Hải Đăng City bao gồm các loại nước thải phát sinh từ các khu vực chúng tôi tạm gọi theo nguồn gốc phát sinh như đây:

- **Dòng thải 1** – Nước thải từ các khu nhà bếp của các tòa nhà, nhà hàng ẩm thực,
- **Dòng thải 2** – Nước thải từ các bể phốt của biệt thự, tòa nhà.
- **Dòng thải 3** – Nước thải từ nước tắm, giặt từ các biệt thự, chung cư, ...
- **Thành phần** đặc trưng của nước thải Dự án Hải Đăng City là các chỉ tiêu: BOD₅, COD, TSS (cặn lơ lửng), chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ, vẩn nổi và Coliform ...
- **Lưu lượng nước được tính toán: 1.700 m³/ngàyđêm.**

1.2. Thành phần và tính chất nước thải đầu vào

Thành phần và tính chất của nước thải đầu vào để thiết kế công nghệ TXLNT được dựa trên kinh nghiệm của nhà thầu và thực tế một số công trình tương tự đã được triển khai như: Khu tổ hợp Vicom Nguyễn Chí Thanh Hà Nội – 1000m³/ngày, Khu chức năng đô thị Timescity – 5.400m³/ngày, Khu du lịch Vinpearl – Phú Quốc công suất 2.000m³/ngày.

Giá trị đầu vào và đầu ra của hệ thống XLNT Dự án Hải Đăng City như bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tính toán đầu vào	Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý QCVN 14/2008 mức B
1	pH	-	5-9	5 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	350 - 400	≤ 50
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	250 - 300	≤ 100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	-	≤ 1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	-	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	30 - 50	≤ 10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	80	≤ 50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	-	≤ 20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	-	≤ 10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	≤ 6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	15.000-30.000	≤ 5.000

2. PHÂN TÍCH, LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ

2.1. Cơ sở để lựa chọn công nghệ

Đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư, công nghệ để thiết kế cho HTXLNT Dự án Hải Dương City phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

- Công nghệ được lựa chọn phải đáp ứng được các yêu cầu về xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải, công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế mặt bằng khu vực.
- Công nghệ được lựa chọn phải chiếm diện tích ít nhất.
- Công nghệ được xây ngầm toàn bộ, phía trên có nắp kín để thu gom và xử lý triệt để mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh.
- Chi phí đầu tư, chi phí vận hành và chi phí bảo dưỡng bảo trì hợp lý.
- Công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thay thế vật tư đơn giản trong quá trình vận hành.
- Công nghệ & các thiết bị lựa chọn phải giảm thiểu tối đa tiếng ồn phát ra môi trường xung quanh.
- Tiêu chuẩn nước sau xử lý phải đạt **QCVN 14/2008, cột B**.
- HTXLNT phải ổn định và có độ tin cậy cao, đáp ứng được những biến động khi có sự cố về chất lượng và lưu lượng nước thải từ nguồn phát thải.
- Hệ thống xử lý phải được vận hành tự động hóa hoàn toàn

2.2. Phân tích lựa chọn công nghệ

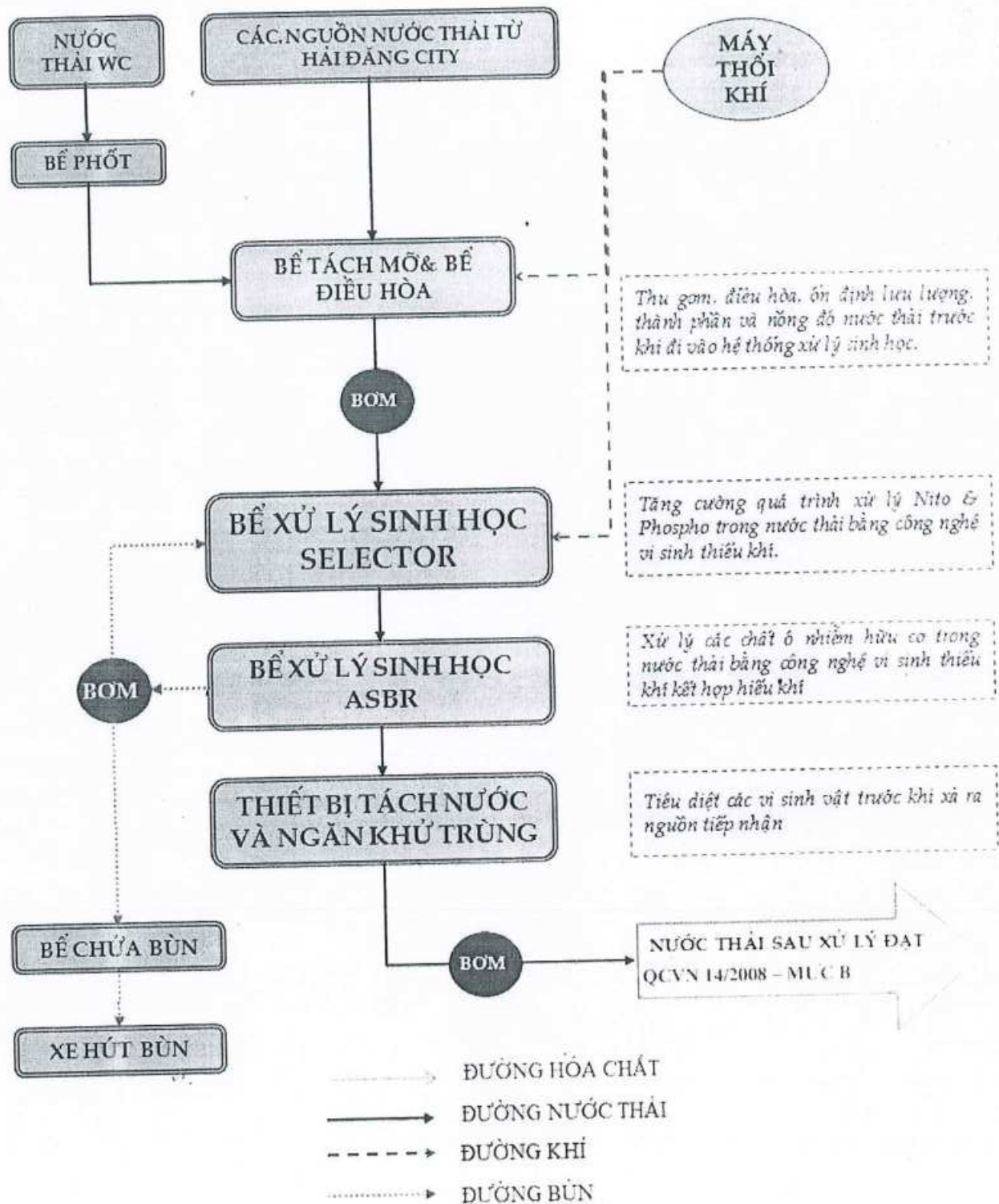
- Phân tích so sánh một số công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt chung cư khu đô thị

TT	Loại hình công nghệ	Đặc điểm	Mức độ áp dụng
1	Công nghệ Aerotank truyền thống (công nghệ bùn hoạt tính)	Công nghệ vi sinh (Hiếu khí + khử trùng)	Được áp dụng nhiều trong các công trình xử lý nước thải nói chung đã được xây dựng tại Việt Nam với nhiều quy mô công suất. <u>Nhược điểm:</u> - Đối với nước thải sinh hoạt có hàm lượng NH_4^+ cao quá trình xử lý sinh học Hiếu khí đơn thuần không đảm bảo các chỉ tiêu về Nitơ và Phốt pho theo quy chuẩn cột B QCVN 14:2008/ BTNMT - Diện tích sử dụng lớn.

2	Công nghệ sinh học AO	Công nghệ vi sinh (Thiếu khí, Hiếu khí kết hợp + khử trùng)	<u>Ưu điểm:</u> - Xử lý triệt để, đảm bảo. Nước thải sau xử lý đạt chuẩn B QCVN 14 : 2008/BTNMT. - Chi phí đầu tư phù hợp - Lắp đặt, vận hành đơn giản - Chi phí điện và hóa chất khi vận hành phù hợp <u>Nhược điểm:</u> - Công trình chiếm diện tích tương đối - Khả năng chạy quá tải thấp do bể lắng có tải trọng lắng xác định.
3	Công nghệ sinh học ASBR (dạng mẻ dòng liên tục)	Công nghệ vi sinh (Thiếu khí, Hiếu khí kết hợp, tích hợp bể lắng + khử trùng)	<u>Ưu điểm:</u> - Xử lý triệt để, đảm bảo. Nước thải sau xử lý đạt chuẩn B QCVN 14: 2008/BTNMT - Chi phí đầu tư phù hợp - Lắp đặt, vận hành đơn giản - Chi phí điện và hóa chất khi vận hành thấp nhất do tiết giảm thiết bị bể lắng - Tiết kiệm diện tích xây dựng do tích hợp bể lắng, phù hợp quỹ đất hiện có - Khả năng chạy quá tải cao ($K=1.2 \div 1.25$) do nồng độ vi sinh trong bể ASBR cao và tải trọng lắng lớn (toàn bể sinh học SBR)

Căn cứ phân tích lựa chọn công nghệ trên và điều kiện thực mặt bằng thực tế của Dự án Hải Đăng City và các Khu đô thị có tính chất tương tự về đặc tính nước thải đầu vào cùng như các yêu cầu tại mục 1.2.1 – Cơ sở lựa chọn công nghệ, căn cứ vào khả năng áp dụng thành công của công nghệ xử lý nước thải đã được áp dụng tại Khu tổ hợp Vincom Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội, chúng tôi đề xuất phương án công nghệ sinh học ASBR (dạng mẻ dòng liên tục) để áp dụng cho HTXLNT cho Dự án Hải Đăng City.

2.2.1. Sơ đồ công nghệ:



Hình 1: Sơ đồ công nghệ HTXLNT Dự án Hải Đăng City

2.2.2. Thuyết minh dây chuyền công nghệ:

Quy trình dòng thải trong công nghệ đã lựa chọn qua các hạng mục sau:

Nước thải phát sinh từ các khu vực trong Dự án Hải Đăng City → Bể tách mỡ, Bể điều hòa nước thải → Cụm xử lý sinh học dạng mẻ dòng liên tục ASBR → Bể khử trùng và chứa nước sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

Bước 1: Thu gom vận chuyển nước thải:

Nước thải từ các khu vực như tòa nhà cao tầng CT1A, CT1B, tòa nhà GD2 nhà hàng, khu ẩm thực, ... được thu gom dẫn về và bơm về bể tách mỡ, Điều hòa tại Trạm xử lý tập trung.

Bước 2: Điều hòa ổn định lưu lượng, nồng độ & thành phần các chất ô nhiễm:

Bể điều hoà có tác dụng thu gom các dòng nước thải khác nhau để điều hòa lưu lượng, ổn định nồng độ & thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi sang bể xử lý sinh học. Trong bể điều hoà có lắp đặt hệ thống sục khí thô dạng ống khoan lỗ dưới đáy bể để đảo trộn các dòng nước thải với nhau.

Bước 3: Xử lý sinh học các chất ô nhiễm trong nước thải:

Sau khi từ điều hoà, nước thải được bơm vào các bể ASBR thông qua đường ống dẫn nước & phân phối. Việc điền nước vào các bể ASBR này hoàn toàn tự động thông qua các van điều khiển và chương trình điều khiển trung tâm.

Hai (02) bể ASBR hoạt động song song được thiết kế cho TXLNT Dự án Hải Dăng City. Các bể này là công đoạn chính trong quá trình xử lý chính để làm sạch các chất ô nhiễm có trong nước thải.

Công nghệ ASBR là công nghệ xử lý nước thải dạng mẻ tuần hoàn liên tục, theo đó các quá trình như oxy hóa cacbon, quá trình nitrat hóa, khử nitơ và khử Photpho bằng phương pháp sinh học được diễn ra đồng thời. Phương pháp này không cần thiết bị khuấy trộn, bể lắng thứ cấp.

Trong suốt quá trình xử lý, bùn hoạt tính sẽ liên tục được sinh ra. Loại bùn này không có mùi và không gây nguy hại tới sức khỏe cho người vận hành và môi trường xung quanh khi được xử lý theo quy trình: Bùn được bơm về bể chứa & lưu bùn và được thuê hút định kỳ đem xử lý hợp vệ sinh.

Quá trình phản ứng ở bể ASBR gồm các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Nước thải đầu vào sẽ trộn lẫn với bùn hồi lưu có tỷ lệ F/M cao ở ngăn SELECTOR. Sự kết hợp bể SELECTOR với các bể phản ứng khác nhau tạo nên ưu việt khác biệt giữa công nghệ ASBR và các bể hoạt động theo công nghệ SBR. Đặc điểm này giúp loại bỏ dây chuyền FILL và FILL-ANOXIC-MIX mà thay vào đó là dây chuyền FILL-AERATE và do đó vận hành hệ thống đơn giản hơn.

Hệ thống này đảm bảo quá trình xử lý sinh học sẽ chủ yếu là tạo ra các hạt bùn hoạt tính, và do đó làm tăng độ an toàn trong quá trình vận hành, giảm thiểu sự tập trung dòng thải. Bể Selector hỗ trợ quá trình phát triển các vi sinh vật khử photpho và do đó photpho được khử theo phương pháp sinh học mà không cần thêm hoá chất.

Giai đoạn 2: Quá trình phản ứng xảy ra trong bể ASBR gần tương tự như quá trình SBR & Aeroten truyền thống, chỉ khác dòng vào ra là liên tục. Đây là phương pháp xử lý nước thải mà qua đó các quá trình như oxy hóa cacbon, quá trình nitrat hóa, khử nitơ và khử Photpho bằng phương pháp sinh học được diễn ra đồng thời. Quá trình xử lý sẽ diễn ra liên tục do có 02 bể hoạt động song song và lệch pha nhau. Tổng thời gian phản ứng của 1 chu kỳ là 4 giờ.

Các chu kỳ của 2 Bể ASBR TXLNT Dự án Hải Đăng City

GIỜ	QUÁ TRÌNH	
	BỂ ASBR 1	BỂ ASBR 2
Giờ thứ nhất (1)	Bơm nước vào và sục khí	Lắng
Giờ thứ hai (2)	Bơm nước vào và sục khí	Rút nước ra
Giờ thứ ba (3)	Lắng	Bơm nước vào và sục khí
Giờ thứ tư (4)	Rút nước ra	Bơm nước vào và sục khí

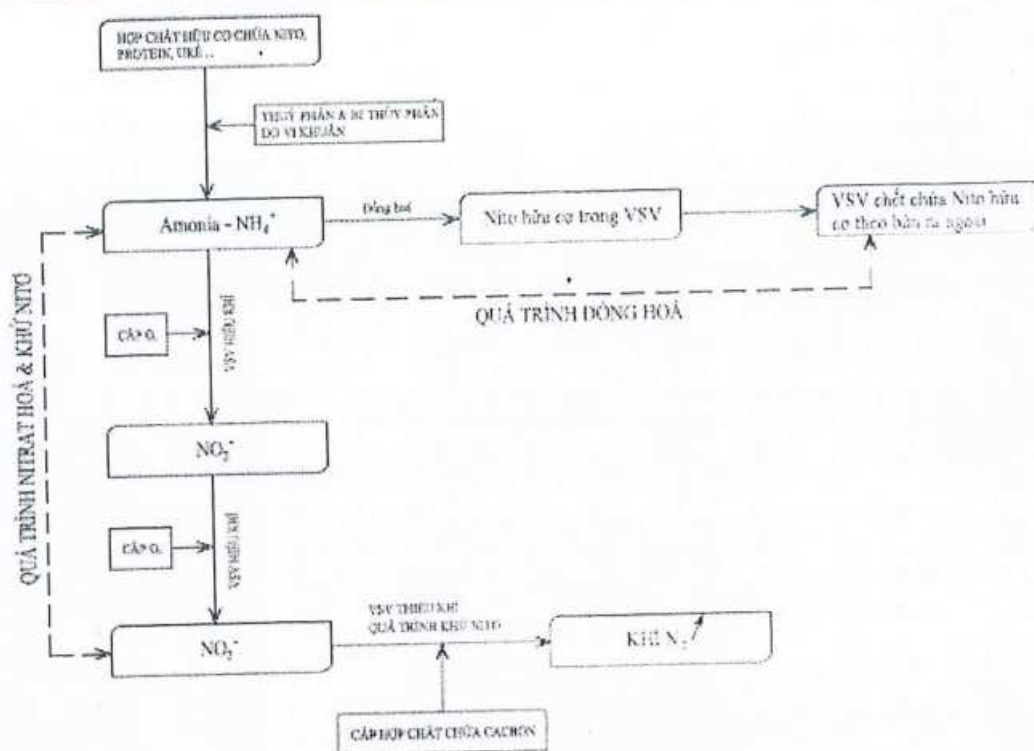
Nước thải sau khi xử lý ở các bể ASBR đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu và được hút ra bởi các thiết bị thu nước DECANTER, xả vào bể KHỬ TRÙNG bằng hóa chất NaClO. Tại đây, nước thải được đi qua các vách ngăn tạo dòng chảy kiểu zig zắc và được bơm hóa chất khử trùng NaClO có nồng độ đủ để phân lớn các vi khuẩn có hại bị tiêu diệt.

Nước sau khi khử trùng, đạt các tiêu chuẩn xả thải theo QCVN 14/2008-BTNMT mức B thì sẽ được bơm xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

Bùn hoạt tính sinh ra từ bể ASBR một phần được hồi lưu về ngăn SELECTOR trong bể ASBR, phần dư bơm thải vào bể LÀM ĐẶC BÙN để làm đặc trước khi xử lý

- Xử lý bùn: Bùn tại Bể chứa và làm đặc bùn và định kỳ 6 tháng 1 lần được hút đi bởi xe hút bùn của Cty Môi trường đô thị đem đi xử lý hợp vệ sinh.

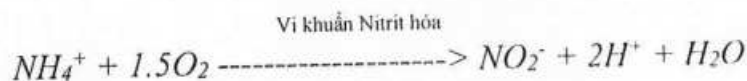
Cơ chế khử Nito trong nước thải theo công nghệ ASBR được mô tả như sau:



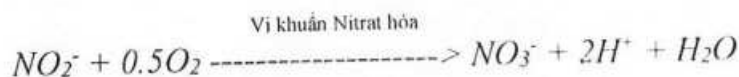
Hình: Cơ chế khử Nito trong nước thải theo công nghệ sinh học ASBR

Theo hình vẽ thì quá trình khử Nito bằng phương pháp sinh học trải qua các bước như sau:

Bước 1: NH_4^+ bị ô xy hóa thành NO_2^- do các vi khuẩn **nitrit hóa** theo phản ứng:



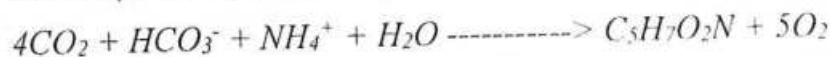
Bước 2: Oxy hóa NO_2^- thành NO_3^- do các vi khuẩn **nitrat hóa** theo phản ứng:



Tổng hợp quá trình chuyển hóa NH_4^+ thành NO_3^- như sau:

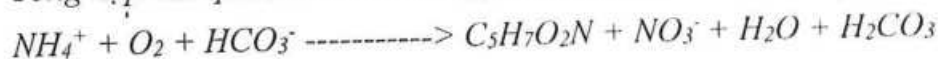


Khoảng 20-40% NH_4^+ bị đồng hóa thành vỏ tế bào. Phản ứng tổng hợp thành sinh khối được viết như sau:



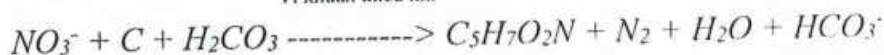
$C_5H_7O_2N$: là công thức biểu diễn tế bào vi sinh vật được hình thành

Tổng hợp các quá trình trên bằng phản ứng sau:

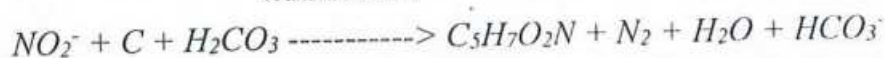


Quá trình sinh học khử NO_3^- thành khí N_2 diễn ra trong môi trường thiếu khí (anoxic) dưới tác dụng của các vi sinh vật thiếu khí. Quá trình khử NO_3^- thành khí N_2 có thể mô tả bằng các phản ứng sau:

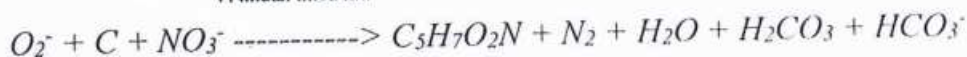
Vi khuẩn thiếu khí



Vi khuẩn thiếu khí



Vi khuẩn thiếu khí



Mô tả 1 số quá trình khác:

Bơm nước thải, bơm bùn sinh học: Hoạt động theo chu kỳ cài đặt tự động, theo mức nước có trong bể được đo bởi thiết bị đo mức liên tục.

Máy thổi khí cho bể ASBR: cung cấp lượng khí dựa trên hệ thống tự động & luân phiên đảo thiết bị theo thời gian để đảm bảo tuổi thọ cho động cơ.

2.3. Giải pháp thiết kế kiến trúc và xây dựng công trình:

2.3.1. Phương án thiết kế xây dựng Trạm XLNT

Phương án thiết kế kiến trúc và xây dựng cho Trạm XLNT Dự án Hải Đăng City của Việt Hàn đề xuất như sau:

- Thiết kế tổng thể trạm xử lý nước thải Hải Đăng City gồm các hạng mục: Bể tách mỡ, bể Điều hòa nước thải.
- Toàn bộ các hạng mục bồn bể công nghệ được xây dựng ngầm hoàn toàn. Phía trên được đổ nắp lợp kín toàn bộ các bồn bể này và có bố trí các lỗ thăm, cửa lên xuống để quản lý và vận hành Trạm XLNT. Phần nắp bể phía trên có thể được sử dụng làm khu vực để xe ô tô của cư dân trong khu đô thị hoặc trồng cỏ kết hợp tiểu cảnh để làm tăng tính thẩm mỹ và kiến trúc cảnh quan trong khu vực.
- Toàn bộ phần bể xử lý được xây dựng bằng BTCT. Nhà quản lý, vận hành & giám sát được kết hợp với nhà kỹ thuật đặt máy móc thiết bị (máy thổi khí, bồn hóa chất, ...), tủ điện điều khiển được bố trí tại tầng hầm 1 để thuận tiện cho việc kiểm soát vận hành & tiết kiệm chi phí đầu tư do không phải làm móng cho nhà điều hành đồng thời tiết kiệm được diện tích sử dụng đất.
- Các máy móc, thiết bị (tủ điện - điều khiển, máy thổi khí, ...) được bố trí lắp đặt trong nhà điều hành, nhà đặt máy thổi khí đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy.
- Hệ thống thu gom và xử lý mùi hôi của nước thải: Giữa các bể phát sinh mùi làm lỗ thông trần và đặt các ống hút khí để thu gom toàn bộ lượng khí phát sinh trong hệ thống bồn bể để đưa về hệ thống xử lý tập trung.

Với vị trí hệ thống xử lý nước thải được bố trí như trên khi tiến hành xây dựng sẽ có một số ưu điểm sau:

- Phù hợp với qui hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo yếu tố thẩm mỹ và kiến trúc cảnh quan.
- Không phát tán mùi hôi, tiếng ồn làm ảnh hưởng tới môi trường sống xung quanh trong khu đô thị, không làm mất mỹ quan khu vực.

- Diện tích chiếm đất là thấp nhất.
- Dễ dàng trong quá trình vận hành cũng như quản lý;
- Tiết kiệm được chi phí xây dựng do hợp khối các công trình; Tiết kiệm chi phí lắp đặt đường ống và máy bơm.

2.3.2. Phương án XỬ LÝ MÙI

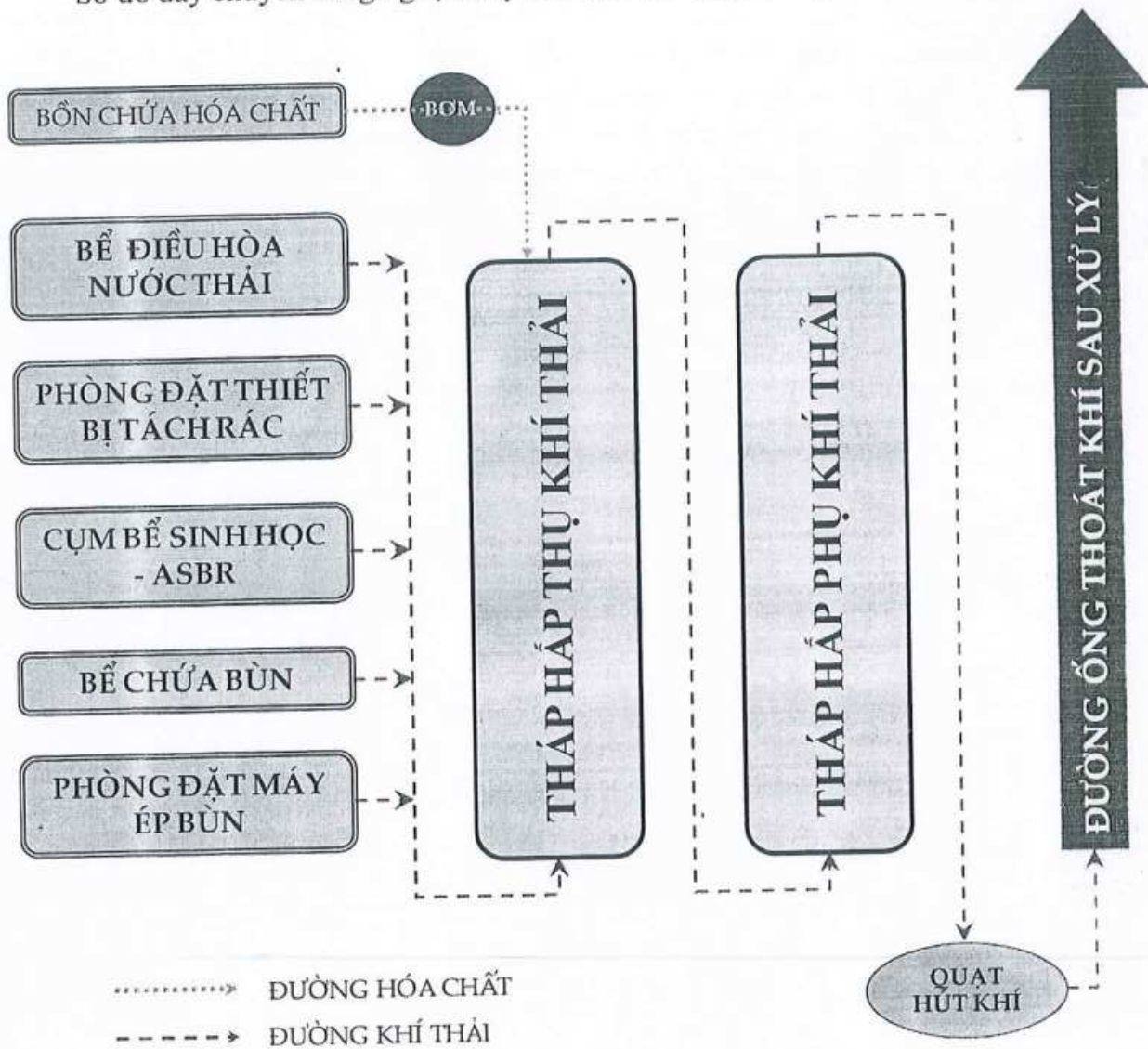
Thực tế cho thấy, các điểm phát sinh mùi trong hệ thống xử lý nước thải đô thị là: bể gom nước thải, bể điều hòa nước thải, bể xử lý sinh học. Thành phần khí ô nhiễm chủ yếu gồm: Sunfua (H_2S), Amoniac (NH_3),

Do vậy, nhiệm vụ đặt ra là phải xử lý triệt để các chất khí ô nhiễm này trước khi xả ra môi trường.

Giải pháp của của chúng tôi như sau: Thiết kế hệ thống thu gom và hút khí thải từ các nguồn phát sinh trong hệ thống xử lý nước thải và đưa về cụm tháp xử lý mùi thông qua quạt hút tạo áp suất âm.

Nguyên tắc hoạt động của hệ thống xử lý khí là tháp hấp thụ bằng hóa chất và sau đó hấp phụ khí thải bằng than hoạt tính. Sau khi đi qua hệ thống tháp xử lý mùi này, khí thải được làm sạch & được phóng không ra ngoài không khí.

Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý khí thải cho Trạm xử lý nước thải như sau:



Hình 2: Sơ đồ công nghệ HTXL khí thải từ HTXLNT Dự án Hải Đăng City

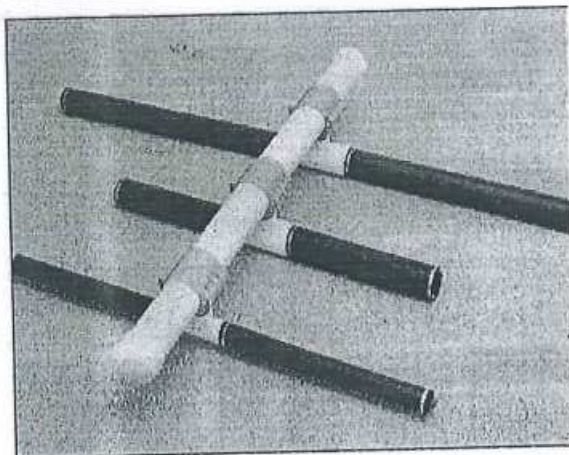
3. MÔ TẢ CÁC HẠNG CÔNG NGHỆ

Các hạng mục và quy trình xử lý xem chi tiết thuyết minh trong bảng sau:

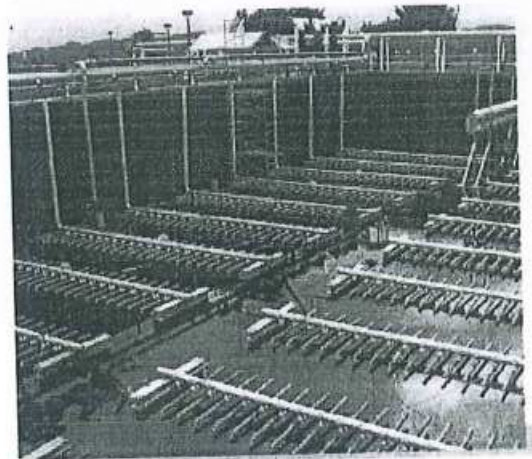
STT	HẠNG MỤC / THIẾT BỊ	MÔ TẢ KỸ THUẬT
I	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI	
1	Hệ thống phân phối khí đáy bể	Số lượng: 01 hệ thống Nhiệm vụ: Cung cấp khí thô để đảo trộn nước thải trong bể điều hòa để ổn định lưu lượng, thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm.
2	Bơm chìm nước thải	Số lượng: 02 cái, hoạt động luân phiên theo thời gian & mực nước

STT	HẠNG MỤC / THIẾT BỊ	MÔ TẢ KỸ THUẬT
		<u>Nhiệm vụ:</u> vận chuyển nước thải bể điều hòa sang cụm bể sinh học ASBR.
3	Phao đo mực nước	<u>Nhiệm vụ:</u> Điều khiển chế độ hoạt động của bơm nước thải.
4	Van điều khiển cấp nước	Số lượng: 02 van, loại van chặn, có motor. Mục đích: Điều khiển quá trình cấp nước vào bể ASBR trong chu kỳ nạp của bể. Chế độ: Hoàn toàn tự động theo chương trình cài đặt.
III	BỂ XỬ LÝ SINH HỌC DẠNG MỀ LIÊN TỤC - ASBR	
5	BỂ Selector (Bể thiếu khí)	Nước thải từ bể Điều hoà được bơm sang hệ thống các bể sinh học ASBR thông qua các van điều khiển, mục đích các van này là không chế lưu lượng nước thải cho phù hợp với các chu kỳ hoạt động của từng bể. Đầu tiên, nước thải sẽ đi vào ngăn Selector của bể ASBR. Tại đây, nước thải sẽ được trộn đều và tiếp xúc lớn nhất với bùn hoạt tính trong pha nạp của bể ASBR. Tại ngăn Selector, lượng C (chất hữu cơ) hấp thụ lên bùn hoạt tính là lớn nhất, đảm bảo cho quá trình oxy hoá ở pha sục khí là tốt nhất. <u>Số lượng:</u> 02 bể. Làm bằng bê tông cốt thép. 02 bể. <u>Nhiệm vụ:</u> Mỗi bể có 2 ngăn hoạt động nối tiếp để tạo sự khuấy trộn và nước thải + bùn hoạt tính tuần hoàn chạy theo tuần tự từ đầu bể đến cuối bể. Dưới đáy bể có thiết kế hệ thống phân phối khí, dạng thô để tạo sự xáo trộn dòng chảy, đảm bảo cho sự tiếp xúc của bùn hồi lưu và nước thải đầu vào là tốt nhất. 2 bể Selector có 2 đường ống dẫn khí khác nhau. Mỗi đường ống dẫn khí có 1 van tự động và 1 van tay. Van tự động sẽ đóng mở dựa theo chu kỳ hoạt động của bể ASBR tương ứng.
6	BỂ ASBR	Nước thải sau khi qua ngăn Selector sẽ tự chảy tràn vào bể ASBR. Tại đây xảy ra quá trình oxy hoá các chất ô nhiễm bởi các vi sinh vật - bùn hoạt tính, trong hoạt động sống của mình, vi sinh vật sẽ sử dụng các chất hữu cơ có trong nước thải làm thức ăn và để tổng hợp nên tế bào, kết quả là nước thải sẽ được làm sạch các chất ô nhiễm. <u>Số lượng:</u> 02 bể, có cấu tạo bằng bê tông cốt thép.

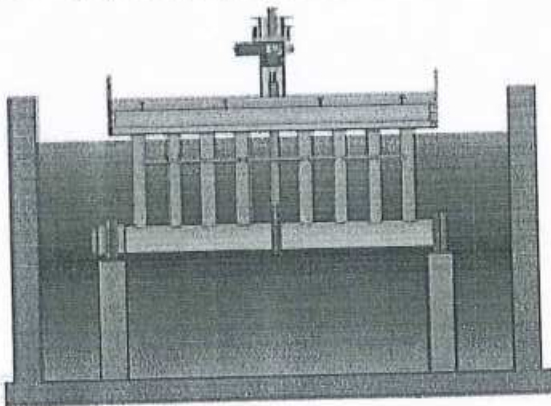
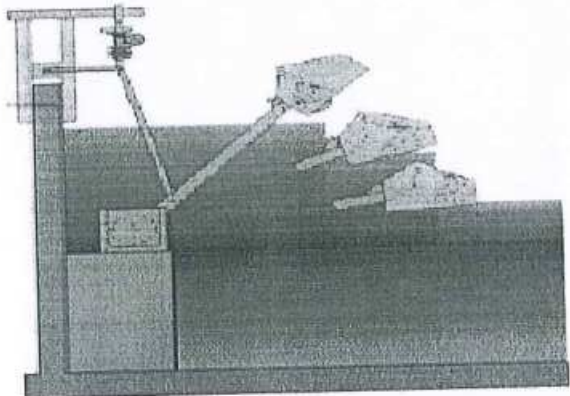
STT	HẠNG MỤC / THIẾT BỊ	MÔ TẢ KỸ THUẬT
		Dưới đáy bể có thiết kế hệ thống phân phối khí, đầu phân phối dạng màng mỏng, hình trụ/hoặc đĩa, bọt khí mịn, hiệu suất cao nhằm mục đích khuếch tán Oxy vào nước thải cho hoạt động sống của vi sinh vật. Mỗi bể ASBR sẽ có đường ống dẫn, cấp khí riêng biệt. Việc cấp khí được điều khiển thông qua 1 van tự động và 1 van tay. Van tự động sẽ đóng mở dựa theo chu kỳ hoạt động của bể ASBR tương ứng. Cuối bể là Decanter để hút nước sau xử lý ra trong chu kỳ lắng và hút nước của bể. Giữa bể có bố trí các bơm bùn hồi lưu về bể Selector và bơm bùn thải sang bể nén bùn. Chu trình làm việc của 01 bể ASBR bao gồm các pha: Điền nước + sục khí (phản ứng), Pha lắng và Pha rút nước. Việc xen kẽ hoạt động của các pha giữa 2 bể ASBR khiến cho nước thải đầu vào ra là liên tục. Với những ưu điểm vượt trội như đã phân tích về công nghệ ASBR. Hệ thống có thể đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra trong sạch đảm bảo tiêu chuẩn xả thải.
7	Hệ thống phân phối khí trong bể ASBR	<u>Nhiệm vụ:</u> Hệ thống phân phối khí bảo đảm cung cấp đủ oxy cho quá trình oxy hoá các chất ô nhiễm bởi hoạt động sống của các sinh vật có trong bùn hoạt tính. Ở đây, đề nghị sử dụng loại đầu phân phối khí Flexair – SSI/Mỹ hoặc EDI/Mỹ loại màng, dạng đĩa hoặc ống trụ, loại bọt khí mịn để đảm bảo hiệu suất chuyển hoá O₂ là cao nhất.



Available FlexAir Models



STT	HẠNG MỤC / THIẾT BỊ	MÔ TẢ KỸ THUẬT
8	Máy thổi khí	Máy thổi khí nhằm cung cấp Oxy cho quá trình Oxy hoá trong bể ASBR. Hệ thống máy thổi khí được đặt trong nhà thổi khí và được lắp các bộ giảm thanh đồng bộ chống ồn, chống rung. Hệ thống gồm 03 máy thổi khí, 02 máy hoạt động luân phiên hoạt động luân phiên. Cơ chế điều khiển này đơn giản, không phải kiểm soát lưu lượng khí hoặc tắt/bật máy liên tục, và nhờ vậy kéo dài tuổi thọ của máy. Khi lưu lượng khí cần cấp cho hệ thống thấp hơn thiết kế thì chỉ cần 1 máy chạy là đủ.
9	Bơm bùn tuần hoàn	● AUTOMATIC CONNECTION SIMPLIFIES MAINTENANCE One of the main reasons why ShinMaywa submersible pumps are so popular in Japan is because ShinMaywa Industries, Ltd., a pioneer manufacturer of submersible pumps first introduced its original automatic connection type pumps into the country. When the pump is lowered along with the guide pipe, it is automatically connected to the discharge pipe with discharge connection. To remove the pump, simply let it up out of the tank. No bolt, nut and packing are required for the connection. It is not necessary to enter the tank or evacuate the tank for removing the pump or loosening or tightening the bolts. ■ INSTALLATION SAMPLE Cable Lifting Chain Guide Holder Manhole Guide Pipe Pump Discharge Connection P TYPE Automatic Connecting Type CN80-P80B F TYPE Flange Connecting Type CN80-F80 Số lượng: 02 bơm/02bể. Mục đích: Bơm bùn này sẽ tuần hoàn bùn hoạt tính về ngăn Selector trong pha nạp của bể ASBR, nhằm đảm bảo hấp thụ tốt nhất các chất ô nhiễm lên bùn hoạt tính, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình oxy hoá ở pha sục khí. Loại bơm sử dụng là loại bơm chìm, chuyên dùng để bơm bùn lỏng, bơm được cung cấp kèm bộ ghép nối tự động-Autocoupling để thuận tiện cho việc bảo dưỡng. Mỗi bể có thiết bị đo mức để người vận hành kiểm soát mức nước trong bể, tránh tình trạng bể cạn nước.

STT	HẠNG MỤC / THIẾT BỊ	MÔ TẢ KỸ THUẬT
		Lưu lượng bùn qua bơm được điều khiển thông qua các van. Bùn tuần hoàn được bơm thẳng về bể Selector. Các thông số của bơm được điều khiển tự động hoàn toàn: Tự động hoạt động ở chế độ luân phiên Hiển thị tình trạng hoạt động của bơm Có thể chuyển sang chế độ vận hành bằng tay phụ thuộc vào yêu cầu của người vận hành.
10	Bơm bùn thải bể ASBR	<u>Số lượng</u>: 02bơm/02bể. Hoạt động gián đoạn, trong chu kỳ lắng hay decant của bể ASBR. <u>Mục đích</u>: Thải bỏ bùn hoạt tính dư sinh ra trong quá trình xử lý sinh học ở bể ASBR. Loại bơm sử dụng là loại bơm chìm, chuyên dùng để bơm bùn lỏng, bơm được cung cấp kèm bộ ghép nối tự động Autocoupling để thuận tiện cho việc bảo dưỡng. Các thông số của bơm được điều khiển tự động hoàn toàn: - Tự động hoạt động ở chế độ luân phiên - Hiển thị tình trạng hoạt động của bơm - Có thể chuyển sang chế độ vận hành bằng tay phụ thuộc vào yêu cầu của người vận hành.
 MAXI - RATE DECANter  MAXI-RATE DECANter		
11	Thiết bị tách nước	Sau khi nước thải được làm sạch bởi quá trình oxy hoá ở bể ASBR trong pha sục khí, sẽ đến giai đoạn lắng, diễn ra ngay trong bể. Bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy. Nước trong sau xử lý sẽ đi lên trên và

STT	HẠNG MỤC / THIẾT BỊ	MÔ TẢ KỸ THUẬT
		được tách ra khỏi bể ASBR để tới công đoạn khử trùng bởi một thiết bị tách nước – Decanter. Số lượng: 02 thiết bị (02 bể). Vật liệu: Inox INOX 304. Mục đích: Rút nước đã xử lý. (đồng thời ngăn chặn nổi đi vào dòng ra) Chế độ hoạt động: Tự động theo chương trình cài đặt.
12	Van tự động điều khiển bằng mô tơ điện hoặc khí nén cho đường ống khí cho bể ASBR	Kiểu van bướm. Vật liệu thân van bằng nhôm; vật liệu cánh van bằng Inox304; Bộ tác động điện bằng motor 1 pha, 220VAC/ 50Hz; Ứng dụng cho khí nén, nước sạch và nước thải; Chịu được môi trường nhiệt đới Việt Nam Van này được thiết kế để tự động đóng/mở đường ống dẫn khí từ dàn máy thổi khí tới từng bể ASBR theo chương trình cài đặt sẵn.
IV	KHỬ TRÙNG NƯỚC THẢI	
13	Bể khử trùng	Nước sau xử lý ở bể ASBR, được tách ra bởi thiết bị tách nước - Decanter sẽ tự chảy vào bể khử trùng. Tại đây, nước thải được hoà trộn lẫn với dung dịch khử trùng để loại bỏ hoàn toàn các vi sinh vật có thể gây hại tới sức khỏe con người, đồng thời cũng loại bỏ phần chất ô nhiễm còn sót lại. Bể khử trùng có các vách hướng dòng chảy, làm tăng chiều dài di chuyển để đảm bảo sự tiếp xúc của nước và chất khử trùng là tốt nhất. SAU QUÁ TRÌNH KHỬ TRÙNG, NƯỚC THẢI SẼ ĐẠT TIÊU CHUẨN XẢ THẢI VÀ SẼ ĐƯỢC XẢ RA MÔI TRƯỜNG TIẾP NHẬN. Số lượng: 01 bể, cấu tạo bằng bê tông cốt thép. Bể được chia làm nhiều ngăn để tạo sự khuấy trộn thủy lực tốt nhất.
14	Hệ thống chuẩn bị và định lượng dung dịch khử trùng	Hệ thống này bao gồm các bồn chứa dung dịch khử trùng và hệ thống bơm định lượng. Dung dịch NaClO được đề nghị làm dung dịch khử trùng do sử dụng an toàn, ít ăn mòn, không gây nhiều mùi và tương đối rẻ so với việc sử dụng Cl₂, O₃ hay đèn cực tím. NaClO dạng thương phẩm sẽ được vận chuyển đến

STT	HẠNG MỤC / THIẾT BỊ	MÔ TẢ KỸ THUẬT
		và bơm vào các bồn pha bằng composite. Các bơm định lượng sẽ bơm cấp hoá chất cho quá trình khử trùng, hoạt động tự động hay bằng tay.
15	Bơm nước sau xử lý	<u>Số lượng</u> : 02bơm. Hoạt động luân phiên. <u>Mục đích</u> : bơm nước sau xử lý vào hệ thống thoát nước của Thành phố. Loại bơm sử dụng là loại bơm chìm, chuyên dùng để bơm nước thải, bơm được cung cấp kèm bộ ghép nối tự động Autocoupling để thuận tiện cho việc bảo dưỡng. Các thông số của bơm được điều khiển tự động hoàn toàn: - Tự động hoạt động ở chế độ luân phiên - Hiển thị tình trạng hoạt động của bơm - Có thể chuyển sang chế độ vận hành bằng tay phụ thuộc vào yêu cầu của người vận hành.
16	Thiết bị đo mức ở bể Khử trùng	<u>Số lượng</u> : 01 bộ <u>Dạng phao</u> .
V	XỬ LÝ BÙN	
17	Bể chứa, nén bùn	Bùn dư sinh ra từ quá trình xử lý sinh học sẽ được bơm tới bể nén bùn sơ bộ để làm đặc hàm lượng bùn ở nồng độ thích hợp trước khi bơm tới thiết bị làm khô bùn. Dưới tác dụng của trọng lực, bùn sẽ tách lớp và lắng xuống dưới, phần nước trong sẽ tự chảy bể bể Điều hòa. <u>Số lượng</u> : 02 ngăn bể, cấu tạo bằng bê tông cốt thép một ngăn được cấp khí để ổn định bùn, ngăn thứ 2 chứa bùn sau ổn định Bùn từ bể ASBR được bơm tự động về bể bùn đã được nêu trong hoạt động của bể ASBR. Nước trong từ bể nén bùn, sẽ được thu gom về bể tiếp nhận nước thải đầu vào (Bể điều hòa) để xử lý. Bùn sau ổn định được hút định kỳ 6 tháng một lần
VI	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ	
18	Van điều khiển, van tay	Để điều khiển lưu lượng khí, nước thải và bùn.

STT	HẠNG MỤC / THIẾT BỊ	MÔ TẢ KỸ THUẬT
		Kích cỡ van theo chuẩn JIS, ISO.. Loại van sử dụng phù hợp với yêu cầu sử dụng: cho nước thải, khí nén, bùn, hoá chất.
19	Hệ thống đường ống công nghệ	Để vận chuyển khí, nước thải và bùn, hoá chất. Kích cỡ và độ dày theo yêu cầu thực tế, tuân theo các tiêu chuẩn hiện hành: JIS, ISO, DIN.. Vật liệu đường ống: Thép không gỉ SS304/PVC. Tuổi thọ sử dụng hàng chục năm.
20	Các thiết bị phụ trợ	Các thiết bị phụ trợ để lắp đặt đường ống, bao gồm: giá đỡ, bulong, đai ốc, mặt bích,.. làm bằng thép không gỉ loại INOX 304, PVC.
VII	CÁC HẠNG MỤC NHÀ CHỨC NĂNG	
21	Nhà quản lý vận hành	Được thiết kế để đảm bảo phục vụ đủ các nhu cầu: Quản lý, vận hành Trạm XLNT Đảm bảo chức năng sau: Phòng chứa tủ điện + điều khiển, khu vực làm việc - vận hành - điều khiển... Phòng chứa máy nhà máy thổi khí cấp khí cho hệ thống xử lý nước thải, đặt thiết bị xử lý khí.
VIII	CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ CÁC THIẾT BỊ KHÁC	
22	Cáp điện, máng cáp và các thiết bị điện khác	Các công việc lắp đặt cáp điện và máng cáp bao gồm: Lắp cáp điện và máng cáp cho hệ thống chiếu sáng trong và ngoài nhà, lắp đặt cáp, nối cáp, kiểm tra dây cáp, nối đất, bảo vệ quá áp của thiết bị điều khiển, điều chỉnh hệ số công suất... Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ thiết bị, chiếu sáng,... theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật lưu hành hiện tại
23	Các điều khiển logic lập trình được (PLC)	<u>Mục đích:</u> Kết nối với các thiết bị đo, tính toán, hiển thị các thông số vận hành và điều khiển các thiết bị chấp hành, bảo đảm các thiết bị trong Trạm XLNT hoạt động tự động và an toàn. Giúp dễ dàng trong công tác vận hành, điều khiển và quản lý Trạm XLNT.
24	Hệ thống ghi dữ liệu (DAS)	Hệ thống ghi dữ liệu DAS có giao diện với bảng điều khiển cục bộ gắn với PLCs qua cáp truyền dẫn. Hệ thống SCADA bao gồm máy tính, màn hình

4. KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI TÒA NHÀ

TT	Vấn đề xảy ra	Biện pháp xử lý
1	<u>Xây dựng:</u> Rất nhiều công trình nước thải tầng hầm bị thấm, rò rỉ từ trường bao bể ra khu tầng hầm gây rất nhiều khó khăn cho công tác chống thấm và vệ sinh sau khi đi vào vận hành.	Trong công tác xây dựng cần giám sát chặt chẽ công tác đổ bê tông và có biện pháp xử lý ngay khi hoàn thành công tác xây dựng bể để xử lý ngay triệt để hiện tượng thấm bể (nếu có)
2	<u>Công nghệ:</u> 1. Đối với các công trình tầng ngầm, nhất là công trình nước thải trong giải pháp công nghệ cần phải tính đến tình huống xảy ra sự cố ngập lụt, sự cố hệ thống gây tràn bể...VD như công trình Nước thải tại TT Hội nghị Quốc Gia... bị sự cố ngập nước năm 2008, năm 2010 2. Vấn đề xử lý mùi rất quan trọng trong công trình XLNT tại tầng hầm vì chỉ cần 1 lượng nhỏ khí thoát ra sẽ gây mùi rất lớn trong điều kiện tầng hầm.	Nhà thầu Việt Hàn đã tính đến phương án dự phòng và khắc phục tình trạng trên bằng cách thiết kế bơm dự phòng và đường bơm dự phòng để bơm nước thải ra ngoài hệ thống thoát nước (sau khi đã được khử trùng) trong trường hợp xảy ra sự cố như đã đề cập Nhà thầu đã đưa ra phương án thu mùi và xử lý mùi xử dụng phương pháp hấp thụ mùi bằng hóa chất khử mùi hiệu quả. Đảm bảo thu và xử lý mùi hiệu quả trước khi đẩy vào ống thông trên mái tòa nhà

B. QUY TRÌNH VẬN HÀNH

B.1 HỆ THỐNG ĐỘNG LỰC

I. VẬN HÀNH BẰNG TAY HỆ THỐNG ĐIỆN PHÒNG KỸ THUẬT

1. Nguyên lý làm việc của các thiết bị trong nhà máy:

- Các quy tắc trước khi vận hành:

- + Nắm vững các quy trình chung để đảm bảo an toàn điện
- + Nắm vững các bước cấp cứu người khi bị điện giật
- + Nắm vững các quy trình an toàn lao động phòng cháy chữa cháy
- + Nhà máy làm việc dựa vào việc điều khiển bật tắt các động cơ, hoạt động trong một thời gian nhất định theo yêu cầu công nghệ, trong cùng một thời điểm chỉ được phép khởi động một động cơ duy nhất, thời gian khởi động của các máy bơm là từ 3-10 giây. Sau khi khởi động bơm thứ nhất thì mới được bật bơm thứ 2. Riêng máy thổi khí thì chỉ được khởi động một máy tại một thời điểm.

+ Kiểm tra trạng thái đèn báo pha trên tủ động lực, điện áp các pha trên đồng hồ đo điện áp.

+ Kiểm tra trạng thái của tất cả các thiết bị điện trong tủ điện trước khi đóng aptomat tổng cấp điện cho toàn bộ các thiết bị trong tủ.

+ Kiểm tra ngoại quan động cơ, tủ điện, bảng điều khiển, hệ thống điện, hệ thống nước thải nhà máy trước khi vận hành nhà máy.

+ Vận hành hệ thống theo đúng quy trình công nghệ.

2. Quy trình vận hành các động cơ:

2.1. Máy thổi khí - MTK1, MTK2, MTK3, MTK4, MTK5

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCCB1, MCCB2, MCCB3, MCCB4, MCCB5, qua công tắc tơ Q1, Q2, Q3, Q4, Q5 rồi qua rơ le nhiệt (bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ MTK1, MTK2, MTK3, MTK4, MTK5 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa

- Gạt MCCB1, MCCB2, MCCB3, MCCB4, MCCB5 lên vị trí ON

- Khởi động M1, M2, M3, M4, M5 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là MTK1, MTK2, MTK3, MTK4, MTK5 ở cánh tủ động lực sang vị trí H.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, kiểm tra lại cột áp trong bể xử lý, đo dòng điện, điện áp giữa các pha rồi đưa ra biện pháp khắc phục.

- Khi động cơ đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng động cơ ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.2. Bơm nước sau xử lý- P401 và P402

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB6 và MCB7 qua công tắc tơ Q6 và Q7 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đầu rồi cấp điện cho động cơ M6 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa

- Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON

- Khởi động M6, M7 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là P401 và P402 cánh tủ động lực sang vị trí H.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.3. Máy nén khí MNK

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB8 qua công tắc tơ Q8 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đầu rồi cấp điện cho động cơ M8 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCB ở tủ động lực đã bật chưa

- Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON

- Khởi động M8 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là MNK cánh tủ động lực sang vị trí MAN.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.4. Bơm nước thải bể gom P101 và P102:

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB9, MCB10 qua công tắc tơ Q9, Q10 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M9, M10 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa

- Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON

- Khởi động M9 và M10 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng ở cánh tủ động lực sang vị trí H.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại role nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.5. Bơm nước thải bể điều hòa P201 và P202

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB11, MCB12 qua công tắc tơ Q11, Q12 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M11, M12 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa

- Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON

- Khởi động M11 và M12 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng ở cánh tủ động lực sang vị trí H.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại role nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.6. Bơm bùn tuần hoàn P301, P303; Bơm bùn thải bỏ P302, P304 của bể xử lý sinh học ASBR-1 và ASBR-2

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB13, MCB14, MCB15, MCB16 qua công tắc tơ Q13, Q14, Q15, Q16 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M13, M14, M15, M16 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa
- Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON
- Khởi động M13, M14, M15, M16 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là P301, P302, P303, P304 ở cánh tủ động lực sang vị trí H.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.7. Bơm định lượng hóa chất khử trùng: BDL 301, BDL 302

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB17, MCB18 qua công tắc tơ Q17, Q18 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đấu rồi cấp điện cho động cơ M17, M18 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa
- Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON
- Khởi động M17 và M18 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng ở cánh tủ động lực sang vị trí H.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rơ le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.8. Quạt hút QH501

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB21 qua công tắc tơ Q21 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đầu rồi cấp điện cho động cơ M21 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa
- Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON
- Khởi động M21 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là QH501 cánh tủ động lực sang vị trí H.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rô le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.9. Bơm hóa chất P501, P502, P503, P504

- Nguồn điện lấy từ aptomat tổng của tủ động lực cấp điện qua MCB22, MCB23, MCB24, MCB25 qua công tắc tơ Q22, Q23, Q24, Q25 tương ứng, qua role nhiệt (Bảo vệ động cơ khi quá tải), qua cầu đầu rồi cấp điện cho động cơ M22, M23, M24, M25 ngoài hiện trường.

- Kiểm tra MCCB ở tủ động lực đã bật chưa
- Gạt MCB tương ứng với bơm lên vị trí ON
- Khởi động M21 ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng là P501, P502, P503, P504 cánh tủ động lực sang vị trí H.

- Khi có sự cố quá tải, đèn màu đỏ tương ứng với động cơ bị lỗi sẽ sáng lên. Khắc phục sự cố: Chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S, vệ sinh sạch sẽ bơm, loại bỏ vật cứng, nilon bị kẹt trên cánh trục bơm. Khi vệ sinh xong, để khởi động lại bơm, ta reset lại rô le nhiệt tương ứng, sau đó khởi động lại bơm và theo dõi.

- Khi các bơm đang chạy mà aptomat bị ngắt: Động cơ bị ngắn mạch, kiểm tra cách điện giữa các pha.

- Dừng các bơm ta chuyển công tắc chuyển mạch tương ứng sang vị trí S.

2.11. Vận hành các van – VDK1, VDK2, VDK3, VDK4, VDK5, VDK6, VDK7, VDK8

- Nguồn điện 24VDC được lấy từ tủ điều khiển cấp điện qua các aptomat VDK1, VDK2, VDK3, VDK4, VDK5, VDK6.

- Riêng hai van VDK7 và VDK8 được cấp điện 220VAC lấy từ tủ điều khiển qua aptomat tương ứng

- Kiểm tra aptomat cấp nguồn tủ điều khiển đã bật chưa
- Gạt các aptomat VDK1 – VDK8 lên vị trí ON
- Chuyển công tắc chuyển mạch của VDK1, VDK2, VDK3, VDK4, VDK5, VDK6, VDK7, VDK8 ở cánh tủ điều khiển sang vị trí H.
- Khi van mở, đèn màu xanh sẽ sáng
- Khi van đóng, đèn màu đỏ sẽ sáng.

B.2 HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN GIÁM SÁT SCADA

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN HỆ THỐNG

I. Chức năng nhiệm vụ của hệ thống:

Hệ thống Tự động hoá xử lý nước thải dự án HD Mon thực hiện các nhiệm vụ:

- Giám sát hoạt động của toàn bộ hệ thống bao gồm trạng thái hoạt động, trạng thái lỗi của các thiết bị tự động trong hệ thống.
- Thực hiện chức năng điều khiển từ xa cho các thiết bị trong hệ thống: tự động hoặc bằng tay.

==> Nhằm vận hành hệ thống tự động từ phòng điều khiển trung tâm.

II. Lợi ích của hệ thống

- Giám sát và điều khiển tại phòng điều khiển trung tâm.
- Giảm chi phí và nhân công vận hành hệ thống.
- Điều khiển - Giám sát hệ thống liên tục.

III. Các thành phần của hệ thống

Hệ thống tự động hoá gồm 3 thành phần chính:

- Tủ điều khiển
- Máy tính điều khiển và giám sát
- Bảng điều khiển
- Các thành phần của hệ thống được kết nối với nhau và nối với thiết bị đo, thiết bị chấp hành ngoài hiện trường thông qua hệ thống mạng và cáp điều khiển.
- Mỗi thành phần có chức năng và nhiệm vụ riêng trong hệ thống.

3.1 Tủ điều khiển

- Tủ điều khiển có chứa bộ điều khiển PLC S7-1200, các role trung gian và các cầu đấu trung gian để ghép nối với thiết bị hiện trường và các thiết bị bên trong tủ động lực.
- Chức năng của bộ điều khiển PLC S7-1200 là thu nhận số liệu tự động, tính toán, hiển thị và đưa ra tín hiệu điều khiển các thiết bị chấp hành ngoài hiện trường.

Đây là thành phần quan trọng nhất của hệ thống.

3.2 Bảng điều khiển bằng tay

- Được bố trí trên cánh tủ điều khiển có chứa các đèn báo trạng thái và nút điều khiển cho các thiết bị hiện trường khi vận hành ở chế độ bằng tay.

- Trên bảng điều khiển có nút dừng khẩn cấp.

- Chức năng của bảng điều khiển là:

+ Chọn chế độ điều khiển Auto/Hand/Off

+ Điều khiển thiết bị ở chế độ bằng tay.

+ Dừng khẩn cấp khi hệ thống khi có sự cố nghiêm trọng.

3.3 Máy tính Điều khiển - Giám sát

- Nhiệm vụ của Máy tính là điều khiển và giám sát hoạt động của toàn bộ hệ thống tự động hoá.

- Với các thiết bị hoạt động ở chế độ tay, máy tính chỉ có chức năng giám sát hoạt động của hệ thống.

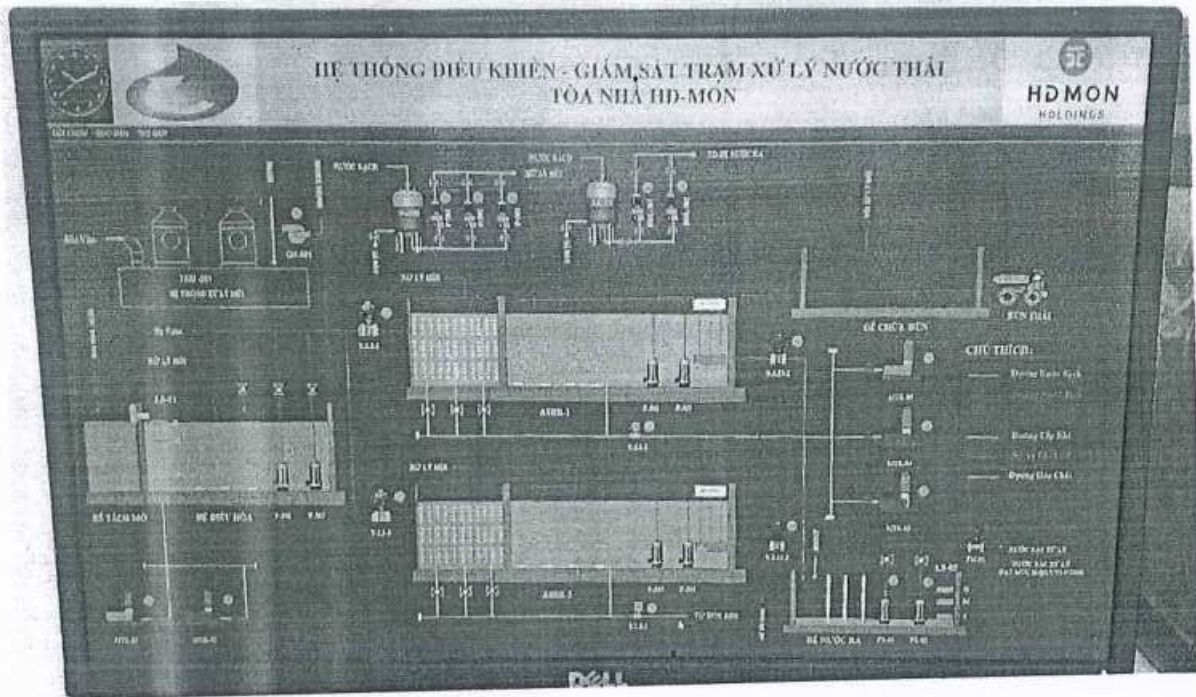
- Máy tính là thiết bị trực diện nhất và thường xuyên được sử dụng để vận hành hệ thống. Máy tính giúp người vận hành dễ dàng giám sát một cách bao quát toàn bộ hoạt động của hệ thống và điều khiển từ xa cho các thiết bị ở hai chế độ Tự động cũng như bằng tay trên máy tính.

- Máy tính là thiết bị đem lại hiệu quả vận hành cao nhất cho hệ thống.

CHƯƠNG 2 : VẬN HÀNH HỆ THỐNG TRÊN MÁY TÍNH

I. CÁC THAO TÁC VỚI MÀN HÌNH CHÍNH

- Sau khi máy tính được khởi động thì chương trình giám sát WinCC được tự động chạy. Sơ đồ công nghệ được thể hiện trong trang giao diện chính.



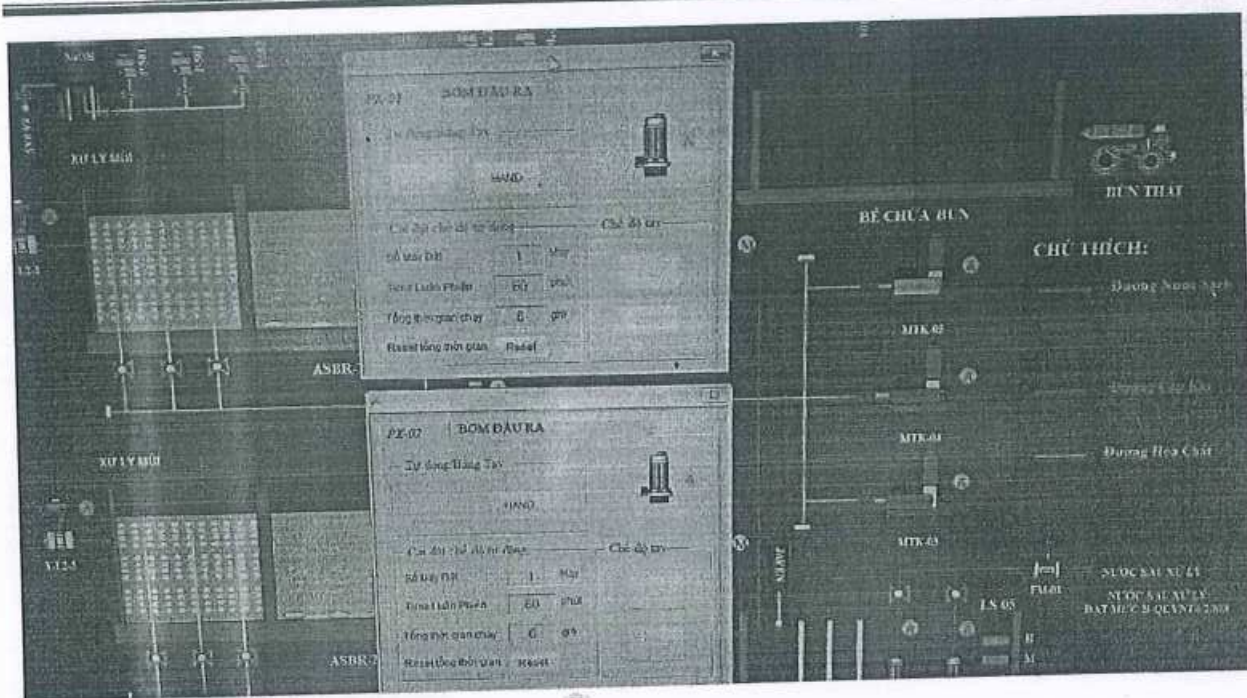
1.1 Các đối tượng trên màn hình

1.1.1 Hiện thị giá trị đo

- Các giá trị đo mức nước các bể được hiển thị trực tiếp tại vị trí các bể xử lý.
- Các giá trị này được cập nhật liên tục (online) theo các thiết bị đo ngoài hiện trường.

1.1.2 Các thiết bị điều khiển

- Với mỗi thiết bị điều khiển ngoài hiện trường được thể hiện bằng một biểu tượng trên màn hình điều khiển giám sát.
- Ở mỗi biểu tượng có thể hiện trạng thái hoạt động cũng như trạng thái lỗi của thiết bị đó nếu có. Với các thiết bị này ta có thể Click chuột vào để điều khiển.



1.1.3 Cảnh báo

Có chức năng báo động cho người vận hành biết khi thiết bị có lỗi, hệ thống có sự cố hay các giá trị đo vượt ra khỏi ngưỡng đặt trước.

- Cảnh báo lỗi hệ thống: nhấp nháy màu vàng, thông báo cho người vận hành biết trong hệ thống có thiết bị lỗi.
- Cảnh báo vượt ngưỡng: Nhấp nháy màu vàng ở cửa sổ hiển thị giá trị đo nhằm báo cho người vận hành biết giá trị đo hiện tại đó đang vượt ra khỏi dải đo cho phép đặt trước. Có hai ngưỡng cảnh báo: cảnh báo ngưỡng thấp và cảnh báo ngưỡng cao.

1.1.4 Thông báo

- Chế độ hoạt động: cho biết chế độ hoạt động hiện tại của hệ thống là Tự động (A) hay Bằng tay (H) hoặc tắt (S) Chế độ này được thay đổi bằng khoá chuyển chế độ Mode trên mặt bảng điều khiển.
- Ngày tháng: Hiển thị ngày tháng hiện tại mà hệ thống đang được Điều khiển, giám sát.
- Các thông tin này được hiển thị dưới dạng chữ và số.
- 1.2. Các thao tác cơ bản với màn hình chính
- **- Chuyển trang màn hình sơ đồ công nghệ:** Do cấu trúc của sơ đồ công nghệ và kích thước hiển thị của màn hình, trên màn hình máy tính chỉ thể hiện được một phần sơ đồ công nghệ. Để xem phần còn lại của sơ đồ công nghệ ta Click chuột trái vào biểu tượng có dấu >>>.

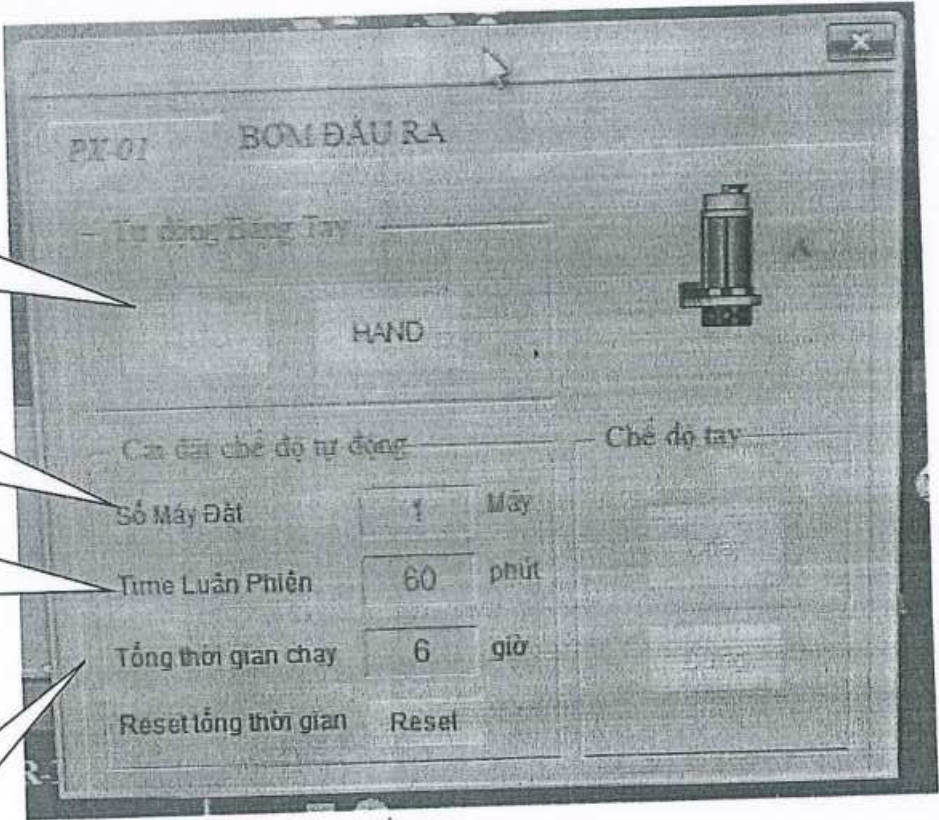
- **Gọi màn hình điều khiển thiết bị:** Với mỗi thiết bị điều khiển (Bơm, van, động cơ) trong hệ thống sẽ có một màn hình điều khiển riêng. Để gọi màn hình này, ta đưa chuột đến biểu tượng của thiết bị cho đến khi xuất hiện mũi tên màu xanh và Click chuột trái vào biểu tượng đó.

II. ĐIỀU KHIỂN CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN HÌNH TRONG HỆ THỐNG

Màn hình máy tính được sử dụng để giám sát hoạt động và trạng thái của tất cả các thiết bị trong hệ thống. Đối với các thiết bị, để có thể điều khiển trên màn hình máy tính thì thiết bị đó phải được chuyển trạng thái sang AUTO trên bảng điều khiển.

2.1. Điều khiển các thiết bị động cơ và bơm

Giao diện điều khiển tất cả các động cơ có cấu trúc như sau:



The screenshot shows a control window titled "BƠM ĐÁU RA". It includes a pump icon, a "HAND" label, and a table of settings. Callouts point to specific elements:

- Chọn chế độ vận hành: Auto/Hand**: Points to the "HAND" label.
- Lựa chọn số lượng thiết bị hoạt động**: Points to the "Số Máy Đắt" (Number of pumps) field, which is set to 1.
- Cài đặt thời gian đảo bơm luân phiên**: Points to the "Time Luân Phiên" (Rotation time) field, which is set to 60 minutes.
- Tổng thời gian thiết bị đã hoạt động**: Points to the "Tổng thời gian chạy" (Total running time) field, which is set to 6 hours.

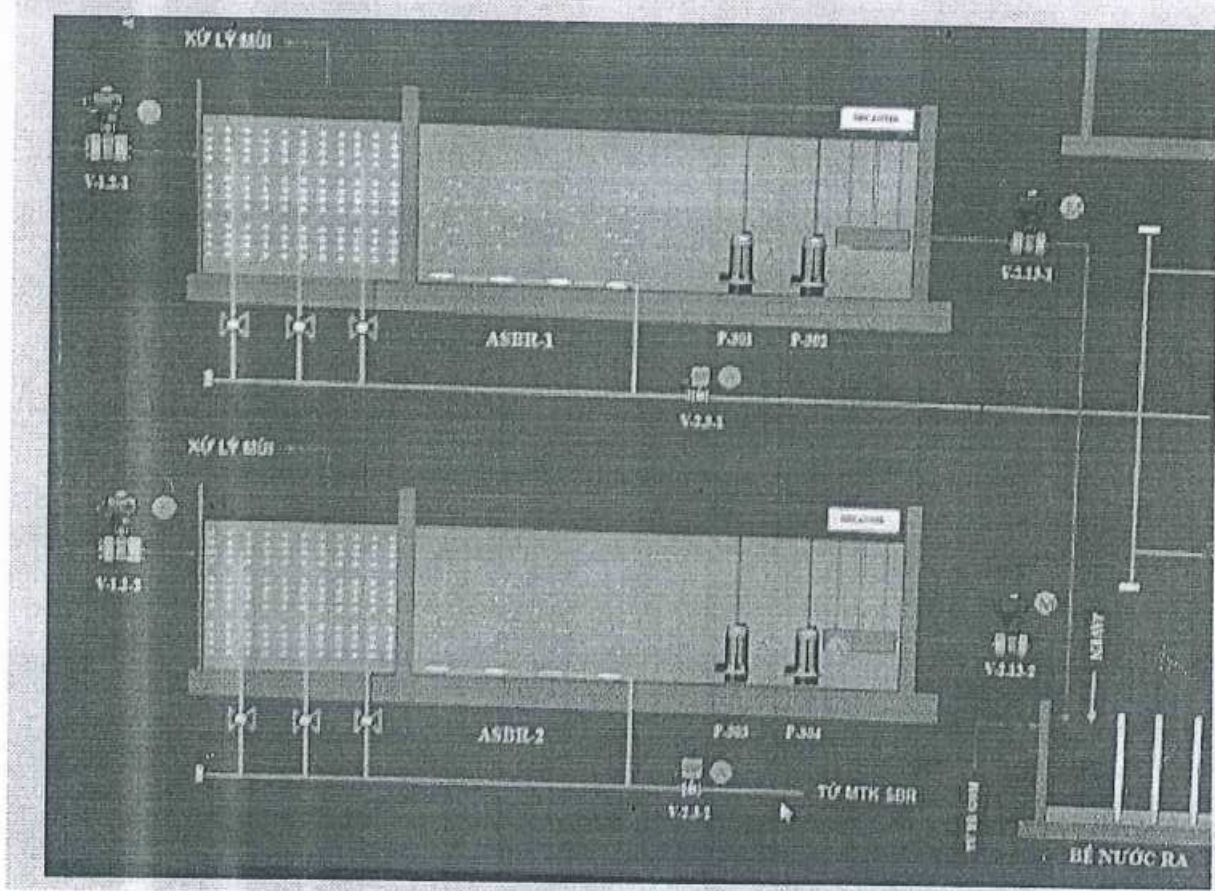
Cài đặt chế độ tự động		Chế độ tay
Số Máy Đắt	1	Máy
Time Luân Phiên	60	phút
Tổng thời gian chạy	6	giờ
Reset tổng thời gian	Reset	

Chức năng của các biểu tượng

- **Tên thiết bị:** Khi cần điều khiển thiết bị nào thì ta Click chuột trái vào biểu tượng của thiết bị đó trên màn hình giao diện chính, lúc đó giao diện điều khiển thiết bị sẽ hiển thị như trên và tên của giao diện chính là tên của thiết bị được điều khiển.

- **Tự động/Bằng tay:** Thông tin hiển thị cho phép điều khiển thiết bị từ bảng điều khiển. Lựa chọn trạng thái điều khiển.
- **Auto:** Cho phép chạy tự động từ hệ thống. Khi bấm vào biểu tượng này thì thiết bị được điều khiển sẽ chạy tự động theo quy trình của công nghệ và các tham số phụ thuộc của thiết bị (thời gian chạy, thời gian nghỉ, giá trị đặt, giá trị đo ..)
- **Hand:** Cho phép chạy bằng tay từ máy tính. Khi bấm vào biểu tượng này người vận hành có thể điều khiển hoạt động độc lập thiết bị từ máy tính qua các nút bấm Chạy và Dừng
- **Chạy:** Chạy thiết bị từ màn hình điều khiển ở chế độ Hand.
- **Dừng:** Dừng thiết bị từ màn hình điều khiển ở chế độ Hand.
- **Số máy đặt:** Lựa chọn số lượng thiết bị hoạt động.
- **Time luân phiên:** Thời gian thiết bị đảo luân phiên.
- **Tổng số thời gian chạy:** Tổng số thời gian thiết bị hoạt động.
- **Reset:** reset thời gian đếm tổng số thời gian hoạt động.

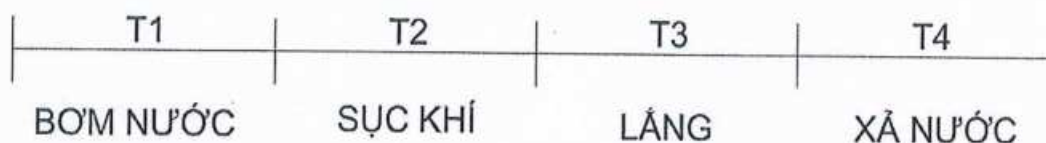
III. ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ BỂ XỬ LÝ SINH HỌC ASBR1



Bể ASBR1 gồm:

- Các thiết bị chấp hành: V-1.2-1/2, V-2.3-1/2, V-2.13-1, V-2.13-2
P301/302/303/304

Bể ASBR1 hoạt động liên tục theo chu kỳ thời gian thực, mỗi chu kỳ hoạt động trong vòng 6 tiếng/chu trình mẻ xử lý. Mỗi chu kỳ hoạt động của bể ASBR1 trải qua 4 công đoạn: bơm nước vào, sục khí, lắng, xả nước tại những thời điểm nhất định của quá trình theo đồ thị sau:



Một chu kỳ hoạt động của ASBR1

3.1 Cài đặt tham số chạy tự động cho bể ASBR 1

CHƯƠNG 3 : VẬN HÀNH HỆ THỐNG TRÊN BẢNG ĐIỀU KHIỂN

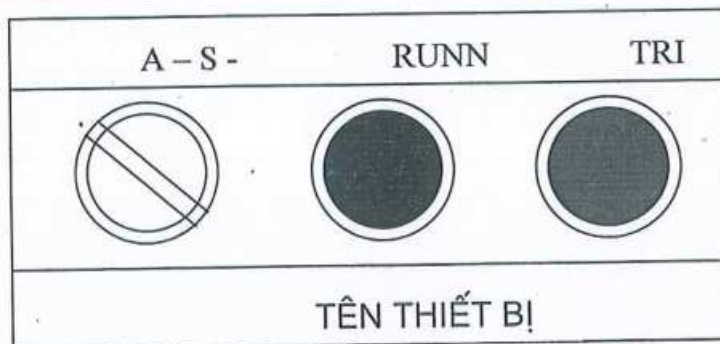
I. Chức năng:

- Điều khiển hệ thống trong trường hợp hệ thống điều khiển tự động bằng PLC bị lỗi hoặc do yêu cầu cần điều khiển hoạt động độc lập 2 thiết bị nào đó.
- Hiện thị trạng thái hoạt động của các thiết bị bằng đèn.
- Dừng khẩn cấp và tắt chuông khi hệ thống có lỗi.
- Chuyển chế độ vận hành giữa Tự động với PLC + Máy tính và bằng tay trên bàn phím tại tủ điều khiển.

II. Cách điều khiển thiết bị

Đối với mỗi thiết bị đều được bố trí một hệ thống bộ khóa chuyển mạch và nút bấm điều khiển bằng tay trên cánh tủ điều khiển.

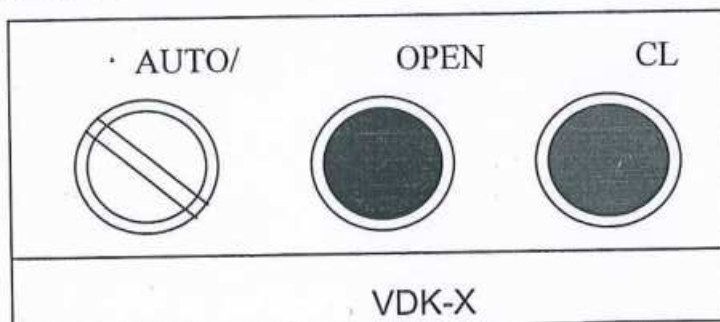
2.1. Đối với động cơ:



- Để điều khiển thiết bị bằng tay trên bảng điều khiển ta chuyển chế độ hoạt động của thiết bị từ AUTO (A) sang STOP (S) bằng khoá chuyển mạch.
- Để chạy thiết bị ta chuyển khoá chuyển mạch sang HAND (H).
- Để dừng thiết bị ta chuyển khoá chuyển mạch sang STOP (S).

Trong quá trình hoạt động của các thiết bị đèn báo màu “Xanh” tại RUNNING sẽ sáng, khi xảy ra lỗi thì đèn màu “Đỏ” tại TRIPPED sẽ sáng và chuông báo sẽ kêu để báo cho người vận hành biết để xử lý.

2.2. Đối với van điều khiển:



- Để điều khiển van điều khiển bằng nút ấn trên bảng điều khiển ta chuyển chế độ hoạt động của thiết bị từ AUTO sang HAND bằng khoá chuyển mạch.
- Để mở van ta ấn nút OPEN.
- Để đóng van ta ấn nút CLOSE.

Trong quá trình hoạt động của các van điều khiển đèn báo màu “Xanh” tại nút OPEN sáng báo rằng van đã được mở, khi đèn màu “Đỏ” tại nút CLOSE sáng báo rằng van điều khiển đã được đóng.

III. Dừng khẩn cấp và Reset Alarm

- Trong quá trình hoạt động của hệ thống, khi có bất kỳ sự cố nào ta có thể dừng tất cả hệ thống bằng cách ấn vào nút EMER.STOP trên bảng điều khiển. Sau khi khắc phục xong sự cố ta Reset lại nút dừng khẩn.

- Trong quá trình hoạt động của hệ thống, khi bất kỳ thiết bị nào bị lỗi thì chuông báo sẽ kêu.



PHẦN 4: BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG

I. Các sự cố thường gặp và cách khắc phục

STT	SỰ CỐ	DẤU HIỆU	NGUYÊN NHÂN	CÁCH KHẮC PHỤC
	Máy tính không hoạt động	-Bật máy nhưng không chạy. -Màn hình máy tính không hiển thị.	* Nguồn cấp chính cho máy tính chưa bật	* Kiểm tra lại nguồn trong tủ động lực
	Mất tín hiệu điều khiển từ máy tính	* Không điều khiển được trên máy tính * Trên màn hình không hiển thị các giá trị đo.	* Bộ điều khiển trong tủ điều khiển chưa cấp nguồn. * Chưa chuyển chế độ RUN cho bộ điều khiển * Cấp tín hiệu từ bộ điều khiển tới máy tính bị lỗi.	* Bật cầu chì cấp nguồn cho bộ điều khiển * Chuyển chế độ hoạt động của CPU sang chế độ RUN * Kiểm tra lại các chân cắm của dây cáp, của Card Ethernet vào trên máy tính, thay dây cáp khác nếu có hiện tượng bị đứt.
	Thiết bị không chạy khi đã được điều khiển.	* Đèn báo chạy của thiết bị đã sáng nhưng thiết bị không chạy.	* Kiểm tra APTOMAT cấp nguồn cho thiết bị trong tủ động lực hoặc APTOMAT cấp nguồn cho thiết bị ngoài hiện trường.	* Điều khiển tắt thiết bị trước, bật APTOMAT cấp nguồn rồi cho thiết bị chạy lại.
	Chuông báo lỗi kêu	* Đèn báo lỗi của thiết bị sáng (đèn đỏ) * Chuông kêu	* Do quá tải của thiết bị trong quá trình hoạt động nên Role nhiệt tác động.	* Tắt thiết bị, kiểm tra lại tình trạng của thiết bị, dòng bảo vệ của Role nhiệt sau đó Reset lại Role nhiệt.
	Máy thổi khí	Nghe tiếng kêu	* Tất cả các van khí bị	* Kiểm tra lại tình

	hoạt động có tiếng kêu lạ	khác thường	đóng lại * Thiết bị có sự cố	trạng lại các van, phải đảm bảo có ít nhất 1 van mở trước khi bật máy. * Kiểm tra lại máy thổi khí, liên lạc với nhà thầu nếu thấy có sự cố.
--	---------------------------	-------------	---------------------------------	---

* Các sự cố khác không khắc phục được cần liên lạc ngay với người có chuyên môn xử lý hoặc nhà thầu Việt Hàn.

II. Bảo dưỡng thiết bị

- Vệ sinh các thiết bị máy tính và bàn làm việc sạch sẽ sau mỗi ca làm việc.
- Dùng vải mềm và nước sạch vệ sinh đầu đo của các thiết bị đo theo định kỳ 2 tháng/ lần. Khi tháo các thiết đo cần phải tránh va chạm làm hỏng thiết bị, lúc vệ sinh cần tránh cọ sát mạnh và tránh dùng các hóa chất ăn mòn khác.

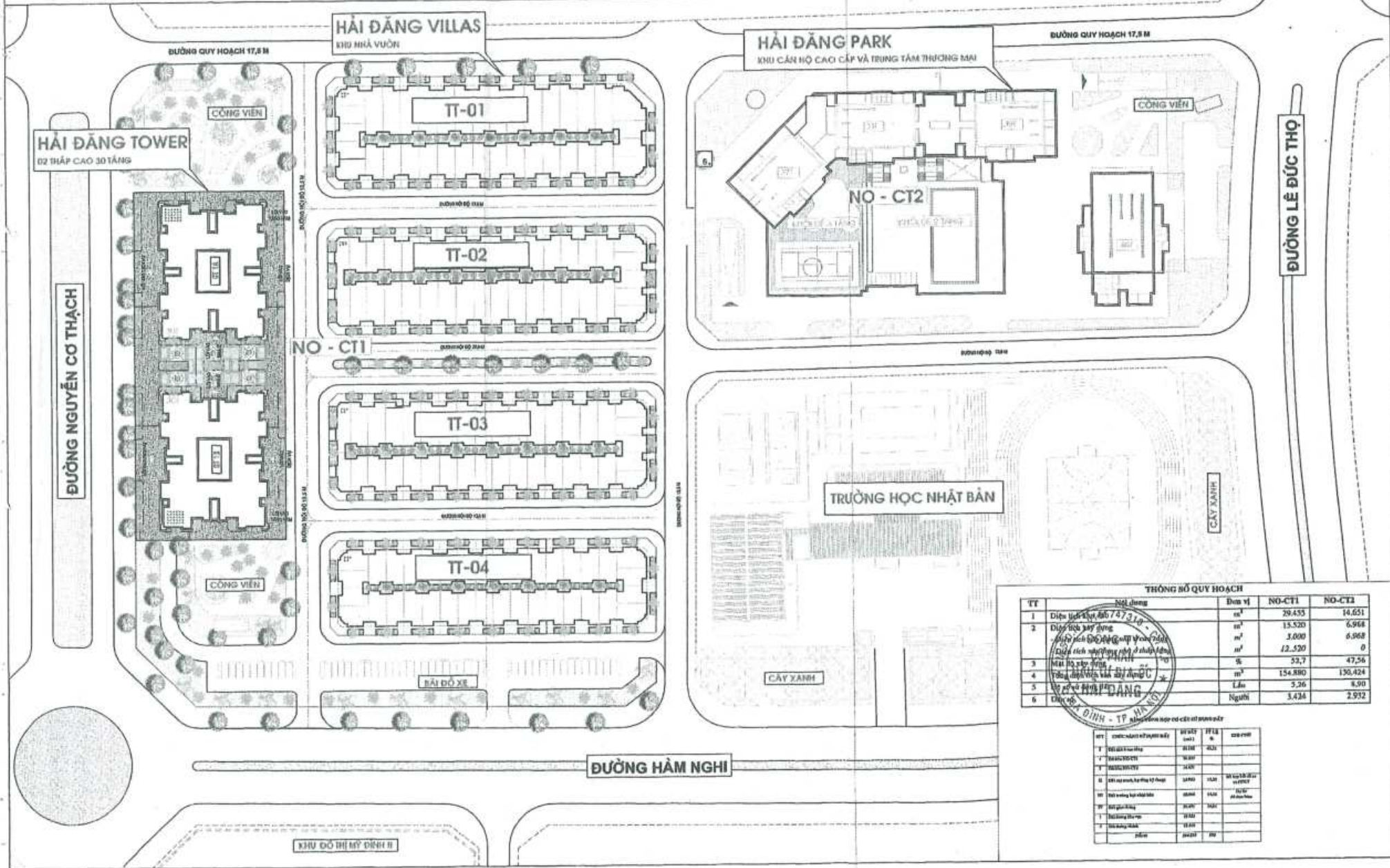
Các lưu ý khi vận hành trên máy tính.

1. Trong quá trình vận hành phải luôn chú ý trạng thái của các thiết bị để có thể khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố. (được thể hiện bằng màu sắc của các biểu tượng thiết bị trên giao diện).
2. Quá trình vận hành bằng tay trên màn hình điều khiển có thể gây ra các sự cố hoặc sai lệch so với quy trình công nghệ nên cần phải luôn để ý đến toàn bộ hệ thống (các thiết bị cũng như các bể chứa).
3. Các chương trình điều khiển, giám sát trên máy tính phục vụ mục đích giám sát theo dõi các thông số TXLNT. Tuyệt đối không xóa file, sửa file sử dụng máy tính với mục đích khác.

HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM: XÃ MỸ DÌNH, HUYỆN TỪ LIÊM VÀ PHƯỜNG MẠI DỊCH QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG

TỔNG MẶT BẰNG



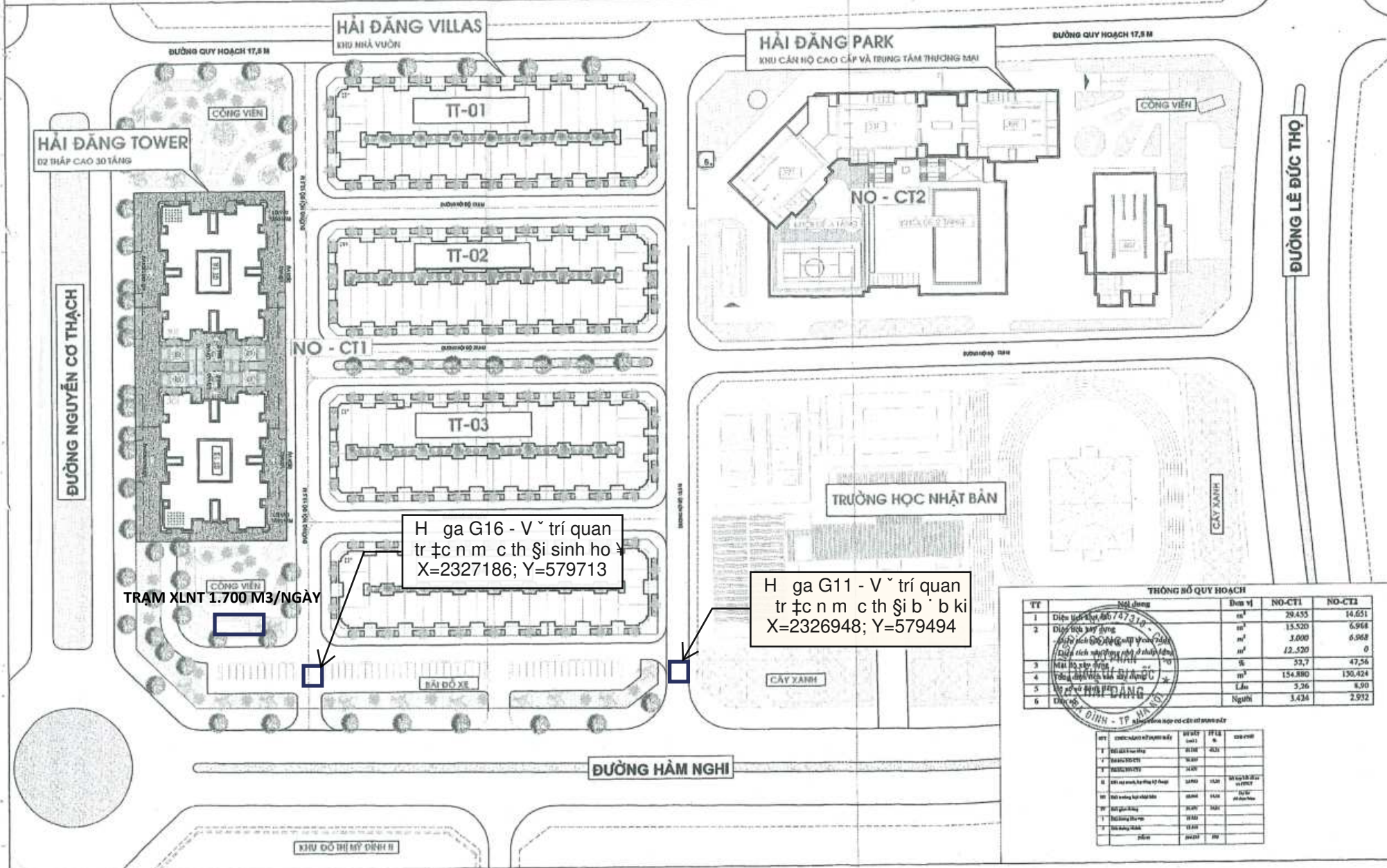
THÔNG SỐ QUY HOẠCH				
TT	Nội dung	Đơn vị	NO-CT1	NO-CT2
1	Diện tích khu đất 747,310	m ²	29.435	14.651
2	Diện tích xây dựng	m ²	15.520	6.968
3	Diện tích sân vườn	m ²	3.000	6.968
4	Diện tích mặt nước	m ²	12.520	0
5	Mật độ xây dựng	%	52,7	47,56
6	Tổng dân số	m ²	154.880	150.424
7	Tổng diện tích mặt nước	Lưu	5,26	8,90
8	Dân số	Người	3.434	2.932

STT	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
1	Biệt thự	10.000	1	10.000
2	Biệt thự	10.000	2	10.000
3	Biệt thự	10.000	3	10.000
4	Biệt thự	10.000	4	10.000
5	Biệt thự	10.000	5	10.000
6	Biệt thự	10.000	6	10.000
7	Biệt thự	10.000	7	10.000
8	Biệt thự	10.000	8	10.000
9	Biệt thự	10.000	9	10.000
10	Biệt thự	10.000	10	10.000

HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM: XÃ MỸ DÌNH, HUYỆN TỪ LIÊM VÀ PHƯỜNG MẠI DỊCH QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG

Sj V TRÍ QUAN TR C



TRẠM XLNT 1.700 M3/NGÀY

H ga G16 - V trí quan tr c n m c th ị sinh ho X=2327186; Y=579713

H ga G11 - V trí quan tr c n m c th ị b b ki X=2326948; Y=579494

THÔNG SỐ QUY HOẠCH				
TT	Nội dung	Đơn vị	NO-CT1	NO-CT2
1	Diện tích khu đất 747,310	m²	29.435	14.651
2	Diện tích xây dựng	m²	15.520	6.968
3	Diện tích sân bãi	m²	3.000	6.968
4	Diện tích sân bãi	m²	12.520	0
5	Mật độ xây dựng	%	52,7	47,56
6	Tổng dân số	m²	154.880	150.424
7	Diện tích sân bãi	m²	5,26	8,50
8	Diện tích sân bãi	Người	3.434	2.932

STT	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
1	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
2	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
3	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
4	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
5	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
6	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
7	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
8	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
9	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị
10	Loại hình	Đơn vị	TT	Đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

(Quyết toán)

DỰ ÁN	: HẢI ĐĂNG CITY
GÓI THẦU	: THI CÔNG PHẦN CÔNG NGHỆ HẠNG MỤC XỬ LÝ NƯỚC THẢI
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	: P.MỸ ĐÌNH 2 – Q.NAM TỪ LIÊM VÀ P.MAI DỊCH – Q.CẦU GIẤY – HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3
TƯ VẤN GIÁM SÁT	: CÔNG TY CỔ PHẦN TEXO TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
ĐƠN VỊ THI CÔNG	: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Sỹ Hoàn

TƯ VẤN QLDA

Hoàng Duy Khánh

TƯ VẤN GIÁM SÁT

Phạm Quang Dũng

NHÀ THẦU THI CÔNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trương Hoàng Năm

Hà Nội, Tháng Năm 2018

MẶT BẰNG VỊ TRÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐƯỜNG HÀM NGHI



C. T. Y. C. P. T. U. V. A. N. X. O. V. A. S. U. T. U. T. H. A. N. H. Đ. U. O. N. G.
ĐÃ THẨM TRA
Ngày... tháng... năm...
Phó Giám Đốc Kỹ...

HỆ CHỐNG		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI DĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HẠ
P. THÁNH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DIỄN CÔNG TRÌNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HẢI DĂNG CITY
P. MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN
OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC: DƯƠNG HOÀNG NAM
CHỦ TRƯỞNG: VŨ MINH ĐỨC
THIẾT KẾ: CAO VĂN TRƯỜNG
KIỂM TRA: NGÔ XUÂN HỒNG

G. ĐOÀN THỰC HIỆN:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG VỊ TRÍ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ: A2- 1/200
NGÀY: 22/2/2016
KÝ HẸU BẢN VẼ: TKBVIC-CN-00

ĐƯỜNG NGUYỄN CÔ THẠCH

ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC SAU XỬ LÝ - HDPE DN 125
KHÔNG THUỘC PHẠM VI CỦA NHÀ THẦU THI CÔNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

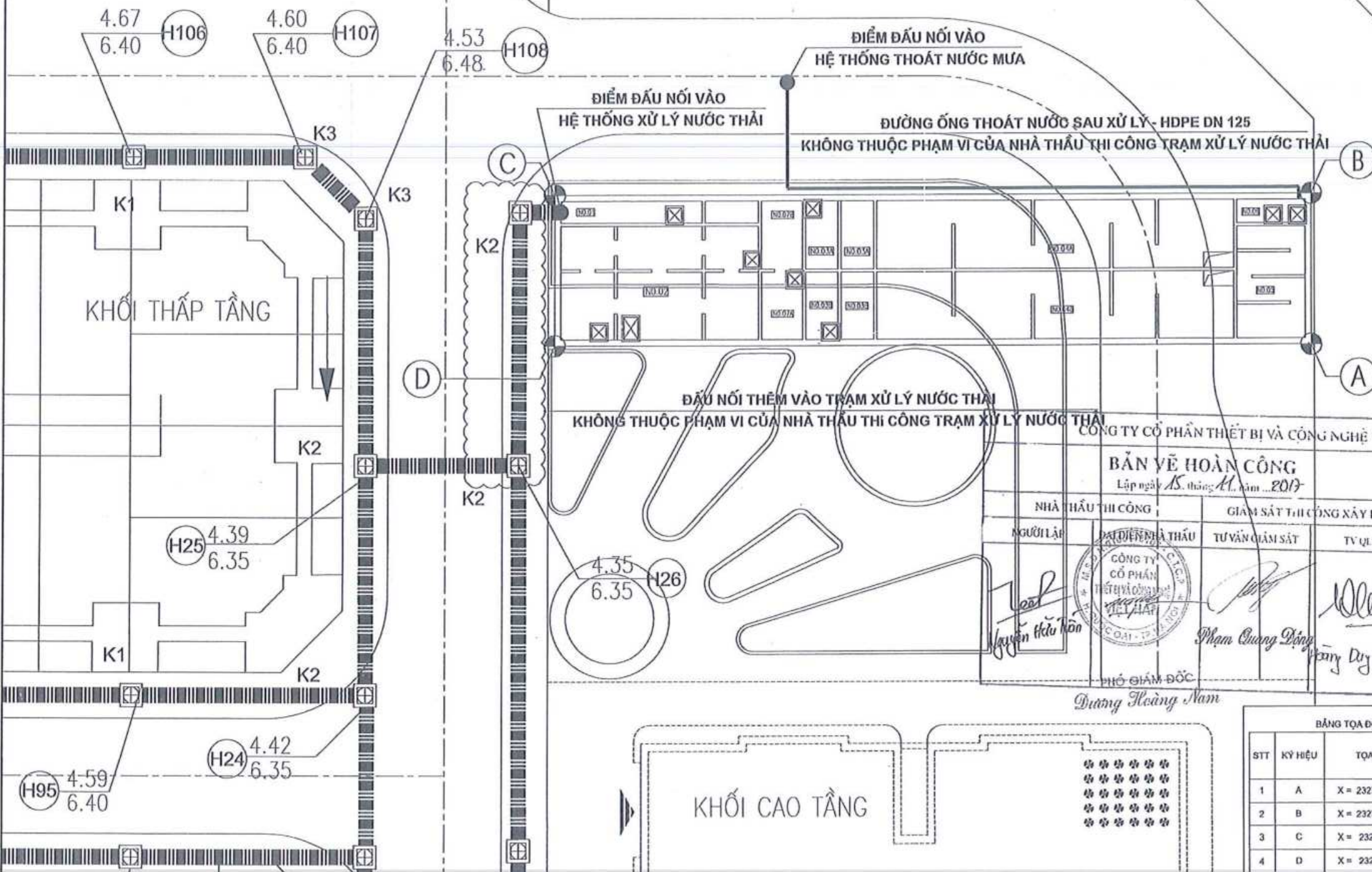
ĐẦU NỐI THÊM VÀO TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
KHÔNG THUỘC PHẠM VI CỦA NHÀ THẦU THI CÔNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017			
NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA	TƯ VẤN GIÁM SÁT	TV QLDA
Nguyễn Hữu Tôn	Phạm Quang Dũng	Nguyễn Duy Khánh	Ngô Ngọc Dũng
PHÓ GIÁM ĐỐC: Dương Hoàng Nam			

BẢNG TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH			
STT	KÝ HIỆU	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	A	X = 2327009.4324	Y = 579454.1406
2	B	X = 2327000.1118	Y = 579451.1130
3	C	X = 2326984.6186	Y = 579498.8098
4	D	X = 2326993.9392	Y = 579501.8374

KHOẢNG CAO TẦNG

KHOẢNG THẤP TẦNG



SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI HẢI ĐĂNG CITY
CÔNG SUẤT: 1700M3/NGÀY

1. XỬ LÝ YẾM KẾT, BỂ TÁCH MỖ & BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI

2. BỂ XỬ LÝ SINH HỌC ASBR

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017

SỐ HIỆU:

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đường Hoàng Nam

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

CHỦ ĐẦU TƯ:

HĐMON HOLDINGS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HÀ
P. THÁNH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

HĐMON HOLDINGS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HÀ
P. THÁNH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN CÔNG TRÌNH:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM:
P. MỸ DÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

OFFICE: TOWER A, TOWER B, BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC
DƯƠNG HOÀNG NAM

CHỦ TRÌ TK:
VŨ MINH ĐỨC

THIẾT KẾ:
CAO VĂN TRƯỜNG

KIỂM TRA:
NGO XUÂN HỒNG

G.ĐOÀN THỰC HIỆN:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

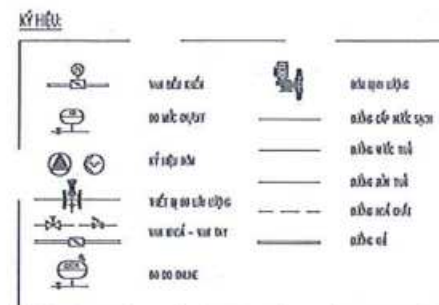
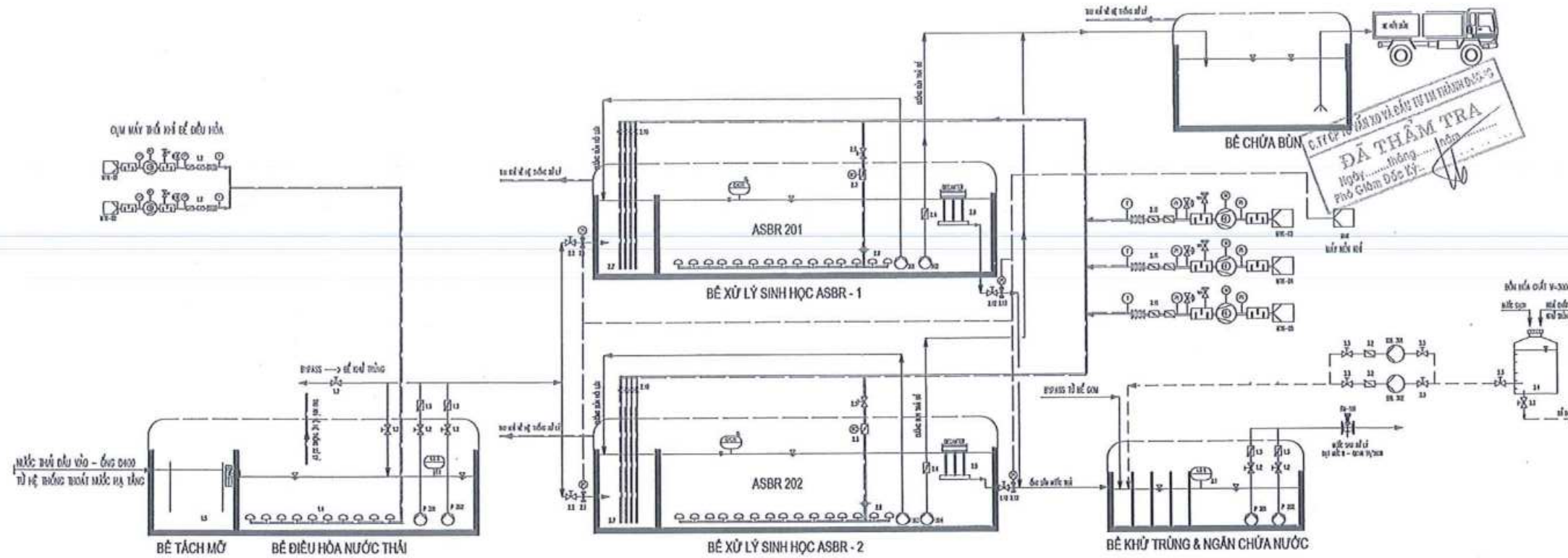
TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TXLNT

TỶ LỆ:
A2 - KTL

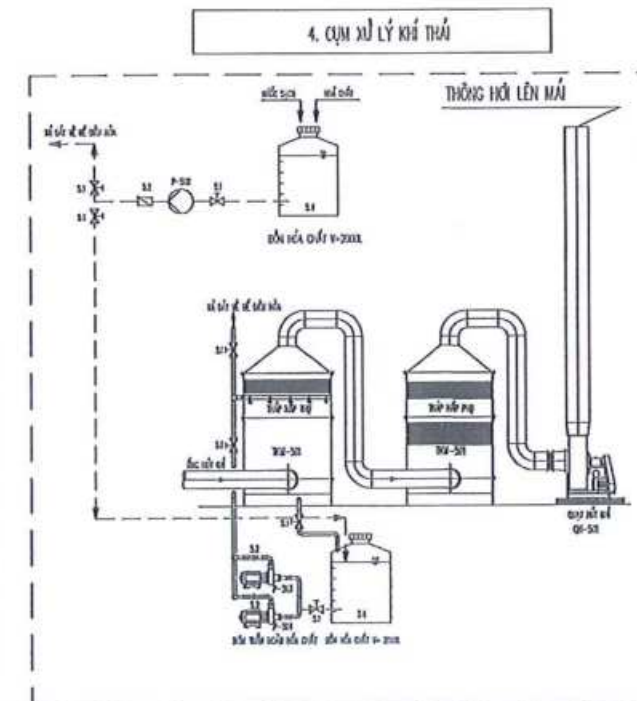
NGÀY:
12/2016

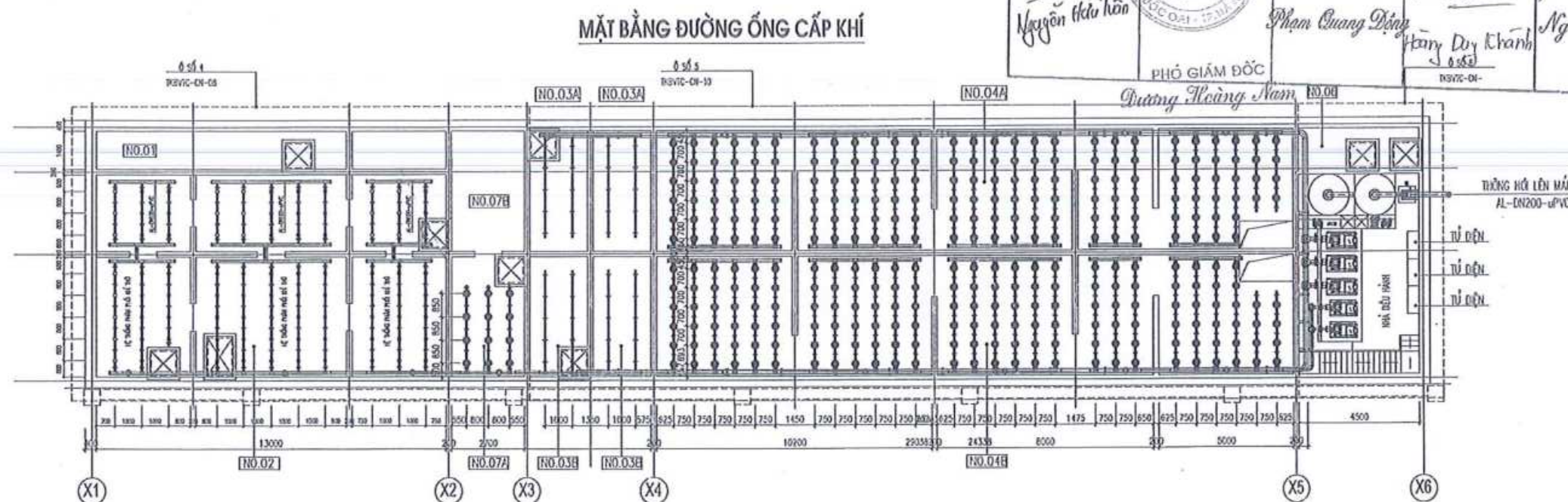
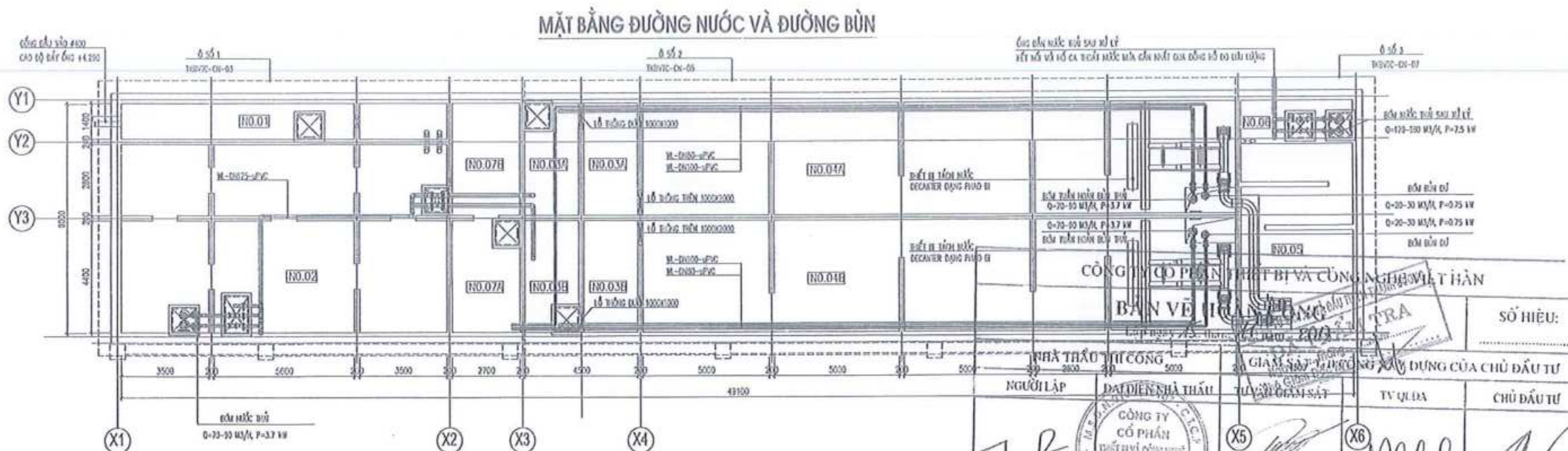
KÝ HIỆU BẢN VẼ:
TKBVC- CN - 01



GHI CHÚ:

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH THIẾT KẾ	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH THIẾT KẾ	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH THIẾT KẾ	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH THIẾT KẾ	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH THIẾT KẾ
1.1	Thiết bị bơm nước	2.1	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.7	Hệ thống phân phối nước thải ASBR	3.1	Thiết bị bơm nước thải ASBR	4.1	Thiết bị bơm nước thải ASBR
1.2, 1.3	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.2	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.8	Hệ thống phân phối nước thải ASBR	3.2	Vật liệu xây dựng bể ASBR	4.2	Vật liệu xây dựng bể ASBR
1.4	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.3, 2.10	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.9	Thiết bị phân phối nước thải ASBR	3.3	Vật liệu xây dựng bể ASBR	4.3	Vật liệu xây dựng bể ASBR
1.5	Hệ thống phân phối nước thải ASBR	2.4, 2.11	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.10	Vật liệu xây dựng bể ASBR	3.4	Vật liệu xây dựng bể ASBR	4.4	Vật liệu xây dựng bể ASBR
P-101, P-102	Bơm nước thải ASBR	2.5, 2.12	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.11	Vật liệu xây dựng bể ASBR	3.5	Vật liệu xây dựng bể ASBR	4.5	Vật liệu xây dựng bể ASBR
P-103, P-104	Bơm nước thải ASBR	2.6	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.12	Vật liệu xây dựng bể ASBR	3.6	Vật liệu xây dựng bể ASBR	4.6	Vật liệu xây dựng bể ASBR
P-105, P-106	Bơm nước thải ASBR	2.7	Vật liệu xây dựng bể ASBR	2.13	Vật liệu xây dựng bể ASBR	3.7	Vật liệu xây dựng bể ASBR	4.7	Vật liệu xây dựng bể ASBR





HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HÀ
P. THẠNH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM:
P. MỸ DÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỮNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC	
CHỦ TRƯỞNG	
THIẾT KẾ	
KIỂM TRA	

G.ĐOẠN THỰC HIỆN:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC,
CẤP KHÍ, ĐƯỜNG THU KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/200

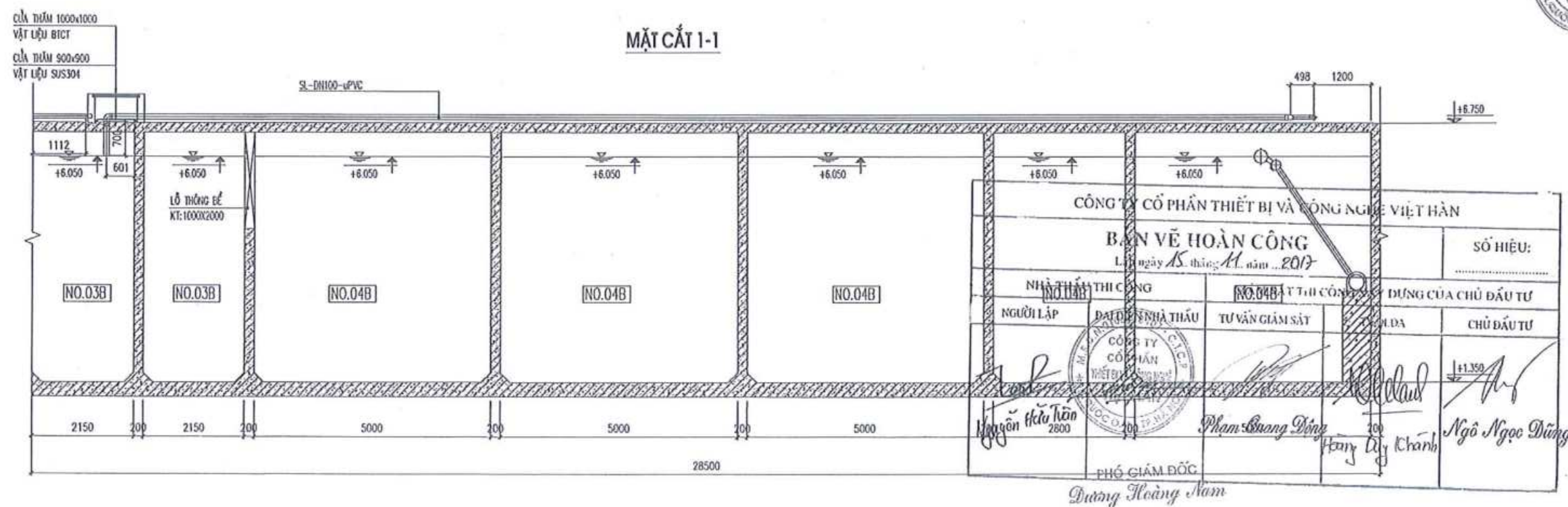
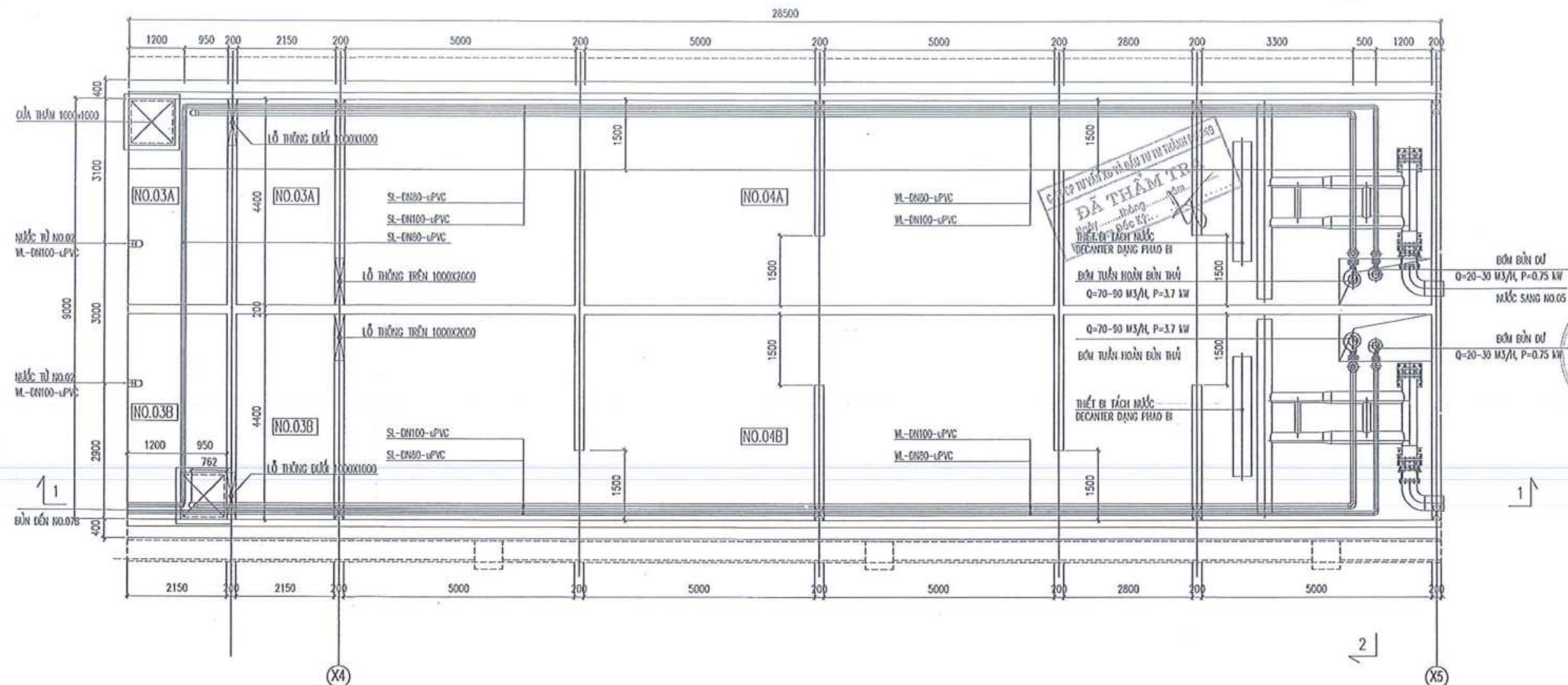
NGÀY: 12/2016

KÝ HỮU BẢN VẼ: TKBVC-CN-02

CHÚ THÍCH:

- NO.01: BỂ TÁCH RÁC VÀ DẦU MỠ
- NO.02: BỂ ĐIỀU HÒA
- NO.03A/B: BỂ THIẾU KHÍ
- NO.04A/B: BỂ HỮU KHÍ
- NO.05: BỂ KHỬ TRÙNG
- NO.06: BỂ XẢ THẢI
- NO.07A/B: BỂ CHỨA BÙN

Ô SỐ 2
MẶT BẰNG CỤM BỂ NO.03-NO.04



HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HẠ
P. THÁNH CÔNG - Q. BÀ ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM:
P. MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC	DƯƠNG HOÀNG NAM
CHỦ TRÌ TK:	VŨ MINH ĐỨC
THIẾT KẾ:	CAO VĂN TRƯỜNG
KIỂM TRA:	NGÔ XUÂN HỒNG

G.ĐOÀN THỰC HIỆN:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

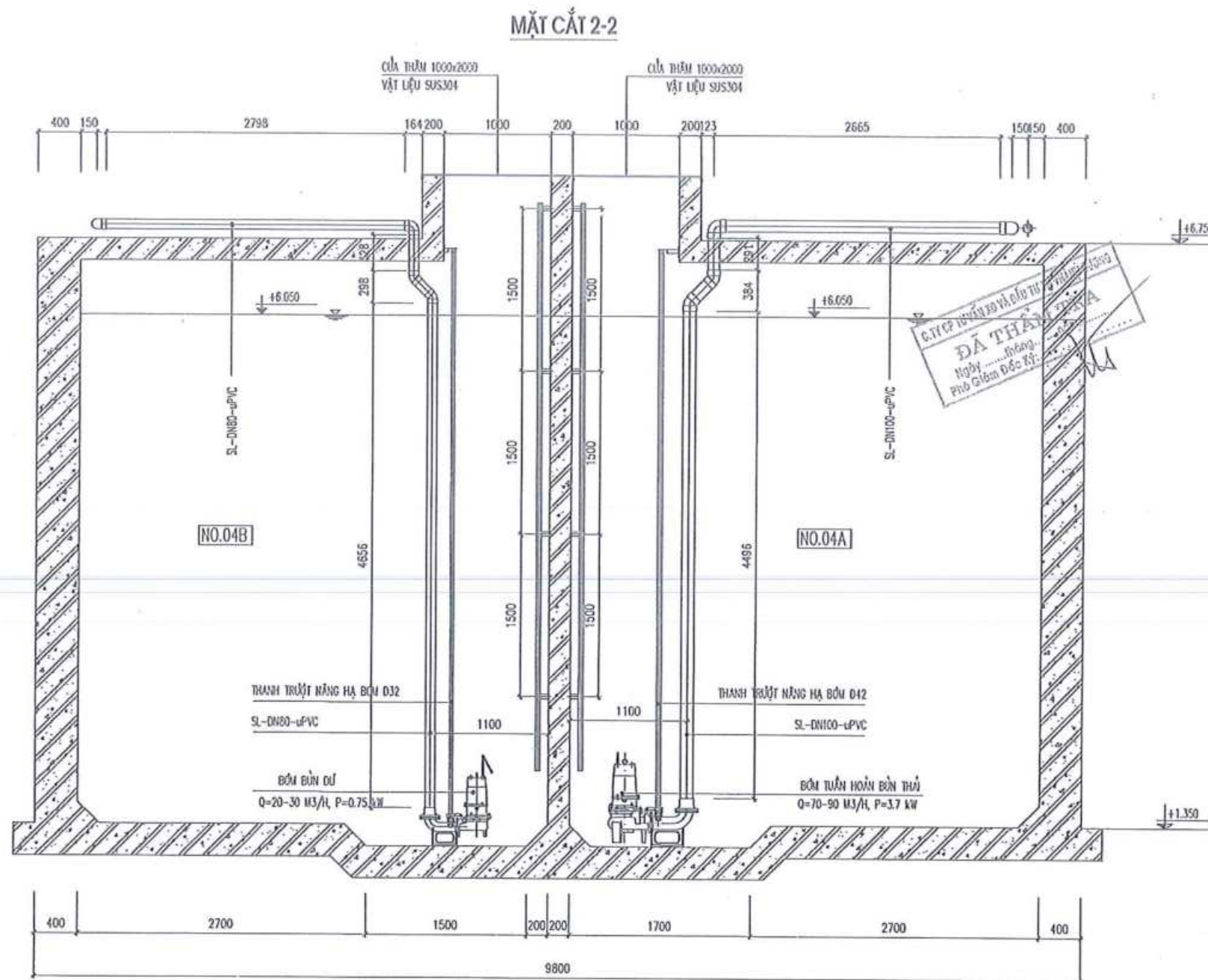
TÊN BẢN VẼ:

CỤM BỂ NO.03-NO.04
MẶT BẰNG, MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ: 1/100

NGÀY: 12/2016

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TKVTC-CN-05



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN				
BẢN VẼ HOÀN CÔNG				SỐ HIỆU:
Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017				
NHÀ THẦU THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	TƯ VẤN GIÁM SÁT	TƯ QUẢN	CHỦ ĐẦU TƯ
 Nguyễn Hữu Tuấn	 PHÓ GIÁM ĐỐC Dương Hoàng Nam	 Phạm Quang Dũng	 Hoàng Duy Khánh	 Ngô Ngọc Dũng

CHÚ THÍCH

NO.01A/B: BỂ HỮU KHÍ
CHỈ CHỮ

- COS CAO ĐỘ +6.750 TƯƠNG ỨNG VỚI COS CAO ĐỘ MẶT BẾ TXUNT (TRỪ BẾ ĐIỀU HÒA, TÁCH MỖ)
- COS CAO ĐỘ +5.950 TƯƠNG ỨNG VỚI COS CAO ĐỘ MẶT BẾ CỤM ĐIỀU HÒA, TÁCH MỖ
- COS CAO ĐỘ +1.350 TƯƠNG ỨNG VỚI COS CAO ĐỘ ĐÁY BỂ (TRỪ BẾ ĐIỀU HÒA, TÁCH MỖ)
- COS CAO ĐỘ +0.350 TƯƠNG ỨNG VỚI COS CAO ĐỘ ĐÁY BẾ CỤM ĐIỀU HÒA, TÁCH MỖ
- CÁC KÍCH THƯỚC CHỈ TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MM, TRỪ KHI CÓ CHỈ CHỮ KHÁC
- SL: KÝ HIỆU DƯỜNG ỐNG DÙNG VẬN CHUYỂN BÚN
- TRONG QUÁ TRÌNH LẮP ĐẶT, CHÚ Ý LẮP ĐẶT ĐÚNG CHÉU CỦA VAN 1 CHÉU, BỐ TRÍ CÁC THIẾT BỊ, VAN TAY HỘP LỖ, DẪN DẪNG KHI THAO TÁC.

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HÀ
P. THANH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI



ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM:

P. MỸ DÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC	DƯƠNG HOÀNG NAM	
CHỦ TRÌ TK:	VŨ MINH ĐỨC	
THIẾT KẾ:	CAO VĂN TRƯỜNG	
KIỂM TRA:	NGÔ XUÂN HỒNG	

G. ĐOÀN THỰC HIỆN:

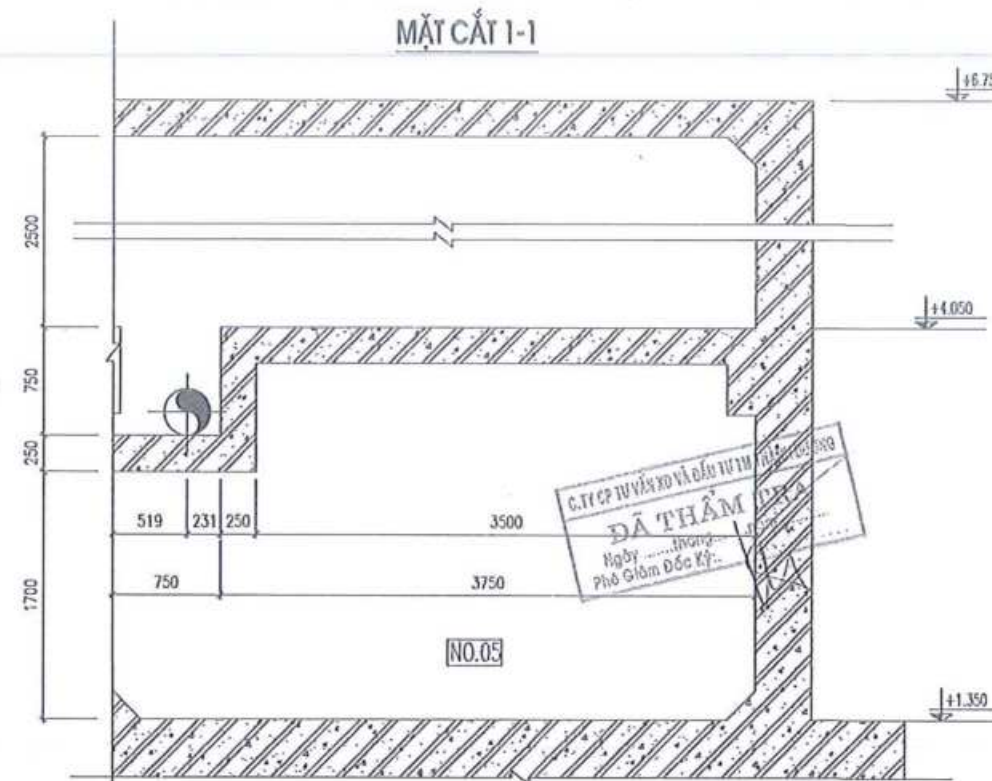
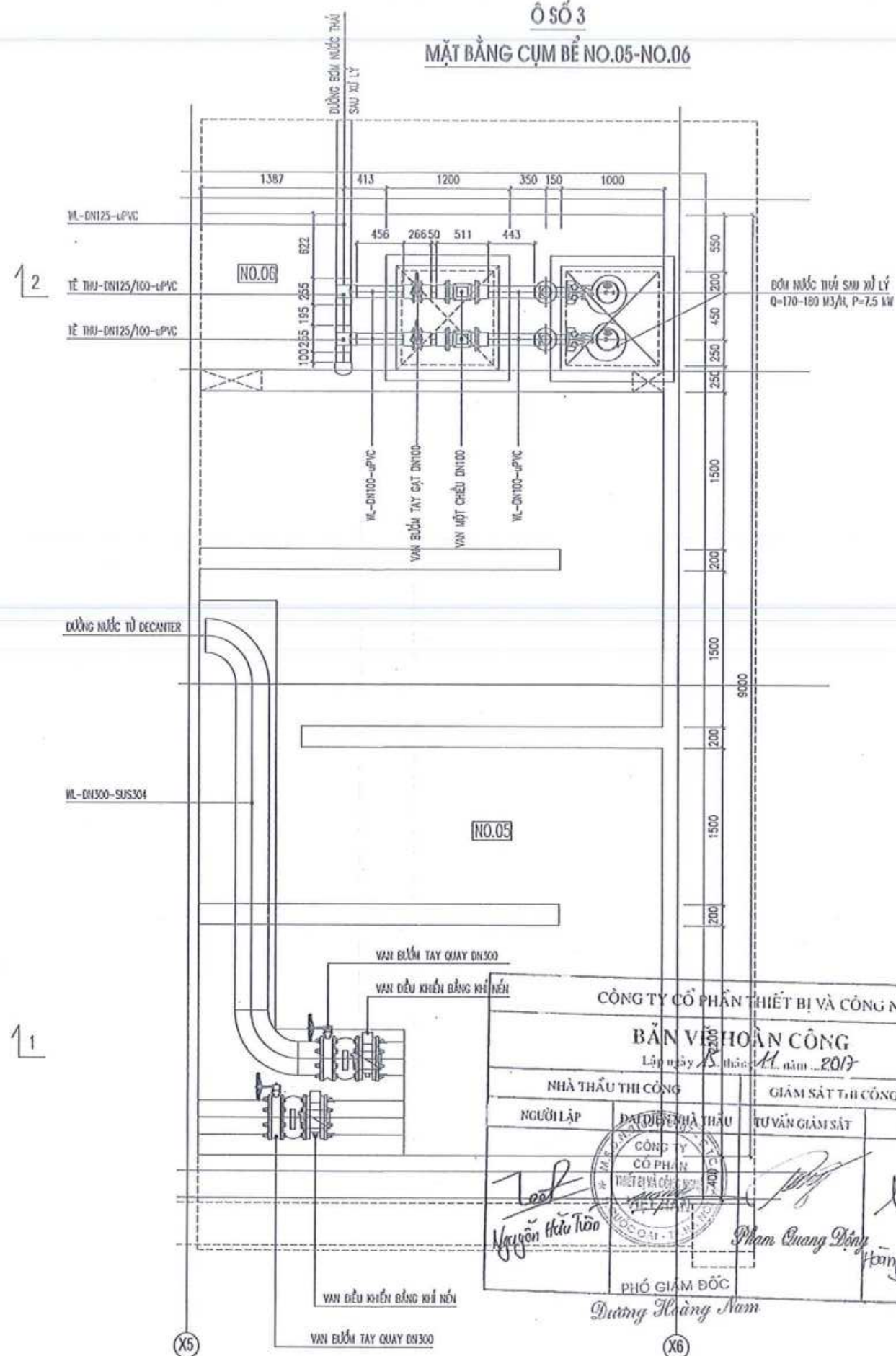
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ:	CỤM BỂ NO.03-NO.04 MẶT CẮT 2-2
--------------------	-----------------------------------

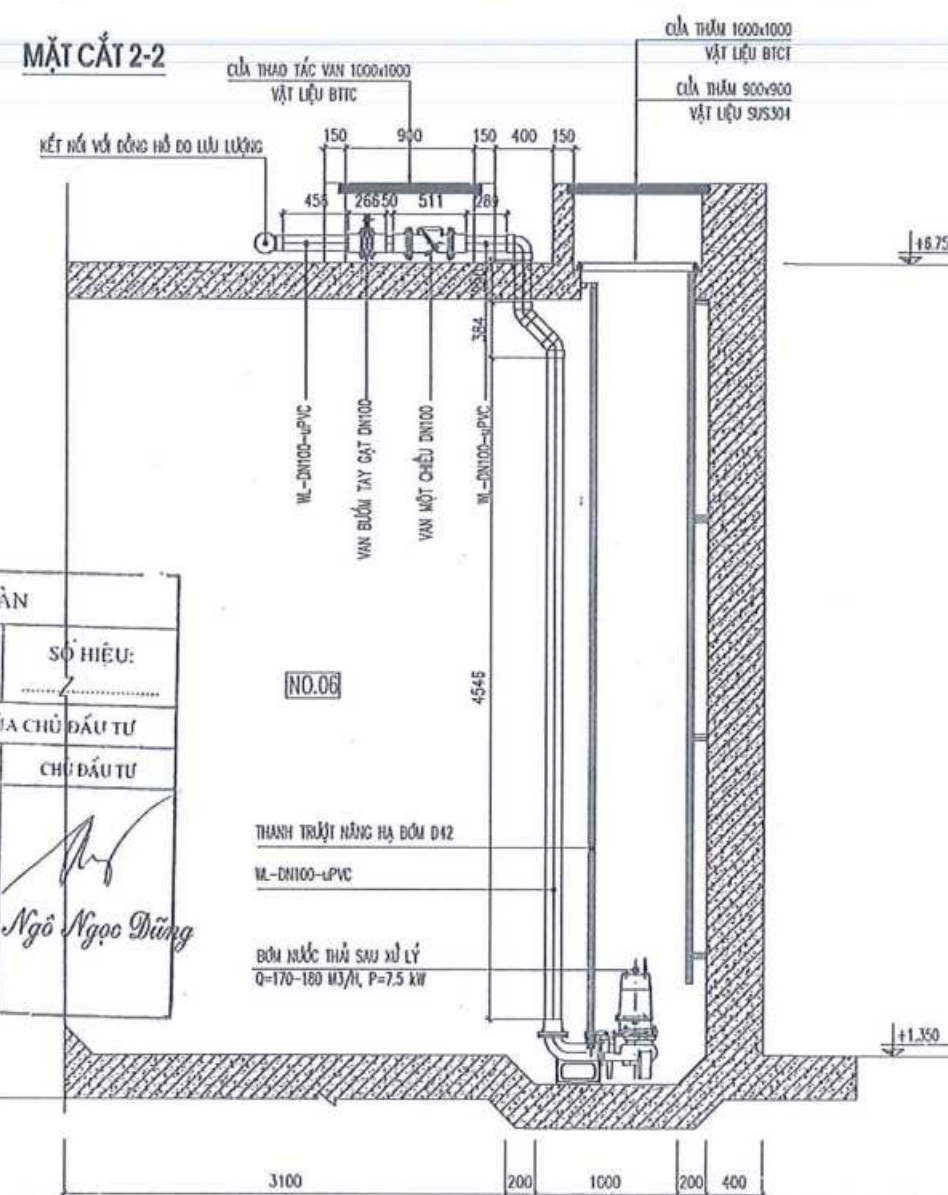
TỶ LỆ:	1/100
NGÀY:	12/2016
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TKBVC- CN-06

Ô SỐ 3
MẶT BẰNG CỤM BỂ NO.05-NO.06

MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017

SỐ HIỆU: 1

NHÀ THẦU THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	TƯ VẤN GIÁM SÁT	TY QUA	CHỦ ĐẦU TƯ
<i>Nguyễn Hữu Toàn</i>	<i>Phạm Quang Dũng</i>	<i>Nguyễn Duy Khánh</i>	<i>Ngô Ngọc Dũng</i>	
PHÓ GIÁM ĐỐC				
<i>Dương Hoàng Nam</i>				

HỆ CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HẠ
P. THANH CÔNG - Q. BÀ ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH:



TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

OFFICE: TOWER A, TOWER BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC	<i>Dương Hoàng Nam</i>
CHỦ TRÌ TK:	<i>Vũ Minh Đức</i>
THIẾT KẾ:	<i>Cao Văn Trường</i>
KIỂM TRA:	<i>Ngô Xuân Hồng</i>

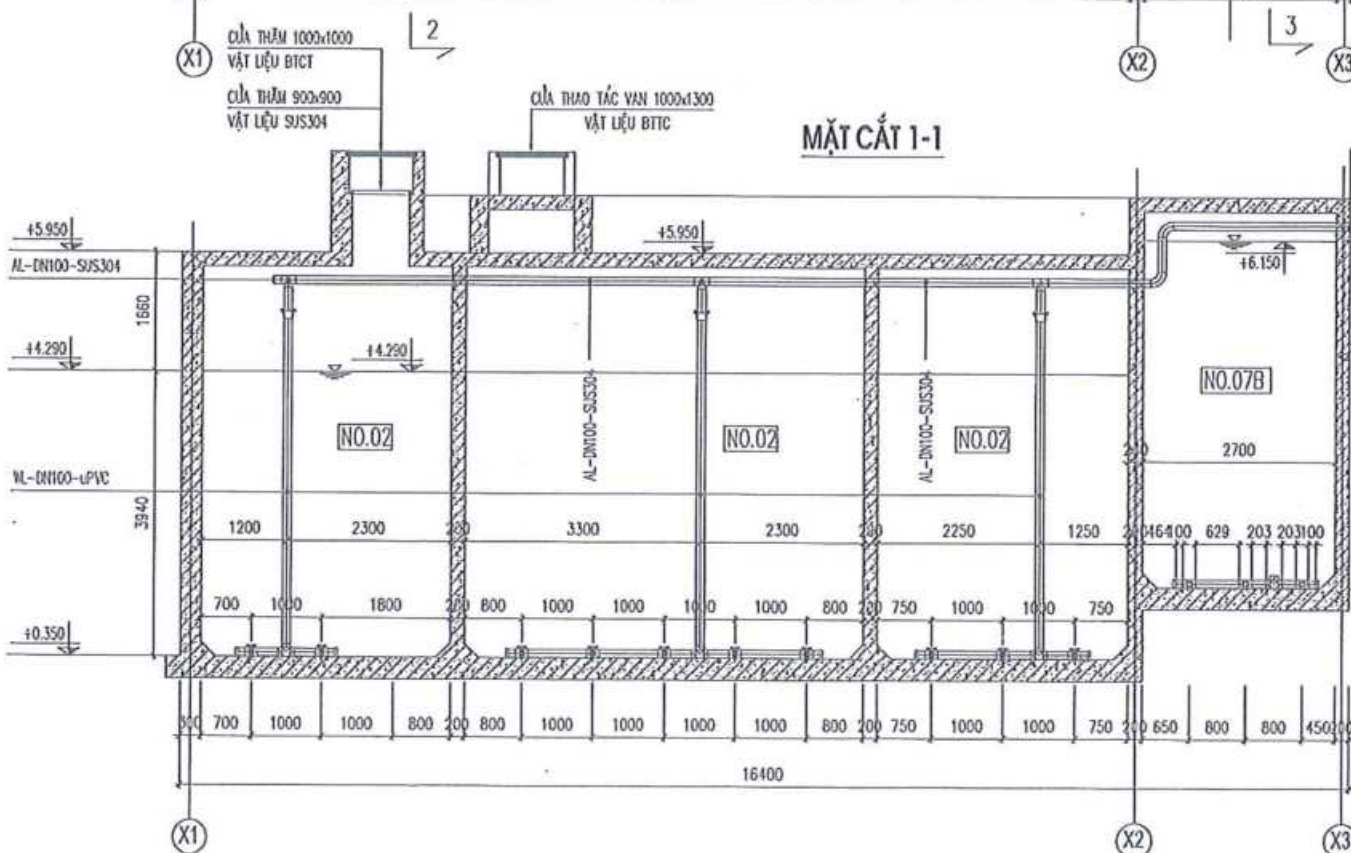
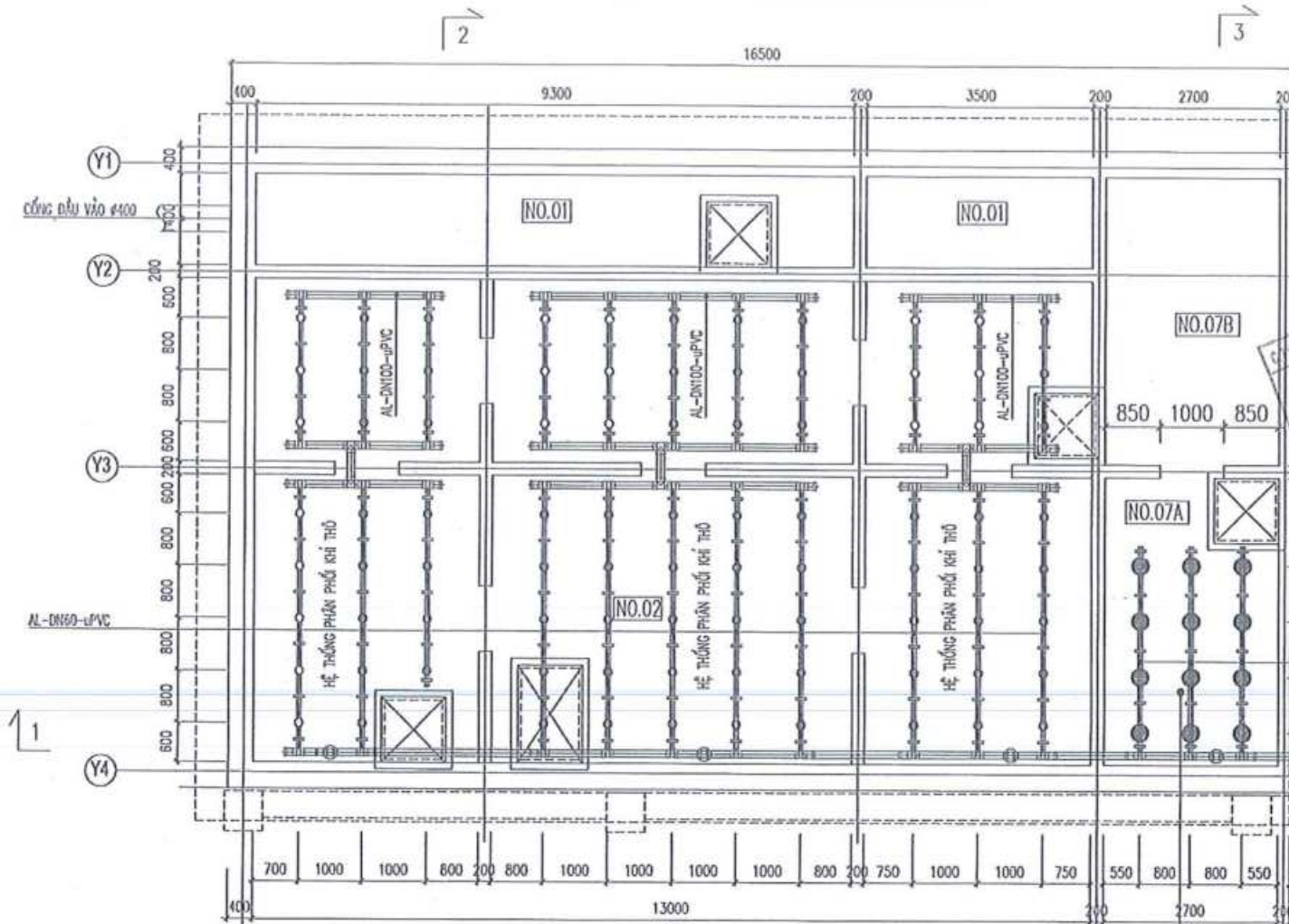
G.ĐOẠN THỰC HIỆN:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

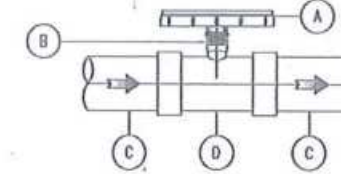
TÊN BẢN VẼ:
CỤM BỂ NO.05-NO.06
MẶT BẰNG, MẶT CẮT 1-1, 2-2

TỶ LỆ:	1/100
NGÀY:	12/2016
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TKB/VC-CN-07

Ô SỐ 4
MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ CỤM BỂ NO.01-NO.02-NO.07A/B



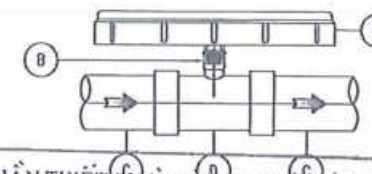
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ ĐĨA THỎ



CHỮ THÍCH:

- (A) ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ ĐỐT THỎ
- (B) ĐẦU REN TRONG 27 PVC
- (C) ỐNG ĐỐT PVC
- (D) TÊ THU 60/27 PVC

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ TINH



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Lập ngày 15/ tháng 11/ năm 2016			
NHÀ THẦU THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	TU VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Nguyễn Hữu Tôn	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN	(A) ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ ĐỐT THỎ	(B) ĐẦU REN TRONG 27 PVC
		(C) ỐNG ĐỐT PVC	(D) TÊ THU 60/27 PVC
PHÓ GIÁM ĐỐC		Nguyễn Duy Khánh	
Dương Hoàng Nam		Ngô Ngọc Dũng	

CHỮ THÍCH:

- NO.01: BỂ TÁCH RÁC VÀ ĐẦU MỖ
- NO.02: BỂ ĐIỀU HÒA
- NO.07A/B: BỂ CHỨA BÙN
- GHI CHÚ
- COS CAO ĐỘ +6.750 TƯƠNG ỨNG VỚI COS CAO ĐỘ MẶT BỂ TXUNT (TRỪ BỂ ĐIỀU HÒA, TÁCH MỖ)
- COS CAO ĐỘ +5.950 TƯƠNG ỨNG VỚI COS CAO ĐỘ MẶT BỂ CỤM ĐIỀU HÒA, TÁCH MỖ
- COS CAO ĐỘ +1.350 TƯƠNG ỨNG VỚI COS CAO ĐỘ ĐÁY BỂ (TRỪ BỂ ĐIỀU HÒA, TÁCH MỖ)
- COS CAO ĐỘ +0.350 TƯƠNG ỨNG VỚI COS CAO ĐỘ ĐÁY BỂ CỤM ĐIỀU HÒA, TÁCH MỖ
- CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MM, TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC
- AL: KÝ HIỆU DƯỜNG ỐNG DÙNG VẬN CHUYỂN KHÔNG KHÍ
- TRONG QUÁ TRÌNH LẮP ĐẶT, CHÚ Ý LẮP ĐẶT ĐÚNG CHIỀU CỦA VAN 1 CHẾU, BỐ TRÍ CÁC THIẾT BỊ, VAN TAY HỢP LÝ, DỄ DÀNG KHÍ THAO TÁC.

HỆ CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HDMON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HẠ
P. THÁNH CỘNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY
ĐỊA ĐIỂM:
P. MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
HÂN VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

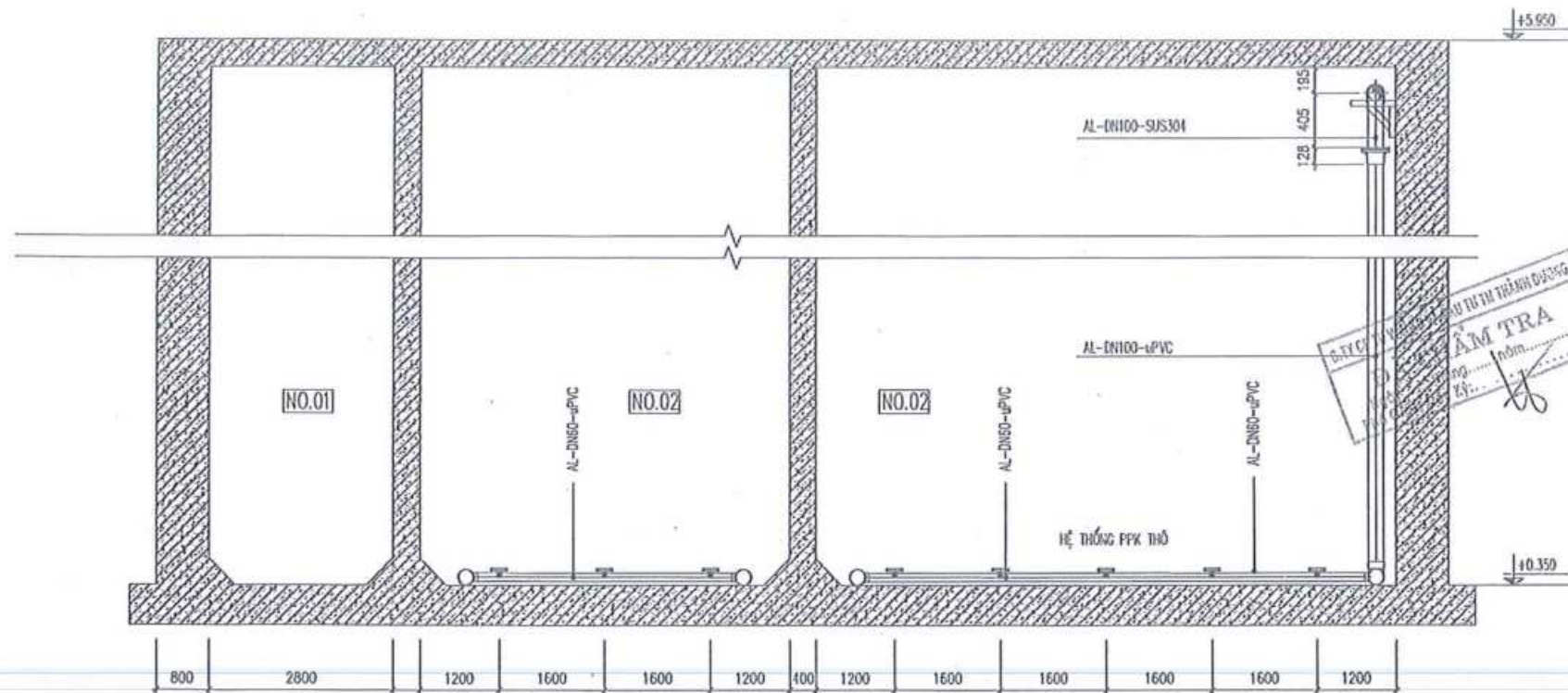
P. GIÁM ĐỐC	DƯƠNG HOÀNG NAM
CHỦ TRÌ TK:	VŨ MINH ĐỨC
THIẾT KẾ:	CAO VĂN TRƯỜNG
KIỂM TRA:	NGÔ XUÂN HỒNG

G. ĐOÀN THỰC HIỆN:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

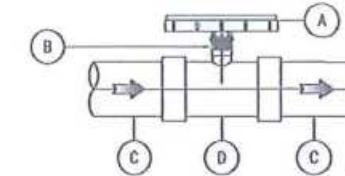
TÊN BẢN VẼ:
CỤM BỂ NO.01-NO.02-NO.07A/B
MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP KHÍ, MẶT CẮT I-I

TỶ LỆ:	1/100
NGÀY:	12/2016
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TKBVC-CN-08

MẶT CẮT 2-2



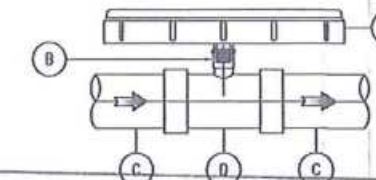
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ ĐĨA THỎ



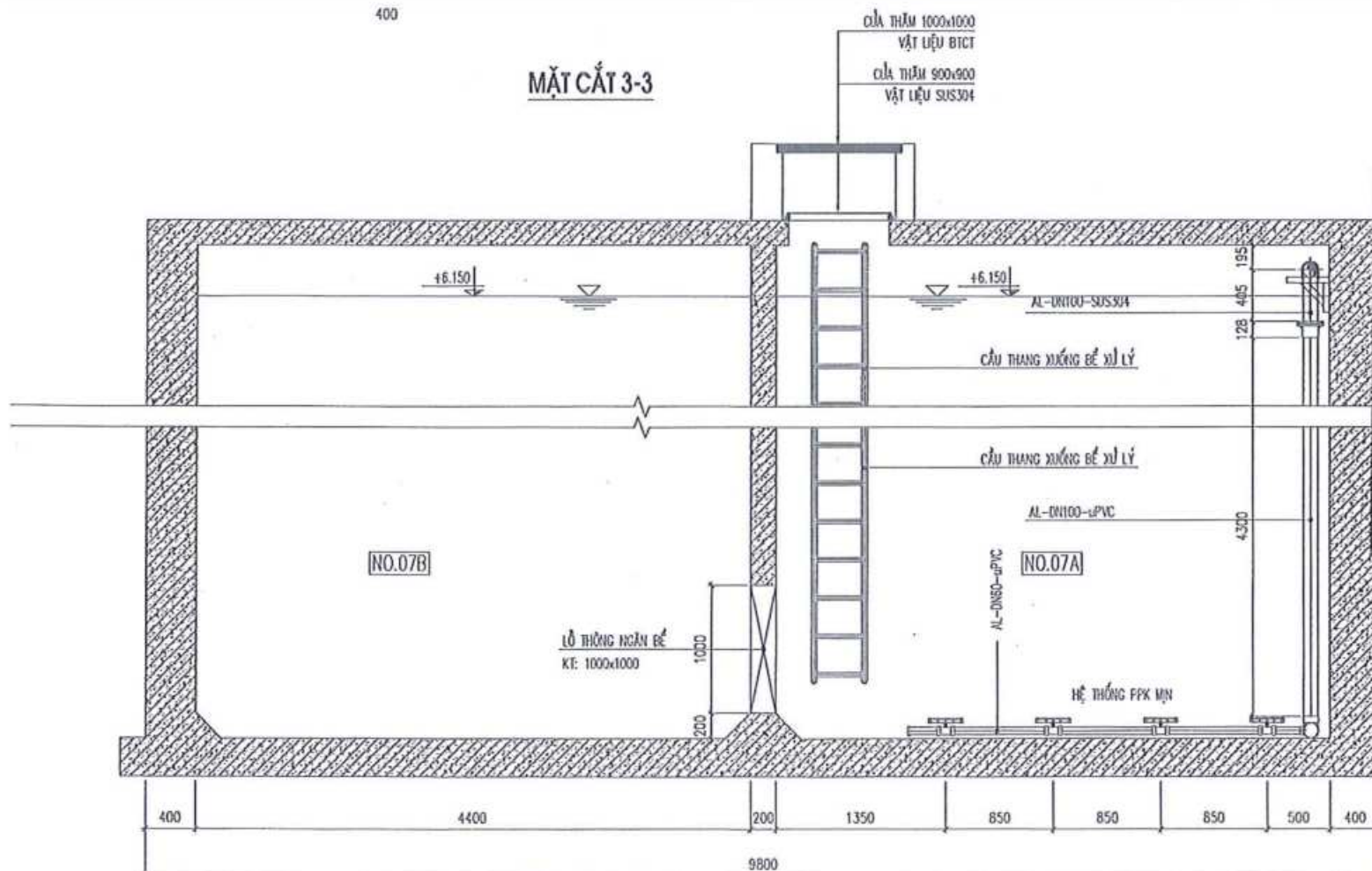
CHỮ THÍCH:

- A ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ ĐỐT THỎ
- B ĐẦU REN TRONG 27 PVC
- C ỐNG Đ60 PVC
- D TÊ THU 60/27 PVC

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ TINH



MẶT CẮT 3-3



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017

SỐ HIỆU: 118107

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	TƯ VẤN THIẾT KẾ	CHỦ ĐẦU TƯ
Nguyễn Hữu Hòa	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN	ĐẦU REN TRONG 27 PVC	Đầu tư địa ốc Hải Đăng
		ỐNG Đ60 PVC	
		TÊ THU 60/27 PVC	
	PHÓ GIÁM ĐỐC		
	Dương Hoàng Nam		

CHỮ THÍCH:

- NO.07A/B: BỂ CHỨA ĐỒN
- GHI CHÚ
- COS CAO ĐỘ +6.750 TƯƠNG ƯNG VỚI COS CAO ĐỘ MẶT BỂ TXLNT (TRỪ BỂ ĐIỀU HÒA, TÁCH MỠ)
- COS CAO ĐỘ +5.950 TƯƠNG ƯNG VỚI COS CAO ĐỘ MẶT BỂ CỤM ĐIỀU HÒA, TÁCH MỠ
- COS CAO ĐỘ +1.350 TƯƠNG ƯNG VỚI COS CAO ĐỘ DÂY BỂ (TRỪ BỂ ĐIỀU HÒA, TÁCH MỠ)
- COS CAO ĐỘ +0.350 TƯƠNG ƯNG VỚI COS CAO ĐỘ DÂY BỂ CỤM ĐIỀU HÒA, TÁCH MỠ
- CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MM, TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC
- AL: KÝ HIỆU ĐƯỜNG ỐNG DÙNG VẬN CHUYỂN KHÔNG KHÍ
- TRONG QUÁ TRÌNH LẮP ĐẶT, CHÚ Ý LẮP ĐẶT ĐÚNG CHUỖ CỦA VAN 1 CHUỖ, BỐ THỂ CÁC THIẾT BỊ, VAN TAY HỢP LÝ, ĐỂ DẠNG KHI THAO TÁC.

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HẠ
P. THÁNH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM:

P. MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

THIÊN THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC	
DƯƠNG HOÀNG NAM	
CHỦ TRÌ TK:	
VŨ MINH ĐỨC	
THIẾT KẾ:	
CAO VĂN TRƯỜNG	
Kiểm TRA:	
NGÔ XUÂN HỒNG	

G.ĐOẠN THỰC HIỆN:

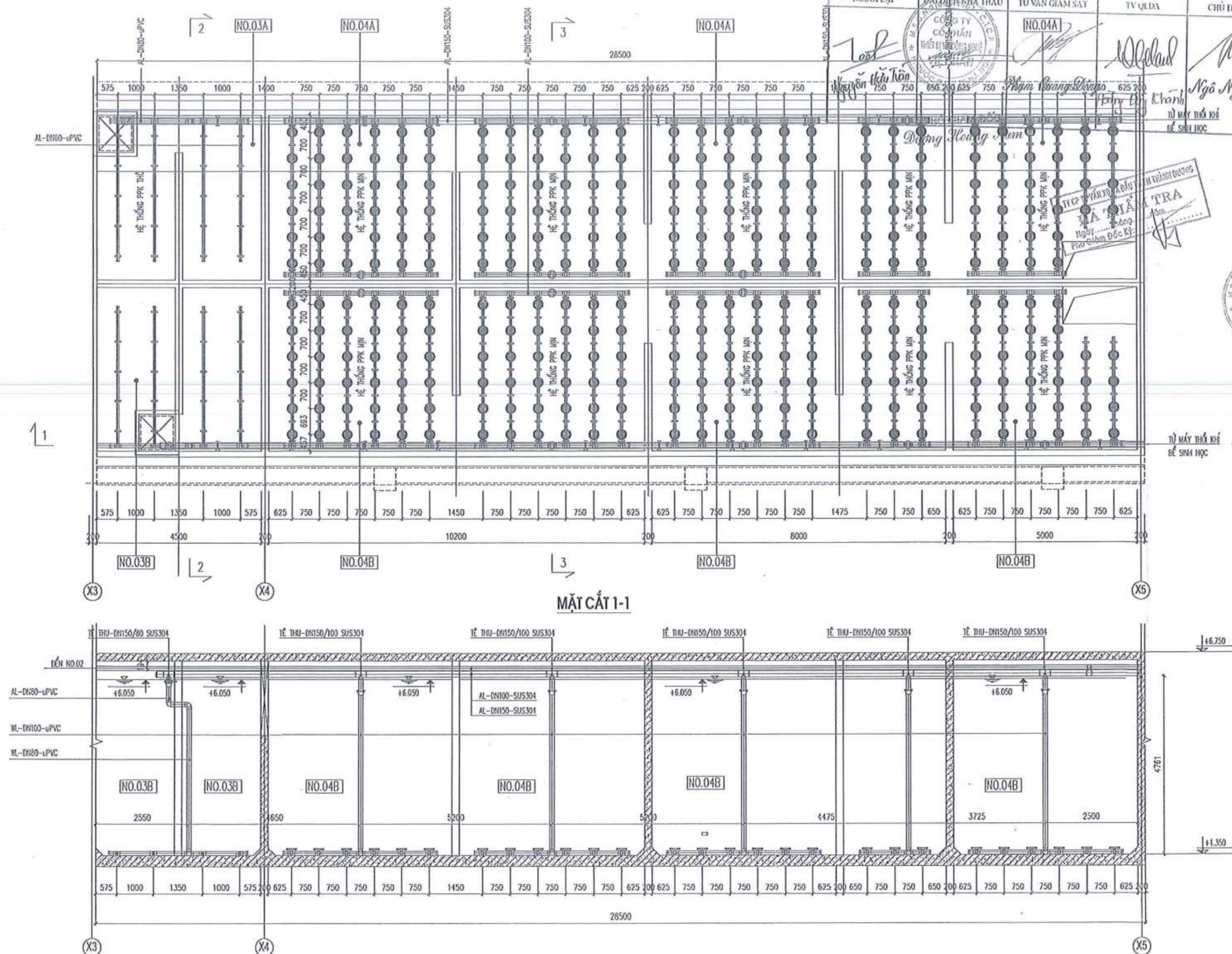
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

CỤM BỂ NO.03-NO.04-NO.07A/B
MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP KHÍ, MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ:	1/50
NGÀY:	12/2016
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TKBVIC-CN-09

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN					
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017					SỐ HIỆU:
NHÀ THẦU THI CÔNG			GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	TƯ VẤN GIÁM SÁT	TƯ VẤN	CHỦ ĐẦU TƯ	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	
NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN	NGUYỄN HỮU TÔN		



HIỆU CHỨNG		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



HD MON
HOLDINGS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

Đỗ

OFFICE SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HẠ
P. THÀNH CÔNG - Q. BA DINH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH:



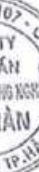
TRAM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM:
P MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

<u>P. GIÁM ĐỐC</u>	
DUYNG HOANG NAM	<i>nguy</i>
<u>CHỦ TRÌ TK:</u>	
VU MINH DUC	<i>vu</i>
<u>THIẾT KẾ:</u>	
CAO VAN TRUONG	<i>cao</i>
<u>KIỂM TRA:</u>	
NGO XUAN HONG	<i>ngohong</i>

G.ĐOẠN THỰC HIỆN:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

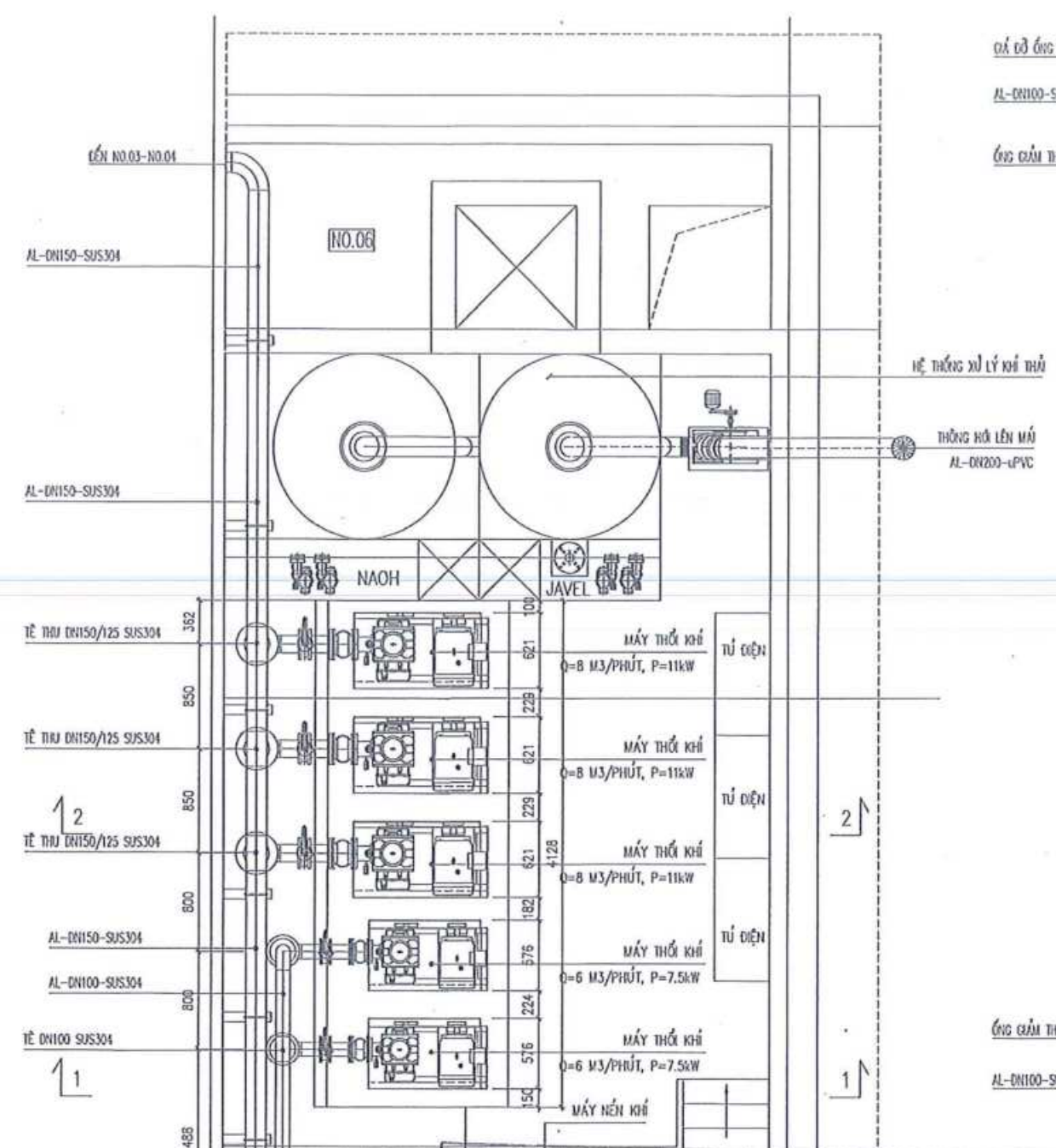
CỤM BỂ NO.03-NO.04
MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP KHÍ, MẶT CẮT 1-1

<u>TỶ LỆ:</u>	1/100
<u>NGÀY:</u>	12/2016
<u>KÝ HIỆU BẢN VẼ:</u>	TKBVC-CN-10

Ô SỐ 6
NHÀ ĐIỀU HÀNH

MẶT CẮT 1-1

MẶT CẮT 2-2



CÁI DỖ ỐNG SUS304

AL-DN100-SUS304

ỐNG GIẢM THANH ĐẦU RA DN100

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THỦ

THÔNG HƠI LÊN MẶT
AL-DN200-UPVC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017

SỐ HIỆU:

NHÀ THẦU THI CÔNG

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TV QLĐA

CHỦ ĐẦU TƯ

NHÀ ĐIỀU HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TV QLĐA

CHỦ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TV QLĐA

CHỦ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TV QLĐA

CHỦ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TV QLĐA

CHỦ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TV QLĐA

CHỦ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TV QLĐA

CHỦ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

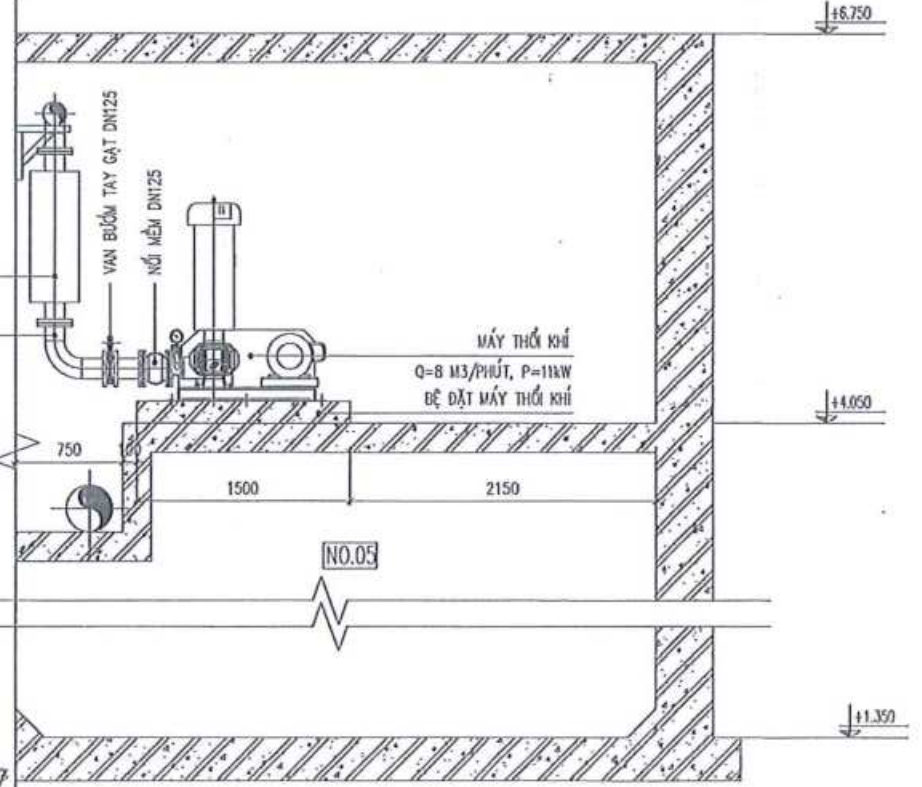
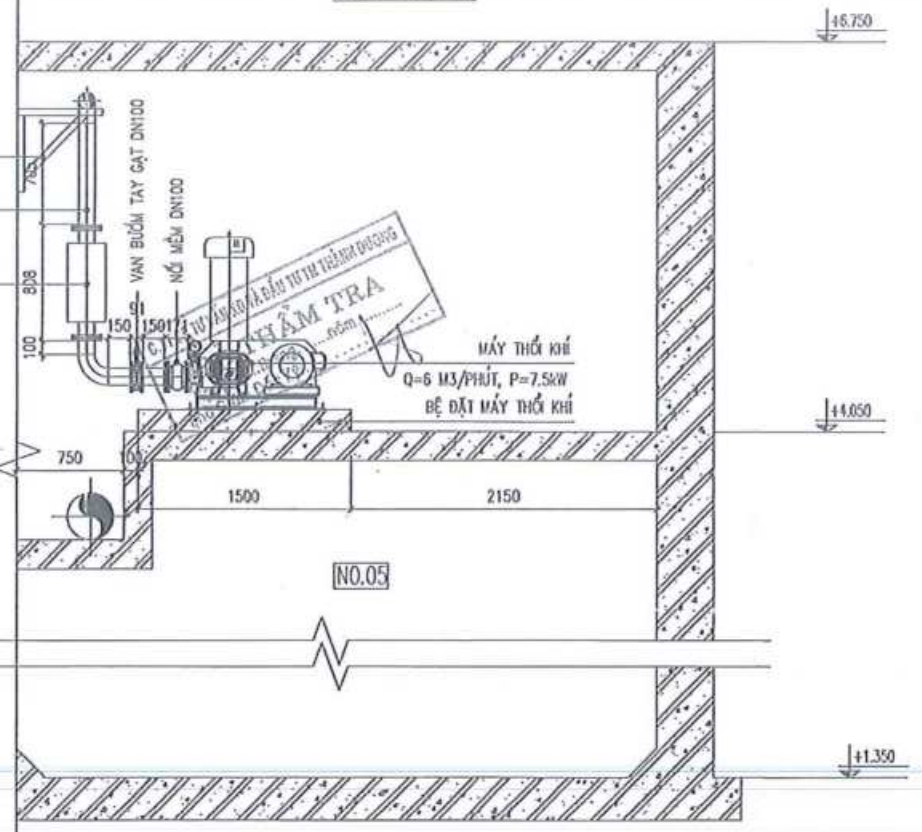
TƯ VẤN GIÁM SÁT

TV QLĐA

CHỦ ĐẦU TƯ

ỐNG GIẢM THANH ĐẦU RA DN125

AL-DN100-SUS304



HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HẠ
P. THẠNH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN CÔNG TRÌNH:



ĐỊA ĐIỂM:
P. MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC	DƯƠNG HOÀNG NAM
CHỦ TRÌ TK:	VŨ MINH ĐỨC
THIẾT KẾ:	CAO VĂN TRƯỜNG
Kiểm tra:	NGÔ XUÂN HỒNG

G.ĐOẠN THỰC HIỆN:

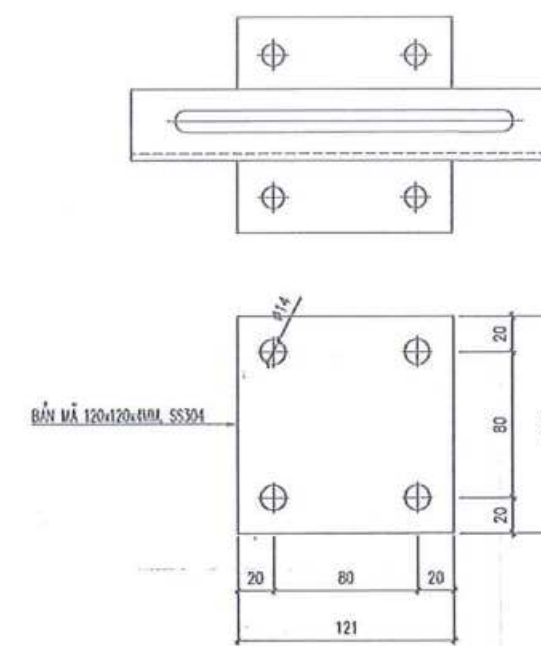
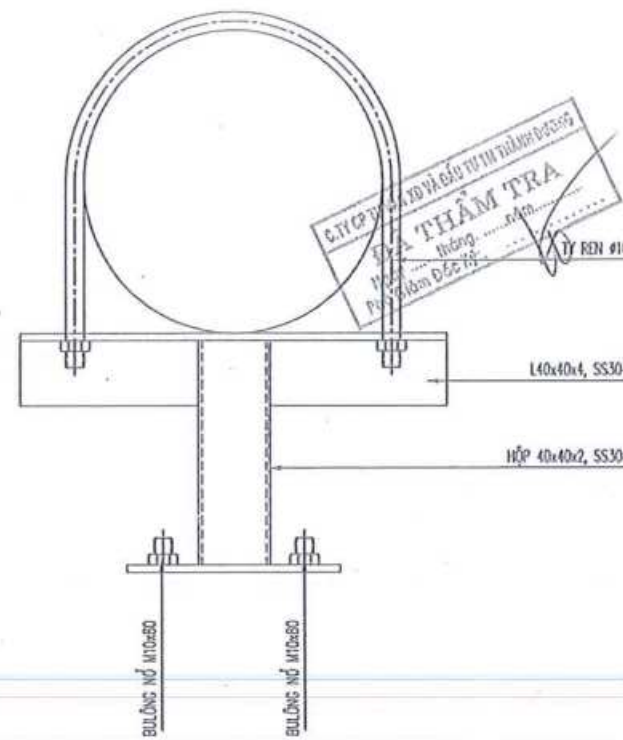
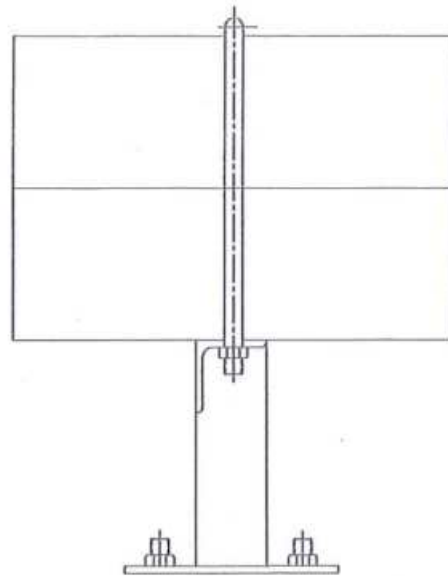
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

NHÀ ĐẶT THIẾT BỊ
MẶT BẰNG, MẶT CẮT 1-1, 2-2

TỶ LỆ:	1/50
NGÀY:	12/2016
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TKBVC- CN-12

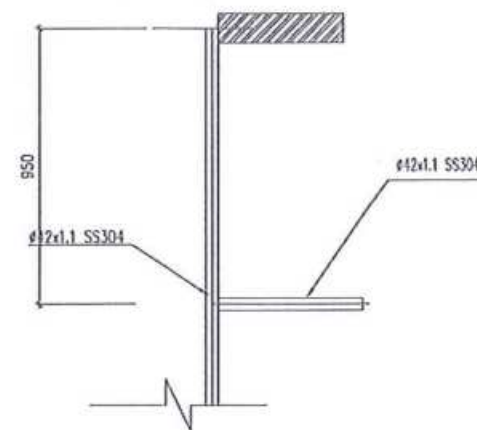
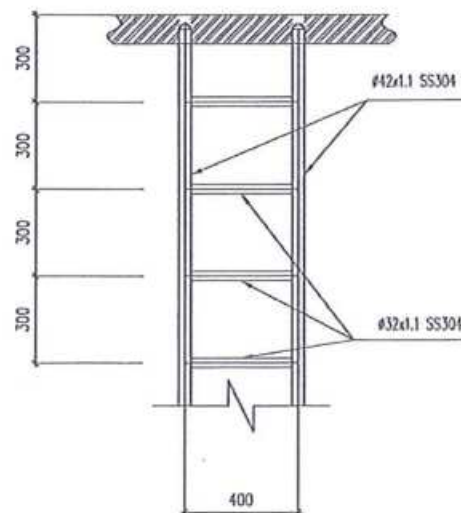
CHI TIẾT GIÁ ĐỖ ỐNG



GHI CHÚ

- TÙY THUỘC VÀO VỊ TRÍ VÀ KHOẢNG CÁCH LẮP ĐẶT MÀ HÀN HỘP VÀO BẢN MẪ
- CHO PHÙ HỢP VÀ CHIEU DÀI THANH L TƯƠNG ỨNG
- VẬT LIỆU GIÁ ĐỖ LÀ INOX 304
- ĐƠN VỊ TRÊN BẢN VẼ LÀ MM

TRÍCH ĐOẠN THANG XUỐNG BỂ



GHI CHÚ

- TÙY THUỘC VÀO VỊ TRÍ ĐẶT THANG TRONG BỂ
- LẮP ĐẶT THANG CHO PHÙ HỢP, THANG ĐƯỢC LẮP ĐẶT TẠI CÁC CỬA THÂM
- VẬT LIỆU THANG LÀ INOX 304
- ĐƠN VỊ TRÊN BẢN VẼ LÀ MM

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN				
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			SỐ HIỆU:	
Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017				
NHÀ THẦU THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	TƯ VẤN GIÁM SÁT	TY QLDA	CHỦ ĐẦU TƯ
<i>Nguyễn Hữu Tuấn</i>	<i>Phạm Quang Dũng</i>	<i>Trần Duy Khánh</i>	<i>Ngô Ngọc Dũng</i>	
PHÓ GIÁM ĐỐC				
<i>Đương Hoàng Nam</i>				

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

OFFICE: SỐ 9, NGÕ 29 LƯƠNG HẠ
P. THANH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH:



TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI ĐĂNG CITY

DIỆN TÍCH: P. MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC	<i>Đương Hoàng Nam</i>
CHỦ TRÌ TK:	<i>Vũ Minh Đức</i>
THIẾT KẾ:	<i>CAO VĂN TRƯỜNG</i>
Kiểm tra:	<i>NGÔ XUÂN HỒNG</i>

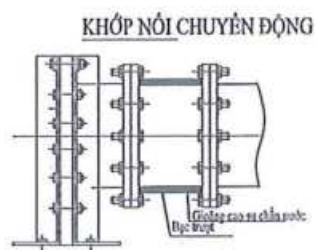
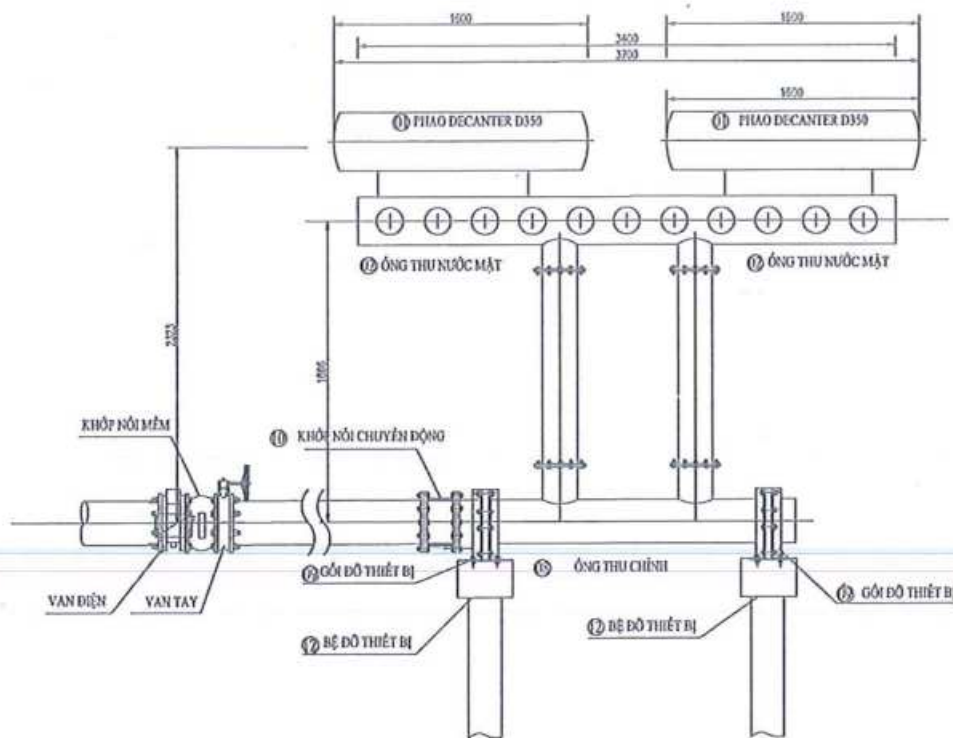
G.ĐOÀN THỰC HIỆN:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

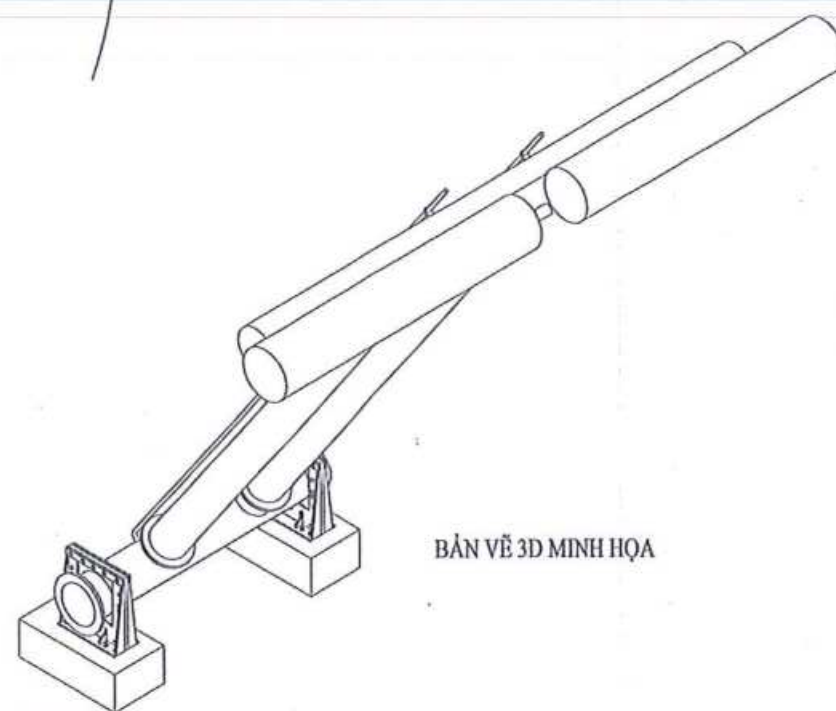
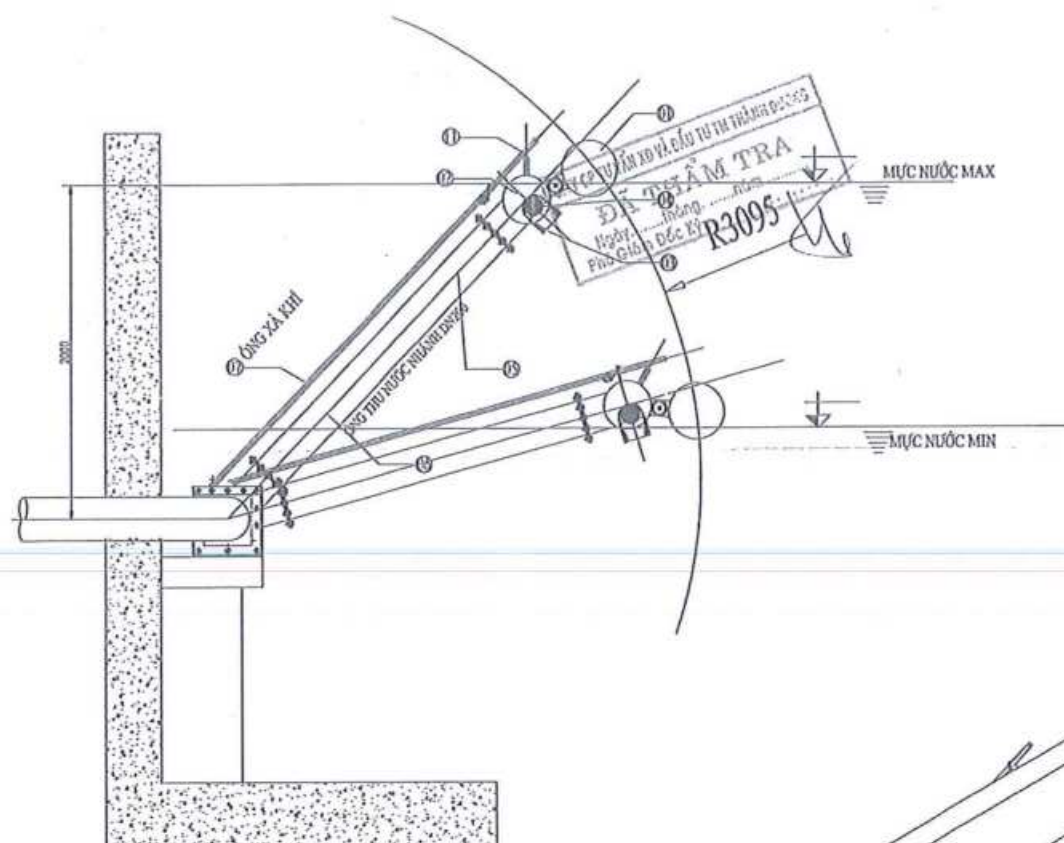
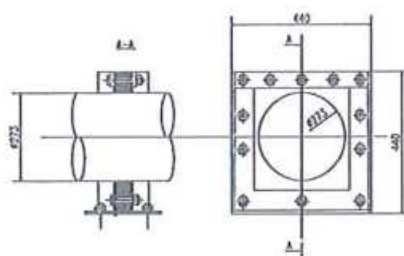
GIÁ ĐỖ ỐNG, THANG XUỐNG BỂ

TỶ LỆ:	1/25
NGÀY:	12/2016
KÝ HỮU BẢN VẼ:	1KBVC-CN-14



CHI TIẾT GỐI ĐỖ THIẾT BỊ

CHI TIẾT GỐI ĐỖ THIẾT BỊ



BẢN VẼ 3D MINH HỌA

TT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG	VẬT LIỆU	ĐVỊ	S.L	GHI CHÚ
01	01	Phao Decanter	SS304	Bộ	02	
02	02	Ống thu nước mặt	SS304	Bộ	02	
03	03	Miệng thu nước	SS304	Bộ	01	
04	04	Van chặn bùn	Cao su	Bộ	01	
05	05	Ống dẫn DN200	SS304	Bộ	01	
06	06	Ống dẫn DN200	SS304	Bộ	01	
07	07	Ống thông khí	SS304	Bộ	01	
08	08	Ống thu chính	SS304	Bộ	01	
09	09	Gối đỡ Decanter	SS304/VLCD	Bộ	01	
10	10	Khớp nối chuyển động	SS304	Bộ	01	
11	11	Van xả khí	SS304	Bộ	01	
12	12	Bệ đỡ thiết bị	SS304	Bộ	02	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN				
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			SỐ HIỆU:	
Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017				
NHÀ THẦU THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ		
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	TƯ VẤN GIÁM SÁT	TV QLDA	CHỦ ĐẦU TƯ
<i>Nguyễn Hữu Tôn</i>	<i>Phạm Quang Dũng</i>	<i>Trần Duy Khánh</i>	<i>Ngô Ngọc Dũng</i>	
PHÓ GIÁM ĐỐC				
<i>Đường Hoàng Nam</i>				

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON)

Office: Số 9, Ngõ 29 Láng Hạ
P. Thanh Công - Q. Ba Đình - TP. Hà Nội

DỰ ÁN CÔNG TRÌNH:



Địa điểm:
P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Hạng mục:

PHẦN CÔNG NGHỆ

Nhà thầu:



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN

Office: Tòa Tháp A, Tòa Nhà BIG TOWER
Đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội

P. Giám đốc:

Đường Hoàng Nam

Chủ trì TC:

Vũ Minh Đức

Thiết kế:

Cao Văn Trường

Kiểm tra:

Ngô Xuân Hồng

G. Đoàn thực hiện:

Thiết kế bản vẽ thi công

Tên bản vẽ:

Chi tiết cụm Decanter

Tỷ lệ:

1/45

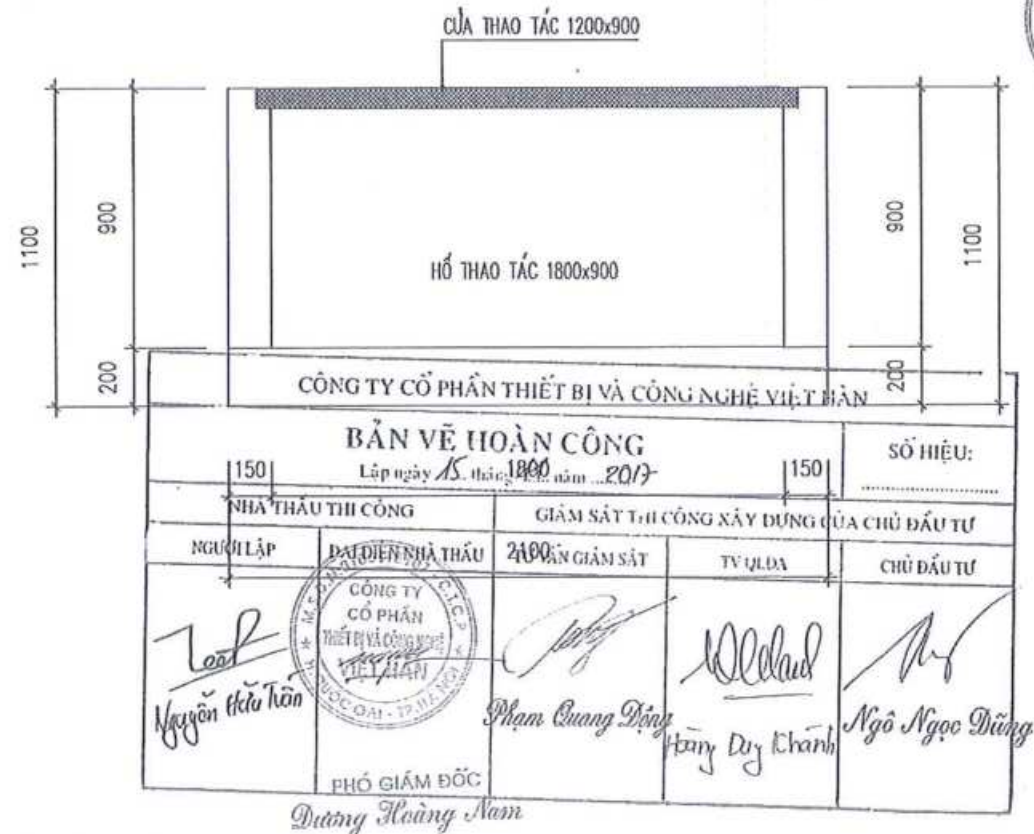
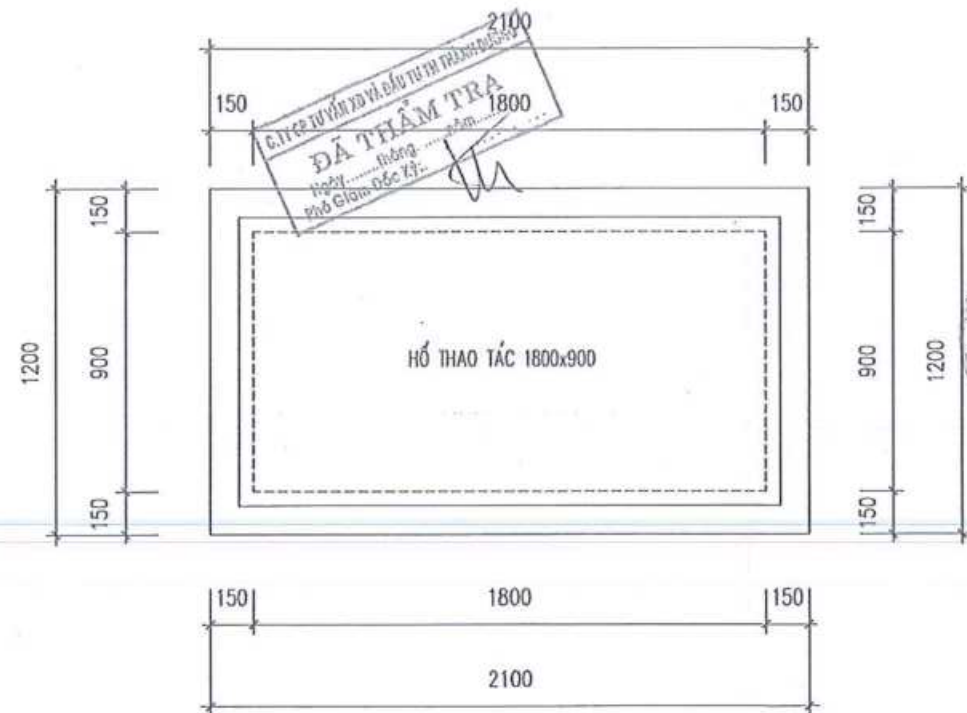
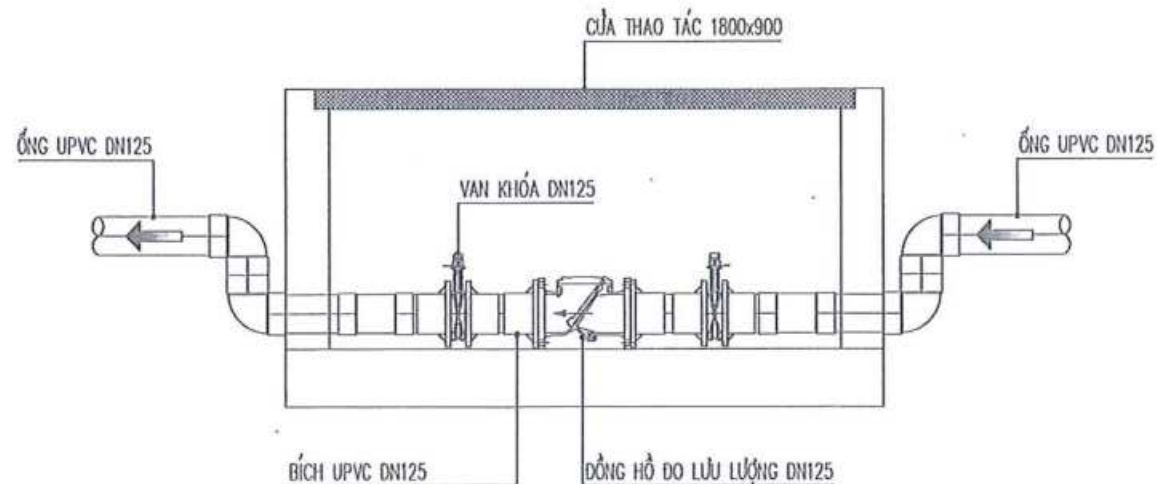
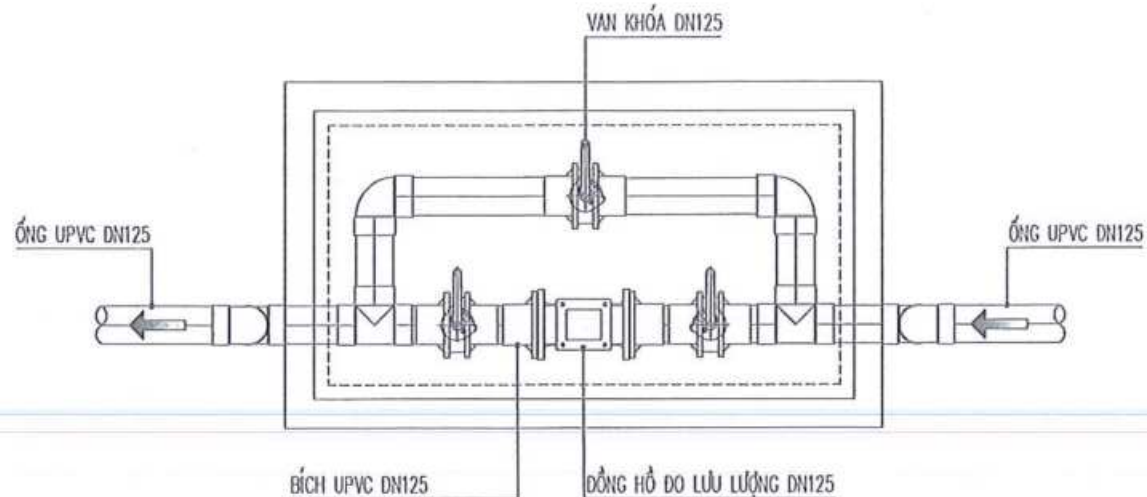
Ngày:

12/12/2016

Ký hiệu bản vẽ:

TKBVC-CN-15

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG



HỆ CHỈ		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC HẢI ĐĂNG
(HD MON) *Đx*

OFFICE SỐ 9, NGÕ 29 LĂNG HẠ
P. THANH CÔNG - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH

TRAM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HẢI DƯƠNG CITY

ĐỊA ĐIỂM:
P MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HANG MỤC

PHẢN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HÙNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC

DUONG HOANG NA

CHỦ TRÌ TK

VŨ MINH ĐỨC

THIẾT KẾ:

CAO VĂN TRƯỜNG

Kiểm tra:

NGÔ XUÂN HỒNG

G.ĐOẠN THỰC HIỆN:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỔNG BAN VỀ:

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

NỖ LỆ:

1/25

NGÀY

12/2016

KÝ HIỆU BẢN VẼ

BVTC-CN-16

STT	HẠNG MỤC	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	HÃNG - XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A. PHẦN CÔNG NGHỆ					
I. BỂ SÉP TIG					
II. BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI & TÁCH MỖ					
1	Hệ thống phân phối khí bể điều hòa	Cung cấp khí dạng bọt khí nhỏ dưới đáy bể, gồm đĩa và bộ thông đường ống dẫn khí. Dùng để đảo trộn và điều hòa lưu lượng nước trong bể điều hòa	EDI - Hoa Kỳ	HT	1
2	Giá đỡ ống phân phối khí	Giá công chế tạo theo thiết kế. Vật liệu: SUS304	Việt Nam	HT	1
3	Máy thổi khí	Cấp khí cho bể Điều hòa. Lưu lượng 6 m ³ /h, H = 5.5mH ₂ O, Công suất P = 7.5 kW. Động cơ 380V/3phase/50Hz	Tsurumi - Nhật Bản	Cái	2
4	Bơm nước thải	Bơm chìm. Vận chuyển nước thải bể điều hòa. Công suất Q = 70 - 80m ³ /h, H = 10mH ₂ O, Công suất P = 3.7 kW. Động cơ 3phase/380V/50Hz. Bao gồm khớp nối tự động (Coupling foot base), khớp nối nhanh bằng gang và xích neo bơm bằng SUS304	Tsurumi - Nhật Bản	Cái	3
5	Thiết bị đo mức	Dùng để đo mức nước thải để điều khiển bơm nước thải. 3 mức cao, trung bình, cạn. Dụng cụ đo, cáp dài >= 5m. Nhiệt độ làm việc: 0-500°C	Mac 3 - Italia	Bộ	1
III. CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC: SELECTOR					
1	Hệ thống phân phối khí loại khí thổi Selector	Cấp khí dạng bọt khí nhỏ cho vùng bể thiếu khí để xử lý Nitơ dạng đường ống khí.	Tiến Phong	HT	1
2	Giá đỡ ống phân phối khí	Giá công chế tạo theo thiết kế. Vật liệu: SUS304	Việt Nam - Việt Nam	HT	1
3	Đệm vi sinh	Đệm vi sinh để làm tăng nồng độ vi sinh vật. Chất liệu: Nhựa PE, PVC	Việt Nam	HT	1
4	Hệ thống cáp lập đệm vi sinh	Giá công chế tạo theo thiết kế. Vật liệu: SUS304	Việt Nam - Việt Nam	HT	1
IV. CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC HIỆU KHÍ					
1	Thiết bị tách nước Decanter	Công suất 130 - 150m ³ /h. Vật liệu: SUS304	Việt Nam - Việt Nam	Cái	2
2	Hệ thống phân phối khí loại khí mịn	Cấp khí dạng bọt khí nhỏ, gồm đĩa/ ống phân phối khí và hệ thống đường ống dẫn khí.	EDI - Hoa Kỳ	HT	1
3	Giá đỡ ống phân phối khí	Giá công chế tạo theo thiết kế. Vật liệu: SUS304	Việt Nam - Việt Nam	HT	1
4	Van điều khiển nước đầu vào cho cụm bể xử lý sinh học	Dạng van tự động, điều khiển bằng khí nén. Vật liệu: Thân gang, cánh SUS304. Kích thước: DN125	Omal - Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2
5	Van điều khiển cấp khí cho cụm bể xử lý sinh học	Dạng van tự động, điều khiển bằng khí nén. Vật liệu: Thân gang, cánh SUS304. Kích thước: DN200	Omal - Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2
6	Van điều khiển nước đầu ra cho cụm bể xử lý sinh học	Dạng van tự động, điều khiển bằng khí nén. Vật liệu: Thân gang, cánh SUS304. Kích thước: DN250	Omal - Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2
7	Van điện từ xả khí dư	DN32	Asia	Cái	2
8	Bơm bùn dư Cụm bể xử lý sinh học	Bơm chìm. Vận chuyển bùn dư cụm bể xử lý sinh học. Công suất Q = 20 - 30m ³ /h, H = 8 - 10mH ₂ O, Công suất P = 0.75 kW. Động cơ 3phase/380V/50Hz. Bao gồm khớp nối tự động (Coupling foot base), khớp nối nhanh bằng gang và xích neo bơm bằng SUS304	Tsurumi - Nhật Bản	Cái	2
9	Bơm hồi lưu bùn sinh học Cụm bể xử lý sinh học	Bơm chìm. Vận chuyển bùn sinh học cụm bể xử lý sinh học. Công suất Q = 70 - 80m ³ /h, H = 8 - 10mH ₂ O, Công suất P = 3.70 kW. Động cơ 3phase/380V/50Hz. Bao gồm khớp nối tự động (Coupling foot base), khớp nối nhanh bằng gang và xích neo bơm bằng SUS304	Tsurumi - Nhật Bản	Cái	2
10	Máy thổi khí Cụm bể xử lý sinh học	Cấp khí cho Cụm bể xử lý sinh học. Q = 6m ³ /phút. H = 5.5mH ₂ O. Công suất P = 11kW. Động cơ: 3phase/380V/50Hz	Tsurumi - Nhật Bản	Cái	3
11	Thiết bị đo DO	Bộ chuyển đổi tín hiệu/ Signal transformer. Điện áp: 220-230, 50Hz. Tín hiệu ra: 0/4-20mA. Role kiểm soát: 1 tín hiệu điện & 2 tín hiệu role	Cole Parmer - USA	Bộ	2
12	Máy nén khí cấp khí	Máy nén khí dạng Piston. Cấp khí cho van điều khiển bằng khí nén. Công suất: 2HP	Fusheng - Taiwan	Cái	1
V. KHU VỰC BỂ KHỬ TRÙNG VÀ XẢ					
1	Bơm nước xả thải	Bơm chìm. Vận chuyển bùn sinh học cụm bể xử lý sinh học. Công suất Q = 170 - 180m ³ /h, H = 10 - 12mH ₂ O, Công suất P = 7.5 kW. Động cơ 3phase/380V/50Hz. Bao gồm khớp nối tự động (Coupling foot base), khớp nối nhanh bằng gang và xích neo bơm bằng SUS304	Tsurumi - Nhật Bản	Cái	2
2	Thiết bị đo mức	Dùng để đo mức nước thải để điều khiển bơm nước thải. Dụng cụ đo, cáp dài >= 5m. Nhiệt độ làm việc: 0-500°C	Mac 3 - Italia	Bộ	1
3	Lưu lượng kế	Lưu lượng: 0 - 150m ³ /h. Đường kính: DN150	Zenner Coma - Germany	Cái	1
4	Bơm định lượng hóa chất khử trùng	Bơm định lượng hóa chất khử trùng. Q = 50 - 100L/h, H = 3bar, 1φ, 220V. Bơm dung dịch NaClO khử trùng nước thải sau xử lý	OBK - Italia	Cái	2
5	Bồn chứa & pha chế hóa chất	Bồn nhựa, dung tích 2000L. Vật liệu: PVC	Việt Nam	Cái	1
6	Động cơ khuấy trộn hóa chất (Bao gồm trục và cánh khuấy)	Công suất: P = 0.4kW. Tốc độ vòng quay (v/p): 100-150. Động cơ 3phase/380V/50Hz. Trục và cánh khuấy bằng SUS304, theo bản vẽ thiết kế	Sunitomo - Japan	Bộ	1
7	Giá đỡ Động cơ khuấy trộn và bơm định lượng hóa chất	Vật liệu: SUS304 theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	HT	1

STT	HẠNG MỤC	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	HÃNG - XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
VI. HỆ THỐNG HÚT VÀ XỬ LÝ KHÍ THẢI					
1	Tháp xử lý khí thải	Kích thước: D1500x H2000(mm). Vật liệu: Thép trong bọc Composite ngoài sơn phủ Epoxy. Bao gồm cả vật liệu khử mùi (chiều cao tháp có thể được điều chỉnh theo hiện trạng khu vực đặt thiết bị). Vật liệu hấp phụ mùi và hệ thống với phun mưa	Việt Nam - Việt Nam	HT	2
2	Quạt hút khí thải	Công suất: P = 1450W/ph. Lưu lượng: Q = 1000-3000 m ³ /h. Vật liệu: Inox304. Truyền động gắn tiếp. Ông thoát ngưng nước xả đáy. (Cổng hút thiết bị được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế của công trình)	Phuong Linh - Việt Nam	Cái	1
3	Bơm hóa chất xử lý khí thải	Bơm hóa chất xử lý khí thải. Thông số kỹ thuật: - Lưu lượng max: 5 m ³ /hr. - Cột áp: 12-14m. Bồn nhựa, dung tích 2000L. Vật liệu: PVC/Composite	FTI (Finish Thompson) - Hoa Kỳ	Cái	3
B. HỆ THỐNG ĐIỆN ĐỘNG LỰC & ĐIỀU KHIỂN					
1	Tủ điều khiển	Đã nhiệt đới hóa phù hợp với điều kiện Việt Nam, cấu trúc module linh hoạt, khả năng mở rộng tốt. & có khả năng kết nối BMS	Siemens hoặc tương đương	HT	1
	Vỏ tủ điện	Vỏ tủ 2 lớp cánh dày 2mm sơn tĩnh điện	Việt Nam		
	Thiết bị đóng cắt	Schneider	chneider		
	Biến tần	Schneider	chneider		
	Đèn báo & nút nhấn	IDEC	IDEC		
2	Hệ thống điều khiển	- SIMATIC S7-1200, CPU, 1214C *ONBOARD I/O: 14 DI 24V DC; 10 DO RELAY 2A; 2 AI 0 - 10V DC. POWER SUPPLY: DC * - SIMATIC S7-1200, DIGITAL I/O SM 1223, 6DI / 8DO. 8DO DC 24 V, SINK/SOURCE 8DO, TRANSISTOR 0.5A PC Intel® Core™ i3-4130 Processor (3M Cache, 3.40 GHz) Monitor: 17" STABILIZED POWER SUPPLY INPUT: 120/230 V AC OUTPUT: 24 V 5 A DC - Phần mềm lập trình WINCC phiên bản crack - Hệ thống có khả năng kết nối với hệ thống giám sát trung tâm của tòa nhà thông qua hệ thống mạng Ethernet Bao gồm: dây cáp và các phụ kiện các loại đủ để lắp đặt hoàn bộ các thiết bị điện động lực. (không bao gồm cáp động lực dẫn đến tủ điện động lực)	Siemens		
3	Hệ thống cấp nguồn		Việt Nam	HT	1
C. CẤU KIỆN CƠ KHÍ VÀ HỆ THỐNG PHỤ TRỢ					
1	Hệ thống đường ống công nghệ (không bao gồm đường ống dẫn nước thải vào bể tiếp nhận và đường ống dẫn nước sau xử lý ra nguồn tiếp nhận)	Cung cấp & lắp đặt cho toàn bộ HTXL, vật liệu SUS/PVC (theo bản vẽ thiết kế của nhà thầu). Phụ kiện các loại, bao gồm: các loại van, tê, co, cút, mặt bích, giá đỡ và vật tư tiêu hao. - Vật liệu làm giá đỡ, bu lông, ...: Inox304. - Varn: Thân gang cánh inox	Việt Nam	HT	1
2	Nhân công lắp đặt	Nhân công lắp đặt đường ống, thiết bị công nghệ	Việt Nam - Việt Nam	HT	1
D. CHI PHÍ KHÁC					
1	Chi phí chuyển giao công nghệ, phần lắp vi sinh và vận hành chạy thử	Bao gồm phần lắp, nuôi cấy vi sinh, cung cấp hóa chất để vận hành chạy thử toàn bộ hệ thống đến khi nước đạt tiêu chuẩn xả thải	Việt Nam - Việt Nam	HT	1
2	Chi phí thiết kế công nghệ, điện toán, lập trình	Bao gồm công tác: thiết kế bản vẽ thi công, thuyết minh tính toán, lập trình thiết kế và lập bản vẽ	Việt Nam - Việt Nam	HT	1
3	Chi phí vận chuyển và đi lại	Chi phí vận chuyển thiết bị, vật tư	Việt Nam - Việt Nam	HT	1
4	Chi phí kiểm nghiệm nước thải	Chi phí phân tích mẫu nước trong thời gian vận hành chạy thử	Việt Nam - Việt Nam	HT	1
E. CHI PHÍ CẤP PHÉP XẢ THẢI					
1	Chi phí xin cấp phép xả thải	Chi phí xin cấp phép xả thải do Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội cấp	Việt Nam - Việt Nam	HT	1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày 15 tháng 11 năm 2017

SỐ HIỆU:

NHÀ THẦU THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	TƯ VẤN GIÁM SÁT	TY Q.Đ.A
NGUYỄN HỮU TÔN	PHẠM QUANG DŨNG	HOÀNG DUY KHÁNH	NGÔ NGỌC DŨNG
PHÓ GIÁM ĐỐC			
Đương Hoàng Nam			

HIỆU CHỮNH

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC HÀI ĐĂNG (HD MON)

OFFICE SỐ 9, NGÕ 29 LÁNG HÀ
P. THÁNH CÔNG - Q. BÀ ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN / CÔNG TRÌNH:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT HẢI ĐĂNG CITY

ĐỊA ĐIỂM:

P. MỸ DÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

PHẦN CÔNG NGHỆ

NHÀ THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT HÂN

OFFICE: TÒA THÁP A, TÒA NHÀ BIG TOWER
ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

P. GIÁM ĐỐC	
CHỦ TRƯỞNG	
THIẾT KẾ	
Kiểm tra	
G.ĐOẠN THỰC HIỆN:	
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
DANH SÁCH VẬT TƯ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÝ LỆ:	KTL
NGÀY:	12/2/16
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TKBVC-CN-17